NAM THU SAU • #62 • JUNE 1994

English Section Page 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

TRẦN THANH HIỆP

PHÁP QUYỀN HAY PHÁP TRỊ ?

KHUYẾT DANH THỊ NG.

TIẾNG GỌI NGƯỜI

ĐOÀN XUÂN KIỆN

TRƯỜNG CA HÀN MẶC TỬ ...

Nhà xuất bản Thế Kỷ

Phát hành trong tháng Sáu - 1994

HÀ NỘI TRONG MẮT TÔI

của **PHẠM XUÂN ĐÀI**

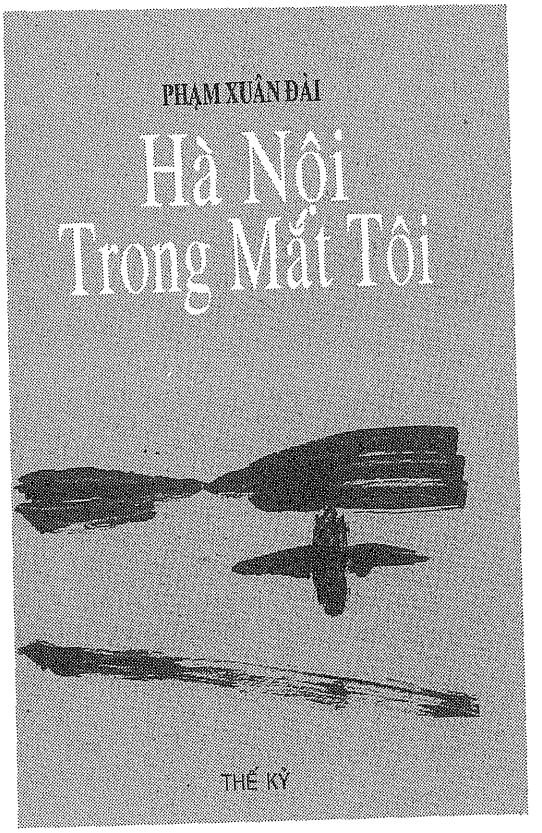

Tập họp các bút ký, tùy bút... tác giả viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua.

Vài nhận xét của nhà văn TRẦN HỒNG CHÂU về Hà Nội Trong Mắt Tôi: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện... như một dòng suối trong, tình cảm đó róc rách chảy giữa những hàng chữ, len lỏi vào khe kẽ tâm hồn, cho ta cảm giác mát rượi một buổi sớm mùa xuân có mây và có gió hiền hòa. Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."

"Đây là một tâm hồn mẫn cảm, với một cái nhìn tinh tế, độc đáo, luôn luôn cố gắng mô tả sự vật, rồi tìm hiểu ý nghĩa thâm sâu, biểu tượng của sự vật."

"Lời văn mầu sắc, trong sáng, bàng bạc suốt chiều dài tác phẩm, như một tấm áo mịn màng, thon thả, bao trùm một thân thể đẹp vì lành mạnh, cân đối..."

Giá: $10.00 (không kể cước phí)

Liên lạc: THẾ KỶ PO BOX 2054 - H39, WESTMINSTER CA 92684, USA

Đêm Nhạc Hội

TÌNH XUÂN

A Concert of Vietnamese Music

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NHỚ CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

A Mostly Vu Thanh Program

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ - WORKS & COMPOSERS

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Phạm Đình Chương, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục...
* Dân ca ba miền của Lê Ngọc Chân.

CA SĨ - VOCALISTS:

- Kim Tước
- Mai Hương
- Quỳnh Giao
- Lệ Thu
- Hà Thanh
- Ái Vân
- Anh Ngọc
- Tuấn Ngọc
- Vũ Anh
- Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM - ARRANGEMENTS BY:

- Nghiêm Phú Phi
- Lê Văn Khoa
- Văn Phụng
- Lê Ngọc Chân
- Phạm Đình Chương
- Đoàn Châu Nhi

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG - CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 22 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.

- Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
- Với sự góp mặt đặc biệt của:
  * Karen Lak (first violinist), Master of Music
  * Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
  * Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG - CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

- MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM - WHEN & WHERE:

PLUMMER AUDITORIUM

201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.

Đúng 8:00 PM Thứ Bảy ngày 25 tháng Sáu (June) năm 1994

(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI - TICKETS AVAILABLE AT:

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St., Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TỦ QUỲNH 9581 Bolsa Ave., Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave., Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster, (714) 892-0801.
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster, (714) 897-4519.

Giá ủng hộ: $50 - Giá đồng hạng: $25

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:

P.O. Box 17073 Anaheim Hills, CA 92817 - 7073 * Phone: (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

ĐÀN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / Issues (US$17.10) ☐12 số / Issues (US$32.40) ☐24 số / Issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

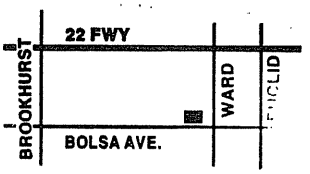

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
• CHẢ CÁ THĂNG LONG
• BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
• BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

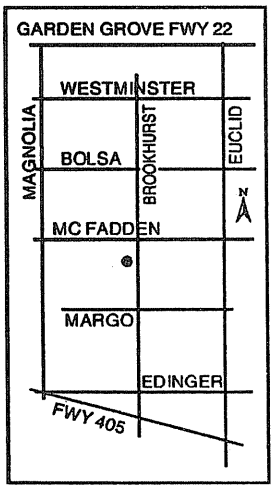

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Tranh bìa: *Nguyễn Đồng*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường*
Hí họa: *Vẹt, Babui Mamburao*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca, Hà Tường Cát, Trần Đại Lộc*

MỤC LỤC
SỐ 62 THÁNG SÁU 1994

CHÍNH TRỊ
- Diễn biến hòa bình (*Nguyễn Hữu Chung*) 10
- Pháp quyền hay pháp trị (*Trần Thanh Hiệp*) 13
- Càng "đổi mới" càng giống như cũ! (*Võ Nhân Trí*) 24
- Lý thuyết tổ chức (*Nguyễn Hoài Vân*) 63
- Việt Nam thế kỷ 20 (*Phạm Xuân Đài*) 85

NHÂN VẬT
- Richard Nixon (*Nguyên Hương*) 20
- Bà Đoàn Viết Hoạt báo động (*Vũ Ánh*) 52
- Về bài "Phúc trình của Đoàn Viết Hoạt" (*Trần Chung Ngọc*) 54

TƯ TƯỞNG - KHOA HỌC
- Giao điểm giữa Phật triết và khoa học tự nhiên (*Nguyễn Kết* dịch) 28
- Sanh ư? Tử ư? (*Huỳnh Hữu Cửu*) 40
- Cửu đầu tinh đánh Mộc tinh (*Sơn Điền nguyễn Viết Khánh*) 58
- Góp ý về nghịch lý thời gian (*Nguyễn Kết*) 61

KIẾN TRÚC & HỘI HỌA
- Chùa Giác Lương (*Huỳnh Hữu Ủy*) 37
- Triển lãm "Thế Hệ Mới" (*Hà Tường Cát*) 92

CHỮ VÀ NGHĨA
- Điện toán: Một số thuật ngữ (*Đỗ Thông Minh*) 42
- Tìm hiểu từ láy và nói láy (*Nguyễn Đăng Ngọc*) 70

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
- Nghĩ về Phùng Gia Lộc (*Lê Đại Lãng*) 56
- Trường Ca Hàn Mặc Tử...(*Đoàn Xuân Kiên*) 65
- Truyện: Tiếng gọi người (*Khuyết Danh Thị Ng.*) 74
- Đọc sách: Con người yêu cái thiện và cái đẹp (*Trần Hồng Châu*) 76
- Truyện: Một người bạn cũ (*Hoàng Khởi Phong*) 79

THƠ
- Ảo vọng (*Võ Doãn Nhẫn*) 66
- Tự nhủ (*Minh Hân*) 67
- Sinh diệt (*Bùi Duy Thuyết*) 68
- Nghĩa trang (*Viên Phong*) 68
- Với em ta đã nói (*Lê N. Khái*) 71
- Mưa (*Cao Xuân Tứ*) 75
- Tiếng thở dài (*Trần Trung Tá*) 77
- Tìm lại chút dư hương (*Nguyễn Tấn Hưng*) 78
- Sao không trả lời (*Nhất Tuấn*) 81
- Con đường; Cảnh tượng (*Huy Tưởng*) 82

MỤC THƯỜNG LỆ
- Thư tòa soạn 83
- Bạn đọc viết 4
- Tòa soạn và bạn đọc 7
- Sách báo trong tháng 8
- Vòng chân trời văn học nghệ thuật 87

ANH NGỮ / ENGLISH SECTION
- My mind is American, my heart is Vietnamese (*Hansel-Ha Pham*) 45
- Introducing Project 20 46
- CSUF journalism students tour Little Saigon 47
- Book review (*Nguyen Dinh-Hoa*) 48
- Love song in June (a poem by *Cao Xuan Tu*) 49

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St., Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

*Con số sáu có duyên với số báo này. Đây là tờ **Thế Kỷ 21** số 62, tháng Sáu, lên sáu tuổi và còn sáu năm trước mặt là đến thế kỷ 21! Nhưng có lẽ con số sáu không mang một ý nghĩa nào đặc biệt nên số báo này đến với bạn đọc cũng có đủ các mục thường lệ.*

Về chính trị, các tác giả Nguyễn Hữu Chung, Võ Nhân Trí và Trần Thanh Hiệp bàn về "pháp quyền," về "diễn biến hòa bình," và bản chất của chế độ cộng sản tại Việt Nam cho thấy hiện nay là vẫn trước sau như một, mặc dù có những ngụy trang về tự do cởi mở bề ngoài. Trước đây Cộng sản Việt Nam rất hay dùng chữ "phản động" để chỉ và lên án những lực lượng không đồng ý với họ, với hàm ý sự tiến bộ của thế giới đang đi về một hướng (hướng chủ nghĩa xã hội), và phản động có nghĩa là đi ngược lại chiều hướng ấy. Nay thì chính họ đang đóng vai trò phản động: cả thế giới đang đi về phía tự do dân chủ, họ lại vẫn khư khư ôm lấy cái độc tài đảng trị.

Trong khi đó, về phương diện triết học và khoa học, Nguyễn Kết đã dịch và chú giải một bài rất thú vị và quan trọng, ghi lại buổi trao đổi của đức Đạt Lai Lạt Ma với các nhà bác học vật lý danh tiếng của Bắc Âu tại viện Neils Bohr về vấn đề tâm thức con người tồn tại độc lập hay tùy thuộc vào thể xác. Một cuộc đối thoại giữa Đạo học và Khoa học.

*Vào giờ chót trước khi báo lên khuôn, cuộc hội luận với đề tài "Việt Nam, thế kỷ 20" đã diễn ra tại tòa soạn **Thế Kỷ 21**, chiều Chủ Nhật 21 tháng Năm, mà trong số này chúng tôi có bài tường thuật sơ lược. Chủ nhiệm sáng lập của "bốn báo," Đỗ Ngọc Yến, bằng những dẫn chứng phong phú cho thấy thế kỷ 20 quả là một thế kỷ mãnh liệt trong lịch sử loài người. Và đối với nước Việt Nam đó là một thế kỷ đầy bão tố, khiến chúng ta không thể không quay nhìn lại trong khi đang tiến gần đến ngưỡng cửa của thế kỷ 21. Các ý kiến, sáng tác, biên khảo... về đề tài này chúng tôi sẽ đăng dần trong các số báo tới.*■

THẾ KỶ 21

Vietnam Associated Press (VAP)

Đọc TK 21 số vừa rồi thấy có quảng cáo hãng tin VAP. Hãng này có liên hệ gì đến hãng tin Mỹ Associated Press không? Nếu không, lấy trùng tên như thế có tiện không? Mà quảng cáo viết sơ sài quá, để nghị tòa báo (hoặc ông GĐ Hà Tường Cát?) nói thêm cho rõ, được không?

Hoàng Yến
Houston TX

■ *VAP là một tổ hợp mới thành hình, có mua tin của Associated Press (AP) và của một số hãng khác. AP vốn là một loại "hợp tác xã," nghĩa là khách hàng (người mua tin) của AP cũng là thành viên, có thể góp tin cho mạng lưới, nếu là tin "xứng đáng để phổ biến" (dĩ nhiên theo tiêu chuẩn của tòa soạn AP.) Tên của VAP có thêm chữ "Vietnam" nên vẫn...khác với AP. Nhóm chủ biên VAP sẽ có tài liệu giới thiệu VAP kỹ hơn để gửi tới bạn và quý độc giả nào quan tâm tới vấn đề. Thân chào.*

Mấy anh làm "hãng tin" ở đây, tôi e không sống nổi. Cứ xem ông CBA, từ 10 năm nay làm hãng tin CBA News, toàn "cho không biếu không." Ai mà mua? Báo tiếng Việt ở hải ngoại đầy dẫy (nghe nói trên thế giới hiện có hơn 600 tờ?), nhưng toàn là xào qua xào lại, có khi "luộc" lại chính mình (bài ba năm trước mang ra in lại). Tuy nhiên, cứ thử xem! Dầu sao cũng xin ngợi khen tinh thần hoạt động của các bạn, và chúc các bạn thành công.

Trần Công Nghĩa
Milpitas CA

■ *Xin cám ơn những nhận xét và những gợi ý, cũng như những lời chúc của bạn.*

(...) Tôi ở đây "hẻo lánh," đã mua dài hạn dăm ba tờ báo, nhưng vẫn thèm đọc tin tức bằng tiếng Việt — các báo tôi mua phần nhiều bài vở thuộc loại sáng tác hay biên khảo, rất ít tin. Tôi có mua tờ nhật báo NV một thời gian, nhưng báo đi chậm quá, có khi một tháng sau mới nhận được, thì tin đã...ôi oai hết rồi. Nếu VAP có dịch vụ "bán tin" nhiều, nhanh, chính xác và trung thực thì tôi sẽ mua, dù tôi không làm báo! Hồi xưa ở nhà tôi vẫn mua bản tin Việt Tấn Xã, dù đã có báo và truyền thanh, truyền hình hàng ngày.

Cao Văn Khương
Hartford CT

Cám ơn những gợi ý quý báu của bạn. Hy vọng các bạn trong tổ hợp VAP thực hiện được những công tác đó.

Nhà xuất bản Thế Kỷ

Tôi có một số truyện, phần lớn đã đăng báo, nay muốn in thành sách, nhà xuất bản Thế Kỷ có nhận in không? Điều kiện ra sao?

NTK
Oklahoma OK

■ *Nếu trả lời đầy đủ thì dài lắm! Xin ngắn gọn: Có, bằng nhiều cách khác nhau. Cách tiện nhất là tác giả bỏ vốn, TK săn sóc phần kỹ thuật (từ việc đánh máy, sửa bản vỗ, nhuận sắc, xin số thư viện Quốc hội, vẽ bìa, làm quảng cáo, đưa in, tổ chức ra mắt sách, v.v...).*

Đề nghị TK 21 làm danh mục sách của các tác giả tự xuất bản, vì có nhiều cuốn tôi "nghe nói" hoặc đọc các bài "điểm sách" mà không biết tìm mua ở đâu. Mục "Sách Báo Trong Tháng" của TK 21 rất tốt, nhưng nên viết thêm chi tiết để độc giả có thể chọn mua dễ dàng hơn.

Võ Thu Sương
Essen ĐỨC

■ *Xin các tác giả có sách tự xuất bản gửi tài liệu về cho TK 21. Chúng tôi sẵn sàng giúp giới thiệu.*

Hí họa chính trị

Các hí họa chính trị của TK 21 rất độc đáo. Hồi trước tôi thấy có Gúc và Kúm, nay đâu? Vẹt và Babui vẽ không thua gì Chóe ngày xưa, nhưng cần khai thác nhiều đề tài khác nhau, tránh đơn điệu.

Lê Đình Thăng
Arlington VA

■ *Xin cám ơn và xin lĩnh ý.*

Tương quan Y giới hải ngoại và quốc nội

Tôi xin được phép không đồng ý với nhận định "nền y tế hiện tại tại quốc nội tùy thuộc rất nhiều vào thái độ của y giới hải ngoại..." của tác giả Nguyễn Gia Ân trong bài "Tương Quan Giữa Y Giới Việt Nam Hải Ngoại Và Nền Y Tế Quốc Nội Hiện Tại" đăng trong Thế Kỷ 21 số tháng Ba năm 1994.

Chỉ có đổi thay thể chế chính trị hiện tại người ta mới có thể cải thiện được nền y tế nước nhà. Đó là điều mơ ước của toàn dân và còn là một thử thách lớn đối với những người còn nặng lòng với quê hương đất nước. Với khả năng hạn hẹp của cộng đồng người Việt hải ngoại, chúng ta chỉ có thể tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ anh em trong nước làm một "cuộc cách mạng nhung" mà thôi. Nhưng trợ giúp vật chất của hải ngoại cho quốc nội, chỉ là "muối bỏ biển", nếu đem so với những nhu cầu ngày một tăng nhanh

của người dân trong nước. Với lương tâm của những người thầy thuốc, y giới hải ngoại không được phép ngoảnh mặt làm ngơ trước nỗi đau thương của đồng bào trong nước, để chăm sóc riêng cho cái lý tưởng chống cộng của mình!

Phép trị liệu không hẳn chỉ luôn luôn bao gồm trị nguyên nhân (traitement étiologique), có khi người thầy thuốc phải trị triệu chứng (traitement symptomatique) cùng lúc với trị nguyên nhân.(...)

Xin phép được xem VN như một con bệnh mắc phải bá chứng nan y đang nằm hấp hối trên giường bệnh và nguyên nhân gây bệnh chính yếu là chế độ độc tài cực quyền cộng sản; tác nhân này hiện đang biến thái (mutation) thành độc tài phát xít để thích hợp với cái gọi là "trật tự mới toàn cầu"! Những người hoạt động dân chủ đối lập CS được xem như những lương y đang hội chẩn để cứu chữa con bệnh Việt Nam; mỗi vị thầy thuốc này theo một trường phái khác nhau, cho nên đến nay họ gần như chưa đạt được đến một sự đồng thuận nào,trên mặt thực tế! Họ thường chống báng lẫn nhau khiến nguy cơ giải thể quốc gia VN ngày một trầm trọng: người người đều muốn bỏ nước ra đi, kẻ ra đi thoát trở về cố hương như một người khách qua đường!

Theo thiển ý , các vị thầy thuốc nên đối xử với nhau và với đồng hương mình thật dân chủ (đa nguyên). Họ đừng buộc mọi người phải "mặc đồng phục" trong tư tưởng và hành động. Họ phải tôn trọng những sự khác biệt, nếu không hỗ trợ thì cũng đừng phá đám. Hãy để thời gian và thực tế chứng minh đâu là con đường đứng đắn nhất trong giai đoạn cứu nước hiện nay. Nếu xét về mặt tích cực của công việc trợ giúp nhân đạo cho đồng bào trong nước, cá nhân tôi nhận thấy có một số điều lợi sau đây:

- Thể hiện cao độ tinh thần tương thân tương ái với đồng hương quốc nội.
- Tranh thủ nhân tâm, nhằm tạo thuận lợi cho sự trở về giúp nước của những người yêu nước chân chính.
- Chứng tỏ với quốc tế tính nhân ái của dân chủ đối lập.
- Tìm kiếm những người đồng hội, đồng thuyền trong nước.
- Cơ hội tốt để tiếp cận với thực tế nước nhà để có những dữ kiện xác đáng nhất cho những công trình khảo cứu của các nhà khoa học, xã hội học và nhất là những dự án chính trị của các người tổ chức hoạt động chính trị. Có thể tạm kết luận nếu chưa chữa được nguyên nhân hãy tạm chữa triệu chứng và không hẳn chữa triệu chứng như trợ giúp nhân đạo cho VN là "tiếp máu" cho CS. Cũng như thuốc kháng viêm, nếu khéo dùng trong những trường hợp bị nhiễm trùng nặng, mang lại lợi nhiều hơn hại. Người thầy thuốc là một vị tướng, phải biết cách dùng thuốc trị bệnh, cũng như viên tướng điều binh nơi chiến trận. Nếu họ cứ giáo điều cứng nhắc quá sẽ trở thành lỗi thời và bị... đào thải không thương tiếc!

Sự thất bại trong công tác mời gọi giới trẻ tham dự vào các hội y giới "cao niên" không hẳn hoàn toàn lỗi tại các vị niên trưởng chưa thông cảm hay chưa hòa mình thực sự với lớp đàn em "trẻ tuổi cao tài". Sự tìm đến nhau trong tinh thần dân chủ, với tất cả tấm lòng thành thật, sự nhiệt tâm và lòng tôn kính lẫn nhau là những yếu tố quyết định, có thể san bằng mọi cách trở tuổi tác, quá khứ, quan niệm sống...

Theo thiển ý, những vị thầy thuốc VN thường giỏi chuyên môn, nhưng "cái học chuyên môn chưa làm người ta trưởng thành ra"! Họ thường ấp ủ những cao vọng, tôi xem đó là điều chính đáng, trong công cuộc cứu và dựng nước. Điều đáng ca ngợi là họ đã có nhiều cố gắng trong công tác nối vòng tay lớn với các bạn đồng nghiệp ở khắp nơi trên thế giới và họ đã gặt hái được nhiều thành quả to lớn.

Trên đây là những đóng góp của tôi với bài báo nêu trên của bậc đàn anh khả kính Nguyễn Gia Ân. Hy vọng rằng những bức xúc trước tình hình nóng bỏng hiện nay sẽ giúp chúng tôi tiến đến gần nhau hơn.

Lại Mạnh Cường
Amsterdam - Nederland

Tìm thân nhân

Tìm em là Vũ Tiết Lễ, 1946 ở phố Nam Tràng, Hà Nội. Sau 1975, ở Cần Thơ hoặc Gia Định. Có chị là Vũ Kim Thư; bạn thân là Đỗ Tử Kỳ và Nguyễn Mộng Hùng hiện nay ở Mỹ. Ai biết tin xin báo về cho ông Bunsi Ebert, Irkutsker Str. 157, 09119 Chemnitz, Ghermany. Xin cám ơn.

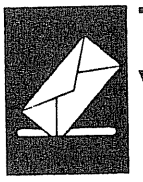

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

. Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị sau đây. Xin cám ơn rất nhiều và mong quý vị cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Nguyễn Thị Ngọc Chi (Tustin CA), Lê Quỳnh Hương (Milpitas CA), Vũ Ngọc Hà (Petaluma CA), Ngô Vinh Mậu (Honolulu HI, TM tặng), Trần Thị Bích Ngọc (Garden Grove CA), Nguyễn Khương Ninh (Essendon UC), Trần Vĩnh Tường (Huntington Beach CA), Tuấn Huy (Westminster CA), Hoàng Văn Đức (Los Angeles CA), Nguyễn Viết Thạnh (Monterey Park CA), Nguyễn Thị Hồng Thắm (Paderborn ĐỨC), Nguyễn Văn Trung (Boulder CO), Dương Văn Tuấn (Santa Ana CA), Đặng Văn Tân (Bruxelles BỈ), Trần Văn Nam (San Gabriel CA), Nam Vu (Brooklyn NY), Phố Thị

Ngọc Ni (North York CND), Trịnh Hảo Tâm (Fontana CA), Hà Nhụ Tưởng (Elk Grove CA), Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Vũ Đắc Hồ (Canada), Nguyễn Cường (Annandale VA), Nguey̆n Xuân Ba (Oxnard CA), Đỗ Nguyên Thái (Tulsa OK), Nguyễn Trọng Khôi (Waltham MA), Tiên Đinh (St Paul MN).

Thư hoặc báo bị trả về: Đàm Trung Thao (Dallas TX), Nguyễn Chấn (Montebello CA), Hồ Trúc Linh (Thousand Oak CA), Van Moch (Solana Beach CA).

Nguyễn Thị Thu: Thành thật xin lỗi vì sơ suất đó. Thực ra, có thể đổ lỗi cho...cái máy điện toán (hay cái tay người đánh?) vì sửa xong mà quên "save"! Thân ái. Chúc vui.

Nguyễn Xuân Ba: Không ngờ mà sót tới...sáu số lận! Thật đáng cho...sáu roi (mỗi số một roi), phải không ạ? Kính.

Đỗ Văn Tân: Đã gửi sách đến địa chỉ ghi trong thư, nhưng vừa gửi xong thì được tin "di tản" ở Rwanda. Chắc là mất luôn, và người Hutu hay người Tutsi cũng đâu có đọc được tiếng Việt? Sẽ gửi cuốn khác về địa chỉ mới. Mong tin.

Lê H.K.: Có lẽ bài thơ đó đã đi lạc. Số tháng Năm vừa rồi đúng dịp Phật Đản, nếu đi thơ "thiền" thì hợp quá rồi — chỉ mong có để đăng thôi. Xin cho bài khác vậy. Thân ái.

Kiệt Tấn: Được thư LHK mới biết bạn bị bịnh — may đã qua khỏi. Xin chúc mừng. Đã gửi thơ BG, nhận được chưa? Chúc vui và mạnh!

Nghiêm Vân (Saigon): Có nhờ người gửi mỗi kỳ vài số về một vài nơi. Nghe nói TK 21 vẫn là "sách cấm" ở trong nước, bạn tìm được mà đọc là "hên" (nhưng coi chừng bị công an hỏi thăm, lại thành "rủi") lắm đó. Thỉnh thoảng cũng có đăng thơ và bài từ trong gửi ra — tác giả hoặc thân hữu gửi thẳng thì đăng, chứ không trích đăng các báo trong nước. Cám ơn những lời cổ võ nồng nhiệt đó. Chúc vui luôn.

Nhắn tin chung quý đồng nghiệp:

Các độc giả của TK 21 ở một số tiểu bang cho tòa soạn biết (và có người gửi kèm báo của quý đồng nghiệp) có đồng nghiệp đã trích đăng bài của TK 21. Việc đăng lại bài vở của báo bạn thực ra giúp phổ biến sâu rộng thêm những công trình sáng tạo hoặc nghiên cứu của người cầm bút, chúng tôi hoan nghênh. Nhưng, như quý đồng nghiệp đã biết, luân lý chức nghiệp của người làm báo buộc chúng ta phải tuân thủ một số nguyên tắc tối thiểu như:

1.gửi thư hoặc điện thoại xin trích đăng;

2.khi đăng (với sự đồng ý của tòa báo có bài) phải in hàng chữ, hoặc LTS, cho biết xuất xứ;

3.nếu là báo bán hoặc có bán trang quảng cáo, phải góp một phần phí tổn nhuận bút do hai tòa báo cùng ấn định.

Rất mong quý đồng nghiệp cùng chúng tôi bảo tồn và phát huy đạo đức báo chí để làng báo Việt ngữ hải ngoại thực sự là một "ngôi làng" trong đó mọi người sống hòa thuận và tiến bộ.

Nhắn tin chung quý văn hữu:

Gần đây, tòa soạn nhận được bài của quý vị đã đánh sẵn trong đĩa. Thật là tiện lợi (đỡ tốn kém thì giờ và tiền bạc, lại bảo đảm không có, hoặc có ít, lỗi đánh máy). Chúng ta hãy cùng nhau hoan hô những tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp, và phát huy tối đa thành quả của những tiến bộ này. Tòa soạn cám ơn quý vị lắm lắm.

Tuy nhiên, vì các loại máy (hardware) và các nhu liệu (software) có nhiều dị biệt, đôi khi không tương hợp (compatible), cho đến khi chúng tôi có đủ sức (tiền để mua nhiều máy, và kỹ năng sử dụng), chúng tôi xin quý vị thông cảm, chỉ gửi về những đĩa: 1.đánh bằng IBM/PC; 2.dùng các thảo chương VNI hoặc VNlabs; 3.để nguyên bài ở dạng text (ASCII), không cần cho kiểu chữ, cỡ chữ, cột, trang gì cả; 4.nếu gửi bằng bưu điện nên dùng đĩa nhỏ 3.5, ít rủi ro hơn đĩa lớn.

Nếu quý vị có modem, và muốn gửi thẳng vào máy của tòa soạn, hoặc để tòa soạn lấy (retrieve) từ máy của quý vị, xin liên lạc điện thoại trước để cùng sắp xếp ngày giờ thuận tiện. Thân ái chào và mong nhận được tin và bài của quý vị đều đều! Thân ái.

MINH VĂN
P.O. BOX 647,
Oakton, VA 22124 - USA
Điện thoại: (703) 560-0390
FAX: (703) 204-9239

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành:

1. NGÀY QUANH QUẨN (tập truyện)... $10.00
Tuyển tập gồm tám truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 207 trang.

2. NIỀM VUI UNG THƯ (tập truyện)..... $10.00
Tuyển tập gồm bảy truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 196 trang.

3. CÕI SA MÙ (truyện dài)..... $18.00
Quyển một trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Sách dày 452 trang.

4. KẺ ĐÀO MỒ (tập truyện)..... $11.00
Tuyển tập gồm bảy truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 220 trang.

5. CỬA ĐỊA NGỤC (truyện dài)..... $22.00
Quyển hai trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Sách dày 560 trang.

6. CHÂN TRỜI LAM NGỌC (ký sự)..... $11.00
Ký sự của Hồ Trường An, nói về mười hai tác giả, sách dày 220 trang.

Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn. Nhà xuất bản Minh Văn chịu mọi cước phí.

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

DIỄN BIẾN HÒA BÌNH

NGUYỄN HỮU CHUNG

1. Không có diễn biến hoà bình

Cách nay khoảng sáu tháng, tôi có nhận được từ Tập San quốc phòng xuất bản ở Hà Nội, trong đó các nhà tư tưởng của viện triết học Mac-Lenin bàn về đề tài chống "diễn biến hòa bình" (dbhb). Tôi đã tự hành xác bằng cách đọc hết các lập luận của những nhà tư tưởng Hà Nội để sau cùng hiểu rằng chống diễn biến hòa bình không có nghĩa là chống những diễn biến làm suy sụp lý thuyết Mac-lê, mà chỉ có nghĩa là chống những diễn biến có thể đưa chế độ độc đảng đến chế độ đa đảng, dù đó là diễn biến tự nhiên và trong hòa bình. Các nhà tư tưởng Hà Nội không chống chủ nghĩa tư bản và cũng không chống bọn đế quốc tư bản. Ngược lại, họ còn cho biết rằng đổi mới kinh tế là để đưa xã hội ta (không biết hiện là xã hội gì, chắc chắn không phải là xã hội của "chủ nghĩa xã hội khoa học") sang xã hội tư bản, để rồi từ đó quá độ lên xã hội chủ nghĩa.

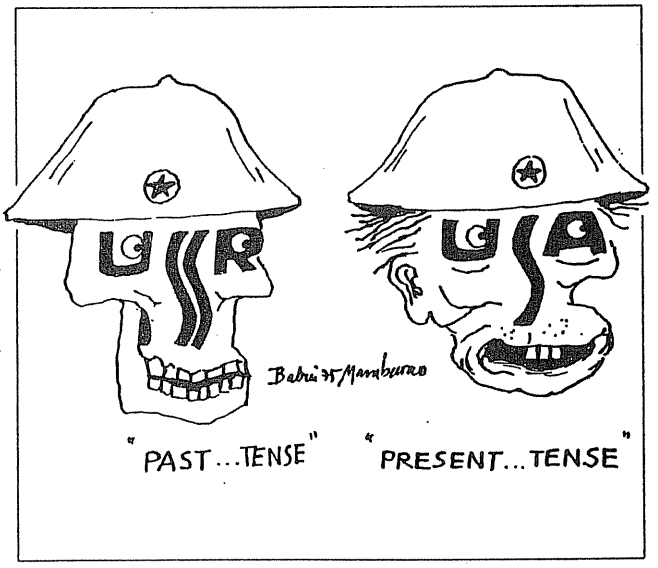

Tất cả những lập luận không dựa vào tính ưu việt của chủ nghĩa Mac-Lenin (nhất định sẽ thắng) đối với chủ nghĩa tư bản (nhất định sẽ thua), mà chỉ lòng vòng ở chỗ đảng ta là giỏi nhất, vì vậy phải bảo vệ sự độc quyền cai trị của đảng ta. Cái hay của những lý luận Hà Nội là, trải qua tất cả những thời kỳ: quá khứ, hiện tại, vị lai và mãi mãi, dù xã hội ta nằm dưới dạng thức nào: xã hội rừng rú, xã hội phong kiến, xã hội phát xít, xã hội tư bản, xã hội cộng sản, thì đảng ta cũng là người lãnh đạo ưu việt và duy nhất.

Về phương diện sách lược thì đảng CSVN tiến quân trên hai trận tuyến:

a) Thứ nhất là trận tuyến tư tưởng:

- củng cố niềm tin trong hàng ngũ đảng viên và trong dân chúng rằng đảng ta là hay nhất và duy nhất;
- cảnh giác chống lại những âm mưu của kẻ thù, không nhượng bộ một tấc đất trên những lãnh vực cơ bản của sự độc quyền của đảng: chống tự do ngôn luận, chống tự do hội họp, kiểm soát gắt gao các sinh hoạt tôn giáo, chống tư nhân có những tổ chức riêng dưới bất kỳ hình thức nào trong mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội (ngay cả tổ chức từ thiện cũng không được).
- không nhượng bộ về các vấn đề nhân quyền v.v...

b) Thứ hai là trận tuyến an ninh:

- tiêu diệt hoặc vô hiệu hóa những cá nhân hay những tập thể có khả năng lợi dụng những bất ổn xã hội gây ra bởi việc mở cửa kinh tế đòi hỏi dân chủ đa nguyên, đa đảng.

Gần đây, trong kỳ đại hội giữa nhiệm kỳ của đảng CSVN họp từ 19 đến 25 tháng Giêng vừa rồi, các đại biểu có nhận được một quyển sách in ở Trung Quốc (TQ) (được coi như là một sự viện trợ tư tưởng của TQ cho VN) với chủ đề là "chống diễn biến hòa bình", trong đó (theo lời một nhà báo Tây phương) Bắc Kinh cũng chủ trương chống lại âm mưu của ngoại bang lợi dụng kinh tế thị trường để khuynh đảo chế độ độc đảng hầu đưa nước TQ tới chế độ đa đảng. Tôi chưa được đọc quyển này. Nhưng qua những căng thẳng trong mối bang giao giữa TQ và Hoa Kỳ gần đây, chúng ta thấy rằng các lãnh tụ TQ không nhượng bộ Hoa Kỳ về vấn đề nhân quyền vì đó là trận tuyến quan trọng nhất của họ trong công tác chống diễn biến hòa bình.

Chúng ta cũng đã biết kết quả của đại hội đảng CSVN: tăng cường trong chánh trị bộ những phần tử bảo thủ, tăng cường ảnh hưởng của quân đội và công an.

Kết luận của tôi là:

a) Thứ nhất: những lời tuyên bố trước đây của một số nhà lãnh đạo CSVN rằng hãy để phát triển kinh tế trước rồi dần dần sẽ dân chủ hóa chế độ là những lời

tuyên truyền gạt gẫm.

b) Thứ hai: mong muốn của một số người, nhất là người Việt hải ngoại, rằng giúp nhà nước Cộng sản phát triển kinh tế rồi nhà nước sẽ mở rộng chế độ là suy nghĩ theo ước mơ.

c) Thứ ba: không có diễn biến hòa bình như nhiều người mong ước vì đảng CSVN đang chọn con đường tử thủ, dùng mọi năng lực để chống lại việc này, giống như TQ, để tiếp tục cai trị thêm vài chục năm nữa.

2. Diễn tiến đưa tới khủng hoảng

Việc mở cửa kinh tế, việc xâm nhập của người ngoại quốc sẽ tạo ra những diễn biến mà Hà Nội không kiểm soát được. Đó là:

a) Thứ nhất: gia tăng nhu cầu của dân chúng và tạo ra những nhu cầu mới trên mọi lãnh vực vật chất và tinh thần khi dân chúng có nhiều tiền hơn và có dịp tiếp xúc nhiều với người ngoại quốc và có nhiều thông tin hơn.

b) Thứ hai: cán bộ CS sẽ mất ảo tưởng về chủ thuyết, sẽ biết rõ hơn những sự thật. Nạn tham thủng và buôn lậu sẽ bành trướng mãnh liệt vì chính các nhà lãnh đạo cũng hiểu rằng tham nhũng là lý do duy nhất để đảng viên còn ủng hộ và duy trì đảng và là chất keo duy nhất đoàn kết đảng viên.

Câu hỏi đặt ra là thế nào là khủng hoảng và khi nào thì có khủng hoảng? Khủng hoảng là sự mất thăng bằng của hiện trạng xã hội, mất thăng bằng giữa cung và cầu. Đó là khi đòi hỏi của quần chúng lên cao và chánh quyền không có khả năng đáp ứng những đòi hỏi đó vì giai cấp thống trị không có khả năng tự thay đổi để thay đổi khuôn khổ chánh trị không còn hợp thời nữa (như ở Pháp hồi cách mạng 1789), hoặc khi nhu cầu dân chúng không tăng nhưng mức cung bị suy sụp vì một lý do nào đó như bị phong tỏa (như ở Nam Phi). Khủng hoảng biến thành bạo động khi dân chúng chẳng những không sợ mà con khinh miệt nhà cầm quyền, nhất là khi bộ máy công quyền đã mục nát.

Tôi thấy rằng trong vòng từ năm tới mười năm nữa, nhà cầm quyền sẽ không có khả năng đáp ứng những nhu cầu lên cao của dân chúng vì sự khiếm khuyết trầm trọng trong bốn cơ sở sau đây:

a) Cơ sở vật chất: đường xá, cầu cống, điện nước, điện thoại, chuyên chở, vật liệu v.v... sẽ không đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế (nếu có phát triển), và nhu cầu tiêu thụ của dân chúng đã quen với kinh tế tự do (ăn quen, nhịn không quen). Nhưng đây là lãnh vực ít trầm trọng nhất vì những món tiền cho vay và những viện trợ có thể giúp cải tiến phần nào tình trạng thiếu hụt.

b) Cơ sở nhân sự: bộ máy nhân sự của chánh quyền CS không có khả năng quản lý một nền kinh tế thị trường (nếu có phát triển). Bộ máy hành chánh nặng nề, chằng chịt và nạn tham nhũng sẽ cản trở việc phát triển và nuôi dưỡng sự phẫn uất trong dân chúng. Trong lãnh vực này, tình trạng sẽ càng ngày càng tệ hại hơn.

c) Cơ sở luật pháp: cơ chế kinh tế thị trường cũng như dân chúng trong nền kinh tế này đòi hỏi một hệ thống luật pháp minh bạch và liên hoàn chặt chẽ với nhau, từ luật hiến pháp đến hình luật, dân luật, luật thương mãi, luật thừa kế, luật hôn nhân v.v..., điều mà chánh quyền CS không thể đáp ứng, không phải vì lý do kỹ thuật, mà vì sự mâu thuẫn không thể thỏa hiệp giữa một chế độ CS độc tài và một xã hội có nền kinh tế tự do. Cho dù nhà nước có ban hành tất cả những bộ luật cần thiết, luật lệ này sẽ không được thi hành vì không có nhân sự khả dụng và nhất là vì chế độ không có tinh thần tôn trọng những luật lệ đó. Chắc chắn sẽ có bế tắc.

d) Cơ sở tinh thần: sự xâm nhập của người ngoại quốc và của kinh tế thị trường sẽ tạo cho dân chúng những nhu cầu tinh thần lớn lao về tự do như tự do tư tưởng, ngôn luận, lập hội, nghiệp đoàn v.v... trong khi nhà nước quyết tâm đàn áp khuynh hướng tự do của con người vì muốn chống diễn biến hòa bình. *CHÍNH TRÊN CƠ SỞ NÀY HẬN THÙ SẼ TÍCH LŨY.*

3. Khủng hoảng đưa đến bạo động

Sự đổi mới kinh tế và sự xâm nhập của người ngoại quốc chắc chắn sẽ tạo ra những diễn biến xã hội và chánh trị. Nếu Hà Nội không muốn đó là những diễn biến hòa bình thì đó sẽ là những

diễn biến không hòa bình.

Khả năng duy nhất của chánh quyền CS để quản lý khủng hoảng là dùng bạo lực để đàn áp. Bộ máy công an đang được dùng để phát hiện và tiêu diệt những cá nhân hay nhóm người có thể phát động những diễn biến hòa bình trên lãnh vực chính trị, hoặc có thể xuất hiện cùng lúc với những khủng hoảng. Vì vậy, sẽ không có đối thoại giữa chánh quyền và nhân dân. Sẽ không có một xã hội dân sự được thành hình từ từ như nhiều người mong đợi. Tới một lúc nào đó, khi khủng hoảng biến thành xung đột công khai giữa chánh quyền và nhân dân thì nó sẽ bộc phát thành bạo động trong hỗn loạn. Sẽ có rất nhiều phe nhóm khác nhau ở nhiều địa phương khác nhau bất thần nổi lên để lãnh đạo những biến động. Việt Nam sẽ không có một Thiên An Môn, vì T.A.M. là một cuộc tranh đấu ôn hòa, có tổ chức và có lãnh đạo bởi những người trí thức.

4. Cơ hội bộc phát

Tôi thấy những khủng hoảng có thể biến thành bạo động trong vài hoàn cảnh có thể nhận diện được từ hôm nay, thí dụ như:

-Sau năm ba năm, kinh tế ngưng không phát triển và trở thành suy thoái, nợ nần chồng chất, quốc gia bị khủng hoảng tài chánh, bị lạm phát phi mã hay bị thất nghiệp lan tràn v.v..., trong một xã hội bất công quá đáng.

- Sự sụp đổ của chánh quyền Bắc Kinh:

* Ảnh hưởng nội bộ: đảng CSVN sẽ mất địa bàn và tan rã vì không còn biết phương hướng.

- Ảnh hưởng quốc tế: trong hiện tại, vì sợ Trung Quốc mà Hoa Kỳ và các nước ĐNÁ đang ủng hộ Hà Nội. Nếu TQ tan rã, sẽ chẳng ai còn nhu cầu ủng hộ tập đoàn này và còn có thể góp phần hủy diệt nó vì những sân hận của quá khứ và vì bản chất đối nghịch.

5. Vấn đề Bắc - Nam

Tôi hy vọng rằng cuộc cách mạng xảy ra ở miền Bắc. Nếu nó xảy ra ở miền Nam thì tôi e có chiến tranh Nam-Bắc vì một lý do đơn giản là người miền Bắc, ngay cả những người trí thức hiện không ưa CS, chỉ có thể tin tưởng vào khả năng lãnh đạo của miền Bắc, dựa vào thành tích chiến thắng trong hai cuộc chiến vừa qua.

6. Phản đề

Chúng ta cũng có thể nghĩ rằng tới một lúc nào đó, khi tình hình suy sụp trầm trọng, sẽ có bất đồng ý kiến trong cấp lãnh đạo CSVN, sẽ có xuất hiện một phe đổi mới và phe này sẽ thắng thế và đưa đến diễn biến hòa bình. Điều này có thể xảy ra, nhưng theo ý tôi, đó không phải là diễn biến hòa bình theo nghĩa chúng ta đang hiểu và chúng ta đang mong muốn, đó chỉ là một cuộc tháo chạy của đảng CS như ở Đông Đức khi họ thấy rằng nước đã tới chân. Trong kịch bản này, xã hội Việt Nam cũng phải trải qua những cơn khủng hoảng trầm trọng, nhưng nó có khía cạnh lạc quan vì nó không có màn đổ máu và chiến tranh. Không biết hàng ngũ CSVN hiện nay có những ai có đủ nhạy cảm và đủ số đông để làm việc này trước khi quá muộn.

7. Kết luận

- Không có diễn biến hòa bình.
- Xã hội sẽ phải trải qua những cơn khủng hoảng trầm trọng để có thể thay đổi chính trị.
- Có nhiều khả năng xảy ra bạo động và chiến tranh.■

(Bài thuyết trình trong cuộc hội thảo ở Paris ngày 10-4-94)

SỔ TAY

Thế cụ muốn nói cái gì?

Đọc báo *Người Việt* thấy quảng cáo Hội Nghị Sinh Viên ở đại học UCI, có vẻ ly kỳ, hấp dẫn, nên tôi cũng lò mò tìm đến chỗ hội họp. Điều đầu tiên tôi phải ghi vào Sổ Tay là ngôi trường này lớn và đẹp hết xẩy. Mừng cho thế hệ con em có nơi học hành ngon lành — mà cũng tủi cho thế hệ con em ở trong nước. Bao giờ thì Saigon, Hà Nội có nổi một khuôn viên đại học như thế này nhỉ.

Tôi dự một buổi thảo luận về đề tài "tại sao người Việt mình cứ thờ ơ với sinh hoạt chính trị." Có bốn bạn trẻ thuyết trình — hai cô và hai cậu. Cô nào, cậu nào cũng đẹp đẽ, nói năng như nước chảy mây trôi. Đến hồi thảo luận, tức là lúc cử tọa được quyền phát biểu ý kiến, có một ông... lão còn trẻ, dù đã đeo kính lão (?), nhấp nhổm xin phát biểu mấy lần, cuối cùng được cô chủ tọa bảo "ngồi xuống" để nhường cho một bạn trẻ. Ông lão ngồi xuống, và sau đó buổi hội thảo chấm dứt.

Tôi tò mò tìm gặp ông "lão" xem thử ông có "xì nẹc" vì bị cho "đi chỗ khác chơi" hay không.

Tôi rất ngạc nhiên, khi thấy ông "lão" chẳng tỏ ra vẻ gì giận dỗi. Trái lại, ông còn bảo "chủ tọa phải thế mới được, chứ cứ để ai muốn nói gì thì nói, như ở... hội của tôi, thì hỏng bét."

Tôi hỏi "thế cụ giơ tay xin nói là cụ muốn nói ký gì?" Ông "lão" bảo: "tôi muốn đặt ra hai câu hỏi — một câu hỏi cho toàn thể cử tọa, là "nếu cộng đồng ta có người ra tranh chức vụ dân cử, quý vị có sẵn sàng đi bầu và dồn phiếu cho người đó không, và một câu hỏi cho các cô cậu trên bàn thuyết trình (là cô Lê Diệp Mỹ Dung, cô Tini Đường, cậu Đỗ Hoàng Điểm, và cậu Trần Văn Thái) có cô hay cậu nào định ra ứng cử trong một kỳ bầu cử nào sắp tới không?"

Tôi ghi lại hai câu hỏi trên để gửi cho các "đương sự" qua trang báo này. Thế là ý kiến của ông "lão" cũng được chuyển tới giới trẻ rồi đấy nhé.

KÝ GIẢ

PHÁP QUYỀN HAY PHÁP TRỊ?

TRẦN THANH HIỆP

Xuất hiện từ trong nước ít lâu nay, từ ngữ "pháp" quyền bắt đầu được sử dụng trên các báo của người Việt ở ngoài nước. Lo ngại rằng hiện tượng này có thể gây nên nhiều sự hiểu lầm về những ngữ nghĩa của từ ngữ "pháp quyền" đứng riêng, hoặc đứng chung với từ ngữ Nhà Nước trong thành ngữ "Nhà nước pháp quyền", tôi có đưa ra vào dịp một cuộc hội thảo (*) một số ý kiến về từ ngữ có vấn đề ấy. Dưới đây là bài tham luận của tôi, thêm một vài bổ sung nhỏ.

1. Pháp quyền, pháp trị về mặt "danh" hay là mặt hình thức

"Pháp quyền," từ ngữ mới

Thuật ngữ luật học Việt Nam ít lâu nay, dưới sự thúc đẩy của trào lưu dân chủ hóa đột phát tiếp theo sự sụp đổ của cộng sản, có thêm thành ngữ "nhà nước pháp trị". Đó là từ ngữ mới, dùng để dịch thành ngữ tiếng Pháp "Etat de Droit" tương đương với thành ngữ tiếng Đức "Rechtsstaat". Dịch như vậy là thuận với truyền thống luật học - không cộng sản - Việt Nam. Thật vậy, từ thời cổ, ảnh hưởng của cuộc tranh luận về "nhân trị" và "pháp trị" ở Trung Hoa đã dội sang tới Việt Nam. Đầu thế kỷ này, nhiều lớp luật gia người Việt được đào tạo theo khoa học pháp lý phương Tây nhưng không bị cắt đứt với nguồn tư tưởng "nhân trị", pháp trị". Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Đại học Luật Khoa Hà Nội, được nâng lên ngang hàng với Đại Học Luật khoa Paris và giảng dạy cùng một chương trình luật học, cũng vẫn còn là nơi ấp ủ nguồn tư tưởng ấy. Đầu những năm 50, giáo sư Nguyễn Quốc Định, thạc sĩ công pháp của các trường đại học Pháp, từ Paris đã về Hà Nội diễn giảng về "nhân trị" và "pháp trị". Ở miền Nam năm 1955, tại Đại Học Luật Khoa Saigon, giáo sư Vũ Văn Mẫu mở đầu khóa bản tiếng Việt "Dân Luật Khái Luận" của ông bằng sự so sánh quan niệm pháp luật phương Tây với quan niệm pháp luật phương Đông mà những đặc điểm không khác gì hơn "chủ nghĩa nhân trị" và "chủ nghĩa pháp trị." Xin nói thêm rằng với các nhà hán học (sinologues) nổi tiếng người Pháp — thí dụ giáo sư Jean Escara trong ngành luật học — để trước tác hoặc giảng dạy hay phiên dịch về luật pháp ở châu Á, vẫn dùng hai từ kép "nhân trị", "pháp trị". Thiết tưởng như vậy nên dùng thành ngữ "Nhà nước pháp trị" để chuyển sang tiếng Việt, cho chỉnh, thành ngữ tiếng Pháp "Etat de Droit".

Gần đây, nhân có nhiều trao đổi ý kiến về các vấn đề đa nguyên, đa đảng, dân chủ, đổi mới v.v..., người ta thấy xuất hiện trên sách báo trong nước một từ kép mới, "pháp quyền". Việc sửa đổi hiến pháp đã buộc các người lãnh đạo , các quan chức cộng sản phải nói tới "pháp quyền". Năm 1992, Viện Nhà nước và pháp luật ở Hà nội đã xuất bản một cuốn sách nhỏ dày hơn 100 trang dưới tựa đề "Tìm hiểu về Nhà Nước pháp quyền", sáng tác chung của một tiến sĩ, ba phó tiến sĩ khoa học pháp lý và một luật gia. Ngoài ra, một nhân vật trí thức được coi như có xu hướng chống đảng, giáo sư Phan Đình Diệu, công khai lên tiếng cổ võ cho việc thiết lập một "Nhà nước pháp quyền". Có lẽ thái độ chống đối tuy ôn hòa nhưng ở ngay trong lòng chế độ ấy đã gián tiếp làm cho từ ngữ "pháp quyền" được hội nhập dễ dàng vào ngôn ngữ chính trị của người Việt ở ngoài nước và bắt đầu được lác đác sử dụng trên báo chí hải ngoại. Mùa xuân năm nay, trên tạp chí Nhân Quyền, ấn hành tại Mỹ (Houston, Texas), bốn trong mười bài viết đã được dành cho "pháp quyền". Trừ giáo sư Nguyễn Cao Hách, người đã bắt đầu bài viết của mình bằng việc dứt khoát gạt bỏ từ ngữ "pháp quyền", ba tác giả còn lại, các ông Đỗ Quý Sáng, Đỗ Thái Nhiên, Nguyễn Xuân Nghĩa không dị nghị gì về mặt ngữ nghĩa của hai chữ ghép "pháp quyền", chỉ dùng chúng để thẩm lượng tính "pháp quyền" của chế độ Cộng Sản ở trong nước (Xin đọc Nhân Quyền, Tạp Chí Nghiên cứu Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Văn học, bộ II, số 1/1994, Houston, Texas). Kết quả là về mặt thuật ngữ, vì "pháp quyền" xen lẫn với "pháp trị", "pháp luật", người đọc không biết là có khác biệt giữa "pháp quyền", "pháp trị", "pháp luật" hay không và nếu có thì phải căn cứ vào đâu để nhận biết!

Vấn đề được đặt ra không phải để bàn cãi hấp tấp và vô căn cứ rằng dùng "pháp quyền" là sai hay đúng. Nếu "pháp quyền" chỉ được dùng như một từ ngữ đối dịch chữ "droit" thì cũng vẫn còn phải tìm hiểu xem từ bao giờ nó được "Đảng" dùng nó để thay thế cho "pháp luật" và nghĩa mới này khác với nghĩa vốn có từ trước như thế nào. Về sự kiện nó có thể thay thế "pháp trị" để dịch thành ngữ tiếng Pháp "Etat de Droit " hay không, có nhiều lý do khiến phải cân nhắc lợi hại.

Mặt khác, cũng không cần đặt vấn đề là có nên "hồ hởi" (như rất nhiều người thường hay làm) dùng ngôn ngữ do cộng sản sáng chế ra hay không? Xin mở một dấu ngoặc. Có một thời quả

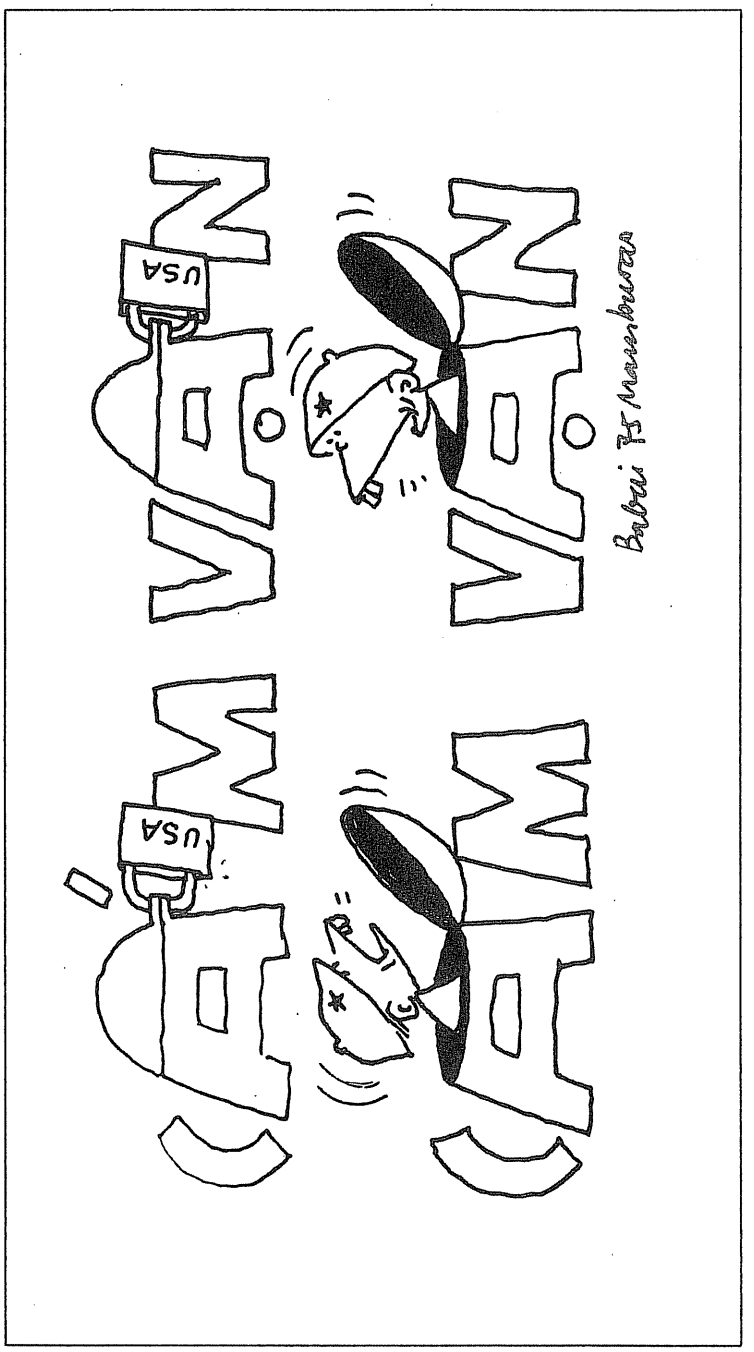

thật không nên. Đó là thời vàng son của KGB, cơ quan đầu não cộng sản, ở Mạc Tư Khoa, chuyên sản xuất loại ngôn ngữ nước đôi, nước ba, hư, thực, thực, hư, để lũng đoạn nội bộ và đầu độc (như kiểu đánh bã) phe tự do. Bây giờ bộ phận bị đầu độc của phe tự do đã ra khỏi cơn hôn mê, bộ não KGB đã không còn khả dụng, thái độ đương nhiên và tiên thiên bác bỏ ngôn ngữ cộng sản không còn có thể coi là nghiêm chỉnh nữa.

Tuy vậy — bởi lẽ pháp luật trước hết là một vấn đề ngôn ngữ và ngôn ngữ trong pháp luật thể hiện quyền lực — phải thận trọng tỉnh táo và nhất là phải tránh dừng "làm dáng" bằng ngôn ngữ cộng sản. Dùng "danh" (hay cái để biểu đạt, le singifiant) của cộng sản thì phải hiểu rõ "thực" (hay cái được "biểu đạt", le signifié) của nó là gì. Để tránh tệ trạng chính, tà thị phi đảo lộn làm mất công sức phục hồi sự thật như thói tục đảo điên trong sinh hoạt chính trị, văn hóa gần hai thập niên qua ở hải ngoại đã cho thấy.

Nên dùng "pháp quyền" hay "pháp luật" hay "pháp trị"?

Trở lại với từ ngữ "pháp quyền". Trong khung chế độ chính trị và trên cơ sở pháp chế xã hội chủ nghĩa hiện nay ở Việt Nam, có thể, có nên dùng nó để thay thế cho "pháp luật" hay "luật" mà dịch chữ tiếng Pháp "droit" hay không? Có thể, nếu tiếng mới — dù là do cộng sản chế ra — tiến bộ hơn tiếng cũ. Không, nếu nó vẫn là những bẫy giăng ra để đưa người dùng vào tròng.

Để trả lời cho hai câu hỏi vừa được nêu lên, bất cứ một luật gia nào vận dụng khán pháp của luật học không cộng sản, cũng chỉ có thể có một cách phản ứng độc nhất, đó là không dùng từ ngữ "pháp quyền", dù để dịch chữ "droit" hay để dịch thành ngữ "Etat de Droit."

Vì ba lý do.

Thứ nhất, pháp luật là sản phẩm của cái được gọi là khoa học qui chuẩn (sciences normatives) không có hình tướng rõ rệt. Nếu dùng chữ "pháp quyền" mà chưa hay không hiểu rõ nó sẽ đưa ta tới những quy phạm, quy tắc nào thì không dùng.

Thứ hai, muốn hiểu rõ nội dung chữ "pháp quyền" thì không thể chỉ căn cứ vào nghĩa riêng của hai từ đơn "pháp" và "quyền" rồi kết luận vội vàng và đại khái — nhưng rất sai lầm — rằng "pháp quyền" có nghĩa là pháp luật với quyền cao nhất, phải đặt chữ này vào trong hệ thống các văn bản qui chuẩn cấu thành chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) đương hành, trong ý hệ cộng sản để làm lộ rõ nội dung đích thực của nó. Nếu làm như thế thì sẽ thấy ngay rằng "pháp quyền" không biểu thị loại luật pháp mà chúng ta biết và chấp nhận nghĩa là loại pháp luật của các nước dân chủ tự do. Trái lại, nó biểu thị thứ pháp luật riêng của cộng sản hoàn toàn khác — tới mức độ trái ngược — với pháp luật không cộng sản. Như vậy, không có lý do gì để dùng nó.

Thứ ba, một khi đã nắm vững được nội dung của thứ pháp luật gọi là "pháp quyền" rồi, chẳng

những chúng ta không dùng chữ "pháp quyền" mà còn phải bác bỏ nó.

Không đi sâu hơn nữa vào địa hạt chuyên môn rất phức tạp của luật học, chỉ xin nêu lên một số cơ sở xét đoán để chứng minh tính cách đúng đắn của ba lý do vừa kể.

Chữ "pháp quyền" ở đâu ra

Trước hết, các nhà lãnh đạo, các quan chức, các luật gia cộng sản không dùng pháp luật, pháp trị, lại dùng "pháp quyền" không phải vì họ không biết đã có các chữ pháp luật, pháp trị mà tại vì họ không muốn nhượng bộ các đòi hỏi dân chủ vì nhượng bộ thì sẽ bị lôi cuốn vào việc phải chấp nhận và áp dụng thứ pháp luật của các nước tự do dân chủ.

Chính vì thế mà họ đã phải mượn chữ "pháp quyền" — đã có từ trước nhưng với một nghĩa khác — mượn cách Trung cộng đã dùng chữ này để dịch chữ "droit" của người Pháp. Ông TSIEN Tche Hao, tiến sĩ luật khoa, năm 1980 trong một cuộc hội luận của "Trung tâm triết học về pháp luật" ở Paris, cho biết rằng Trung cộng đã dùng chữ "faquan" (pháp quyền" với nghĩa của chữ "droit", như khi họ dịch chữ "droit bourgeois" là "zichan faquan, tư sản pháp quyền." Ông còn nói thêm "pháp quyền" hiểu theo ngữ nghĩa là quyền do luật định (pouvoir légal). Với mọi dự phòng sai, sót và căn cứ vào những tài liệu của chính "đảng cộng sản Việt Nam", tôi xin đưa ra một giả thuyết là chữ "pháp quyền" chỉ mới bắt đầu được dùng công khai theo nghĩa mới không sớm hơn năm 1985 (về bằng chứng, xin xem ở dưới). Trước đó, một số từ điển Hán-Việt, Hán-Pháp, Pháp-Hán xuất bản từ những năm 30 đến những năm 60 ở Hồng Kông, Thượng hải, Hà Nội, Saigon đều có ghi chữ "pháp quyền" nhưng chỉ để đối dịch chữ "juridiction" của Pháp và có nghĩa là "quyền tài phán" tức là quyền để xét xử. Ở những thời điểm ấy, nó không hề có nghĩa tổng quát ngang với chữ "pháp luật." Hai cuốn tự điển Pháp-Việt và Hán-Việt của Đào Duy Anh không thấy ghi chữ "pháp quyền." Cần nhấn mạnh rằng các từ điển do cộng sản Việt Nam (CSVN) xuất bản tại Hà Nội, như "Từ điển tiếng Việt" (1977) hay "Từ điển Pháp Việt, Dictionnaire francais-vietnamien" (1981) đều không thấy ghi chữ "pháp quyền." Cuốn từ điển thứ hai này đã dịch chữ "droit" là "luật, pháp luật", và chữ "juridiction" là quyền xét xử. Mãi đến năm 1992, cộng sản mới ghi chữ "pháp quyền" vào các từ điển của họ như cuốn "Tư điển tiếng Việt" hay "Từ điển Việt Pháp" với những nghĩa mới. Từ điển tiếng Việt định nghĩa "pháp quyền" (danh từ) là "Hệ Thống pháp luật tiêu biểu cho quyền lực của nhà nước, cho bản chất của một chế độ". Còn Từ điển Việt Pháp thì dùng chữ "droit" để đối dịch chữ "pháp quyền" (ngoài ra chữ này cũng còn có nghĩa thứ hai là quyền xét xử, nghĩa của chữ "juridiction"). Những điều kể trên cho phép quy kết rằng cộng sản đã dùng chữ "pháp quyền" với một nội dung rất xác định để dịch chữ "droit" của Pháp và vì thế không thể coi "pháp quyền" là tương đương với "pháp luật", quá thông dụng và hầu như đã mất tính cách thuật ngữ để thành khẩu ngữ. Nhưng nội dung cộng sản muốn có là nội dung nào? Điểm này sẽ được quảng diễn ở phần II là phần bàn về nội dung. Để kết thúc phần dành cho hình thức, chỉ cần trích dẫn ba đoạn rất tiêu biểu cho quan điểm cộng sản về pháp luật của họ tức là về "pháp quyền".

Đoạn trích dẫn thứ nhất liên quan đến "pháp quyền" khi chữ này chưa được chính thức dùng để dịch chữ "droit":

"Hiến pháp vừa phải ghi lại những thành quả đã đạt được, "hợp pháp hóa" các thành quả đó, ổn định các thành quả đó thành "*pháp quyền*" (tức là được qui định thành pháp luật và được bảo đảm bằng pháp luật) nhưng không thể không đề cập những mục tiêu phải đạt trong tương lai, một tương lai không xa lắm..." (*Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN), (Hà Nội 1985, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, tr. 344*)

Hai đoạn trích dẫn còn lại cho thấy dưới con mắt cộng sản, luật pháp nghĩa là gì:

1) "Luật: văn bản do cơ quan quyền lực tối cao ban hành qui định những phép tắc trong quan hệ xã hội, buộc mọi người phải tuân theo" (*Từ điển tiếng Việt, Hà Nội 1922, Trung tâm từ điển ngôn ngữ*).

2) "Trong hệ thống pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, luật hình sự có vị trí rất quan trọng. Nó là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa..." (*Lời nói đầu, Bộ Luật Hình Sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội 1985, Nhà Xuất Bản Pháp Lý*).

Rõ ràng là một định nghĩa dành riêng cho pháp luật cộng sản với những mập mờ cố ý: cơ quan quyền lực tối cao theo hiến pháp là quốc hội nhưng theo thực tế thì là "Đảng." Sử dụng chữ "pháp quyền" trong ngữ cảnh ấy như là một chữ tương đương với chữ "droit" thì không thể chủ quan đến mức coi rằng đó là cùng một thứ pháp luật hiểu theo nghĩa của luật học không cộng sản. Nếu trong thâm tâm không chấp nhận luật của cộng sản thì tốt hơn hết là đừng dùng chữ "pháp quyền." Chữ "droit" xưa nay vốn được dịch là "pháp", ghép hai từ "pháp", "quyền" vào với nhau cũng vẫn để dịch chữ ấy là vừa thừa lại vừa thiếu. Thừa là vì đã là pháp thì tất nhiên là có quyền (để chế tài, *trừng phạt*). Vấn đề là quyền ấy ở đâu ra và phải được hành sử như thế nào (trong trường hợp Việt Nam XHCN, quyền của pháp ở dưới Nghị quyết của Đảng). Như vậy, chỉ nói đến quyền không thôi, là nói thiếu. Và nhà nước nào cai trị bằng thứ "pháp quyền" ấy cũng không thể là một nhà nước "pháp trị" theo nghĩa quen thuộc của danh từ.

II - Pháp quyền và pháp trị về mặt "thực" hay là mặt nội dung

Pháp trị và Nhà nước pháp trị

Như trên đã nói, "pháp quyền" chỉ là một nhãn hiệu cộng sản dùng để dán vào "pháp

luật" tự do dân chủ mà thực chất khác xa pháp luật CS. Lấy "pháp quyền" để dịch thành ngữ État de Droit là "Nhà nước pháp quyền" thay vì "Nhà nước pháp trị" là còn làm lớn thêm hơn nữa khoảng cách giữa hai thứ pháp luật ấy. Có thể nói, khoảng cách một trời một vực vì thêm vào sự khác biệt của hai thứ pháp luật lại còn có sự khác biệt của hai loại nhà nước!

État de Droit, tiếng Đức Rechtsstaat, (Nhà nước pháp trị) là một đề tài luật học không đơn giản như nhiều người tưởng, nhất là nếu chỉ hiểu Nhà nước pháp trị qua định nghĩa sơ sài của pháp trị là "căn cứ vào pháp luật để trị vì quốc gia." Cần nhấn mạnh ngay rằng "Nhà nước pháp trị" nói tới ngày nay không phải là loại "Nhà nước pháp trị" thuở xa xưa trước Công nguyên, vào thời của các pháp gia nổi tiếng như Quản Trọng (nước Tề), Tử Sản (nước Trịnh), Công Tôn Ưởng (nước Tần), Thận Đáo (nước Triệu), Lý Tư (nước Tần), Hàn Phi Tử (một pháp gia kiệt xuất không có dịp thi thố tài năng nhưng đã bị giết chết vì tư tưởng pháp trị của mình) v.v...

Với một quá trình hình thành và biến đổi, ngày càng hoàn mỹ, dài trên năm thế kỷ. Nhà nước pháp trị là thành quả của nhiều cuộc cách mạng vừa đổ máu vừa ôn hòa, là nơi tàng trữ những giá trị văn hóa phương Tây, là tinh hoa của văn minh phương Tây và trước thềm thế kỷ 21, đã trở nên kiểu mẫu lý tưởng tổ chức xã hội cho nhân loại.

Miêu tả đầy đủ ở đây các loại nhà nước pháp trị là điều không làm được vì khó mà bao quát hết, dù chỉ phác họa sơ qua hình thể (Configuration) của tất cả các nhà nước pháp trị đã hiện hữu ở Tây phương. Tuy nhiên, để tiện việc so sánh nhà Nước pháp trị với "Nhà nước pháp quyền", tưởng cũng nên nêu lên những đặc tính chung của các Nhà nước pháp trị:

1. Nhà nước pháp trị là nhà nước sinh ra để chống chuyên chế và vì vậy có bản chất chống chuyên chế, bắt đầu bằng việc chống thần quyền, quân quyền tuyệt đối.

2. Nhà nước pháp trị là sự biểu lộ khát vọng của loài người muốn chinh phục phẩm giá, quyền lực cho "con Người" (l'Homme, la Personne) nạn nhân của thần thánh, vua chúa, thiên nhiên, đồng loại v.v...

3. Nhà nước pháp trị, do đó, là Nhà nước của mọi con dân trong một nước (nghĩa là quốc dân) và bởi thế nó được coi như là nhà nước của quốc gia dân tộc (la Nation) không phải của riêng một cá nhân, một dòng họ, một tôn giáo, một giai cấp, một đảng phái, một tập đoàn cầm quyền nào v.v...

4. Nhà nước pháp trị, để tồn tại mà không mất bản chất, đã thiết lập và thượng tôn một trật tự xã hội dựa trên pháp luật, trật tự pháp lý (ordre juridique) (**), trong hệ thống pháp luật (pháp chế) của trật tự pháp lý này, các quy phạm có đẳng cấp trên dưới rõ rệt (hiến pháp, luật, văn bản dưới luật v.v...) không ai có thể tùy tiện đảo lộn hay xóa bỏ.

5. Nhà nước pháp luật, bởi vậy, đã phải phân chia quyền hành minh bạch (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và hành sử các quyền này theo đúng kỷ cương, có sự kiểm soát nghiêm mật để tránh lạm quyền, bảo đảm cho các "nhân quyền", thành văn hay không thành văn, được sử dụng tôn trọng, để cho con người, mọi người, có cơ hội hành xử tự do của mình, để cho có đa quyền về tư tưởng, về tổ chức v.v... Nhà nước pháp trị là Nhà nước có đặc điểm nổi bật "ít Nhà nước."

6. Nhà nước pháp trị, kể từ thập niên 50, ngày càng có xu hướng mạnh mở rộng ra ngoài

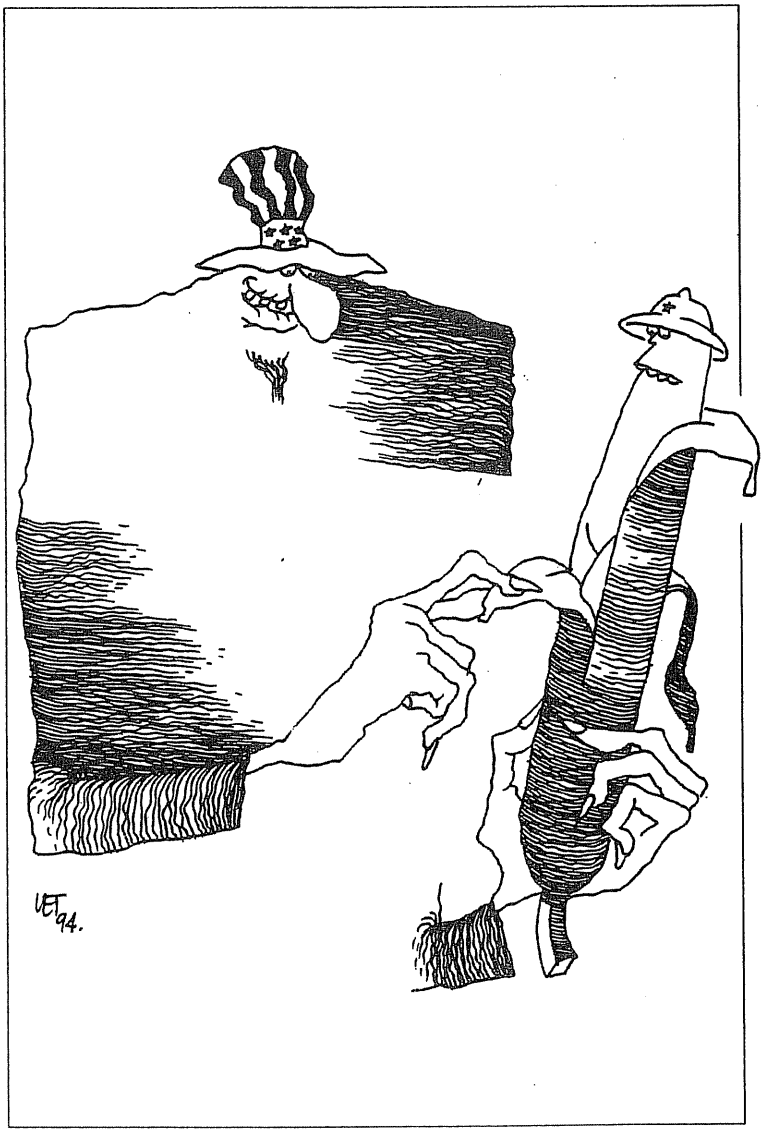

biên cương của quốc gia phạm vi hoạt động của mình (Liên Hiệp Quốc) và đến thập niên 90 thì các hệ thống pháp luật riêng đã bắt đầu có sự điều hành chung đang có cơ hội đi tới thống nhất làm nền tảng cho một trật tự pháp lý hoàn cầu.

7. Nhà nước pháp trị, nói tóm lại, là dấu tích mà loài người đã và đang lưu lại trên bước đường tiến hóa xa dài đã qua và còn đang đi tới của mình.

8. Nhà nước pháp trị, như lịch sử đã chứng minh, cho đến nay là Nhà nước của dân chủ tự do (démocratie libérale), những Nhà nước chuyên chính cũ để trở thành nhà Nước pháp trị đều tự hủy diệt mầm mống chuyên chính, như Liên Xô cũ và các nước Đông Âu.

Trung Quốc, Việt Nam (Cuba, Bắc Hàn chắc cũng vậy!) không nói pháp trị, chỉ nói "pháp quyền" là để tiếp tục duy trì chuyên chế (chuyên chính).

Nhà nước hiện nay ở Việt Nam không phải là nhà Nước pháp trị.

Đến đây, có thể nêu lên hai câu hỏi. Thứ nhất, Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay tuy mang nhãn hiệu "Nhà nước pháp quyền" có phải là Nhà nước pháp trị không? Thứ hai, nếu là không, hay chưa, là nhà nước pháp trị thì trong tương lai nó có thể trở thành Nhà nước pháp trị được không?

Để trả lời câu hỏi thứ nhất, không thể căn cứ vào quyển "Tìm hiểu về Nhà nước pháp quyền" mặc dù rằng nó là sản phẩm của Viện nhà nước và pháp luật và Nhà xuất bản pháp lý "được phép" xuất bản. Trước hết vì đó không phải là tiếng nói chính thức của đảng. Thứ đến, dù cho là tiếng nói của Đảng chăng nữa thì tiếng nói ấy cũng chỉ là một luận điệu trong nhiều luận điệu tuyên truyền, luận điệu dành cho dư luận ngoại quốc và quảng cáo cho trò "đổi mới" kiểu "Vũ Như Cẩn"! Sau hết, tuy một mặt phải khen năm tác giả cuốn sách đó đã cố gắng tỏ ra khách quan, dám nói tới một ý kiến trước đây vẫn bị kết án là tư sản phản động nhưng mặt khác lại không thể không phiền trách họ là đơn giản hóa quá mức các kiến thức về Nhà nước pháp trị và đôi khi cố ý hay vô tình gây một cảm tưởng rằng "Nhà nước pháp quyền" là Nhà nước pháp trị và nội dung của hai chỉ có bấy nhiêu, nghĩa là như đã được "tổng thuật" trong cuốn sách của họ!

Muốn có cơ sở chắc chắn để quyết đoán rằng Nhà nước CHXHCN Việt Nam là loại nhà nước gì, có phải là Nhà nước pháp trị gọi theo ngôn ngữ Cộng sản mới, "Nhà nước pháp quyền" không, thì phải dựa vào những tài liệu gốc, xuất phát từ chủ nghĩa Mác-Lênin, các nghị quyết của Đảng, các sách, báo, chính thống của Đảng.

Cái gọi là nhà nước CHXHCN chính thức được Đại hội IV cho ra đời khi đảng Cộng sản cưỡng chiếm xong được miền Nam, và phát hiện đầy đủ cả về mọi mặt bản chất của nó. Các tài liệu chính thức của Đại Hội này đã cho thấy từ hiến pháp đến tất cả pháp luật xã hội chủ nghĩa đều qui về một mối duy nhất đúc kết qua những đoạn trích dẫn dưới đây:

"Nội dung hệ thống pháp luật bao gồm các thể chế có mối liên lạc hữu cơ với nhau, bổ sung lẫn nhau và làm điều kiện cho nhau nhằm cuối cùng xây dựng và thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý. Hệ thống pháp luật của ta phải thể hiện rõ chế độ tập trung dân chủ trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội...

Tóm lại, hệ thống pháp luật mà chúng ta xây dựng phải thể hiện tính nguyên tắc nhất quán, nội dung qui phạm năng động, mềm dẻo nhưng chặt chẽ, rõ ràng, bảo đảm sức mạnh của chuyên chính vô sản..." (Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam, tập II, Bình luận, Hà Nội 1985, Nhà Xuất bản Khoa Học Xã Hội, tr.360-361).

"Pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCN) là một biện pháp quan trọng nhằm tăng cường chuyên chính vô sản..." (Trường Chinh, Tham luận tại Đại Hội Đảng lần thứ IV).

Quảng diễn ý kiến của Trường Chinh, các luật gia được giao chức vụ chính thức của Đảng đã nói về pháp luật (nghĩa là pháp quyền) XHCN như sau:

"Dưới ánh sáng của Nghị Quyết Đại Hội lần thứ IV của Đảng, chúng ta khẳng định rằng: nhà nước CHXHCN là Nhà nước chuyên chính vô sản trên phạm vi cả nước" *(Tạ Như Khuê, Những vấn đề pháp lý qua Nghị Quyết Đại Hội lần thứ IV của Đảng, tr.33, Hà Nội 1978, Viện Luật Học, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội).*

"Giữa nhà nước chuyên chính vô sản và Đảng có mối tương quan chặt chẽ. Trong chế độ XNCN, đảng CS là đảng đang nắm chính quyền và như mọi người đều biết, vấn đề chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Đảng không thể lãnh đạo xã hội, lãnh đạo nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội nếu không có Nhà nước. Ngược lại, Nhà nước không thể làm tròn nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, không thể phát huy được mạnh mẽ và đầy đủ các chức năng của mình nếu không có sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước sẽ không phải là nhà nước XHCN nếu không do đảng CS lãnh đạo, nếu hoạt động của nó không dựa trên đường lối Mácxít-Lêninnít của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước XHCN" (Ngô Hướng Đàm, sách đã dẫn, tr. 45).

Quan điểm, chủ trương về Nhà nước ở trên là sự thực thi tư tưởng Mác-Lênin:

"Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện... Không một vấn đề quan trọng nào về chính trị hoặc về tổ chức được cơ quan Nhà nước ở nước cộng hòa chúng ta giải quyết mà không có ý kiến lãnh đạo của Đảng" (Lênin Toàn tập, tập 41, tr.31, Ngô Hướng Đàm trích dẫn trong sách đã dẫn).

"... một nguyên tắc tối quan trọng là bộ máy Nhà nước phải phục tùng và thực hiện mọi đường lối, chính sách và chỉ thị của Đảng... như Lênin đã viết: Cần sử dụng mọi lực lượng để đạt được một cách vô điều kiện sự phục tùng hoàn toàn của bộ máy Nhà nước đối với chính sách Đảng" (sách đã dẫn, tr.48).

Lời kết luận không thể rõ rệt hơn của một luật gia khác, một luật gia "hộ Đảng", Nguyễn Văn Thảo, về Nhà nước XHCN là:

"Toàn bộ đường lối, chính sách của Đảng ghi trong Đại Hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và

các Nghị Quyết tiếp theo của các phiên họp của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, các chỉ thị của Bộ chính trị và Ban bí thư là nội dung cơ bản, chỉ đạo mọi hoạt động xây dựng pháp luật của Nhà nước..." (Nguyễn Văn Thảo, Hiến pháp..., sách đã dẫn, tr.263).

Sau khi đọc hết mấy đoạn trích dẫn trên, ai là người đủ can đảm để nói rằng "Nhà nước pháp quyền" kiểu CSVN là Nhà nước pháp trị kiểu phương Tây?

Nhà nước ấy trong tương lai cũng không thể trở thành Nhà nước pháp trị được.

Để trả lời câu hỏi *"Nhà nước CHXHCN Việt Nam" có thể trở thành một "Nhà nước pháp trị" được không*? quả thật không khó khăn gì. Năm 1992, đảng CSVN đã sửa đổi hiến pháp và không nói tới chuyên chính vô sản nữa. Nhưng không nói là không phải là sẽ không có chuyên chính vô sản nữa. Năm 1945, "cụ Hồ" đã công khai và chính thức tuyên bố giải tán đảng CS, rốt cuộc đảng vẫn tiếp tục hoạt động và hoạt động mạnh để năm 1975 chiếm quyền trọn cả nước bằng chủ nghĩa và Đảng. Mặt khác cái khung của chuyên chính vô sản vẫn còn, đảng vẫn nắm quyền lãnh đạo, nghĩa là nắm quyền sinh quyền sát ở trong tay. Nhà nước chỉ là công cụ cai trị của đảng. Có gì bảo đảm và ai dám bảo đảm rằng đảng đã tự giác ngộ, đã đi vào con đường dân chủ nghĩa là đã từ bỏ chuyên chính, nhất là đảng vẫn khư khư ôm lấy điều 4 của hiến pháp dành cho riêng mình độc quyền lãnh đạo chính trị, vẫn thẳng tay đàn áp những người dân chủ ôn hòa như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Văn Thuận, Đoàn Thanh Liêm, vẫn lũng đoạn nội bộ các tôn giáo, trói tay văn nghệ sĩ, bưng miệng báo chí v.v...? Chừng nào không có bằng chứng rõ rệt thì không thể không coi cái gọi là "Nhà nước pháp quyền" hiện đang cầm quyền là Nhà nước chuyên chính vô sản.

"Pháp quyền" là pháp luật chuyên chế, "Nhà nước pháp quyền" là Nhà nước chuyên chính.

Với tất cả những dữ kiện đã thu thập ở trên, ta có thể bắt từ ngữ cộng sản "pháp quyền" hiện nguyên hình. Nếu muốn dùng chữ "pháp quyền" để dịch chữ "droit" thì phải hiểu và nhớ rằng đối với CS, đặc biệt đối với những người CS đã qui y tư tưởng Mác-Lênin, "luật" hay theo từ ngữ mới "pháp quyền", chỉ là công cụ (mà còn phải sắc bén!) của chuyên chính vô sản nghĩa là loại luật lệ có tính giai cấp rõ rệt do đảng CS, tuy mượn danh nghĩa "nhân dân" nhưng kỳ thực tự quyền làm ra, tự quyền dùng bạo lực để áp đặt, không ai, kể cả Liên Hiệp Quốc, có quyền kiểm soát vì đảng đã tự kiểm soát rồi. Đảng đẻ ra luật nên đảng ở trên luật. Quốc hội Cộng sản do đảng lập ra, chỉ là công cụ, bù nhìn của đảng, các văn bản do quốc hội ấy biểu quyết không là gì khác hơn những sao chép dưới hình thức khác của những nghị quyết của đảng. Nếu muốn dùng thành ngữ "nhà nước pháp quyền" để dịch thành chữ "État de Droit" thì cũng nên hiểu và nhớ rằng "Nhà nước" CS là công cụ nhằm thực hiện chuyên chính vô sản, công cụ này nếu đi đôi với công cụ "pháp quyền" thì mức độ chuyên chính phải coi là tối đa. Đó là thứ Nhà nước có tên gọi là cực quyền toàn trị (totalitarisme). Một Nhà nước giả thiết có "pháp quyền", biết tôn trọng "pháp quyền" nhưng ở dưới một chế độ "đảng trị" kiểu "đảng lãnh đạo..." thì dù có đổi tên gọi thành "Nhà nước pháp quyền" cũng vẫn là nhà nước chuyên chính vô sản. Pháp luật trực tiếp ảnh hưởng tới tài sản, tự do, danh dự, an ninh, thậm chí với cả sinh mạng con người nên phải rõ ràng phân

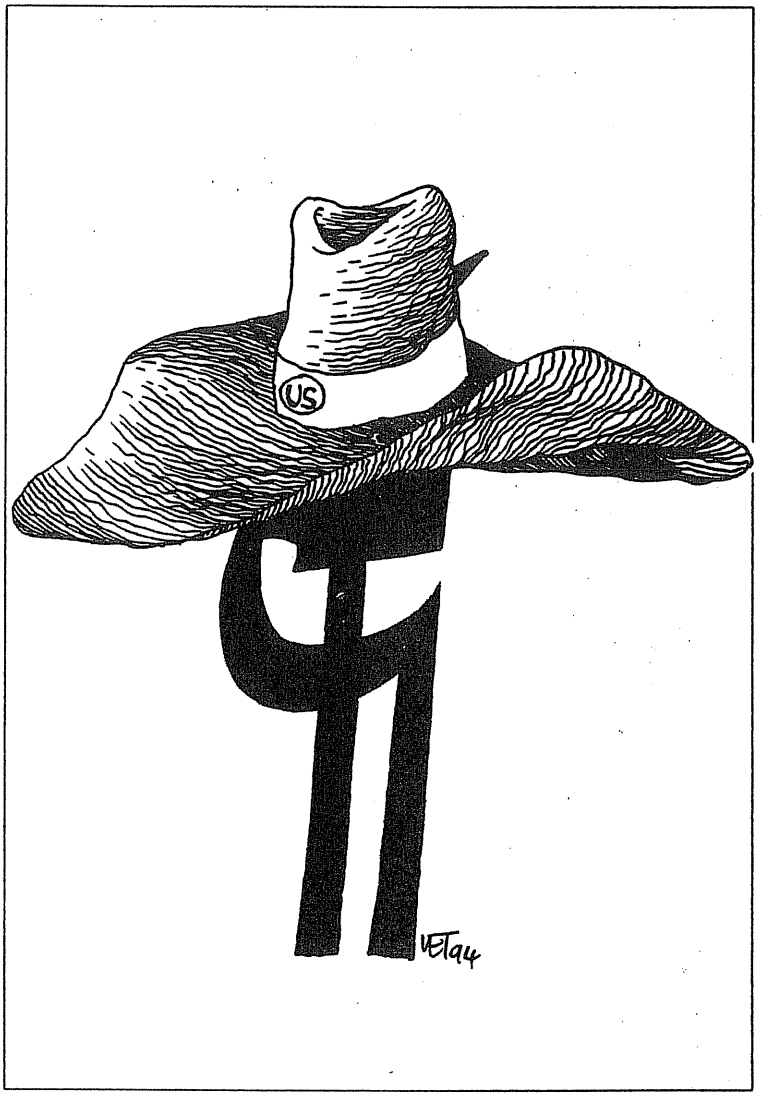

minh, không thể có chuyện "ông nói gà, bà nói vịt." Cho nên phải dùng tên gọi "Nhà nước pháp trị" để phân biệt loại Nhà nước dân chủ tự do, có bản chất chống mọi hình thức chuyên chế, với loại Nhà nước CS, có bản chất chuyên chế tới cực độ, và để chỉ loại Nhà nước không ở dưới chế độ đảng trị kiểu "đảng lãnh đạo", tức là loại Nhà nước "État de Droit" của phương Tây, với sự thượng tôn luật pháp để nhân quyền được tôn trọng, bạo lực không được dùng để chuyên chế, công lý, nhân đạo được thực hiện trong xã hội ở đây và ngay bây giờ.

Phải tránh không nên dùng từ ngữ "pháp quyền"

Tổng kết, phải gạt bỏ từ ngữ "pháp quyền" và thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" nếu chúng ta, nhất là những luật gia, không muốn trở thành đồng lõa tri tình hay vô tình với cộng sản để lường gạt dư luận quốc tế và, nguy hại hơn, lường gạt đồng bào. Để dứt khoát như vậy, cần rũ bỏ mọi ảo tưởng về một "viễn tưởng dân chủ hóa bằng kinh tế theo định hướng XHCN" mà những người CS đang ra sức dựng lên trong dư luận và bằng những từ ngữ lập lờ. Điều lúc nào cũng phải ghi nhớ là những người CS "mácxít-lêninnít" có những tin tưởng có tính quy luật "khoa học" theo đó, trước sau như một, "Nhà nước", (Etat), phải là "vô sản tổ chức thành giai cấp thống trị" (LEtat, cést-à-dire se prolétariat organisé en classe dominante). Cách định nghĩa nhà nước như vậy là của Marx và Lenin, trong cuốn sách gối đầu giường của những người CSVN, cuốn "Nhà nước và cách mạng" (LEtat et la révolution), đã đưa nó lên hàng giáo điều cộng sản vĩnh hằng. Lenin còn khai triển quan điểm của Marx về loại Nhà nước ấy đại ý như sau: "Học thuyết về đấu tranh giai cấp mà Marx áp dụng vào các vấn đề Nhà nước và cách mạng XHCN nhất định phải đưa tới sự thống trị vô sản, đưa tới chuyên chính của nó, nghĩa là một chính quyền của một Nhà nước, một tổ chức có sức mạnh trong việc xây dựng kinh tế XHCN." Đó là tư tưởng "Mác-Lênin" (chính hiệu, một trăm phần dầu), ai còn hồ nghi xin đọc cuốn "Nhà nước và cách mạng" nói ở trên. Cái gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh cũng chỉ là con hoang của tư tưởng "Mác-Lênin" vì đứa cháu hoang của tư tưởng "Mác-Lênin", Nhà nước "Việt Nam dân chủ cộng hòa" những năm 1946 và 1959 mà "cụ Hồ" là tay thợ cả, là một Nhà nước "thi hành nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản" nghĩa là một Nhà nước chuyên chính (mèo đen thì phải gọi là mèo đen, không thể gọi là mèo trắng cũng như đã chuyên chính thì không thể dân chủ). Các quan điểm về Nhà nước mà cặp đôi Marx-Engels đã phát biểu vào giữa thế kỷ trước, Lênin đã phát biểu vào năm 1917 nay đã bị thực tế minh chứng là sai lầm to lớn sờ sờ trước mắt. Vậy mà một "tối thiểu số" những người CSVN vẫn một mực bám lấy chúng dù rằng — thật là trớ trêu! — chính thiểu số ấy lại đã tự biến mình thành tư sản (đỏ) để bóc lột, và tiếp tay cho tư bản ngoại quốc, bóc lột vô sản dân tộc. Chờ đợi tập đoàn thiểu số cầm quyền ấy tự mình lật đổ mình để đất nước được dân chủ hóa là "đáy bể mò kim"! Công thức phải ghi lòng tạc dạ để không bị huyễn hoặc là: "Nhà nước XHCN, loại mácxít-lêninnít (dù gọi là Nhà nước pháp quyền) = Nhà nước chuyên chế."

Gạt bỏ từ ngữ "pháp quyền", thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" có nghĩa là không thể chấp nhận việc đảng CS tiếp tục áp đặt các "pháp quyền" (tức là luật pháp) hiện hành mà thực chất chỉ là các nghị quyết, chỉ thị của đảng, không thể chấp nhận "Nhà nước pháp quyền" đang được rao bán mà thực chất cũng chỉ là công cụ của đảng để toàn trị đất nước.

Yêu sách chính đáng vì hợp thời, hợp tình, hợp lý là Đảng CSVN phải trả lại cho quốc dân quyền quản trị quốc gia để quốc dân hành sử quyền ấy theo thể thức dân chủ, nghĩa là bầu cử tự do. Về điểm này, những người Việt Nam đã chọn dân chủ — tuyệt đại đa số — không có gì học hỏi chủ nghĩa cộng sản và phó sản của nó là tư tưởng Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những hoang tưởng cực quyền toàn trị đã phá sản, không có gì học hỏi người CS, tay nghề về chuyên chính. Đảng CS không nên loanh quanh với những luận điệu không chút gì nghiêm chỉnh như "pháp quyền", "ổn định" v.v... để câu giờ trên đau khổ của đồng bào đã kéo dài từ nửa thế kỷ nay.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam tại chức, nếu muốn trở thành — và được quốc tế cũng như những người Việt Nam dân chủ công nhận — một "Etat de Droit" hay "rechtsstaat", "Nhà nước pháp trị", thì phải đổi luật pháp của mình, xóa bỏ mọi tàn tích của chế độ đảng trị độc tôn nhân danh đấu tranh giai cấp coi rẻ nhân phẩm, tự do của con người, khinh thường luật, đạo lý quốc tế và đặc biệt phải vĩnh viễn dứt khoát từ bỏ ý đồ dùng pháp luật làm công cụ chuyên chế bất kỳ dưới hình thức nào, danh nghĩa nào. ■

CHÚ THÍCH:

(*) Paris, 10-4-1994, do Ủy Ban Dân Chủ tổ chức.

(**) Thuật ngữ chính thức cộng sản dịch "ordre juridique" là "trật tự pháp luật" (xin đọc Bộ luật hình sự, Nhà xuất bản Pháp Lý, Hà Nội 1985). Sự kiện thuật ngữ này không dùng thành ngữ "trật tự pháp lý" mà dùng thành ngữ "trật tự pháp luật" buộc phải qui kết rằng trật tự CS đã và đang áp đặt là một trật tự chỉ dựa trên luật pháp thực định (droit positif) không thôi, nghĩa là chỉ bao gồm luật pháp do CS làm ra và ban hành, không kể gì tới luật tự nhiên (droit naturel) các triết lý, học lý, các qui phạm quốc tế có tính cưỡng chế qui phạm của loài người (jus cogens) và các qui phạm quốc tế khác về nhân quyền v.v... Nói cách khác, chỉ loại luật pháp CS ấy mới được coi là luật pháp — tức là "pháp quyền" — và loại luật pháp CS này, như đã được xác định trong Bộ luật hình sự 1985 (BLHS), bộ luật đã áp dụng để xét xử Doãn quốc Sỹ, Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Văn Thuận, Phạm Đức Khâm, Đoàn Thanh Liêm v.v..., nhằm trừng phạt mọi "hành vi nguy hiểm cho xã hội... xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc (xin hiểu theo nghĩa Tổ quốc xã hội chủ nghĩa), xâm phạm chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chế độ kinh tế và sở hữu xã hội chủ nghĩa..." (BLHS, điều 8). Hiển nhiên là một thứ "pháp quyền" giới hạn sặc mùi ý hệ, đầy tính đấu tranh giai cấp như thế không thể đồng hóa với pháp luật dân chủ tự do.

RICHARD NIXON:

CHÍNH TRỊ, THÀNH CÔNG VÀ NGHỊCH CẢNH

NGUYÊN HƯƠNG

Trong lịch sử Hoa Kỳ chưa có vị tổng thống nào tạo được thành tích sáng chói đồng thời cũng mang thêm thất bại chua cay như tổng thống Richard Mulhous Nixon vừa qua đời ngày 18-4-1994 tại New York.

Theo dư luận các giới truyền thông và chính trị gia chuyên nghiệp, Richard Nixon là tổng thống Ho Kỳ xuất sắc nhất của hạ bán thế kỷ 20 (1), đồng thời cũng là vị nguyên thủ quốc gia đã làm mất mát nhiều sự mến thương trong quần chúng vì ảnh hưởng của vụ Watergate.

Tổng Thống Nixon.

Cả cuộc đời ba chìm, bảy nổi, liên tiếp thành công và thất bại với những xót xa bẽ bàng Nixon coi như cái giá phải trả trong "nghiệp" chính trị đầy nghịch cảnh của mình. Từ một sĩ quan hải quân giải ngũ sau trận Thế Giới Đại Chiến II, trở thành dân biểu (1946), thượng nghị sĩ (1950), phó tổng thống (1950), hai lần thất bại trong cuộc tranh cử tổng thống (1960) và thống đốc California (1962), qua New York hành nghề luật sư với Wall Street, trước khi trở lại chính trường trúng cử tổng thống hai nhiệm kỳ, Nixon là vị tổng thống đầu tiên phải từ chức nửa chừng.

Sau đại họa Watergate coi như tiêu tùng luôn sự nghiệp chính trị, con người không bao giờ bỏ cuộc, không chấp nhận đầu hàng là Nixon, trong cô đơn lưu đày chính trị vẫn can đảm hoạt động, cố gắng vươn lên, tự lực phấn đấu tạo cho mình một hình ảnh Nixon mới, thay thế cho hình ảnh cũ đang bị hoen ố, lu mờ vì ảnh hưởng báo chí, truyền thanh, truyền hình.

Từng bước một rất kiên trì, Nixon chính khách ngoại hạng đóng vai Tô Tần kiểu Mỹ chu du thuyết khách khắp năm châu, bốn bể. Nixon nhà chính trị tài ba sắc cạnh viết hồi ký lịch sử, bàn luận đại thế thiên hạ, chuyển hướng mới của nhân loại sau cuộc Chiến Tranh Lạnh mà Nixon tiên đoán sẽ kết thúc (2). Nixon tổng thống thất sủng trở thành cố vấn của tổng thống phe Cộng Hòa và quân sư đối ngoại của tổng thống B. Clinton.

Nixon viết sách vì mình, vì những thua thiệt đớn đau trong cuộc đời chính trị đầy sóng gió. Nixon viết vì quyền lợi quốc gia Hoa Kỳ từ thế lưỡng cực trong tương quan chính trị thế giới, đang trở thành siêu cường độc nhất trên hoàn vũ sau ngày khối Cộng Sản Đông Âu tan vỡ.

Quần chúng nói chung dễ tin, dễ bị xúc động và vì thành kiến Watergate, trước đây ít người nhìn rõ tầm mức chiến lược quan trọng về những thực hiện của tổng thống R. Nixon trong chính sách đối nội và đối ngoại mà ảnh hưởng lớn lao còn kéo dài đến ngày nay.

Điều lạ lùng hơi khó hiểu, Nixon nhà chính trị bảo thủ thuần nhất cũng là tổng thống có nhiều sáng kiến và quyết định cấp tiến. Ví dụ chương trình New American Revolution về bảo vệ môi sinh, chính sách an ninh nghề nghiệp, an sinh xã hội và hợp thời vụ nhất vấn đề bảo hiểm sức khỏe công cộng.

Mới chân ướt chân ráo vào quốc hội, dân biểu Nixon yêu cầu mở lại hồ sơ điều tra vụ Alger Hiss về hoạt động Cộng Sản trong khi là nhân viên cao cấp của bộ Ngoại Giao. Hiss, thường cung cấp tin tức cho báo chí, và được báo chí thiên tả ủng hộ, bị kết án mấy năm tù. Danh tiếng Nixon nổi bật từ đây nhưng cũng

từ đây, giới trí thức cấp tiến Hoa Thịnh Đốn không thể nào tha thứ được Nixon.

Trong lần tranh cử dân biểu năm 1946, đương đầu với một đối thủ lợi hại, Jerry Woorhis, dân biểu kỳ cựu năm nhiệm kỳ liên tiếp, vừa giàu có vừa thế lực mạnh, Nixon tố cáo J. Woorhis là công cụ của nhóm tả phái nghiệp đoàn có lập trường thân Cộng.

Ứng cử Thượng Viện mấy năm sau, Nixon gặp thêm một đối thủ cấp tiến khác, thế lực hơn, Helen Galaghan Douglas, nữ tài tử Hollywood có thành tích hoạt động khuynh tả, bạn thân của Arevell Harriman, của Eleanor Roosevelt từng đỡ đầu Douglas trong hai lần ứng cử dân biểu hạ viện, lại được anh em Kennedy ủng hộ tài chánh dồi dào. Không ngại ngùng tố cáo trước cử tri Douglas thân Cộng, thắng cử lần này, tên tuổi Nixon náo động chính giới Hoa Kỳ.

Ba lần bày tỏ lập trường chống cộng dứt khoát, ba lần thắng trận. Mối thù chính trị giữa Nixon với tập đoàn trí thức khuynh tả Hoa Thịnh Đốn, với The Old Easter Establishment, với giới truyền thông Hoa Thịnh Đốn, nhất là The Washington Post là tờ báo ủng hộ Helen Douglas, bắt đầu từ đây và sẽ còn tiếp tục đeo đuổi suốt cuộc đời chính trị Nixon. (The Washington Post sau này, qua Carl Bernstein và Bob Woodward là tờ báo mở đầu và tiếp tục khai thác dài dài vụ Watergate).

Chống cộng mạnh mẽ như vậy, nhưng rất thực tế, Nixon là người đầu tiên chủ trương "détente" với Cộng Sản khi thấy rằng cuộc chiến tranh lạnh phải đến hồi kết thúc. Muốn "ngăn đê" Cộng Sản, Hoa Kỳ phải luôn luôn giữ vững thế thượng phong quân sự và chủ động ngoại giao. Nixon đích thân đi Moscow (vị tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên) điều đình việc bán lúa mì với điều kiện dễ dàng làm món quà trao đổi ký thêm hiệp ước tài giảm vũ khí chiến lược (SALTI) bổ túc hiệp ước ABM ký kết trước đây.

"Thần sầu" hơn không ai ngờ nổi, Nixon bí mật đi Bắc Kinh gặp Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai bàn chuyện tái lập bang giao, trước khi tiến qua giai đoạn hai: Việt Nam hóa chiến tranh, rút quân đội Hoa Kỳ về nước.

Trở về nội bộ lưỡng đảng Dân Chủ và Cộng Hòa, với kế hoạch "The Southern Strategy" Nixon là người đầu tiên chọc thủng bức trường thành kiên cố phương Nam (the Old and New South), căn cứ địa lâu đời của đảng Dân Chủ. Qua John Connally và nhờ Connally (một yếu nhân đảng Dân Chủ sau ngày Lyndon Johnson mất, ngã theo Nixon, theo đảng Cộng Hòa), Nixon đưa tiểu bang Texas về với đảng Cộng Hòa, lần đầu tiên tạo thế quân bình lực lượng hai đảng tại địa phương. Từ đó nhờ khối cử tri đông đảo Texas, đảng Cộng Hòa giữ vững tòa Bạch Ốc mười mấy năm liền. Nixon thảm bại về vụ Watergate, đảng Cộng Hòa vong ân bội nghĩa bỏ rơi ông John Connally, nhân vật mà có lần Nixon chọn làm phó tổng thống. Ngày Connally mất, khánh tận về chính trị, khánh tận luôn cả sự nghiệp kinh doanh, Nixon một mình về Texas dự đám tang người bạn mới, đồng hành và đồng chí tài ba mưu lược nhưng không may mắn gặp thời.

Là nhà chính trị lão luyện, Nixon hiểu rõ hơn ai hết con đường vương đạo và bá đạo. Nixon cũng hiểu rõ hơn ai hết ý nghĩa quyền lực và xử dụng quyền lực theo quan niệm các nhà lãnh đạo Âu Châu thế hệ tiền bối. Một thứ quyền lực hai chiều: một đường đưa đến ánh sáng rực rỡ; chiều ngược lại, đi về bóng đêm thẳm thẳm.

Bị báo chí rình mò, phải luôn luôn đề phòng kẻ thù chính trị bao vây, những mâu thuẫn nội tại dằng dai đã biến Nixon thành một lãnh tụ bén nhạy và đảm lược, dám làm và làm được, đồng thời cũng tạo thêm nhiều kẻ thù nguy hiểm, sẵn sàng khai thác tối đa những sơ hở, lỗi lầm chiến thuật, chiến lược của Nixon.

Sống trong một thời đại mà chính trị đã biến thành nghề nghiệp, Nixon đứng riêng một cõi, một thứ (duyên) nghiệp hơn là nghề (nghiệp). Chính trị là cuộc đời của chính Nixon, một thứ đam mê Nixon đeo đuổi rất lý tưởng và cũng rất thực tế. Vững vàng tự tin nhưng cứng cõi lạnh lùng như con người, bộ điệu, ngôn ngữ Nixon. Một chính trị gia khôn khéo, nhưng cũng là một mẫu người "clumsy man", vẫn thường sử dụng thứ ngôn ngữ "đốp chát "locker-room language" trong những lần nói chuyện với bạn bè.

Người ngoại cuộc thương hay ghét đối với Nixon chưa cần thiết lắm; chính mình phải biết mình làm đúng, đi đúng đường mình đã vạch ra, và cứ thế thẳng tiến.

Đối lại đám đông quần chúng bạo động đang xuống đường gào thét (Nixon gọi là đó "ba-de ăn cướp" a band of violent thugs), Nixon phản ứng bằng từ ngữ chính trị mới: Đa Số Thầm Lặng. Đa số thầm lặng này đang ủng hộ Nixon cũng như họ đồng ý với Nixon khi chỉ trích một số cơ quan ngôn luận vô trách nhiệm, quá khích, phản lại thiên chức báo chí của mình.

Trong lần ra ứng cử Thượng Viện năm 1950, biết rõ nữ đối thủ của mình được Cộng Sản ngấm ngầm hỗ trợ, Nixon không ngần ngại chỉ đích danh Helen Douglas: "The Pink Lady, right down to her underwear."

Thành công chưa phải là ý nghĩa cuộc đời; mất quyền, mất thế vì vậy chưa phải là thất bại, tan vỡ. Cái thất bại, thất sủng hẩm hiu nhất đối với Nixon là bỏ cuộc, đầu hàng.

Biết làm đúng và dám làm, phải biết thua nếu cần. Có thể thua luôn hai, ba keo, nhưng đừng bao giờ bỏ cuộc, đừng để thất cơ lỡ vận. Đó là bí quyết, đó là "nghiệp" chính trị của Nixon.

Tôi vừa xem xong đêm nay trên màn ảnh nhỏ lễ quốc táng tổng thống Richard Mulhous Nixon cử hành tại Yorba Linda trong khuôn viên thư viện R. Nixon, bỗng nảy ra ý nghĩ so sánh R. Nixon với J. Kennedy.

Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1960, Nixon chỉ thua Kennedy với một số phiếu quá nhẹ nhàng, 114673 phiếu. Nếu muốn, như nhiều người đề nghị, ứng cử viên R. Nixon có thể yêu cầu soát xét lại kết quả kiểm phiếu hay kiện thưa về một vài lầm lẫn, gian lận có bằng chứng đã xảy ra. Nhưng xử sự như một chính khách lão thành, Nixon không làm.

Tờ New York Herald Tribune lúc bấy giờ có sẵn một loạt bài viết về kết quả cuộc bầu cử; gặp phóng viên Earl Mazo, Richard

Nixon khẩn khoản yêu cầu xếp bỏ, đừng tiếp tục đăng thêm vì quyền lợi quốc gia, vì mục đích đoàn kết chung Hoa Kỳ lúc bấy giờ đang xáo trộn, chia rẽ vì vấn đề chiến tranh Việt Nam.

"Đất nước chúng ta không thể chịu đựng thêm cảnh hấp hối của một cuộc khủng hoảng thể chế. Còn đáng tội hơn khi chính tôi tạo ra một cuộc khủng hoảng mới chỉ vì lý do muốn làm tổng thống..." (3)

Trong lần tranh cử nhiệm kỳ hai, qua các cuộc thăm dò dư luận, R. Nixon nắm chắc phần thắng trong tay vì ứng cử viên George Mc Govern chưa phải là đối thủ của R. Nixon (Và thực tế là như vậy, R. Nixon đã đánh bại đối thủ với một số phiếu quá chênh lệch, hơn 18 triệu phiếu). Vậy cần gì và tại sao Nixon hay bộ tham mưu bầu cử phải bày thêm trò xâm nhập trụ sở đảng Dân Chủ đưa đến thảm họa Watergate!

Trong sinh hoạt chính trị đảng phái Hoa Kỳ, mưu mô lừa lọc, lũng đoạn, áp đảo cạn tàu ráo máng đến độ tàn nhẫn, trò chơi bẩn (dirty tricks) là chuyện thường xảy ra. Chính Nixon đã một lần gặp dirty tricks của anh em Kennedy, đã từng biết rõ vụ lem nhem tiền bạc bầu cử của Lyndon Johnson. Nixon đã từng có cử chỉ đẹp trong vụ bầu cử tổng thống với Kennedy, lần này thắng thế Mc Govern thấy trước quá rõ ràng, tại sao lại có thể xảy ra vụ Watergate. Hay vì đảng Dân Chủ chơi bẩn, Nixon và ê-kíp bầu cử của Nixon, những Haldemen, John Erlichman, Charles Colson, Goerdon Liddy cho rằng luật chơi phải thế nên cùng nhập cuộc theo?

Watergate, sau này đã được nhắc lại trong hai tác phẩm hồi ký của Nixon: R.N: The Memoirs of Richard Nixon (1978), In The Arena (1990), và một lần trong cuộc phỏng vấn truyền hình của David Frost. Nhưng, cái tại sao đầy bí ẩn nói trên vẫn còn nguyên, như cái chết đầy bí ẩn của tổng thống J. Kennedy.

Những ai thường theo dõi sinh hoạt chính trị Hoa Kỳ chắc hẳn đều có chung nhận xét: chủ động quyền lực nước Mỹ chưa hẳn là tòa Bạch Ốc mà chính là những trung tâm quyền lực nằm trong bóng tối, và... lấp lánh xa xa là khối tài phiệt. Ít nhiều các vị tổng thống tương lai đều do những trung tâm quyền lực này sắp xếp, chuẩn bị khai sinh và đạo diễn trước khi đưa ra trình diện cử tri.

John Kennedy, hào quang Kennedy, trước sau chỉ là một huyền thoại. Tổng thống J. Kennedy chết sớm, hình ảnh Kennedy còn đẹp mãi trong ký ức quần chúng.

Thử tưởng tượng, nếu J. Kennedy còn làm chủ tòa Bạch Ốc thêm vài năm, với những thất bại chính trị có thể xảy ra như vụ Vịnh Con Heo (Cuba), hay với đời tư vị tổng thống "đẹp trai, con nhà giầu" sẽ được báo chí soi mói phanh phui, chắc gì hình ảnh đẹp ấy còn giữ nguyên.

Ngược lại, thử tưởng tượng nếu tổng thống R. Nixon qua đời trước đây 10, 15 năm: Hình ảnh Watergate chưa xóa mờ, việc phục hồi danh dự tổng thống chưa đến lúc... Hai mươi năm qua, đam mê sôi nổi chính trị lắng dịu dần, cái nhìn Watergate năm 1994 cởi mở hơn, đã khác đi nhiều so với cái nhìn trước đây. Không cần phải nói đến mấy chữ phục hồi danh dự, Richard Nixon vẫn tự nhiên được nhìn nhận là người lãnh đạo đã góp công lớn trong việc chấm dứt chiến tranh lạnh, đưa nước Mỹ qua một vận hội mới.

Sau ngày R. Nixon phải từ chức vì vụ Watergate, không ai nghĩ rằng vị tổng thống thất sủng này còn có thể trở lại chính trường. Điều thiên hạ tưởng không làm được năm 1974, Nixon đã làm được và đã thành tựu tốt đẹp năm 1994.

R. Nixon được ngưỡng mộ, kính trọng như một tổng thống

SỔ TAY

Súng và nước Mỹ

Nước Mỹ có hơn 250 triệu dân, theo một tiết lộ mới đây trên báo chí, có tới 210 triệu khẩu súng cá nhân đủ loại, ở trong tay số dân này. Và Hội chơi súng Hoa Kỳ (National Rifle Association, NRA)) lâu nay vẫn là một tổ chức "quyền thế", vì có đông hội viên — và dĩ nhiên đông... bạc (nhiều tiền)!

NRA, theo đúng "luật chơi dân chủ kiểu Mỹ," dùng tiền để lèo lái chính sách quốc gia, bằng những cách hợp pháp như "ủng hộ quỹ tranh cử của các chính khách từ tổng thống, thượng nghị sĩ, dân biểu xuống tới hội viên các Hội Đồng cấp "County" và thị xã.

Các cuộc "thi triển võ công" của NRA thường diễn ra trong những cuộc vận động cấm hoặc giảm việc sản xuất, mua bán và tồn trữ một hay vài loại súng nào đó. Từ trước tới nay, thường phe vận động "chống súng" đều thua. Chỉ mới đây, hôm 5 tháng Năm, NRA bị đánh bại khi Hạ viện Liên Bang biểu quyết thuận dự luật cấm sản xuất và lưu hành 19 loại súng tấn công (assault weapon), hoặc có thể gọi là súng trận, có khả năng giết... người nhanh, nhiều và... rẻ - như AK47, AR15, UZI, v.v...

Nhiều người Việt Nam thắc mắc "sao ở Mỹ không có chiến tranh mà trong nước có nhiều "séng" (súng) thế?"

Đây là một nét "văn hóa dân tộc" của dân Hợp Chúng Quốc, với lịch sử hơn 200 năm lập quốc và kiến quốc bằng súng "thế thiên hành đạo." Người ta không nói "tiên học lễ hậu học văn," mà người ta nói "bắn chậm thì chết." Người ta bỏ tù cảnh sát vì cảnh sát đánh một nghi can, nhưng người ta tha bổng người bắn chết người vì người bắn đã hô "đứng yên" và người bị bắn hoàn toàn ngây thơ vô tội, vì nghe hô "freeze" nghĩ là... đông lạnh mà thôi.

KÝ GIẢ

xuất sắc, một chính khách lão thành, một lãnh tụ nói được là vĩ đại.

Giá trị và danh tiếng Nixon nằm ở tầm ảnh hưởng quan trọng của chính sách đối ngoại của Nixon trong chiều dài lịch sử, là những tác phẩm chính trị Nixon để lại.

Nixon làm được nhờ Nixon sống thọ; thọ về tuổi tác, thọ về chính trị. Hai mươi năm có đủ thời gian để NIxon chứng minh mình nghĩ đúng, làm đúng trong hoàn cảnh Chiến Tranh Lạnh.

Thủ đô Hoa Thịnh Đốn 20 năm trước đây Nixon từ giã với ít nhiều sỉ nhục tổn thương, hôm nay (27-4-94) treo cờ rũ tiễn biệt người vừa viết xong trang sử cuối cùng lịch sử Chiến Tranh Lạnh Hoa Kỳ-Nga Sô.

Cả nước để tang tổng thống Richard Nixon. Các công sở thuộc chính phủ Liên Bang đóng cửa trọn ngày để tang vị tổng thống vừa nằm xuống.

Bên miền Tây Hoa Kỳ, tại Yorba Linda, hơn 40000 người sắp hàng chờ đợi chào kính lần cuối cùng người công dân đồng hương đã đem vinh dự về nơi sinh quán mình. Lễ quốc táng với đầy đủ lễ nghi quân cách dành cho tổng thống. Đủ mặt năm vị tổng thống tiền nhiệm và tại chức, dân biểu, nghị sĩ Quốc hội, chức sắc cao cấp đảng Dân Chủ, đảng Cộng Hòa có; bộ trưởng tân trào, cựu trào. Có cả những người phải tù tội vì Watergate như Gordon Liddy, có cả những cộng sự viên trước đây không đồng ý xin từ chức hay chính trị gia thù nghịch một thời với Richard Nixon như Elliot Richardson, Mc Govern...

Điều nổi bật nhất trong cuộc đời Nixon là sự quyết tâm, nghị lực, lòng tự hào và danh dự. Nixon không bỏ cuộc nhưng cũng không quỳ gối van xin. Theo sử gia Stephen E. Ambrose, người viết tiểu sử R. Nixon, với tâm lý người Hoa Kỳ, sau ngày xảy ra vụ Watergate (ngày 9-8-74), Nixon có thể thoát được qua dễ dàng bằng cách nhìn nhận mình làm sai và công khai hối tiếc điều mình đã làm. Quần chúng chỉ đợi có chừng ấy và sẵn sàng bỏ qua. Lòng tự hào và tự trọng không cho phép Nixon chọn con đường dễ dàng này. Nixon tự biết mình không làm gì sai, không có gì phải "sorry" việc mình làm. Nhà lãnh đạo không muốn, không thể nhận lòng thương hại hay tha thứ của quần chúng, mà là sự kính trọng. Nion chọn con đường của Nixon và cuối cùng đã thành tựu.

Không giành lại được trọn vẹn tình cảm mến thương trong lòng dân chúng, nhưng Nixon đã chinh phục sự kính trọng, ngưỡng mộ của họ. Một chiến thắng tinh thần vẻ vang nhất chưa từng thấy trong lịch sử Hoa Kỳ, lời Stephen J. Wayne, giáo sư Chính Trị Đại Học đường Georgetown.

Mục đích sau cùng của chính trị là bình an trên thế giới và hạnh phúc con người. Là chính khách và nhà lãnh đạo quốc gia, hoạt động của R. Nixon cũng không ngoài mục tiêu nước Mỹ phú cường hạnh phúc và nhân loại hòa bình.

Có một thời, vì chính bản chất, tâm tình và hành động của chính mình, R. Nixon đã làm lỡ mất mộng ước đời mình. Đó là điều bi đát.

Chiều nay, một buổi chiều đẹp nắng giữa núi đồi Yorba Linda thanh cảnh, R. Nixon trở về cõi đất, chết hạnh phúc thanh thản. Sau bản nhạc America nghe chầm chậm khác hẳn ngày thường, trong không khí trầm mặc trang nghiêm, luyến tiếc chân thành của những người tiễn đưa vị tổng thống Hoa Kỳ thứ 37, R. Nixon tìm thấy an bình, hoan lạc nơi cõi trường sinh.■

Dallas 27-4-1994

(1) Đi xa hơn trong việc xác nhận giá trị Nixon, Jonathan Aitken (người Anh) trong tác phẩm mới "Nixon: A Life" (nhà xuất bản Regnery) cho rằng R. Nixon là vị tổng thống có sáng kiến mới mẻ nhất và thành công nhất về chính sách đối ngoại của thế kỷ 20. (The most innovative and succesful foreign policy President of the twentieth century).

(2) Không kể bẩy tác phẩm phát hành trước, sau ngày từ chức, R. Nixon đã viết xong tất cả chín cuốn sách. Tác phẩm cuối cùng sẽ phát hành tháng 5: The spiritual deficit in America.

Ngoài hai tập hồi ký: R. Nixon: The Memoirs of Richard Nixon (1978); In the Arena (1990), mấy tác phẩm khác gồm có:

The Real World (1980): chỉ trích chính sách chủ bại của tổng thống Carter.

Leaders (1982): tập truyện tiểu sử các nhà lãnh đạo trên thế giới.

Real Peace - A strategy for the West (1984): lưu ý tổng thống Reagan hơi quá khích, chủ chiến.

No more Vietnams (1985): chính sách đối ngoại sau chiến tranh lạnh.

1999: Victory without War (1988): chủ đề chính sách đối ngoại mới; sự cần thiết của quân bình lực lượng trên thế giới.

Và tác phẩm gần đây: Seize the Moment: America's Challenge in a One-Superpower World (1992), trong mục điểm sách trên báo The Washington Post, Stanley Karnow nhìn nhận sự thông minh, nhìn xa thấy rộng của R. Nixon là điều không ai chối cãi được.

(3) Trong tác phẩm Nixon: A Political Portrait (1968) cùng viết chung với Stephen Hess, trích dẫn thêm từ một tác phẩm khác The People President (1968), Earl Mazo đưa ra ánh sáng nhiều vụ gian lận thấy rõ. Tạm sơ lược vài ví dụ điển hình dưới đây:

Ít nhất hơn 100.000 phiếu, cộng thêm cho liên danh Kennedy trên thực tế không có. Ở Texas, liên danh Dân Chủ chỉ hơn liên danh Cộng Hòa 46,000 phiếu, (chưa đầy một phần trăm).

Riêng tại Chicago, quận đầu phiếu (precinct) 77, người phụ trách thùng phiếu đảng Dân Chủ bỏ phiếu hai lần; lần đầu tiên với tên James Williams, phiếu bầu cử số 256. Quan sát viên bầu cử xác nhận thấy đương sự cầm tiền mặt chạy tới chạy lui xung quanh địa điểm đầu phiếu.

Quận đầu phiếu 38: vào khoảng 10g15 sáng, máy tính ghi 121 phiếu bầu trong lúc chỉ có 43 người đi bầu.

Nếu cộng thêm 1148 phiếu ở New York, 58 phiếu ở Hawaii, 1248 phiếu ở Nevada bị "bỏ quên", liên danh Nixon đạt được đa số phiếu cử tri đoàn là cái chắc.

Ai cũng biết rằng chỉ cần chênh lệch vài phiếu cử tri đoàn, vì sai lầm lương thiện hay sai lầm gian dối, là có thể thay đổi toàn diện kết quả bầu cử từ liên danh này qua liên danh khác.

Sau ngày Herald Tribune đăng tải tin tức gian lận bầu phiếu (bốn kỳ báo liên tiếp), đầu tháng 12, phó tổng thống Nixon mời phóng viên Earl Mazo đến văn phòng, cũng đang đầy ngập hồ sơ gian lận. Trình bày qua tình hình thế giới đang khẩn trương nghiêm trọng; tình hình này đòi hỏi một quốc gia Hoa Kỳ đoàn kết, hợp nhất vững vàng, không chia rẽ đảng phái, không cắn xé nhau vì kết quả bầu cử, phó tổng thống yêu cầu Earl Mazo, vì quyền lợi quốc gia, nên chấm dứt loạt bài. Mặc dù bị nội bộ đảng Cộng Hòa hối thúc và áp lực, Nixon với tính cách lãnh tụ Đảng, cương quyết giữ vững lập trường.

-"Lo gì, còn nhiều cơ hội, cứ sẵn sàng chờ đợi hai cuộc bầu cử 1962, 1964 sắp tới". Lời Nixon xoa dịu phe đảng Cộng Hòa.

CÀNG "ĐỔI MỚI" CÀNG GIỐNG NHƯ CŨ!

VÕ NHÂN TRÍ

LTS: *Võ Nhân Trí đã là một bút hiệu quen thuộc với độc giả* Thế Kỷ 21 *qua các bài nhận định về kinh tế và chính trị Việt Nam. Ông đã tham gia đảng cộng sản từ khi du học ở Pháp, nơi ông đã tốt nghiệp tiến sĩ, và trở về miền Bắc Việt Nam phục vụ với tư cách một kinh tế gia sau hiệp định Genève. Nếu gần đây ông Nguyễn Hộ mới nói ông tự thấy mình đã chọn lầm lý tưởng thì Võ Nhân Trí đã nhận ra sự lầm lẫn của mình ngay khi làm việc trong guồng máy nhà nước và đảng. Ông nhẫn nhục chờ đợi tới cuối thập niên 1980 mới có dịp thoát ra nước ngoài. Ông đã xuất bản nhiều bài báo và một cuốn sách về nền kinh tế CSVN. Hiện ông cư ngụ ở Pháp.*

Trong báo cáo chính trị tại Hội Nghị nửa nhiệm kỳ của Đảng Cộng Sản Việt Nam (tháng 1/1994), tổng bí thư Đỗ Mười khẳng định rằng trong những năm qua ĐCS đã đạt được những "thành tựu" sau đay: 1/ "đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội; 2/ "tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị; 3/ "quan hệ đối ngoại được mở rộng" (1).

Trong bài này chúng tôi chỉ bàn về "ổn định chính trị" mà thôi.

"Ổn định chính trị"

Điều đáng chú ý là trong phần I của bản báo cáo nói trên ông Đỗ Mười, sau khi nhấn mạnh là ĐCS đã "giữ vững sự ổn định chính trị", cũng thừa nhận trong phần II rằng "an ninh chính trị chưa thật vững chắc." Và ông còn nói thêm rằng sự "ổn định chính trị được giữ vững (nhưng) vẫn còn nhiều nhân tố phức tạp không thể xem thường".

Sở dĩ "an ninh chính trị chưa thật vững chắc" chủ yếu là vì, nhu ai cũng rõ, cái "ổn định chính trị" nói trên không dựa vào một sự đồng thuận của đại đa số nhân dân mà chỉ dựa vào chế độ đảng trị và "chuyên chính vô sản" mà từ Đại Hội ĐCS lần thứ VII (1991) người ta gọi (một cách mị dân) là "Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" (2). Có lẽ cần nhắc lại ở đây là sau Đại Hội ĐCS lần thứ VII nói trên, trong một bài giảng ở các trường đảng tại Học viện Nguyễn-Ái-Quốc — và bài này được in ra thành tài liệu "lưu hành nội bộ" — ông Đào Duy Tùng, ủy viên Bộ Chính Trị phụ trách Tuyên Huấn đã nói toạc ra rằng: "Nếu hiểu đúng nội dung của chuyên chính vô sản thì hoàn toàn có thể diễn đạt nó trong khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa (hoặc) nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân... do đảng Cộng Sản lãnh đạo. Dù rằng không mang tên nhà nước chuyên chính vô sản, nhưng nhà nước xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng thực chất vẫn mang bản chất của chuyên chính vô sản" (3). Về vấn đề này, Lữ Phương cựu thứ trưởng văn hóa của chính phủ cách mạng lâm thời ở miền Nam trước 1975, đã nhận định như sau: "... chuyên chính của đảng Cộng Sản nhân danh cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động... là một ý thức hệ lập ra để che giấu cho sự chuyên chính đơn thuần của một thiểu số cầm quyền... thống trị lại đa số dân cư: không phải chỉ đối với đế quốc, tư sản phản động mà còn đối với cả nhân dân lao động, trong đó có cả giai cấp vô sản và những đảng viên bình thường nữa" (tác giả nhấn mạnh) (4). Về điểm nầy, ông Đỗ Mười cũng thừa nhận một phần là có thật khi ông ấy viết trong báo cáo chính trị nói trên: "Tệ độc đoán chuyên quyền (trong bộ máy nhà nước), ức hiếp (quần chúng), trù dập cá nhân,... của quyền, xem thường pháp luật... vẫn còn nặng ở nhiều nơi."

Nói một cách tổng quát, ta có thể đồng tình với Lữ Phương khi anh ấy cho rằng: "Nhà nước tự cho là do dân, vì dân, của dân nhưng thực tế chỉ là nhà nước - đảng, hoàn toàn do đảng đạo diễn lập ra, để thực hiện chương trình của đảng" mà thôi. (5)

Khi nói về "ổn định chính trị", giáo sư Phan Đình Diệu phân biệt hai loại ổn định: "... ở Việt Nam hiện nay là hệ thống chính trị độc đảng. Ngày nào chế độ còn trấn áp được mọi sự đối lập thì chế độ còn ổn định, nhưng đó chỉ là một sự ổn định tĩnh. Còn sự ổn định động, hàm ý phát triển tính cực, (nó) chỉ có thể thực hiện bằng cách lập ra một "đối cực" (tức là một lực lượng chính trị đối lập - VNT)" mà thôi (6). Cái "ổn định chính trị" mà ông Đỗ Mười nói bên trên lẽ dĩ nhiên thuộc loại ổn định tĩnh. Và như ông Lữ Phương đã viết: "Mọi người đều biết, tuy tồn tại bằng bạo lực nhưng sự ổn định (đó) sẽ không kéo dài: nuôi trong bản thân sự đè nén, sự bùng nổ cũng sẽ không tránh khỏi" (7). Đó là quy luật biện chứng lịch sử mà các nhà tư tưởng mác-xít ở Việt Nam có lẽ hiểu rõ hơn ai hết.

"Tư tưởng Hồ Chí Minh" có mâu thuẫn gì với "Đổi Mới" không?

Vẫn trong báo cáo chính trị nói trên, ông Đỗ Mười hô hào ĐCS "phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí MInh". Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi không muốn bàn nhiều đến chủ nghĩa Mác-Lê vì đã có nhiều người ở trong nước phê phán rồi, trong đó nổi bật là Phan Đình Diệu và Lữ Phương, gần đây, anh Diệu đã đặt vấn đề như sau: "Các chế độ được xây dựng theo học thuyết Mác-Lê về đấu tranh giai cấp và cách mạng vô sản, về chuyên chính vô sản và nền kinh tế quản lý tập trung xã hội chủ nghĩa, vv... đều đã không đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển trong xã hội hiện đại và đã đi đến sụp đổ; lẽ nào ta vẫn phải xem học thuyết đó là những chân lý..., và buộc chặt vào nó vận mệnh của cả một dân tộc?" (8), và anh ấy đã đề nghị đảng "từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lê" (9). Về phần mình, Lữ Phương đã nhấn mạnh rằng, ở Việt Nam "mọi người đều cảm nhận hoặc nhìn thấy - rõ ràng đến đau đớn - sự phá sản không gì chống đỡ được của cái hệ thống giá trị do chủ nghĩa Mác-Lênin đem đến cho đời sống trong suốt bao nhiêu năm qua" (10) (tác giả nhấn mạnh). Phải nói rằng trong vài năm gần đây có một loạt bài viết trong báo chí của ĐCS để bác bỏ những ý kiến nói trên. Nhưng nó chưa thuyết phục được các nhà trí thức chân chính, cả trong lẫn ngoài nước, vì chủ yếu trong đó người ta chỉ khẳng định lại những niềm tin giáo điều hoặc những tiên đề (axiom) cổ điển mà thôi.

Về "tư tưởng Hồ Chí Minh", cần nhắc lại là từ Đại Hội VII của ĐCS (1991) người ta đã bắt đầu "nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh", và coi đó là "cái mới" trong các văn kiện của Đại Hội VII (11). (Điều đáng chú ý là ĐCS Việt Nam chỉ nêu cao "tư tưởng Hồ Chí Minh" sau khi ĐCS Trung Quốc đã rầm rộ nêu cao trở lại "tư tưởng "Mao Trạch Đông" một thời gian ít lâu trước đó). TRong bản báo cáo chính trị tại Hội nghị nửa nhiệm kỳ nói trên, ông Đỗ Mười nhấn mạnh: "thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ... mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới." Ở đây chúng tôi chỉ muốn nêu lên vài điểm về sự quan hệ "giữa "tư tưởng Hồ Chí Minh" về chủ nghĩa xã hội và chính sách "đổi mới" mà thôi.

Về mặt chính trị thì có thể nói là các khái niệm cơ bản trong "tư tưởng Hồ Chí Minh" như chủ nghĩa Mác-Lê, con đường xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo của ĐCS, chuyên chính vô sản, và cái gọi là dân chủ xã hội chủ nghĩa - những khái niệm mà ông Phạm văn Đồng cho là "tinh hoa của di sản mà Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc" (12) - không có gì mâu thuẫn với "đổi mới" chính trị hiện nay cả. Điều đó chứng minh là, về phương diện chính trị, trong chính sách "đổi mới" được thực hiện từ năm 1986 đến nay, có đổi (về mặt hình thức), nhưng không có mới (về nội dung cơ bản) vì chính sách "đổi mới" đó vẫn chưa thoát khỏi quỹ đạo xã hội chủ nghĩa (theo kiểu Mác-Lê). Cuộc "đổi mới" hiện nay, như Lữ Phương đã nói "chỉ có tác dụng nhất thời, về mặt sách lược chính trị: mục đích của nó chỉ là nhân nhượng để đừng mất tất cả, nó không giải quyết được toàn bộ sự khủng hoảng của cả một mô hình xã hội" (13). Nếu tiếp tục áp dụng "tư tưởng Hồ Chí Minh" vào quá trình "đổi mới" chính trị như ĐCS đang làm thì rất có thể, không sớm thì muộn, cái gọi là "tinh hoa" nói trên sẽ dẫn đến một thảm họa cho dân tộc.

Còn về mặt kinh tế thì như thế nào? rõ ràng là "tư tưởng Hồ Chí Minh" về xây dựng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn mâu thuẫn với chính sách "đổi mới" kinh tế hiện nay. Trong khuôn khổ của bài này, chúng tôi chỉ xin nêu lên một vài ví dụ mà thôi.

Trong một bài diễn văn đọc tại trường Nguyễn Ái Quốc ngày 7/9/1957, ông Hồ Chí Minh lần đầu tiên đề cập tới vấn đề miền Bắc "tiến dần lên chủ nghĩa xã hội" (14). Sau đó, trong một bài có tính chất tổng kết viết hồi đầu năm 1960, ông Hồ Chí Minh nêu rõ: miền Bắc "từ một nước nông nghiệp lạc hậu (phải) tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội (mà) không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa" (tác giả nhấn mạnh) (15). Một nhà triết học Việt Nam còn nói thêm rằng: "Người cho đó là đặc điểm to nhất của nước ta trong thời kỳ quá độ; đặc điểm đó chi phối mọi quá trình, mọi bước đi của sự nghiệp xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc..." (tác giả nhấn mạnh) (16).

Chính xuất phát từ đặc điểm đó mà ĐCS hô hào, từ năm 1960, "tiến nhanh, tiến mạnh..., tiến

SỔ TAY

Người Rwanda

Bìa báo Time giữa tháng Năm chạy chữ lớn trên nền tối có hình những người đen: "Không còn địa ngục nữa, vì quỷ đã kéo hết về Rwanda rồi." Rwanda là một nước nhỏ và nghèo ở Châu Phi, hiện đang có nội chiến giữa hai sắc tộc Tutsi và Hutu.

Nhà văn da đen Wole Soyinka (Nobel Văn Chương 1986) cay đắng nói rằng người ta vận động hung hãn cho việc bảo vệ sự sống của những loài... thú hiếm ở Phi châu, nhưng người ta im lặng, hoàn toàn im lặng trước viễn tượng diệt chủng của một trong hai sắc dân đang chém giết nhau ở Rwanda. Chỉ trong hai tháng hơn 100 ngàn người đã bị giết. Ngay cả tổ chức Phi Châu Liên Kết (Organization of African Unity, OAU) cũng còn... nín khe!

Theo nhà văn Wole Soyinka, nguyên do sâu xa của cuộc chiến tương tàn ở Rwanda — và nhiều nước châu Phi khác như Somalia, Liberia... — là do việc các chế độ thực dân da trắng từ thế kỷ trước đã vẽ lại bản đồ các nước châu Phi chẳng thèm đếm xỉa đến các yếu tố chủng tộc, ngôn ngữ của các sắc dân này.

KÝ GIẢ

thẳng lên chủ nghĩa xã hội." Để thực hiện chủ trương nầy, ông Hồ Chí Minh, dưới bút danh Trần Lực, hô hào Việt Nam nên áp dụng kinh nghiệm Mao-ít của Trung Quốc, như hợp tác hóa nông nghiệp, "cải tạo tư sản" (tức là đánh vào giai cấp tư sản) trong lĩnh vực công và thương nghiệp, v.v... (17)

Mãi đến tháng Mười năm 1986, ông Trường Chinh, lúc đó là tổng bí thư ĐCS, mới thừa nhận trong một bản báo cáo quan trọng ở Hà Nội là Việt Nam đã phải trả một giá rất đắt cho những "sai lầm ấu trĩ tả khuynh" và "duy ý chí" đó (18). Những sai lầm này sau đó cũng được Đại Hội VI của đảng (tháng 12/1986) chính thức thừa nhận, và trên cơ sở đó, đưa ra chính sách "đổi mới" (19).

Gần đây, ông Đỗ Mười, trong báo cáo tại Hội nghị nửa nhiệm kỳ nói trên lại nhấn mạnh là Việt Nam cần phải "sáng tạo nhiều hình thức quá độ, những nấc thang trung gian đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội", tức là trái ngược hẳn với chủ trương "tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội" của ông Hồ nói bên trên.

Ngoài chủ trương "tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội", ông Hồ Chí Minh còn đưa ra những chủ trương cụ thể trong lĩnh vực "cải tạo xã hội chủ nghĩa" (bao gồm hợp tác hóa nông nghiệp, "cải tạo tư sản" trong công thương nghiệp) và "công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa" dựa trên ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, vv... mà chúng tôi chưa muốn bàn đến trong khuôn khổ của bài nầy. Chỉ cần nhắc lại ở đây là các chủ trương cụ thể của ông Hồ vừa nói trên cũng bị phê phán một cách gián tiếp trong báo cáo chính trị của Trường Chinh ở Đại hội VI của đảng là "sai lầm" (20).

Nói chung, đứng về mặt kinh tế mà nói thì ta thấy các chủ trương của ông Hồ về xây dựng chủ nghĩa xây dựng chủ nghĩa xã hội đều trái ngược với chính sách "đổi mới" kinh tế hiện nay - dù là chính sách này còn có rất nhiều hạn chế do nó vẫn còn theo "định hướng xã hội chủ nghĩa". Dù sao, viện chứng "tư tưởng Hồ Chí Minh" để hỗ trợ cho "đổi mới kinh tế" hiện nay là một điều nghịch lý!

Chính vì ĐCS đã theo đúng chủ nghĩa Mác-Lê và "tư tưởng Hồ Chí Minh" mà, như ông Võ Nguyên Giáp đã thừa nhận trong một hội thảo quốc tế về "tư tưởng Hồ Chí Minh" tại Hà Nội năm 1990, "nền kinh tế - xã hội (Việt Nam) đang ở trong tình trạng trì trệ, nghèo khổ. Đời sống của nhân dân cũng như năng suất lao động cũng đang ở tình trạng thấp kém và lạc hậu hàng mấy thế kỷ không những so với các nước phát triển mà so với cả những nước trong khu vực (Đông Nam Á)" (21). Sau bảy năm "đổi mới" kinh tế, ông Đỗ Mười, trong bài diễn văn tại hội nghị Trung ương ĐCS lần thứ VI (tháng 11/1993) vẫn phải thừa nhận: "Nước ta hiện vẫn thuộc diện nước nghèo, tổng sản phẩm trong nước tính theo đầu người còn thấp xa so với nhiều nước trong khu vực... (và có) nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh" (22).

"Diễn biến hoà bình"

Trong báo cáo chính trị tại hội nghị nửa nhiệm kỳ nói trên, ông Đỗ Mười còn nêu lên bốn "nguy cơ" kinh tế và chính trị mà ĐCS phải đương đầu hiện nay: 1) "nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới"; 2) "nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa"; 3) "nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác"; 4) "âm mưu và hành động diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch". Ở đây chúng tôi chỉ muốn bình luận về "nguy cơ" thứ tư mà thôi.

Cần nhắc lại là trong báo cáo chính trị ở Đại hội VII hồi 1991, ông Nguyễn văn Linh cũng đã tố cáo rằng "các thế lực thù địch... có âm mưu "diễn biến hòa bình" bằng nhiều thủ đoạn thâm độc" (23). Gần đây, tại hội nghị nửa nhiệm kỳ nói trên, ông Đỗ Mười chủ trương "tiến hành cuộc đấu tranh... toàn diện, lâu dài nhằm làm thất bại mọi âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình...". Liền sau đó có một loạt bài trong báo chí của đảng kêu gọi ầm ĩ chống lại "nguy cơ" đó vì, như cựu trùm công an mật Dương Thông nói rõ, nó là "một thứ vi-rút có thể hủy hoại sự sống từ bên trong cơ thể của đảng" (tôi nhấn mạnh) - VNT) (24). Và để

chống lại "nguy cơ" đó, ĐCS không những dùng công an đủ loại, tòa án vv... mà còn phải dựa vào quân đội nữa. Đoàn Khuê, ủy viên Bộ chính trị và Bộ trưởng quốc phòng gần đây nhấn mạnh rằng "quốc phòng không chỉ bảo vệ tổ quốc mà còn bảo vệ chế độ; không chỉ chống giặc ngoài, mà còn chống cả thù trong; không chỉ chống các loại hình chiến tranh xâm lược, mà còn chống cả những hoạt động... lật đổ" (25).

Vậy, "diễn biến hòa bình" là gì? Vì ĐCS Việt Nam "mượn" khái niệm nầy từ ĐCS Trung Quốc, hơi khó hiểu đối với đại đa số nhân dân, cho nên gần đây Tạp Chí Cộng Sản (số 1, 1994, tr.61) cố gắng giải thích như sau: "Diễn biến hòa bình là một chiến lược phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa của các nước thù địch. Nó được tiến hành theo kiểu thẩm thấu dần dần trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội (...) nó dùng mọi âm mưu thủ đoạn tinh vi (hoặc) trắng trợn tạo nên những nhân tố tác động từ bên trong và bên ngoài nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội mà không cần chiến tranh." Và một trong những đặc điểm của nó là: "Tạo dựng ngọn cờ, tập hợp lực lượng ngay trong lòng nước xã hội chủ nghĩa; đặc biệt chú ý mua chuộc, lôi kéo những người có chức vụ cao trong đảng và nhà nước, những văn nghệ sĩ, trí thức có uy tín , những người có tư tưởng dao động, nhận thức lệch lạc hoặc bất mãn với chế độ". Do đó, ông Đỗ Mười nhấn mạnh trong báo cáo chính trị tại hội nghị nửa nhiệmn kỳ là phải chú trọng "tăng cường công tác chính trị, tư tưởng" nhằm làm cho đảng viên, cán bộ "kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội", vì có "một số dao động vì con đường (đó), thậm chí muốn đi con đường khác"; và đồng thời ông ấy cũng nói cần phải "uốn nắn những quan điểm (mà đảng cho là) mơ hồ, dao động về tư tưởng (...) cán bộ, đảng viên... không được truyền bá những quan điểm trái với đường lối của đảng". Tuy nhiên, ông Đỗ Mười cũng có nói qua rằng đảng "chấp nhận những (quan) điểm khác nhau" miễn là nó "không trái lại với lợi ích chung." Nhưng thế nào là "lợi ích chung"? Tất cả vấn đề là ở chỗ đó. Trong thực tiễn thì ai cũng thừa hiểu rằng tất cả quan điểm nào mà không phù hợp với quan điểm chính thức của bộ chính trị thì đều là bị coi là "trái lại với lợi ích chung" cả!

Với chính sách "mở cửa" hiện nay (thật sự mới chỉ là hé cửa thôi) trong lĩnh vực kinh tế, ngoại giao, khoa học, giáo dục, văn hóa, vv..., với việc bỏ cấm vận gần đây của tổng thống mỹ, B. Clinton (tháng 2/1994), với tác động hằng ngày của các đài phát thanh quốc tế, chúng ta có thể hình

dung việc chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của ĐCS Việt Nam sẽ ngày càng trở nên khó khăn đến mức nào.

* * *

Ngoài các vấn đề nói trên, hội nghị nửa nhiệm kỳ nầy còn bầu bổ sung bốn nhân vật vào bộ chính trị và 20 ủy viên vào ban chấp hành trung ương đảng. Sau việc bổ sung bốn nhân vật nói trên, tương quan lực lượng có vẻ là có lợi cho phe bảo thủ hơn trong bộ chính trị (26).

Nói một cách tổng quát, ta thấy là về mặt chính trị, hội nghị nầy không đem lại điều gì mới mẻ cả: vẫn khẳng định sự độc quyền lãnh đạo của đảng và chống đa đảng; vẫn đề cao "dân chủ xã hội chủ nghĩa" (từ đồng nghĩa với "chuyên chính vô sản" như đã nói bên trên) và bác bỏ dân chủ thật sự (27).

Như ở Trung quốc, quá trình "đổi mới" ở Việt Nam vẫn giữ hai vận tốc: tiếp tục hô hào "đổi mới" kinh tế theo "định hướng xã hội chủ nghĩa" bằng những biện pháp nửa vời, nhưng vẫn kềm hãm "đổi mới" chính trị bằng những biện pháp nửa của nửa vời.

Lên tiếng trước ngày hội nghị của nửa nhiệm kỳ này, một số trí thức can đảm ở trong nước cho rằng cải tổ chính trị mạnh hơn nữa (theo chiều hướng dân chủ hóa thật sự) là "điều kiện quyết định" cho sự phát triển kinh tế nhằm đi tới một sự ổn định lâu dài cho đất nước. Họ hoàn toàn có lý!■

Paris tháng 2/94

CHÚ THÍCH:

(1) Nhân Dân (sau này gọi tắt là ND) 21/1/94.

(2) Báo cáo chính trị của Nguyễn văn Linh tại Đại hội ĐCS lần thứ bảy (tháng 6/91), Tạp Chí Cộng Sản (sau nầy gọi tắt là TCCS), số 7, 1991, tr.18; và báo cáo chính trị của Đỗ Mười tại hội nghị nửa nhiệm kỳ, Nhân Dân 21/1/94.

(3) Đào Duy Tùng, Về con đường xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội ở Việt Nam; Nhà Xuất Bản Sự Thật, Hà Nội, 1991, tr. 72-73.
Về chi tiết, xem Võ Nhân Trí, Tạp Chí Thế Kỷ 21, tháng 8/92, tr. 6-8.

(4) Lữ Phương, Diễn Đàn (gọi tắt là DĐ), Paris; số 24, tháng 11/93; trang 22.

(5) như trên; số 27, tháng 2/94; tr.17.

(6) Phan Đình Diệu trả lời phỏng vấn ông Stein Tonnnesson, NORDIC NEWSLETTER of ASIAN STUDIES, Copenhagen, No. 2/93, dịch trong D.Đ, số 20, tháng 6/93, tr.11.

(7) D.Đ, số 27, tháng 2/94; tr.19.

(8) D.Đ, số 26, tháng 1/94; tr.21.

(9) D.Đ, số 20, tháng 6/93; tr.10.

(10) D.Đ., số 24, tháng 11/93; tr. 23.

(11) Nguyễn văn Linh, TCCS, số 7/91; tr.23.

(12) Phạm văn Đồng, HO CHI MINH, un homme, une nation, une époque, une oeuvre, ELE, Hà Nội, 1990; tr.84.

(13) D.Đ, số 27, tháng 2/94; tr.18.

(14) S.T, TCCS số 5/91; tr.4.

(15) H.C.M, tuyển tập, Nhà Xuất Bản Sự Thật, Hà Nội, 1980; tập II; tr.159.

(16) L.T, trong quyển Tìm Hiểu Một Số Vấn Đề Trong Tư Tưởng Của Chủ Tịch Hồ Chí Minh, Nhà Xuất Bản Sự Thật, Hà Nội, 1982; tr.75.

(17) T.L (bút danh của Hồ CHí Minh), Mấy Kinh Nghiệm Của Trung Quốc Mà Chúng Ta Nên Học - Sự Thật; Hà Nội, 1958.

(18) ND 20/10/1986.

(19) 6th National Congress of the Communist Party of Vietnam, Documents, FLPH, Hanoi, 1987, tr. 44-45; và Võ Nhân Trí, Vietnam's Economic Policy Since 1975, ISEAS, Singapore; reprinted in 1992; chap.4.

(20) xem chú thích (19).

(21) Võ Nguyên Giáp, Tư Tưởng Bác Hồ Soi Sáng Sự Nghiệp Đổi Mới Của Chúng Ta; Sự Thật; Hà Nội, 1990; tr. 34-35.

(22) TCCS, số 1/94; tr.5

(23) TCCS, số 7/91; tr.27

(24) TCCS, số 12/93; tr.24

(25) TCCS, số 12/93; tr.8 và 9; và Quân Đội Nhân Dân 24/11/93.

(26) M. Herbert, Far Eastern Economic Review, Hong Kong, Feb. 10,1994. tr.15.

(27) Xem định nghĩa về dân chủ thật sự của Phan Đình Diệu trong Diễn Đàn, số 20, tháng 6/93; tr.10.
Kinh nghiệm của các nước Đông Âu chứng tỏ cải cách chính trị - tư tưởng là "điều kiện chủ yếu" nhằm mở đường cho các thay đổi cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, vv...; xem JANOS KORNAI, The Socialist System, The Political Economy of Communism, Princeton University Press, New Jersey; 1992; tr.568.

GIAO ĐIỂM GIỮA PHẬT TRIẾT VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Hội thảo bàn tròn tại Viện Niels Bohr (Niels Bohr Instituttet)

NGUYỄN KẾT dịch và chú

Vào mùa thu năm 1988 Dalai Lama được mời viếng thăm Danmark. Một trong các cao điểm của chuyến đi là buổi hội thảo về đạo Phật và khoa học tại Niel Bohr Instituttet. Từ hai thập niên qua, khoa học và tôn giáo là đề tài được các nhà khoa học gia bàn luận rất nhiều (1), nhưng cho đến nay đây là lần duy nhất trung tâm nghiên cứu lừng danh (2) này mở cửa đón mời một người tôn giáo đến nói chuyện thực tại. Cuộc đối thoại — rất thân thiện và cởi mở thẳng thắn, như sẽ thấy — tuy tương đối khó hiểu ở nhiều khía cạnh (3) nhưng cũng cho thấy một cách cụ thể những điểm giống và khác trong tư duy khoa học tự nhiên Tây phương và đạo Phật và bên cạnh đó quan niệm thực tại của đạo Phật cùng các nguyên tắc khảo sát căn bản của quan niệm đó. Đạo Phật là một truyền thống lớn và lâu đời ở Việt Nam, lại đang được các chuyên gia nghiên cứu từ xuất phát điểm tâm lý học và không ít người có xu hướng đem các phương thức của nó ứng dụng vào đời sống tâm linh của họ (4). Do đó, nhìn từ quan điểm này đi nữa thì việc có một ý niệm cụ thể về những điều có liên quan đến nó vẫn ích lợi.

Tham dự trong buổi hội thảo có các nhà vật lý tiếng tăm của Bắc Âu, làm việc trong các lãnh vực vũ trụ học, tâm lý học, sinh học và vật lý tượng tử: giáo sư Holger Bech Nielsen, các giảng viên Jens Bang, Sven Bjornholm (phân khoa trưởng), Benny Lautrup, Poul Olesen, Erik Rudinger và giảng viên biệt thỉnh Rasmus Mueller... thuộc Viện Niels Bohr, phân khoa trưởng Peder Voetmann Christiansen thuộc Trung tâm đại học Roskilde và giáo sư Johannes Hansteen thuộc Đại học Bergen (Na Uy). Những tên tuổi lớn, thuộc các lãnh vực khác là nữ văn sĩ Suzanne Brogger, nhà tâm lý Lene Handberg, nhà nhân học Ida Nicolaisen, ký giả khoa học, nhà tư tưởng Tor Norretranders và quản thủ thư tịch chuyên khoa (thuộc Thư viện Hoàng gia và Thư viện Đại học Copenhagen) kiêm hội trưởng Dansk Selskab for Tibetansk Kultur (Đan hội Văn hóa Tây tạng) Tarag Tulku.

Sau khi nhân danh Niels Bohr Instituttet đọc diễn văn chào mừng Dalai Lama tại giảng đường Niels Bohr, Jens Bang — ngày xưa là thư ký riêng của Bohr — trao tặng Dalai Lama ba tác phẩm của nhà vật lý lừng danh đó khi mọi người vừa đến phòng hội thảo. Tất cả ngồi xuống và thăm hỏi nhau.

DALAI LAMA: - Trước tiên tôi muốn nói lời cám ơn các khoa học gia thuộc nhiều ngành khác nhau đã hội họp tại đây hôm nay. Tôi rất vui vì có dịp gặp gỡ tất cả quí vị.

Có nhiều lý do khiến tôi lưu tâm đến khoa học và những kết quả nó mang đến. Một trong những nguyên nhân này có liên hệ mật thiết đến một lập trường căn bản của đạo Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni nói rằng, "Đệ tử của ta không phải chấp nhận bất kỳ điều gì ta nói. Giống như người thợ vàng chọn lựa vàng sau khi thử nghiệm và phân chất, các ngươi chỉ phải chấp nhận một điều sau khi thấy nó phù hợp với thử nghiệm và phân tích của riêng mình."

Từ quan điểm căn bản này, sự khảo sát nghiên cứu là điều rất quan trọng. Người ta chấp nhận, tin vào các qui định, luật lệ, sự kiện... sau khi khảo sát và thấy rằng chúng tương hợp với thực tại. Nếu kết quả nghiên cứu không phù hợp với kinh sách, người ta phải tin theo cái mình tìm được.

Không thể tin mù quáng vào chữ nghĩa: hoặc người ta phải gạt bỏ các kinh sách không phù hợp với thực nghiệm, hoặc phải giải thích nó theo cách khác. Thái độ liên quan đến thực tại và kinh sách như thế là căn bản của đạo Phật, một thái độ cho chúng tôi khá nhiều tự do.

Lý do thứ hai khiến tôi lưu tâm đến khoa học và kết quả khoa học là những cuộc gặp gỡ mà tôi có với các nhà khoa học thuộc nhiều lãnh vực khác nhau. Qua các cuộc gặp gỡ đó, tôi thấy có một số mẫu số chung hay tương đồng tổng quát giữa Phật học và vũ trụ học, tâm lý học, vật lý học lượng tử và tân sinh học.

Là một Phật tử, tôi thấy việc tìm hiểu những thành tựu khoa học là điều rất lợi ích và hứng thú. Ngoài ra thì khi thảo luận cùng các khoa học gia, tôi cũng có ấn tượng rằng họ đôi khi đã nhờ sự thảo luận và gặp gỡ với các giải thích thực tại của đạo Phật mà có được những ý kiến, ý tưởng mới mẻ.

Do đó mà tôi luôn luôn hăng hái, có dịp thuận tiện là gặp gỡ các nhà khoa học.

Lý do thứ ba của sự việc tôi ham thích khoa học là, tôi luôn luôn tin rằng đạo học và khoa học cần thiết phải tiếp xúc chặt chẽ và quan hệ tốt đẹp với nhau. Tôi cho rằng cả hai đều cực kỳ

quan trọng cho từng cá nhân cũng như toàn thể nhân loại. Thế nên chúng ta cần đến một phát triển song hành giữa công tác khoa học tự nhiên và công tác có quan hệ trực tiếp hơn phát triển song hành giữa công tác khoa học tự nhiên và công tác có quan hệ trực tiếp hơn với khía cạnh tâm thức (5). Tôi thì chắc chắn nghiêng nhiều hơn về phía những người làm việc với tâm thức. Nhưng quan tâm đặc biệt đến lãnh vực tâm thức không có nghĩa là xem nhẹ lãnh vực khoa học tự nhiên. Sự hiểu biết về một cách nhìn vấn đề khác biệt làm lãnh vực riêng của chúng ta trở nên phong phú hơn, và gần gũi và biết đến công việc thuộc lãnh vực tâm thức hay khoa học tinh thần hẳn cũng là điều đem đến lợi lạc cho những người làm công tác khoa học tự nhiên.

Thông thường khi một đường hướng, một ngành nghiên cứu trở nên quá chuyên môn thì nó có vẻ như mất liên lạc với nguồn gốc của mình. Hiện tượng này có nơi khoa học tự nhiên và quả thật cũng thấy nơi lãnh vực đạo học. Nếu chúng ta biết nhìn sự vật như một toàn thể, hai phương hướng đặt vấn đề sẽ tương tác, gặp nhau và làm phát sinh những ích lợi cho sự phát triển con người, toàn thể loài người nói chung.

Đức Dalai Lama.

Do những lý do như thế mà tôi lưu tâm đến khoa học tự nhiên. Vì chú trọng đến sự tự khảo sát chính mình nên trong hiểu biết triết học hay nhận thức thực tại đạo Phật cũng tạo ra những phương pháp làm phương tiện cho sự khảo sát. Trong đạo Phật chúng tôi nói đến bốn phương pháp căn bản cho sự khảo sát thực tại, và chúng dựa vào bốn qui luật.

Phương pháp thứ nhất dựa trên hiểu biết về các qui luật tự nhiên căn bản. Những qui luật này làm việc với các nguyên lý về sự vận hành của hiện tượng, những điều không thể được giải thích sâu xa hơn. Một ví dụ là, bốn yếu tố là tính năng/phẩm tính năng lượng của vật chất: (tứ đại) được xem là qui luật tự nhiên căn bản: địa đại là bền bỉ rắn chắc, thủy đại là kết hợp liên hợp, hỏa đại là thành tựu và phong đại thì dịch chuyển trương nở (6).

Phương pháp thứ hai dựa vào hiểu biết về qui luật về tính chất duyên sinh hay nương vào nhau mà tồn tại của các hiện tượng. Qui luật này nói rằng: 1) mọi hiện tượng đều vô thường, nghĩa là thay đổi chuyển biến không ngừng, và 2) mọi hiện tượng đều là những hợp thể và chỉ tồn tại nhờ liên hệ hỗ tương với các hiện tượng khác. Khi các hiện tượng tác động lẫn nhau, những hiện tượng mới phát sinh; sự phát khởi một hiện tượng do đó lệ thuộc vào sự tiếp cận/tương tác giữa những hiện tượng nhất định khác.

Phương pháp thứ ba dựa trên hiểu biết về tác năng (function) của hiện tượng. Dựa vào kết quả của luật duyên sinh, ở đây người ta khảo sát những tác năng mà hiện tượng có — nói cách khác người ta tìm hiểu, trên căn bản của hiểu biết thu được từ phương pháp thứ nhất và thứ hai, xem các hiện tượng hoạt động thế nào trong môi trường tự nhiên của chúng.

Phương pháp thứ tư dựa trên luận chứng, được sử dụng trên căn bản của các kết quả khảo sát có được nhờ ba phương pháp trước.

Một số các phương pháp kể trên cũng như các qui luật duyên sinh và công năng có vẻ có những điểm chung với vật lý và hóa học hiện đại.

Mặc dù đạo Phật phát triển và giải thích các phương pháp khảo sát thực tại như thế, nhưng sự nghiên cứu hiểu theo tinh thần Tây phương thì tương đối giới hạn. Khảo sát cao độ về những điều sâu xa mà các phương pháp này trên nguyên tắc có thể đem đến vẫn là việc làm của một thiểu số ít ỏi ở Đông phương.

Từ các phương pháp đã phác họa ở trên, trong đạo Phật người ta nói đến hai hiện tượng căn bản, khác biệt nhau, đó là tâm thức và vật chất. Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể xem điều này như xuất phát điểm cho cuộc thảo luận của chúng ta hôm nay.

HOLGER BECH NIELSEN: - Tôi nghĩ thảo luận về sự phân biệt tâm thức và vật chất là

điều rất hứng thú. Nhiều nhà vật lý sẽ đồng ý rằng tâm thức hay óc não thì giống như một máy tính, như một sự vật có căn bản vật chất và bị qui định bởi những định luật vật lý (căn bản) giống như mọi vật khác. Và chúng tôi tin rằng, theo một phương thức nào đó nó (:tâm thức/óc não) có thể giản lược thành vật chất. Trên thực tế điều này tất nhiên rất khó thực hiện, nếu không nói là không thể thực hiện được. Nhưng có lẽ Benny (Lautrup) sắp sửa hiểu được điều này, chẳng những ở bình diện lý thuyết mà còn có thể trong thực nghiệm, nhưng dù sao thì đây vẫn là chuyện rất khó. Nhưng tôi tin rằng điều này sẽ có ích cho việc hợp nhất tâm thức và vật chất khác, đặt căn bản trên cùng định luật vật lý, để (từ đó) hợp nhất mọi định luật. Người ta có thể mơ ước rằng điều này cũng được thực hiện trong thực tế. Có lẽ có một số siêu sợi căn bản (7) hoặc một cái gì đó mà người ta có thể theo dõi qua nhiều bình diện, để cuối cùng đến óc não và đến tầng sinh học. Rồi người ta có thể tin rằng óc não cũng chỉ là một loại máy tính và do đó không khác mấy với những thành phần vật chất khác.

DALAI LAMA: - Đó là một trong những điểm quan trọng nhất mà tôi vẫn muốn thảo luận. Người ta có tìm được, từ căn bản sự nghiên cứu trong khoa học tự nhiên, cái có thể gọi là tâm hay tâm thức? Khoa học tự nhiên cho thấy rằng, có một loại tâm thức biệt lập với, và có thể phân biệt với óc não?

BENNY LAUTRUP: - Tôi tin rằng đằng sau mọi khảo cứu khoa học nhằm tìm hiểu tâm thức là một giả định căn bản rằng, có một sự song hành trực tiếp giữa các tiến trình vật lý trong óc não và những biểu lộ của tâm thức. Khảo cứu khoa học sẽ không thể có nếu tin rằng tâm thức là một cái gì đó từ ngoài vào hoặc ở ngoài vật chất, một cái gì đó không đo được hay trên nguyên tắc không thể đo lường được. Do đó tôi tin có một giả định căn bản về sự giống nhau giữa các tiến trình vật lý và các biểu lộ tâm lý.

SVEN BJORNHOLM: - Khoa học gia tất nhiên dựa vào các quan điểm thành hình theo sự nghiên cứu vật chất trước đó. Những nghiên cứu đó cho chúng ta thấy rằng có một vật chất chuyên chở cả tâm thức lẫn các phạm trù tâm thức. Và như những nhà khoa học, chúng ta tin, hay hy vọng rằng có thể xây dựng một hệ thống hiểu biết cho phần thực tại mà chúng ta nối kết với vật chất, tính cả óc não. Nhưng tôi thấy chúng ta hoàn toàn không nên giới hạn cuộc hội thảo trong phạm vi hạn hẹp đó.

Các phạm trù tâm thức dĩ nhiên cũng là một phần của thực tại con người. Và tôi hiểu đạo Phật như một hệ thống tri thức lớn lao chứa đựng những phân định phạm trù để làm việc với tâm hay tâm thức. Chúng ta phải xoáy sâu vào câu hỏi này, đến tận chỗ hai hệ thống khoa học lớn lao này gặp nhau.

Tôi cảm thấy đáng tiếc nếu trong sự thảo luận chúng ta cứ cố thủ trong hệ thống tri thức của khoa học tự nhiên. Tôi nghĩ chúng ta sẵn sàng để gặp gỡ hệ thống tri thức mà chúng ta thấy nơi đạo Phật. Điều này sẽ là một hứng khởi to lớn cho cuộc hội thảo hôm nay (8).

DALAI LAMA: - Điều này làm tôi nghĩ đến một chuyện. Trong đạo Phật, chúng tôi không giả định rằng có sự khác biệt lớn lao giữa một vi tử trong óc não và một vi tử trong thảo mộc hay trong đất đá hoặc các chất vô cơ nói chung — tất nhiên phải hiểu, đó là nói về các thành phần vật chất nhỏ nhất, thuộc tầng tiềm nguyên tử.

Một quyển kinh Phật nói rằng, không đại hay vi tử hư không (space particle) là nền tảng cho sự tiến hóa theo đó một vi tử hư không phát triển dần dần thành một thảo mộc hay động vật sống động. Dựa vào đó, có thể nói, vi tử năng lượng căn bản này phát triển dần và thành một sinh thể cực kỳ phong phú phức tạp là con người. Đồi núi, sông nước và mọi hiện tượng khác trong vũ trụ là kết quả tiến hóa của loại vi tử năng lượng vi tế đó.

Trong đạo Phật người ta nói tiếp rằng, các vi tử hư không đã có sẽ tạo nên, đi qua một giai đoạn phát triển đặc biệt, nơi chúng cũng làm căn bản cho tâm thức. Khoa học tự nhiên nghĩ sao? nó có một giải thích có căn bản thực nghiệm nào cho sự tiến hóa như thế của của thế giới hiện tượng?

BENNY LAUTRUP: - Tôi không nghĩ là có sự khác biệt giữa các nguyên tử óc não và những nguyên tử nơi khác. Đó là điều phải khẳng định trước tiên. Tâm thức theo như chúng ta biết là cái các nhà khoa học muốn xem như một hiệu ứng tập thể. Hiệu ứng tập thể phát sinh khi có sự tập trung của một số lớn những thành phần cá biệt. Nó có thể rất khác biệt với hiệu ứng của từng thành phần một. Trong khoa học tự nhiên chúng tôi biết nhiều ví dụ về hiệu ứng tập thể. Đối với tôi, đó là cách duy nhất theo đó tâm thức có thể phát sinh, nghĩa là nó là một hiệu ứng tập thể của nhiều thành phần có tác động hỗ tương đến nhau, trong đó tự thân mỗi thành phần thì không có tâm thức.

DALAI LAMA: - Tôi hiểu (9). Nhưng như thế thì câu hỏi kế tiếp là, nếu đem tập trung tất cả các thành phần có liên hệ hỗ tương đó, thì trên lý thuyết chúng ta có thể tạo ra một tâm thức được không (10)?

BENNY LAUTRUP: - Tôi không biết.
DALAI LAMA: - Tôi muốn đưa ra một thắc mắc nữa. Cấu trúc phân tử, tức là phương cách theo đó các phân tử kết hợp nhau, trong cây cỏ có phải là nền tảng cho mọi sinh vật, cho chính sự sống? Nếu đúng như thế thì chẳng phải dễ dàng hơn cho chúng ta khi để cấu trúc nguyên tử trong cây cỏ làm căn bản cho sự thành lập tâm thức, thay vì cố gắng tạo ra một cơ chế hoàn toàn khác, như máy tính, để "chụp bắt" tâm thức? Anh hiểu ý tôi chứ?

BENNY LAUTRUP: - Tôi hiểu và sẽ thử trả lời câu hỏi theo cách của mình. Lập trường khoa học của tôi là thế này. Tôi tin rằng trên nguyên

tắc có thể chụp bắt tinh chất của tâm thức trong một cơ thể (organism) không có sự sống. Tuy nhiên cũng có thể tâm thức chỉ có trong một cơ thể thật lớn, đến độ chúng ta còn lâu lắm mới có thể đi vào việc nghiên cứu điều này. Nhưng tôi không thể tiên đoán tương lai. Quan niệm khoa học căn bản của tôi là không nhất thiết phải tính thêm một cái gì khác để tạo ra tâm thức. Tâm thức phát sinh như một hiệu ứng tập thể của một số cực lớn các thành phần cá biệt có tác động lẫn nhau. Có hàng trăm tỉ thành phần như thế trong óc não và mỗi thành phần không thể cho là có tâm thức.

Tâm thức phát sinh theo cùng một cách với sự phát sinh của sự sống: một hiệu ứng tập thể của hàng trăm triệu nguyên tử và mỗi nguyên tử này không thể nói là có sự sống riêng biệt. Và tôi tin rằng cần phải hiểu hiệu ứng tập thể — đó là cách phát biểu của một khoa học gia như tôi — để hiểu được các hiện tượng trọng yếu như sự sống và tâm thức.

JENS BANG: - Tôi có thể xen vào ở đây được không? Tôi thấy có một khía cạnh trong câu hỏi của Dalai Lama không được anh trả lời. Theo tôi, ý của ngài là thế này: thay vì tạo ra máy tính bằng các vật liệu vô cơ như hiện nay, chúng ta có thể nghĩ, nếu có thể tạo ra chúng bằng chất liệu hữu cơ thì khoa học có thể tiến xa hơn, chính xác hơn trong hiểu viết về tác năng của não. Và trong khoa học người ta đã đề cập đến máy tính hữu cơ. Anh nghĩ sao?

BENNY LAUTRUP: - Chất vô cơ và chất hữu cơ chỉ khác biệt ở điểm độ phức hợp của cái trước lớn hơn của cái sau. Trong căn bản không có gì khác nhau giữa chúng. Thiên nhiên đã phát triển qua trung gian chất hữu cơ và đã tạo ra một tâm thức như chúng ta biết. Nhưng tôi không thể thấy một trở ngại căn bản nào trong sự tạo lập máy tính từ một hệ thống có độ phức hợp cao — một hệ thống như thế không nhất thiết là cái chúng ta gọi là chất hữu cơ.

DALAI LAMA: - Có thể làm được trong thực tế hay không thì tôi vẫn muốn hỏi, trên lý thuyết, chúng ta có tạo được tâm thức nếu tập trung tất cả các vi tử và nguyên tử làm nên não hay căn bản cho não?

BENNY LAUTRUP: - Có thể, nếu chúng ta tập hợp được các nguyên tử làm nên não hoặc những phó bản của chúng. Hãy bắt đầu với một tế bào sống. Tôi nghĩ một tế bào sẽ có sự sống nếu nó được tạo ra theo một cách thế đúng đắn. Nhưng để tạo ra một tâm thức, cần phải có một lượng kinh nghiệm lớn. Đó không phải — ít nhất trong bước đầu — chỉ là vấn đề nguyên tử mà thôi. Tâm thức tồn tại trên một diện cao hơn diện nguyên tử. Nó thuộc về bình diện (của các đơn vị thần kinh gọi là) não tử (neutron). Nó gần như chắc chắn là một hiệu ứng phi lượng tử; cơ học lượng tử không có vai trò gì ở đây cả. Thế nên nếu đặt các nguyên tử vào đúng vị trí thì chúng ta quả có được tâm thức. Thiên nhiên đã phải tốn 4 tỉ năm để tạo ra một kiệt tác như thế!

DALAI LAMA: - Xin vui lòng giải thích rõ hơn về chuyện này, rằng tâm thức chỉ tồn tại ở diện não tử mà không trên diện lượng tử.

BENNY LAUTRUP: - Như tôi đã nói, óc não gồm có hàng trăm tỉ não tử và mỗi não tử có liên hệ với 1.000-10.000 não tử khác. Đó là một hệ thống rất lớn, rất phức tạp. Trí nhớ, cái tinh yếu của tâm thức, rất có thể dựa trên hiệu năng của các liên hệ giữa những não tử với nhau.

Hiện đang có một lý thuyết nói rằng trí nhớ là sự thay đổi hiệu năng, một thay đổi qui định sự truyền một tín hiệu từ thần kinh này đến thần kinh khác. Tín hiệu này có trong một phần ngàn

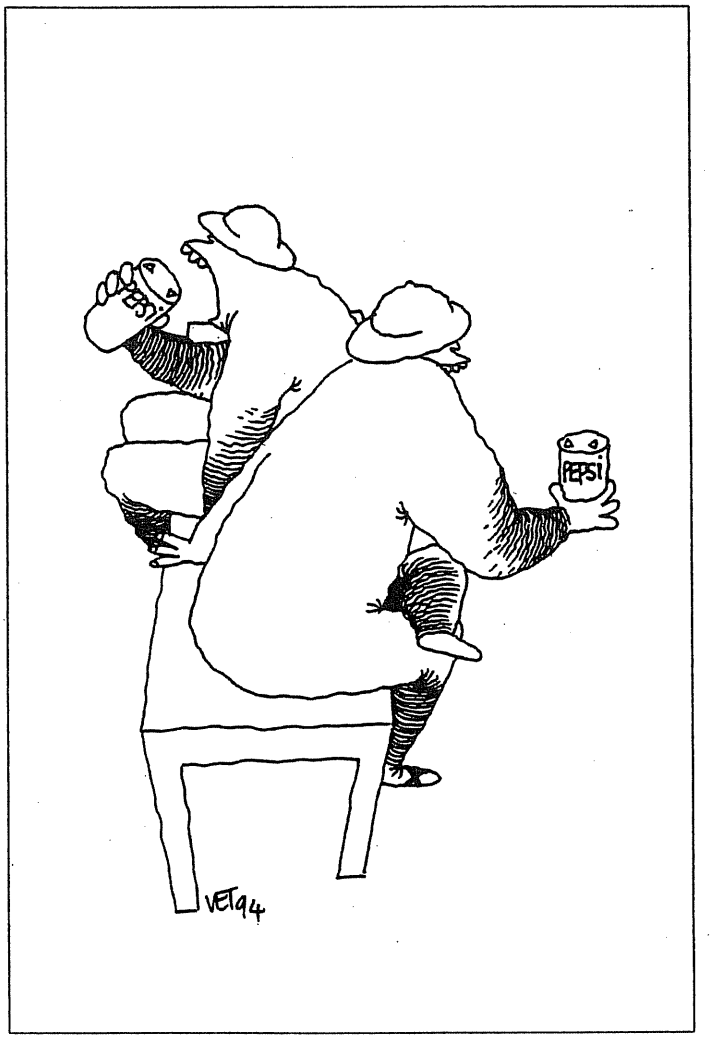

giây, một milli-giây. Người ta biết rằng thể loại của tín hiệu này không có ý nghĩa gì mấy cho công năng của mạng não tử.

(Độ dài của) các thời khoảng và độ lớn cùng con số nguyên tử có liên hệ đến sự truyền tín hiệu cho thấy rằng hiệu ứng lượng tử rất có thể có vai trò gì trong các tác năng tâm thức. Tâm thức có lẽ là một hiện tượng thuộc về lãnh vực vật lý cổ điển (11).

PEDER VOETMANN CHRISTIANSEN: - Tôi không đồng ý với Benny Lautrup. Tôi nghĩ có một số giả định mà chúng ta chấp nhận vô ý thức, hoặc có lẽ vì bị qui định bởi phát triển của khoa học ở Tây phương, nơi chúng ta có xu hướng đồng nhất sự sống hay là tâm thức với những tư tưởng có thể biểu lộ với giấy mực. Tôi thấy một khuynh hướng mạnh mẽ theo đó khi nói về tâm thức thì người Tây phương chúng ta nghĩ đến một cái gì đó nằm ở não bộ, do đó chúng ta tin rằng nếu hiểu óc não thì chúng ta hiểu được tâm thức là gì. Tôi tin rằng xuất phát điểm này không đúng, vì tư tưởng là cái cực kỳ phức tạp, được phối hợp bởi nhiều phần tử đơn giản hơn, không có ở não bộ nhưng gần như ở toàn thể thân xác và cũng có lẽ ở ngoài thân xác nữa. Hãy lấy cảm thụ làm ví dụ. Đó là điều tương đối không phức tạp và chắc chắn có trong cả thú vật, cỏ cây và những vật khác. Nếu nhìn sự sống từ phát điểm cảm thụ chúng ta sẽ gặp khó khăn lớn trong việc phân biệt cái có và cái không có sự sống. Có lẽ chúng ta còn có thể nói rằng, trong căn bản sự sống cũng có trong chính cái chúng ta gọi là chất vô cơ. Một loại cảm thức sống, một loại sự sống — tôi tin rằng cảm thức bàng bạc trong nhiều thành phần của vũ trụ, một cái rất phổ biến.

Tương tự, tôi cũng thấy có một giả định không chứng không bàn trong sinh học, theo đó người ta phải giải thích sự sống theo khuôn khổ vật chất. Có lẽ phải nói chúng ta chỉ đơn giản chấp nhận cảm thức sống căn bản; có lẽ chúng ta hoàn toàn lầm lạc nếu mô tả nó theo khung vật chất.

DALAI LAMA: - Chuyện chúng ta đang thảo luận là điều cá nhân tôi thấy hứng thú đặc biệt. Nhưng tôi nghĩ chúng ta cũng nên dùng thì giờ cho các đề tài thảo luận khác. Xin mời.

JENS BANG: - Nhưng tôi thấy còn có nhiều người muốn nói thêm đề tài này.

TOR NORRETRANDERS: - Ngài có đề cập đến vấn đề này theo một cách khác, bằng cách phân biệt thế giới bên trong và bên ngoài. Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều đồng ý rằng có một nội giới và một ngoại giới. Chúng ta còn có thể giả thiết rằng óc não tôi là một phần tử trong ngoại giới của ngài, cũng như tâm thức của ngài là một phần của ngoại giới của tôi. Tôi rất muốn biết, trong truyền thống của ngài, tức là trong truyền thống Phật giáo, người ta nói sao về biên địa hay ranh giới giữa nội và ngoại giới.

Tôi hỏi như thế vì vấn đề song hành đã đề cập giữa tâm thức và vật chất có thể đã xuất hiện tại vùng biên địa này. Mất tôi theo một cách nào đó là biên giới giữa nội và ngoại giới. Nhưng ranh giới, vùng biên địa này là gì?

DALAI LAMA: - Đây đúng là vấn đề... và tùy theo bình diện mà có những giải quyết khác nhau. Ở một bình diện, người Phật giáo nói tâm thức là nội tại, không hình thể, không mầu sắc, phi chất-tâm thức chỉ là tâm thức (không một yếu tố nào khác làm nên nó).

Đạo Phật xem tâm và tâm thức là một thực thể không hình tướng, không choáng chỗ của bất kỳ sự vật nào (:không có vị trí trông không gian). Bản chất của nó chỉ đơn giản là "biết"; nó là một dụng cụ nhờ đó chúng ta "biết."

Nhưng tâm thức có nhiều tầng bậc. Ở một diện thô sơ tâm thức có liên hệ chặt chẽ với thân xác vật lý. Khi con người ở tầng tâm thức này và khi thân xác gặp một trục trặc nào đó, thì tâm thức liên hệ bị lấn lướt hay trở nên rất yếu ớt. Nhưng chúng ta cũng có những dạng tâm thức vi tế hơn, không hoàn toàn nương tựa vào khía cạnh vật lý. Dạng tâm thức cao nhất, vi tế nhất có khả năng tương tác với vật chất. Do tương tác này mà có các bậc tâm thức ít vi tế hơn.

Thế thì ở một phía chúng ta có nội giới và ngoại giới, và ngoại giới phô bày cho chúng ta như các "đối tượng của giác quan", với hình thể, mầu sắc, vân vân. Ở phía khác, về nội giới, thì phần vật lý của một người, thân xác, cũng có liên hệ với tâm thức. Hiển nhiên vì có tâm thức nên chúng ta — qua trung gian khía cạnh vật lý của đời sống và thân xác — có thể tiếp xúc, cảm nhận, lưu tâm chú ý hay kinh nghiệm sự vật. Các khía cạnh vật lý do đó bằng nhiều cách nối kết trực tiếp với tâm thức (12). Theo cách phân loại của chúng tôi thì thân xác vật lý của một người, kể cả óc não, thuộc về nội giới.

Mục đích của buổi gặp gỡ này là trao đổi ý kiến và tôi có lý do để rất muốn học hỏi nơi anh. Nhưng có lẽ có một liên hệ nào đó giữa các lý thuyết của chúng ta ở lãnh vực đã đề cập.

Trong truyền thống Phật giáo có những phương cách tu tập, những dạng rèn luyện nhất định để hành giả có thể vượt qua giới hạn của bậc tâm thức thô sơ. Khi thành công, một bậc tâm thức vi tế hơn sẽ hoạt động. Ví dụ một bậc tâm thức cao đẳng có thể đạt được trong mơ: qua sự tu tập, tâm thức có thể được lưu giữ trong giấc ngủ sâu không mộng mị (13) và từ đó người ta có thể phát triển một tâm thức vì tế hơn nữa. Bậc tâm thức vi tế nhất có thể đạt được ở thời điểm chúng ta hay một sinh vật nào đó chết — ở chính tiến trình chết, khi mà lúc bấy giờ chúng ta tự nhiên kề cận bậc tâm thức đó.

Nếu có một người đã kinh qua dạng tu tập đó và có khả năng ở lại trong thân xác mình nhiều ngày sau khi chết — dấu chỉ điều này là, thân xác vẫn tươi và ấm như thể người ấy vẫn còn sống — thì người ấy qua đó đã thấy mình thành đạt, phát triển đến bậc tâm thức vi tế nhất. Chúng tôi tin rằng hiện tượng này có là do người

chết nhờ tiến đến bậc tâm thức cao nhất nên có thể giữ thân xác tươi tốt - còn những trường hợp tươi tốt hơn cả khi người còn sống.

Hiện nay, kể cả thời kỳ chúng tôi Ấn Độ, vẫn có những hành giả trụ trong trạng thái này cả tuần lễ, hoặc có khi hai tuần — tử thi vẫn tươi tốt và có sự sống, dù mọi khảo nghiệm đều cho thấy vị ấy đúng là đã chết. Theo giải thích của chúng tôi, sự chứng đạt bậc tâm thức vi tế nhất giúp giữ sự sống cho tử thi trong một khoảng thời gian và chỉ khi tâm thức này rời bỏ thân xác, sự hư rữa tàn hoại mới bắt đầu.

Như thế chúng tôi tin rằng có nhiều bình diện tâm thức. Bình diện thấp kém nhất bị dính mắc với năng lượng của não: bao lâu não còn hoạt động, bấy giờ dạng tâm thức này vẫn còn; nhưng khi cái chết đến thì chẳng còn gì gọi là "não thức."

Để chấm dứt đề tài thảo luận này, tôi muốn nói thêm rằng, do đó mà trong đạo Phật người ta cho rằng nhờ dạng tâm thức vi tế nhất — mà cả con người lẫn các loài có sự sống đều được tin là có — mà phối hợp hóa học của não mới có thể khả dụng như điểm tựa vật chất cho tâm thức.

Đến chuyện khác. Cách đây năm năm (1983), khi đề cập đến thuyết Big Bang, một nhà khoa học có nói với tôi rằng sự Bùng nổ Vũ trụ (Big Bang) xảy ra đúng 12 tỉ năm trước. Tôi muốn biết, hiện nay người ta đồng ý với nhau về hiện tượng này chưa?

POUL OLESEN: - Nó xảy ra từ 10 đến 20 tỉ năm về trước. Người ta không biết chính xác hơn nữa. Lâu quá rồi.

DALAI LAMA: - Tất nhiên là thế. Theo các khảo sát khoa học thì có phải toàn thể vũ trụ chỉ có trong hiện tượng Bùng nổ? hay vũ trụ đã có một phần, rồi do hiện tượng này mà có những cái khác như khí quyển...?

POUL OLESEN: - Theo thuyết Big Bang, không thể nói có một cái gì đó trước sự Bùng nổ. Tất cả mọi cái được tạo ra trong và với nó, kể cả thời gian; thời gian chưa có trước hiện tượng này, do đó "trước" phải đặt trong dấu ngoặc. Nói về cái có trước đó không có nghĩa gì cả; khi thời gian chưa có, chúng ta có thể nói có gì trước đó. Bấy giờ là một loại hư không không có thời gian. Theo (Stephan) Hawking, thoạt đầu chỉ có cơ học lượng tử; có một cái bọt nhỏ hay một cái gì đó đại khái giống thế. Mọi sự trong cái bọt này trương nở ra. Nhưng ban đầu sự trồi sụt (fluctuation) rất kinh khủng, đến nỗi không thể nói về thời gian, về không gian và (do đó) về khoảng cách. Chỉ sau đó một khoảng thời gian...

DALAI LAMA: - Nhưng phải có một lực tạo ra hiện tượng Bùng nổ chứ!

POUL OLESEN: - Lý thuyết này quả không nói rõ là, "trước đó" năng lượng có hay không. Có thể không có năng lượng tự thân — tất nhiên dù sao cũng có thể gọi đó là năng lượng: có một "năng lượng" âm và một "năng lượng" dương và chúng tạo thế quân bình cho nhau; do đó không có gì cả. Nếu xét toàn thể vũ trụ thì có lẽ không có năng lượng (nghĩa là năng lượng của toàn thể vũ trụ bằng O): khi có năng lượng dương — điều này có nghĩa là có những vi tử và chúng chuyển động từ chỗ này sang chỗ kia, vân vân — thì cũng có năng lượng âm, một loại thế năng hay năng lượng tiềm ẩn. Thế nên xét toàn thể thì không có cái gọi là năng lượng. Do đó chúng ta không cần đến một đấng Toàn năng

đưa năng lượng tới và tạo nên vũ trụ - điều đó không nhất thiết (14).

Nếu tôi được phép quay trở lại câu hỏi của ngài về thời gian, thì có cũng từng là vấn đề cho Thiên chúa giáo. Thánh Augustin suy nghĩ rất nhiều về thời gian. Thắc mắc của ông là, theo Thánh kinh thì Chúa trời tạo nên vũ trụ trong sáu ngày, vậy thì trước đó ngài làm gì? Câu trả lời ông ấy tự đưa ra là, thắc mắc đó vô nghĩa, vì trong và chính với việc tạo vũ trụ trong sáu ngày Chúa trời cũng tạo ra thời gian. Đó là quan điểm của thánh Augustin. Vũ học hiện nay cũng có một quan điểm tương tự. Thời gian là cái được tạo ra. Do đó không thể hỏi trước đó có gì.

DALAI LAMA:- Theo quan niệm Phật giáo, thời gian cũng là một đại lượng tương đối, hiểu theo nghĩa không có tương quan với hiện tượng thì thời gian cũng không có — không thể có thời gian tự thân. Như thế quan niệm của chúng ta có trùng hợp nhau không?

POUL OLESEN: - Có. Đó là hai lý thuyết trùng hợp. Đúng là hoàn toàn giống hệt nhau. Nói bằng ngôn ngữ kỹ thuật thì thời gian được định nghĩa theo thuyết tương đối Einstein - thời gian ở đây luôn luôn được định nghĩa trong tương quan với vật thể/vật chất; nếu không có vật chất thì nói về thời gian vô nghĩa (15).

DALAI LAMA: - Nếu thuyết Big Bang nói không có gì tước hiện tượng Bùng nổ, thì hệ luận có phải là, sự vật có thể phát sinh mà không do nguyên nhân nào cả?

POUL OLESEN: - Đúng thế.

DALAI LAMA: - Vậy thì tôi có thêm một câu hỏi nữa. Tại sao nó xảy ra như thế?... Mọi vật như thế lệ thuộc vào chúng hay nguồn mạch của chính chúng, là nguyên nhân của chính mình?

POUL OLESEN: - Quả đúng như vậy.

DALAI LAMA: - Ngoài ra thì không cần thiết có một nguyên nhân...

POUL OLESEN: - Đúng vậy. Đó là hiểu biết vật lý cơ bản/vật

lý hạt nhân — chứ không phải là vật lý cổ điển trong đó người ta giả định rằng chẳng hạn cái bàn này sẵn có. Trong vật lý nguyên tử, sự vật phải định nghĩa chính mình.

DALAI LAMA: - Thuyết Big Bang có đang được chấp nhận rộng rãi?

POUL OLESEN: - Những nét chính, vâng. Nhưng hiện nay đang có một phát triển mới, có liên quan đến "sự lạm phát", dựa trên (lý thuyết) trọng hấp lượng tử. Thuyết này là một dạng lượng tử hóa của thuyết tương đối Einstein. Đại khái nó nói rằng thoạt đầu không có thời gian; thời gian bị lượng tử hóa, nghĩa là trồi sụt (:không xác định, lúc như thế này lúc như thế kia). Phải sau một thời gian, thời gian mới không còn bị lượng tử hóa.

BENNY LAUTRUP: - Tôi có thể bàn góp? Không có nguyên nhân cho các vụ trồi sụt nguyên tử. Trên nguyên tắc chúng là phi tiền định. Thế nên nếu tôi hiểu đúng lý thuyết này thì sự phát sinh của vũ trụ là một trồi sụt lượng tử và do đó không có nguyên nhân - khoa học tự nhiên theo đó không phải bận tâm tìm kiếm nguyên nhân (16).

(còn tiếp)

CHÚ THÍCH

(1) Để có một ý niệm tổng quát, có thể xem Nguyễn Kết, "Khoa học và Đạo: từ Sai biệt đến Đồng nhất?" Giap Điểm 15/9/92, số 8.

(2) Viện này từng là chỗ để đi về của hầu hết các nhà vật lý có đóng góp quan trọng trong cuộc cách mạng vật lý vào đầu thế kỷ, vì nó là "trụ xứ" của Niels Bohr, người cùng với Einstein khai phá đường vào vật lý hiện đại.

(3) Nó vốn cũng chẳng được dự định phổ biến rộng rãi. Chỉ khi có lời yêu cầu của Dalai Lama, tài liệu này mới được dịch và phổ biến (mà không giải thích và bình phẩm) như một phần của tuyển tập in ra để kỷ niệm chuyến đi của ngài, Dalai Lama i Danmark (Dansk Selskab for Tibetansk Kultur, Copenhagen 1990).

(4) Một trong những ví dụ là phát biểu của David Steindl-Rast (Ph.D., University of Vienna), tu sĩ dòng Thánh Bennedict, tác giả, người đồng thành lập kiêm chủ tịch Center for Spiritual Suties. Đồng thời với nhận định của giáo sư Robert Thurman - rằng đạo Phật có thể giúp ích Thiên chúa giáo rất nhiều nếu triết học Trung đạo (Madhyamika) và khoa học vô ngã theo giáo lý Không tính (sunyata science of selflessness) được sử dụng để khái niệm "mến chúa" có nội dung - ông nói, "xuất thân từ truyền thống tu tập Thiên chúa, tôi cảm thấy rất vui và thoải mái với những gì giáo sư Thurman nói về phương pháp. Ngày nay nhiều người Thiên chúa chúng tôi biết rằng mình thiếu phương pháp. Có lẽ chúng tôi đã có những phương cách tốt, nhưng chúng tôi không còn được sử dụng, không còn nữa và do đó chẳng những học hỏi nơi người Phật tử mà chúng tôi rất có thể còn phải vận dụng rộng rãi phương pháp luận Phật giáo..." Xem D.S.Lopez, Jr. & S.C Rockefeller (ed), The Christ and the Bodhisattva (State University of New York Press, Albanay, N.Y. 1987), tr.242-4

(5) Do đó từ "philosophy" Dalai Lama sử dụng được dịch là đạo học.

(6) Đạo Phật cho rằng ngay trong một "cực vi" hay vi tử vật chất căn bản — thành phần vật chất cực nhỏ, không thể phân cắt được nữa — cũng có cả bốn yếu tố hay phẩm tính năng lượng này và do đó chỉ tùy thuộc vào điều kiện năng lượng và các nhân duyên khác mà yếu tố này hay yếu tố kia trở thành nổi bật. Xem thêm J. Hopkins, Meditationon Emptiness (Wisdom Publications, London 1983) tr.230-2. Quan niệm này phù hợp với các dữ kiện thực nghiệm của khoa học tự nhiên, vì tuy vật lý hiện đại giải thích mọi sự bằng khái niệm chuyển động và theo đó không nói đến bốn phẩm tính năng lượng của một vi tử vật chất và càng không nói đến bốn loại vật chất như trong quan niệm tứ

đại được truyền sang cổ Hy Lạp rồi Tây phương có lẽ do ảnh hưởng của đạo Phật), nhưng nó lại cho năng và chất tương đương nhau, cũng như nói đến bốn trạng thái vật chất tùy thuộc vào điều kiện nhiệt độ, đó là rắn, lỏng, khí và plasma (plasma "là" hỏa đại).

(7) Supersting. Giả thuyết siêu sợi — mà HBN là một trong những người có đóng góp khai phá — cho rằng cực vi hay thành phần vật chất căn bản hay "viên gạch xây nên vũ trụ" không còn các vi tử căn bản trong thời không bốn chiều như vật lý hiện nay nói, và các sợi siêu đối xứng (supersymmetric) trừu tượng mà cả thời không cũng có thể do nó làm nên. Thuyết này là đề tài nóng bỏng: không ít các nhà vật lý tin rằng khi được xây dựng hoàn chỉnh nó sẽ cung cấp một giải thích về mọi sự vật, như HBN đã ám chỉ. Nhưng nó khó mà kiểm chứng trực tiếp để có thể gọi là một lý thuyết khoa học tự nhiên, và ngoài các trở ngại toán học, khó khăn căn bản nhất — theo lý luận của nhà vật lý người Mỹ Edward Witten, chuyên gia hàng đầu trong lãnh vực này — là chưa có một khái niệm về bản chất của các siêu sợi, khiến sự nghiên cứu hiện nay đầy vẻ chắp vá và hỗn loạn, đại khái giống như tình trạng vật lý lượng tử trong thời gian đầu tiên, khi các hiện tượng mới lạ được mô tả bằng khung khái niệm cũ.

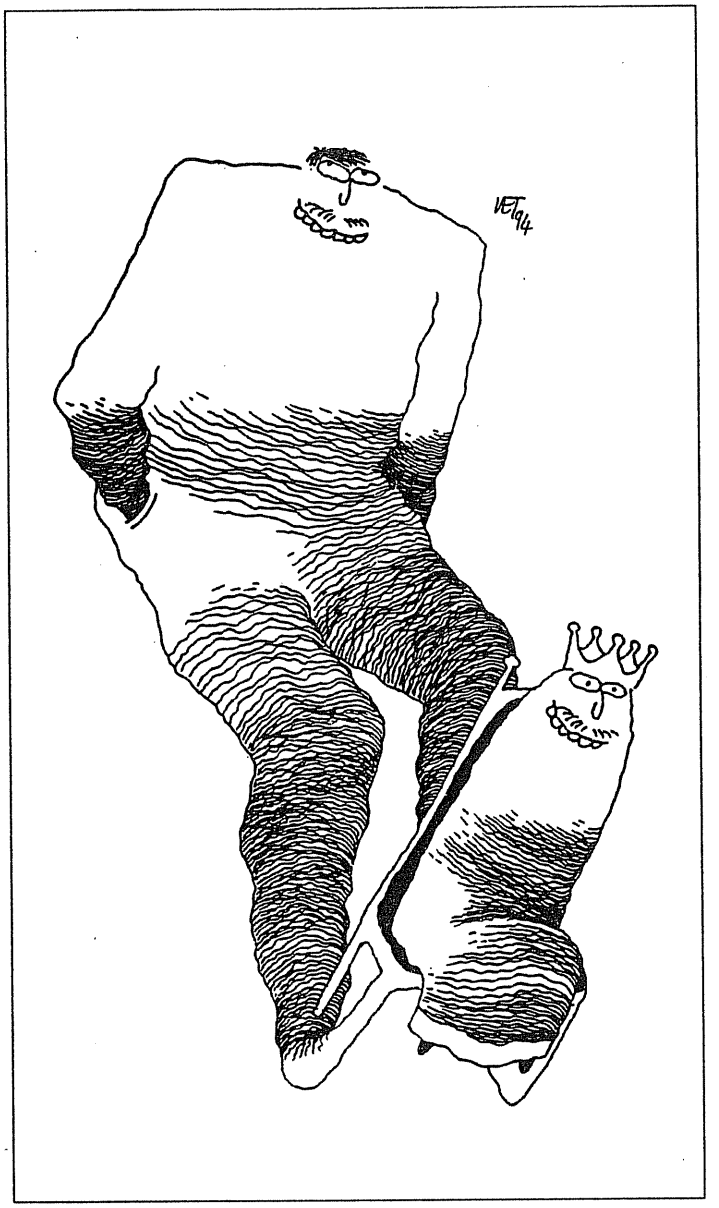

(8) Lưu ý rằng SB nói đến việc các nhà khoa học tự nhiên làm việc với "phần thực tại... nối kết với vật chất", khách quan hơn việc xem khía cạnh vật chất của thực tại chính là thực tại nơi

HBN và BL. Thế nên "sự giống nhau giữa các tiến trình vật lý và các biểu lộ tâm lý" được BL đề cập trở trên không có nghĩa là phải đồng nhất tâm thức với óc não. Cũng ghi nhận rằng, các dữ kiện thực nghiệm của sự nghiên cứu khoa học về tâm thức cũng dễ thấy là phù hợp với các luận điểm về tâm thức của đạo Phật, chẳng hạn luận điểm mà Dalai Lama sẽ giải thích, rằng các tiến trình vật lý trong não (và thân xác) là hiệu ứng phát sinh do tương tác giữa tâm thức và não óc (và thân xác nói chung). Thế nên dù không đồng hóa tâm thức với óc não nhưng đạo Phật lại dễ dàng chấp nhận rằng óc não là một loại supercomputer, không như nhiều người hiểu lầm.

(9) Đạo Phật sẽ nói sự tập trung theo một cách thế nhất định của một số lớn các vi tử vật chất là thuận duyên hay điều kiện cần thiết cho sự tương tác với một tâm thức.

(10) Dalai Lama đang làm chuyện đưa lập luận của đối phương vào chỗ phi lý hoặc mâu thuẫn với chính nó, điều thường thấy nơi Phật là được truyền thống Trung đạo Duy biểu (prasangika-Madhyamika, do Nagajurnal/Long Thụ và Chandrakirti/Nguyệt Xứng khai sáng) áp dụng triệt để trong sự học tập. (Theo thuyên giải của Phật Giáo Tây Tạng, Trung đạo Duy biểu là thành tựu cao nhất của đạo Phật, xem Hopkins 1983, sđd).

(11) Và quả BL đã mâu thuẫn với chính mình. Ở trên ông trả lời "không biết" khi được hỏi về chuyện trên nguyên tắc có làm ra tâm thức từ vật chất, và rồi lại nói được! Khi đã giản lược

mọi sự vào các vận hành của nguyên tử và các thành phần vật chất căn bản, người ta phải chấp nhận rằng tâm thức, ví dụ, trên nguyên tắc phải được hiểu trên căn bản vật lý lượng tử (hoặc một "khoa học tự nhiên căn bản hơn" mà người ta có được trong tương lai) và các khái niệm "bình diện não tử", "bình diện/tầng bậc thực tại" (cũng như khái niệm hiệu ứng tập thể) phải là những khái niệm chủ quan, được sử dụng vì tiện lợi cho việc tính toán chứ không có thực tính — cái duy nhất có thật là những vận động máy móc của các vi tử hoặc những cấu hình (configuration) trừu tượng của năng/chất. Nhưng nếu tâm thức không có thực tính thì mọi sản phẩm tâm thức — trong đó có tiên đề duy vật rằng mọi sự là vật chất — cùng giả ảo, không thật! Còn nói tâm thức "gần như chắc chắn là một hiệu ứng phi lượng tử" hiển nhiên có nghĩa là thừa nhận rằng nó không thể bị giản lược vào phạm trù của các cực vi vật chất mà có thực tính riêng cho mình. Theo đó, không có gì hợp lý trong tin tưởng rằng hễ có một lý thuyết tối hậu về vật chất (ví dụ thuyết siêu sợi) là có thể hiểu được tâm thức! Ngoài ra, câu nói "tâm thức có lẽ là một hiện tượng... cổ điển" cũng là một mơ tưởng của người duy vật chứ không có căn bản khoa học vững chắc; vật lý lượng tử cho biết nó chính là vật lý cổ điển khi bỏ qua các hiệu ứng lượng tử (nghĩa là thế giới hằng ngày quen thuộc của chúng ta trong căn bản là "thế giới lượng tử") và như thế khi vật lý lượng tử không thể hiểu tâm thức thì vật lý cổ điển cũng không thể - phải tìm kiếm một xuất phát điểm khác.

(12) Thế nên sự phân biệt tâm & vật trong đạo Phật cho phép sự nghiên cứu tâm thức chứ không như dạng Tây phương quan niệm này. Nhưng cũng theo đó phương pháp luận vật lý tuy cần thiết và khả dụng nhưng mặt khác không đủ. Niels Bohr cũng hoàn toàn đồng ý; ông khẳng định rằng sự sống và tâm thức không thể xem như hiện tượng phụ thuộc của vật chất: các khoa học liên hệ phải xem những hiện tượng này là căn bản, và để hiểu tâm thức, khoa học cần có thêm những định luật hoàn toàn khác với các qui định vật lý lượng tử - ví dụ, xem Werner Heisenberg, Fhyisics and Beyond (Allen &Unwin, London 1971), tr.113.

(13) Nghĩa là ngủ nhưng đồng thời biết rằng mình đang ngủ!

Trong Nẽo về của Ý hay một tác phẩm nào đó Nhất Hạnh cũng có nói thoáng qua về kinh nghiệm này của mình.

(14) Điều này chỉ đúng cho trường hợp một God theo hiểu biết thông thường. Cơ chế của các vi tử cho thấy hiện tượng Bùng nổ vũ trụ không cần thiết phải có; lý thuyết không cho biết, vì sao cần phải có thêm một điều hướng cực kỳ chính xác cho sự phát sinh của sự Bùng nổ. Do đó mà một "Nguyên lý linh thiêng" như nguyên nhân của vũ trụ vẫn là điều có thể suy đoán, dù hơi quá đáng.

(15) Trùng hợp thì đúng nhưng hoàn toàn giống hệt thì không. Khoa học tự nhiên định nghĩa thời gian (và không gian) trên căn bản của thời-không, một đại lượng tuyệt đối. Đối với đạo Phật, do thực tính Không hay sunyata (không có bản ngã hay tự tính biệt lập) nên mọi hiện tượng, kể cả Không, đều là duyên sinh hay chỉ có/có ý nghĩa trong một mạng chằng chịt các nhân tố và điều kiện (nhân duyên). Theo "định nghĩa" thế giới của Phật (rằng thế giới là thế-giới-của-nhận-thức, xem Samyutta-Nikaya XXXV, 84) thì một nhân duyên quan trọng khiến hiện tượng — thời gian và không gian hiện tượng — có hình tướng như-chúng-ta-biết, chính là phương cách nhận thức của chúng ta. Bohr cũng nói, "... thời gian và không gian chỉ có ý nghĩa trong sự khảo sát" (Atomic Physics and the Description of Nature, Camridge University Press, Cambridge 1934, tr.55). Phát biểu này các chuyên gia muốn quên và chính Bohr cũng không nhắc lại, trái với lệ thường, một phần vì nó đưa đến hệ luận rằng, "thế giới khách quan" thật ra chỉ là những "chồng chất" (superposition) của vô số thế-giới-của-nhận-thức và thế giới nào cũng thật/giả như nhau. Trong Phật giáo Tây Tạng, lý thuyết về không và thời gian là yếu tố căn bản của một tu pháp rất quan trọng là Kalachakra (Thời luân).

(16) Đạo Phật lý luận rằng (duyên sinh) là không có gì được tạo ra do một đấng tạo hóa hay do cái khác, vừa tự sinh vừa do cái khác, không có mà không do nguyên nhân nào cả (Hopskin 1983, sđd, tr.131-60). Nhưng một phần quan trọng sự khác biệt giữa đạo Phật và khoa học tự nhiên ở đây là văn tự. Điều bị vật lý lượng tử xem như có hạn chế là khái niệm nhân quả của vật lý và triết học Tây phương trước đây — nhân quả trong thời không, một nhân sinh một (hay nhiều) quả — và khái niệm ngẫu nhiên tình cờ (randommess) hay phi tiền định như chúng được sử dụng trong bộ môn này thì bao hàm một liên hệ nhân quả rất phức tạp, có phần giống như khái niệm nhân quả đa chiều của đạo Phật. Theo tiên đề nền tảng của vật lý lượng tử, mà chúng ta rõ ràng có thể xem như một phát biểu vô ngã & duyên sinh thu hẹp, thì "các vi tử biệt lập (:vi tử khi không ở trong tương quan, vi tử tự thân) là sự trừu tượng hóa; các đặc tính của chúng chỉ có thể định nghĩa và quan sát trong tương tác với các hệ thống khác" (Niels Bohr 1934, sđd, tr.57). Cũng theo Bohr, "các hệ thống khác" là thành phần của trạng huống thí nghiệm, một "toàn thể bất khả phân" trong đó — để mượn lời Phật — "cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không." Trạng huống thí nghiệm do đó là tập hợp, hay đúng hơn, một mạng của những nhân số và điều kiện, hay nhân và duyên, tạo thành hiện tượng mà chúng ta quan sát/ghi nhận được, dù nhân duyên ở đây không hoàn toàn được hiểu như vật lý học.

(còn tiếp)

MỘT DI TÍCH VĂN HÓA THỜI HẬU LÊ Ở ĐÀNG TRONG
CHÙA GIÁC LƯƠNG

HUỲNH HỮU ỦY

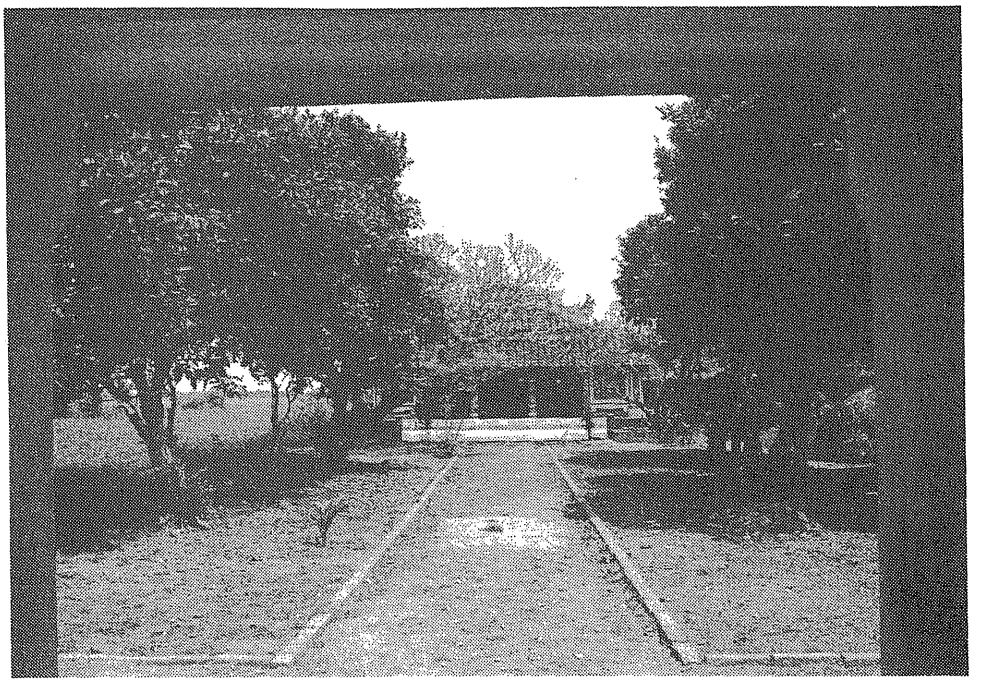

Chánh điện chùa Giác Lương nhìn từ cổng chính (Ảnh Huỳnh Kim Bửu).

Trên phạm vi Huế, thuộc đất Thuận Hóa xưa, một vết tích văn hóa cổ kính, quí và hiếm là chùa Giác Lương rất may mắn vẫn còn được gìn giữ. Cách trung tâm thành phố Huế 21 km về hướng Tây Bắc, chùa nằm trên lối chính vào làng Hiền Lương, một làng chuyên về nghề rèn và cơ khí rất tiếng tăm ở miền Trung, nên cũng được gọi là chùa Hiền Lương. Hiền Lương là tên gọi từ triều Minh Mạng; trước đây dưới thời nhà Mạc (1527-1595), làng này mang tên là Hoa Lang, thuộc huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa. Ngày nay làng Hiền Lương thuộc xã Phong Hiền, huyện Hương Điền, tỉnh Bình Trị Thiên. Vào nửa đầu thế kỷ XVI, giữa khi đồng bào ta đang ào ạt theo chân các Chúa Nguyễn vào phía Đàng Trong khai hoang lập ấp, một người nữ tu thọ giới Ưu-Bà-Di (1) là bà Hoàng thị Phiến đã cùng với các tộc trưởng trong làng, tức là những người lưu dân thuộc lớp đầu tiên đến sinh cư nơi đây, cùng bắt tay nhau xây dựng nên ngôi chùa này. Giác Lương Tự ngày xưa còn gọi là Giác Lương Đường, như vậy là một trong những ngôi chùa xuất hiện sớm nhất ở Thuận Hóa dưới thời Hậu Lê, là một trong những di tích văn hóa thuộc loại cổ nhất hiện còn bảo lưu được của người Việt ta ở xứ Đàng Trong, đánh dấu một bước phát triển rực rỡ và hùng vĩ của dân tộc Đại Việt trên đường về phương Nam..

Dưới thời nhà Nguyễn (1802-1945), chùa được trùng tu hai lần. Lần thứ nhất vào năm Gia Long thứ 5 (1806) và lần thứ hai, năm Khải Định thứ 9 (1924). Vết tích trùng tu lần thứ nhất là bài điệp văn đọc trong dịp làm chay ngày mồng 8 tháng Sáu năm Bính Dần (1806) hiện còn

lưu giữ tại địa phương. Về vết tích trùng tu thời Khải Định, chúng ta còn đọc được rõ ràng dòng chữ Hán khắc trên một khung cửa gỗ trong chùa: "Khải Định Giáp Tý cửu niên lục nguyệt nhật trùng tu."

Chùa Giác Lương đã bị phá hủy nhiều dưới sức nặng của thời gian, thiên tai, và nhất là binh lửa của hai cuộc chiến ác liệt vừa qua. Nhưng may thay, những dấu khí quí báu vẫn còn tồn tại như một thách thức với định mệnh hung hãn. Vẫn còn một bờ la thành bao bọc quanh chùa, qua khỏi trụ biểu chính sẽ đến một cái sân rộng, rồi đến một cổng Tam Quan đồ sộ đến lạ lùng vì so với các ngôi chùa khác ở Huế, ngay cả những quốc tự lừng lẫy như Thiên Mụ hoặc Diệu Đế, cổng tam quan này cũng thuộc vào loại đồ sộ bậc nhất. Qua khỏi cổng tam quan, trên khoảng sân rộng mênh mông, khách nhàn du cùng tín đồ đến lễ bái còn được dịp nhìn ngắm một gốc sứ rất cổ kính mà theo lời truyền tụng có lẽ cũng đã trải qua trên dưới hai thế kỷ, mang dáng dấp của những cây sứ xù xì, cổ quái mà thanh nhã, trang nghiêm bên bờ các thành quách rêu phong giữa đại nội hoặc nơi các lăng tẩm u ẩn mặt của những vua chúa cố cựu Nguyễn triều.

Bên trong chùa vẫn còn nhiều vết tích của một công trình kiến trúc cổ, với những hình thể chạm trổ, những cách điệu và hoa văn thuộc các mô típ trang trí Nguyễn như: rồng, phượng, lân, sen, rùa, mai, lan, cúc, trúc, khắc đục trên bộ sườn nhà như xuyên, trến, cột, kèo, hay trên bộ cửa bàng khoa ngay phía trước chính điện. Đặc biệt hơn hết là bẩy pho tượng gỗ sơn son thếp vàng do chính nữ tu Hoàng thị Phiếu cho tạc và dâng cúng vào chùa, đã gây ngay ấn cảm về phong cách mỹ thuật thời Hậu Lê. Đây là ba pho tượng Phật Tam Thế tôn: Phật Thích Ca Mâu Ni (Cakyamuni Boudha) hay Vô Lượng Thọ Phật (Anitiyus Boudha) hay Vô Lượng Quang Phật (Amitabha Boudha), và Phật Di Lặc tức vị Phật Tương Lai. Ba tượng phật trong thể dạng thiền định trên ba tòa sen, phía sau có ba ngọn lá bồ đề chạm trỗ hình mặt rồng che trên đầu tượng.

Chúng ta còn sẽ được cung chiêm một pho tượng hộ pháp đứng trên bục gỗ, chính là tượng Vi Đà Thiên Tướng Quân, vị thiên tướng có sức mạnh vô song, vâng sắc chỉ của Phật, chuyên coi việc hộ trì Phật Pháp (2).

Trên một án thờ khác trong tám án thờ bên trong chùa, thiết trí ba pho tượng Quan Công ngồi

SỔ TAY

Yêu cho roi cho vọt

Ngày nhỏ Ký tôi là người lêu lổng. Chả lêu lổng mà khi đi học chàng cứ phú quý giật lùi. Trung học đậu bình thứ, Tú đơn đậu thường, Tú kép đậu kỳ nhì. Khi tốc độ học chậm lại thì những lời giáo hối phải gia tăng. Khi lời lẽ không ăn thì tất nhiên phải dùng hình phạt. Nói tóm lại nhẹ không ưa, thì sẽ có cái nặng hơn cấp kỳ.

Ký tôi hơi dài dòng một chút chỉ vì cái cậu nhỏ Michael Fay, có sáu roi đòn chứ là bao. Làm gì mà la ồn quá thế. Báo chí Mỹ thì thổi phồng lên, thêm mắm, thêm muối nào là roi phải được ngâm nước, và sẽ được quất xuống bởi những ông thầy... võ chuyên nghiệp. Giới báo Việt ngữ, ông thì dùng chữ trượng, ông thì cho là hèo... Cứ theo lời báo chí thì sau sáu trượng này đít của Fay sẽ giữ mãi những lằn nút, như là đường nứt động đất trong vùng Nam Cali không bằng.

Hồi nhỏ từ năm đệ Tam đến năm đệ Nhất nghĩa là bắt đầu biết trốn học, biết đạp xe theo người ta, biết uống cà phê và đôi khi phì phèo thuốc lá, Ký tôi bị ông cụ đánh không biết bao nhiêu roi đòn vào đít. Khi thì là ba toong, khi thì là phất trần, có khi là ống bơm xe đạp (nghĩa là tiện có gì trong tầm tay thì dùng cái đó). Đã thế có khi còn bị cạo trọc đầu bắt quỳ ở cửa. Thế nhưng nào có chết... ai đâu! Cũng chẳng có gì là xấu hổ. Bởi vì: nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò. Đã là học trò thì cũng nên nếm đủ mùi "tân khổ." Có điều những roi đòn này mười, hai mươi năm sau là những kỷ niệm êm đềm khi kể lại cho con cháu.

Truyện Nhị Thập Tứ Hiếu kể một anh con hư bị mẹ đánh đòn. Mọi khi đánh xong chàng chùi nước mắt ráo hoảnh đứng dậy, lần sau cùng này chàng khóc hoài, khóc hủy, khóc mãi không thôi. Mẹ nghe khóc mãi sốt ruột, hỏi nguyên do thì chàng nói: Mọi khi Mẹ đánh đau lắm, biết là Mẹ còn mạnh nên khóc ít. Kỳ này chẳng thấy đau gì cả, biết là Mẹ già yếu nên không khỏi thương cho tuổi già của Mẹ mà khóc hoài.

Từ ngày sang đây, nhiều khi con hư mà không được đánh. Ú ớ là có khi ở tù. Đến như cựu Tổng thống Lon Nol chỉ phết quý tử có ba roi là hàng xóm gọi phú-lít, mém tí nữa là ở tù. Quý nhân phẩm thì cũng tốt thôi, có điều gặp những cậu bé hư thì cũng nên bớt quý đi, đánh vài roi thời niên thiếu sẽ bớt được những lưỡi dao, những lằn đạn trong tương lai.

Vài roi có là bao, mà xét cho cùng những roi đòn đó sẽ giúp cho cậu nhỏ Fay, cũng như những cậu nhỏ khác, mỗi lần cầm tới lọ sơn xịt, hay định làm một cái gì láo lếu thì phải nhớ đời.

Đáng lẽ nhân cơ hội này, nước Mỹ nên trưng cầu dân ý, xem có nên dùng lại roi cho những cô cậu bé quái ác và quá quắt không. Đã bao nhiêu cô cậu chỉ vì học dốt, thầy cô cho điểm xấu là lăn ra ăn vạ, vu oan giá họa cho thầy, cô là "sách nhiễu tình dục." Đã bao nhiêu thầy cô khốn đốn vì những cô cậu bé điêu ngoa dối trá.

Ký tôi thấy hễ còn nuông chiều con nít quá, thì sẽ còn phải xử rất nhiều vụ giết người mà thủ phạm là những cô cậu bé con. Nghĩa là xử bằng những phiên tòa đặc biệt, và xử rất nhẹ, vài năm sau lại thơ thới ra khỏi trại tù... thiếu nhi, rồi đâu lại vào đấy. Hồi nhỏ đã quen dùng súng nhỏ, lớn sẽ dùng súng lớn hơn. Nhỏ thì bắn súng lục, lớn sẽ dùng Shot-gun cưa cụt nòng...

KÝ GIẢ

trên ngai, Quan Bình và Châu Xương đứng thẳng trên bệ như thể dạng thường gặp của các pho tượng này.

Họa sĩ mà cũng là nhà nghiên cứu mỹ thuật Nguyễn Quân, khi khảo sát về nghệ thuật Phật giáo ở các chùa làng, đã đi tới một kết luận hết sức lý thú: "Từ thế kỷ 16, đặc biệt là hai thế kỷ vàng 17-18, Phật giáo trung hưng rực rỡ, đi vào dân gian làng xã làm bừng nở một nền điêu khắc độc đáo đáng là đóng góp lớn nhất, riêng biệt nhất của người Việt vào mỹ thuật thế giới - mà đến nay vẫn chưa được biết tới và giới thiệu một cách xứng đáng lại còn bị tàn phá một cách nguy hại" (3). Chính trong cách đánh giá đó, chúng ta sẽ càng nghiệm ra và thấy được cái quý giá của bầy pho tượng này nơi chùa Giác Lương, cả trên hai phương diện lịch sử và mỹ thuật. Về phương diện lịch sử, nếu các đình chùa ở miền Bắc thờ nhiều tượng gỗ, thì ở Huế, ngược lại, tượng gỗ rất ít, phần lớn đều bằng đồng (4); bảy pho tượng này là những vết tích hiếm hoi còn sót lại của một thời kỳ lịch sử đặc biệt của đất nước. Hơn thế nữa, hết thảy đều rất tinh xảo và kỳ thú, dù có hạn chế ít nhiều trong những ước lệ cũ vẫn để lộ ra được những nét diễn tả tài tình, quả là một đóng góp quí báu vào di sản chung của nền nghệ thuật tạo hình truyền thống của dân tộc.

Cùng với các hiện vật vừa đề cập, còn có một tấm hoành phi với ba chữ đại tự Giác Lương Tự thực hiện năm 1843 thời Thiệu Trị, đến nay vẫn còn rực rỡ nếp thiếp vàng trên nền son ấm áp và những cặp liễn đối treo trên các hàng cột mà đáng kể là một cặp liễn đề năm 1819 thời Gia Long.

Cũng phải kể đến một di vật hết sức đáng trân trọng là quả chuông đồng nặng 481 cân ta (gần 300 kg), treo trên giá gỗ, đúc năm Gia Long thứ 18 (1819). Kỹ thuật đúc chuông và giá trị mỹ thuật rất đáng lưu ý. Quai treo chuông là hình hai con rồng, quay lưng và chập đuôi vào nhau, vươn mình về phía trước, miệng há ra, mình phủ nhiều vảy, theo đúng phong cách con rồng thời Nguyễn. Trên mặt quả chuông có khắc tên một số hương lão và hương quan đúc chuông để cúng vào chùa. Trong số những vị này, chúng ta đọc thấy tên Hoàng văn Lịch là nhân vật mà các bộ sử lớn của triều Nguyễn như Đại Nam thực lực, Đại Nam liệt truyện, Quốc Triều chánh biên toát yếu đều có đề cập đến. Ông có tiếng là một người thợ rèn và cơ khí tinh xảo, chế tạo được nhiều máy móc, súng đạn. Trong tư cách Giám đốc Võ Khố và Bá Công tượng cuộc, ông đã có công đốc suất hoàn chỉnh chiếc tàu chạy bằng hơi nước đầu tiên trong lịch sử đất nước, mô phỏng theo các tàu thủy mà trước đây Gia Long đã mua của Pháp để xử dụng trong các cuộc thủy chiến với quân đội Tây Sơn. Hoàng văn Lịch rất được vua Minh Mạng trọng dụng, phong đến tước Lương Sơn Hầu. Đồng thời với quả đại hồng chung lịch sử này, một cổ trống rất lớn cũng được cúng vào chùa. Thân trống nguyên là một gốc đại thụ đục ra, hiện nay chưa kiếm được tấm da lớn để bịt lại.

Hơn bốn thế kỷ qua, nằm trong truyền thống của những ngôi chùa làng Việt Nam, đây không phải chỉ là nơi thờ Phật dành riêng cho tăng lữ và tín đồ Phật giáo , mà phải xem là một trung tâm văn hóa của nhân dân trong làng. Tất nhiên, nhiều nét thiêng liêng đượm mùi vị thiền là chủ yếu, và chính đó là yếu tố nối kết dân làng bền chặt với nhau hơn. Vừa thờ Phật, thờ thánh, lại là nơi thờ chính yếu những vị thỉ tổ khai sáng ra làng, thường vẫn được gọi là Tiền hiền thập nhị tôn phái. Đây cũng là nơi hội họp bà con khi hữu sự, nơi lưu trữ nhiều sắc phong của triều đình cùng nhiều văn kiện, hương ước, hương phả của làng.

Biết tôn quý di tích kỳ cựu Giác Lương Tự, với sự hỗ trợ tối đa của các cơ quan văn hóa thuộc ngành quản lý di tích ở địa phương, nhân dân làng Hiền Lương, ngay trong làng hay đang sinh sống khắp nơi, từ Bắc chí Nam và cả ở hải ngoại, trong các năm vừa qua, từ 1986 đến 1991, đã phát động các cuộc đóng góp sức lực, công của, theo gương ông cha ngày trước để trùng tu tôn tạo một lần nữa di tích lịch sử và nghệ thuật quí báu này. Sau hai đợt tu sửa trong hơn năm năm, sau nhiều cố gắng lớn, cùng với sự đóng góp ý kiến quý báu của các chuyên gia bảo tồn bảo tàng, hoàn toàn dựa trên di tích cũ, chùa Giác Lương đã hoàn tất công cuộc trùng tu lớn vào thời hiện đại. Đánh giá đúng mức di tích lịch sử và văn hóa này, năm 1992, Nhà nước hiện nay, thông qua Bộ Văn Hóa - Thông Tin - Thể Thao và Du Lịch, cũng đã chính thức công nhận đây là một di tích liệt hạng. Và hiện nay, chùa Giác Lương đã sống động trở lại với vai trò chính thực của mình, thiêng liêng trong lòng mỗi người dân địa phương trong làng, còn là nơi thăm viếng, tham quan, nghiên cứu của du khách, đồng thời cũng là một trung tâm sinh hoạt văn hóa của nhân dân làng rèn Hiền Lương, một làng đã có nhiều đóng góp đặc sắc vào đời sống kinh tế và văn hóa của vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế (5).■

CHÚ THÍCH:

(1) Ưu Bà Di: phiên âm từ Phạn ngữ Upàsika, có nghĩa là một nữ tu tại gia đã tự nguyện thọ ngũ giới để phụng sự Phật pháp.

(2) Theo Trần Trọng Kim, thường các chùa đều có tượng hai vị hộ pháp, bên tả vị khuyến thiện, bên hữu là vị trừng ác, gọi tắt là ông Ác, ông Thiện, và ở những chùa thực cổ thì chỉ làm có một vị hộ pháp gọi tắt là Vi Đà Thiên Tướng Quân (Trần Trọng Kim, Phật Học trang 89. Tủ sách Phật Học. NXB, Tân Việt 1964). Như vậy đây là một điểm chúng ta cần lưu ý. Pho tượng hộ pháp trong chùa Giác Lương cho chúng ta biết rằng: đây là một ngôi chùa khá cổ, hoặc giả nó được dựng nên trong truyền thống của những ngôi chùa cổ ở miền Bắc nước ta trước đây, trước những đợt di dân về phương Nam thời các chúa Nguyễn (1558-1777).

(3) Nguyễn Quân, Chùa Làng Hay Các Bảo Tàng Điêu Khắc. Đất Mới, Montréal, sách tháng 2. 1990.

(4) CF. Phan Thuận An, Điêu khắc, Hội họa, Trang trí, Thủ công Mỹ Nghệ Huế cổ, phần viết về Điêu Khắc. Kỷ Yếu viện Bảo Tàng Mỹ Thuật, Hà Nội, số 6. 1987.

(5) Tài liệu tham khảo:

- Đại Nam Thực Lục, Đại Nam liệt truyện, Quốc triều chánh biên toát yếu.
- Quốc sử Tạp lục, Nguyễn Thiệu Lâu
- Hiền Lương Chí Lược, Huỳnh Hữu Hiến, Huế, 1962.
- Hai trăm năm Văn Hóa Phú Xuân: Chùa Giác Lương. Nguyễn Đắc Xuân. Báo Thừa Thiên, Huế, 1987.
- Báo cáo trình Bộ Văn Hóa về di tích văn hóa và lịch sử cổ: Giác Lương Tự. Phan Thuận An khảo sát và trình bày, 1987.

SANH Ư? TỬ Ư?

(Con người và vấn đề sanh tử theo Thiền Tông)

HUỲNH HỮU CỬU

Trong Thiền Tông có một công án thường được nhắc đến nhan đề là "Sanh ư? Tử ư?" hay là "Tiệm Nguyên hỏi sanh, tử" (1). Công án ấy như sau:

Tiệm nguyên là thị giả (tăng sĩ hầu cận) của Thiền sư Đạo Ngô. Ngày nọ Tiệm Nguyên cùng thầy đến điếu tang tại nhà một Phật tử vừa chết. Tiệm Nguyên vỗ quan tài hỏi thầy:

"Sanh ư? Tử ư?"

Đạo Ngô đáp:

"Sanh cũng chẳng nói! Tử cũng chẳng nói!"

Tiệm Nguyên hỏi:

"Tại sao chẳng nói?"

Đạo Ngô đáp:

"Chẳng nói! Chẳng nói!"

Trên đường về, Tiệm Nguyên rất ấm ức nên nói với thầy:

"Bây giờ Thầy phải nói cho con biết. Nếu Thầy không nói con sẽ đánh Thầy."

Đạo Ngô đáp:

"Đánh thì cứ đánh, nói thì chẳng nói!"

Tiệm Nguyên liền đánh.

Về đến thiền tự, Đạo Ngô bảo Tiệm Nguyên đi nơi khác, e sợ việc xảy ra vừa rồi người tri sự (quản lý) biết đến thì không tiện. Tiệm Nguyên lễ bái rồi từ giã, đến ở ẩn tại một ngôi chùa khác nơi thôn quê. Trải qua ba năm, một hôm Tiệm Nguyên nghe một đồng tử tụng đến một câu trong Kinh Phổ Môn thì bỗng nhiên đại ngộ. Liền đốt nhang lễ bái thầy rằng: "Nay mới biết Tiên Sư quá từ bi, tại con chẳng hội lại trách Tiên Sư. Khi ấy Đạo Ngô đã tịch. Tiệm Nguyên bèn tìm đến đại đệ tử của Đạo Ngô là Thạch Sương để cầu sám hối, rồi được Thạch Sương ấn chứng."

Công án trên đây lý thú ở chỗ chúng ta vừa ngạc nhiên vừa

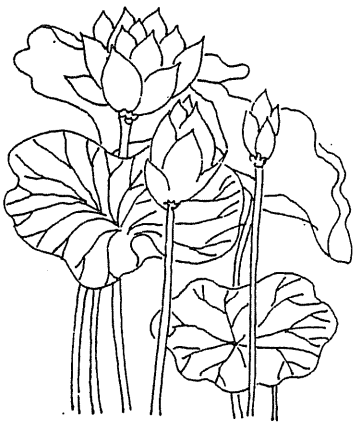

buồn cười thấy Tiệm Nguyên đã biết người nằm trong quan tài là đã chết mà còn hỏi "Sanh ư? Tử ư?" Ngoài ra công án trên có một sức hấp dẫn mạnh mẽ là vì chúng ta tò mò muốn biết tại sao Đạo Ngô nhất định không trả lời câu hỏi của Tiệm Nguyên. Nhưng điều đáng chú ý nổi bật hơn cả của công án này là đã đề cập đến một vấn đề hệ trọng bậc nhất mà mọi người chúng ta muốn tìm hiểu: Con người và vấn đề sanh, tử.

Trong bài sau đây, tác giả sẽ trình bày, theo chỗ hiểu biết của mình, quan niệm của Thiền Tông về con người và vấn đề sanh, tử, để rồi hy vọng nhờ đó ý nghĩa của công án trên sẽ được sáng tỏ.

Theo người thế gian chúng ta thì chúng ta có thói quen cho rằng có một thực thể gọi là con người, và con người ấy biết vui, buồn, sướng, khổ. Khi có một đứa bé lọt lòng mẹ chào đời thì chúng ta gọi đó là có sự sanh, đến khi có người già mạng chung nhắm mắt nằm xuống thì chúng ta gọi là có sự tử. Sanh ra rồi lớn lên, hoạt động thì chúng ta gọi là còn, là có, đến khi trút hơi thở cuối cùng thành cái thây rữa nát thì chúng ta gọi là mất, là hết, là không. Còn và có thì vui thích, nhưng mất, hết, không, thì buồn, nuối tiếc, sợ, khổ. Nói tóm lại, đối với người thế gian chúng ta thì chúng ta thấy hiển nhiên có một thực thể gọi là con người và sự sống, chết, vui, buồn, sướng, khổ đều là những gì có thật.

Đối với Thiền Tông nói riêng và đạo Phật nói chung thì lại khác. Tất cả những cái vừa kể, con người, vui, buồn, sướng, khổ, sống, chết và tất cả những cái gì khác theo sự nhận định của người thế gian, Thiền Tông không cho là có thật. Tại sao vậy? Thiền Tông căn cứ vào đâu mà nói như vậy?

Quí bạn độc giả đã đọc qua hai bài viết vừa rồi của tác giả thì thấy rằng Thiền Tông đã đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị để nhận xét về không gian, thời gian và vũ trụ. Ở đây cũng vậy, Thiền Tông cũng đứng trên phương diện đó. Sau đây xin vắn tắt nhắc lại về vấn đề Tuyệt Đối Bất Nhị.

Tuyệt Đối là chỗ sự thật cứu cánh, tối hậu. Tuyệt Đối là hoàn toàn không có bất cứ cái gì có thật để đối lại. Nếu còn có một cái gì có thật để đối lại thì hãy còn là Tương Đối, chưa phải là Tuyệt Đối. Vì không có một cái gì có thật để đối lại nên gọi là Bất Nhị (Non Duality). Muốn trả lời câu hỏi nào, muốn nhận định về một vấn đề nào cho đến chỗ sự thật cứu cánh thì phải đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị. Vậy đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị, ngoài Tuyệt Đối ra, không thể có bất cứ một

cái gì gọi là có thật. Do đó, đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị, những cái mà chúng ta gọi là con người và những sự vui, buồn, sướng, khổ, sanh, tử v.v... không thể là những gì có thật. Bát Nhã Tâm Kinh cũng nói là"Vô sắc, thọ, tưởng, hành, thức," tức là con người không có thật (sắc, thọ, tưởng, hành, thức: năm yếu tố họp thành con người), và cũng nói là "Vô lão, tử," nghĩa là sự già chết cũng không có thật. Thiền Tông nói rằng người thế gian chúng ta tưởng là có thật là sai lầm.

Đến đây xin nói rõ hơn về cái không thật.

Cái gì không thật?

Đó là những cái mà người thế gian chúng ta đặt tên và gán cho những ý nghĩa này nọ. Thí dụ như về sự chết chẳng hạn. Đó là một hiện tượng (xin tạm gọi là hiện tượng) mà chúng ta đặt cho cái tên là "chết" và chúng ta gán cho nó những ý nghĩa như chết là hết, là mất, là đau khổ, là đi về cõi khác v.v... Thiền Tông cũng như đạo Phật nói rằng cái tên gọi ấy và những ý nghĩa đi kèm theo là những cái không thật. Con người, hiện tượng sanh ra và hiện tượng chết theo quan niệm của người thế gian chúng ta cũng đều không thật như vậy. Chẳng những con người, sự sanh, tử, những cảm xúc vui buồn sướng khổ v.v... không thôi mà tất cả những gì trong vũ trụ giác quan và trí óc chúng ta nhận biết được đều không thật. Cái không thật này đạo Phật còn gọi là hư giả, mộng huyễn.

Vậy cái gì có thật?

Như trên đã nói, Tuyệt Đối là Bất Nhị thì **ngoài Tuyệt Đối, không thể có cái gì gọi là có thật.** Cũng có nghĩa là không có một cái gì khác hơn Tuyệt Đối. Do đó tất cả những cái gì mà chúng ta ý niệm được, tưởng tượng ra được, và tất cả những ý nghĩa, cảm xúc mà chúng ta gắn liền với những cái đó đều vốn là Tuyệt Đối.

Nhưng Tuyệt Đối không phải là một cái gì có thật hay không có thật. Thật và không thật là Tương Đối. Tuyệt Đối siêu việt lên trên mọi ý niệm tương đối. Vì Tuyệt Đối siêu việt lên trên mọi ý niệm nên không thể diễn tả Tuyệt Đối bằng lời nói được.

Đứng trước một xác người nằm chết, người thế gian chúng ta thấy rõ ràng là có người chết thật. Những ai có sự thắc mắc suy tư, không hiểu sự sống, chết là như thế nào thì hỏi "Sanh ư? Tử ư?" Còn người thiền sư thì sao? Người thiền sư hiểu rõ đến chỗ sự thật cứu cánh thì nhìn thấy đó là Tuyệt Đối, nhưng vì là Tuyệt Đối nên chẳng thể thốt ra bằng lời.

Đạo Ngô trong công án trên đây không nói, phải chăng là vì lẽ ấy?■

(1) Xin xem Đại Huệ Ngữ Lục, trang 46. Tác giả: Tông Cảo Thiền Sư, Thích Duy Lực dịch từ Hán Văn sang Việt Văn.

BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN DIỆU LIÊN HƯƠNG

HỘI VIÊN CHỈNH NHA VÀ CHỈNH HÀM
United State Dental Institute
American Association for Functional Orthodontics

9251 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 I Tel: (714) 895-1264

Hành nghề từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha Khoa tư tại Phú Thọ, Saigon

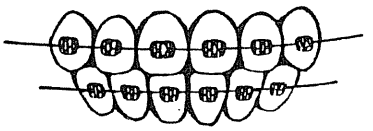

ORTHODONTICS: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô móm... bằng phương pháp mang Niềng răng (Braces) hay mang Bộ Chỉnh Hàm (Functional Orthodontic Appliances).

BLEACHING: Tẩy trắng các răng màu vàng, nâu, xanh...

COSMETIC BONDING: Thay men răng bị đổi màu, đắp vá các răng sứt mẻ, làm khít kẽ răng thưa...

ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU BỆNH NƯỚU RĂNG: Nướu răng sưng đỏ, chảy máu, tuột nướu, tuột xương; hôi miệng.
Đặc biệt: Phối hợp với *khoa chỉnh hàm* giải quyết các trường hợp răng bị xô lệch, lung lay, hở kẽ... do bệnh nướu răng, **tạo khớp cắn ổn định:**
- để việc nhai thức ăn dễ dàng và hữu hiệu.
- tạo một hàm răng đều đặn duyên dáng và bền bĩ với thời gian.

NHA KHOA TỔNG QUÁT: Khám định kỳ, làm sạch, chữa, trám và nhổ răng. Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải quyết các răng mọc ngầm vì thiếu chỗ hay răng mọc chậm

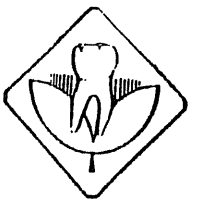

RĂNG GIẢ CÁC LOẠI: Gắn dính và tháo lắp: Mão răng,Veneer,Cầu răng,Hàm giả bán phần và toàn phần

MỘT SỐ THUẬT NGỮ THÔNG DỤNG

ĐỖ THÔNG MINH

LTS.- Tiếp theo hai bài Hoàng Vũ (BBC) phỏng vấn trong nước và ngoài nước về vấn đề thuật ngữ điện toán, Thế Kỷ 21 hân hạnh đón nhận và đăng tải dần một số danh từ điện toán Anh-Việt do ông Đỗ Thông Minh (ở Tokyo, Nhật Bản) soạn, sau đây.

Trong thư gửi tòa soạn, ông Đỗ Thông Minh tâm sự: "Chúng tôi khi ở Việt Nam, học trung học công lập Trần Lục, mới đầu mỗi tuần có một giờ chữ Hán. Thầy dạy mà chẳng ma nào muốn học nên thầy chỉ thuyết giảng qua loa rồi mở tự điển, chiếu tên học trò viết lên bảng cho mỗi đứa một chữ Hán chép vào vở (chỉ tên chứ không có họ hay đệm). Bẩy nhiêu đó mà không mấy trò nhớ. Tâm lý chung là học làm chi thứ chữ khó mà không dùng đến nữa. Bộ Giáo Dục nhìn xa, muốn dạy cho học sinh, nhưng không nêu được mục đích cụ thể, học trò còn quá nhỏ để nhận thức, chương trình thì qua loa tùy tiện (...). Cuối cùng đành bỏ môn Hán văn.

"Chúng tôi may mắn học tiếng Nhật trong có chữ Hán; thứ chữ đáng ghét và đáng yêu ấy không ngờ giúp ích khá nhiều việc viết lách, biên khảo, phiên dịch, hay tìm hiểu chữ Nôm (chữ viết).

"Từ năm 1984, chúng tôi bắt đầu dùng máy điện toán rồi lần la tìm hiểu thêm, nhưng gặp trở ngại rất lớn là các thuật ngữ mới mẻ, khó hiểu; (...)ước ao phải chi có sách tiếng Việt cho dễ hiểu hơn.

"(...)Chúng tôi mạo muội cùng một số thân hữu ở Nhật, Mỹ góp nhặt được khoảng 5,000 thuật ngữ, dự tính giai đoạn 1 sẽ dịch, giai đoạn 2 sẽ giải thích bằng tiếng Việt (đối chiếu Anh-Việt, Việt-Anh). Chúng tôi thành thật ước mong đón nhận ý kiến xây dựng của quý đồng hương."

compatible tương thích, tương hợp
lowcase chữ thường, tiểu tự
upcase chữ hoa, đại tự
bit (*binary digit*) số tự nhị phân, số tự nhị tiến
binary number số nhị phân, số nhị tiến
byte tổ nhị phân, tổ nhị tiến
monitor máy giám thị, đài giám thị
WYSIWYG (*What You See Is What You Get*) bạn thấy gì bạn được nấy
WISIWYG (*What I See Is What You Get*) tôi thấy gì bạn được nấy
WYSIWIG (*What You See Is What I Get*) bạn thấy gì tôi được nấy
LAN (*Local Area Network*) mạng cục bộ, mạng cận vực
MAN (*Metropolitan Area Network*) mạng đô thị
WAN (*Wide Area Network*) mạng viễn vực, mạng toàn cục
GAN (*Global Area Network*) mạng toàn cầu
LANNET (*Large Artifical Nerve Network*) Mạng Đại Thần Kinh Nhân Tạo
INS (*Information Network System*) Hệ Thống Mạng Thông Tin (cao độ)
CPU (*Central Processing Unit*) Bộ Xử Lý Trung Ương, Trung Ương Điện Não
CRT (*Cathode-Ray tube*) ống tia âm cực, đèn tia âm cực
computer máy điện toán, máy tính điện tử, máy tính
personal computer máy điện toán cá nhân
micro computer máy vi điện toán, máy vi tính
mini computer máy tiểu điện toán, máy điện toán cỡ nhỏ
mainframe computer máy đại điện toán
super computer máy siêu điện toán
digital computer máy điện toán số tự, máy điện toán bất liên tục, máy điện toán đoạn biến
analog computer máy điện toán tương tự, máy điện toán liên tục, máy điện toán liên biến
operator nhân viên điều hành; điện toán viên
computer operator điện toán viên
electric computer máy điện toán, máy tính điện tử
silicia khuê thạch
silicon (chất *silic* = "Si") chất khuê
chip miếng (bán đạo thể mạch tập thành), miếng tích hợp
IC (*Integrated Circuit*) mạch tập thành, mạch tích hợp, mạch tổ hợp
microminiaturized IC mạch vi tập thành, mạch vi tích hợp
software nhu kiện, nhu liệu, nhu phẩm, phần mềm [VN], nhuyễn kiện [TQ]
hardware cương kiện, ngạnh kiện, cương liệu, cương phẩm, phần cứng [VN], ngạnh kiện [TQ]
firmware cố kiện, cố liệu, phần dẻo [VN]
middleware trung kiện
programmer thảo chương viên
computer programmer điện chương viên
direct or random access truy dụng trực tiếp hay tùy thời
sequential access truy dụng tuần tự, tồn thủ tuần tự
access truy dụng nhập xuất, truy dụng viết đọc, tồn thủ, vào ra; tìm vào; tiếp cận *font* dạng chữ
style kiểu; kiểu chữ
RAM (*Random Access Memory*) bộ nhớ truy dụng tùy thời, RAM
DRAM (*Dynamic RAM*) bộ nhớ truy dụng tùy thời động, DRAM
SRAM (*Static RAM*) bộ nhớ truy dụng tùy thời tĩnh, SRAM

ROM (*Read Only Memory*) bộ nhớ chỉ đọc, ROM
SAM (*Sequentyal Access Method*) Phép Truy Dụng Tuần Tự
input nhập kiện (nhập lực dữ kiện), nhập liệu, nhập lực [NB]
output xuất kiện (xuất lực dữ kiện), xuất liệu, xuất lực [NB]
off-line ly tuyến [NB], ngoại tuyến
on-line tại tuyến [NB], trực tuyến
read-out đọc ra
write-in viết vào
memory cell tế bào ký ức, ô ký ức
Corel draw biến hình ký tự theo "Corel", biến tự corel
cursor con chạy, ô chớp, điểm chạy, điểm sáng, du tiêu [TQ]
caret thanh chớp, thanh đánh chữ
cell cursor con chạy tế bào, du tiêu tế bào
arrow cursor con chạy mũi tên, du tiêu mũi tên
mouse cursor du tiêu con chuột
adapter bộ tiếp hợp, thích ứng
EGA (*Enhanced Graphics Adapter*) Bộ Tiếp Hợp Đồ Hình Tăng Cường
MGA (*Monochrome Graphics Adapter*) Bộ Tiếp Hợp Đồ Hình Đơn Sắc
dot chấm, điểm, dấu chấm
dot matrix ma chấm, ma điểm, củ trận điểm
pin dot chấm kim, điểm kim
dot per inch số chấm trên phân Anh
Tap key khoá cột
Shift key khoá chuyển
Alternate khoá hoán, khoá đổi
Enter key khoá thực hành, nút nhận, khoá cho vào
F1-F10 khoá nhiệm 1-10
keyboard bàn khoá, bàn nút, bàn phím
wordkey khoá chữ, nút chữ
numberkey khoá số, nút số
icon ký hình (để phân biệt với ký hiệu),tượng hình; ảnh tượng
CGA (*Color Graphic Adapter*) Bộ Tiếp Hợp Đồ Hình Đa Sắc
CGA card thẻ CGA
EGA card thẻ EGA
MGA card thẻ MGA
display adapter bộ tiếp hợp hiển thị, bộ tiếp hợp biểu thị
left-justified dồn trái
right-justified dồn phải
disk-oriented program chương trình hướng đĩa
spelling check/correcting software nhu kiện kiểm chính tả
semiconductor chất bán dẫn, bán đạo thể
VAN (*Value Added Network*) Mạng Phụ Gia Giá Trị, Mạng Phụ Trội
reverse đảo màu (nền đen chữ trắng), phản truyền [NB]
justify chia đều, quân đều, quân đẳng [TQ]
DOS (*Disk Operating System*) Hệ Thống Vận Hành (Bằng) Đĩa
TOS (*Tape Operating System*) Hệ Thống Vận Hành (Bằng) Băng
OS (*Operating System*) Hệ Thống Vận Hành
hard disk drive bộ quay đĩa cứng, ổ đĩa cứng
disk pack bộ đĩa
magnetic disk pack bộ đĩa từ (tính)
mail merge hợp nhất bưu mục, xử lý thư tín kết hợp
high density mật độ cao
resolution độ phân giải, độ rõ nét, giải tượng độ [NB]
PS (*Personal System*) Hệ Thống Cá Nhân
IBM clone phỏng theo IBM (nói về cấu tạo cơ năng)
IBM compatible tương thích IBM, tương đương IBM (nói về tính cộng thông)
backup sao lưu, sao dự bị
daisy wheel printer máy in bánh xe chữ
double strike đánh chồng
drive máy đọc-viết, bộ đọc-viết, ổ đĩa
disk drive ổ đĩa, bộ quay đĩa
floppy drive ổ đĩa, bộ quay đĩa
floppy disk drive ổ đĩa mềm, bộ quay đĩa mềm
numeric (key) pad bộ khóa số, bộ nút số
monochrome monitor máy giám thị đơn sắc, máy giám thị đơn màu
color monitor máy giám thị đa sắc, máy giám thị đa màu
programming language ngôn ngữ thảo chương
socket bản gắn, bản cắm
subdirectory chỉ dẫn phụ, thủ tục phụ
subscript chữ thấp, số chân (5a,E1...En)
superscript chữ cao, số mũ (102, 32)
VGA (*Video Graphic Array*) bộ tiếp hợp chỉnh hình, hệ thống chế ảnh truyền hình
photo-typesetter máy xếp chữ bằng phim quang ảnh, máy rọi chữ
spread sheet (nhu liệu) kế toán biểu
lay out trình bày, dàn trang
laser tia la-de, kích quang [TQ]; máy la-de, kích quang cơ [TQ]
scanner (*Image Scanner*) máy quét, máy phân hình
laser printer máy in hồng quang, máy in la-de
VGA card thẻ vi-ga
load nạp
reload tái nạp
download nạp xuống
upload nạp lên
digital computer máy điện toán số tự, máy điện toán bất liên tục
analog computer máy điện toán tương tự, máy điện toán đo lường, máy điện toán liên tục
binary nhị phân, lưỡng phân; lưỡng thể
binary operation phép tính nhị phân
binary state trạng thái lưỡng thể
octal bát phân
decimal thập phân
hexadecimal thập lục phân
BCD (*Binary Coded Decimal*) Thập Phân Mã Hóa Theo Nhị Phân

(còn tiếp)

Một cách làm báo đứng đắn, chuyên nghiệp
mà ít tốn công sức, tiền bạc:

Hãy mua tin của

HÃNG TIN VAP

(VIETNAM ASSOCIATED PRESS)

- Đủ mọi loại tin tức: quốc tế, Việt Nam, cộng đồng, văn hoá, chính trị, xã hội...
- Cung ứng cho mọi loại báo: nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bản tin, đặc san, giai phẩm...

Liên lạc ngay:

VAP

(Giám đốc: HÀ TƯỜNG CÁT)

14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT (714) 892-9316; FAX (714) 897-0599

- Thay vì phải thuê phóng viên, phiên dịch viên, biên tập viên, người đánh máy, v.v..., mỗi tháng tốn cả ngàn đô la, mua tin của VAP chỉ tốn từ vài chục đến vài trăm!
- Tin được gửi tới quý vị bằng: bản in (print out), disket, fax, modem, E-mail — tuỳ quý vị chọn.

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:
THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

MY MIND IS AMERICAN MY HEART IS VIETNAMESE

By HANSEL - HA PHAM

My Advanced Placement U.S. History finally brought to my attention a controversial issue that I have been wrestling with for quite some time now. The debate centered on whether education stress multiculturalism or the common traits present in most Americans. This issue was particularly and have lived all of my life in America. I wondered whether I should continue to adopt "American" values or whether I should reject my current lifestyle as a symbol of defiance against assimilation.

I read and listened both sides of the argument. I was especially impressed by the logic of Louis Farrakhan, when he stated that place of birth is of little importance. For example, if a baby was born in an airplane above the Pacific Ocean, surely the baby wouldn't pin his or her loyaties on the airline or the ocean. However, I did not comletely agree with his argument, since my acceptance of American values goes much deeper than my place of birth.

Finally, I went to my father for guidance. He sagely advised me, "If your mother and I fought, who would you support? You can not pick a side because you would allienate a part of yourself if you did. Your mind is American and your heart is Vietnamese, and they are both similar in that both are intergral parts of Hansel - Ha Pham. Since then, I've realized that I have the best of both worlds. I have rare opportunity to combine the best qualities of both cultures. Instead of having to serve two masters, I have allowed my Vietnamese heritage and my American background to help serve me. ■

PROJECT 20 (1975-1995): VIETNAMESE-AMERICANS TWENTY YEARS AFTER

Dubbing it a "season of affirmation," a group of Orange County Vietnamese-Americans announced plans for Project 20, an ambitious commemoration of next spring's 20th anniversary of Vietnam War refugees' arrival in the United States

ZAN DUBIN, Los Angeles Times

I think the rest of the country could learn a lesson from what you are doing here ---- celebrating with the arts. We are absolutely the beneficiaries of your being here. You are going to make the arts healthier and better.

LOUIS G. SPISTO, Executive Director
Pacific Symphony Orchestra

INTRODUCING PROJECT 20

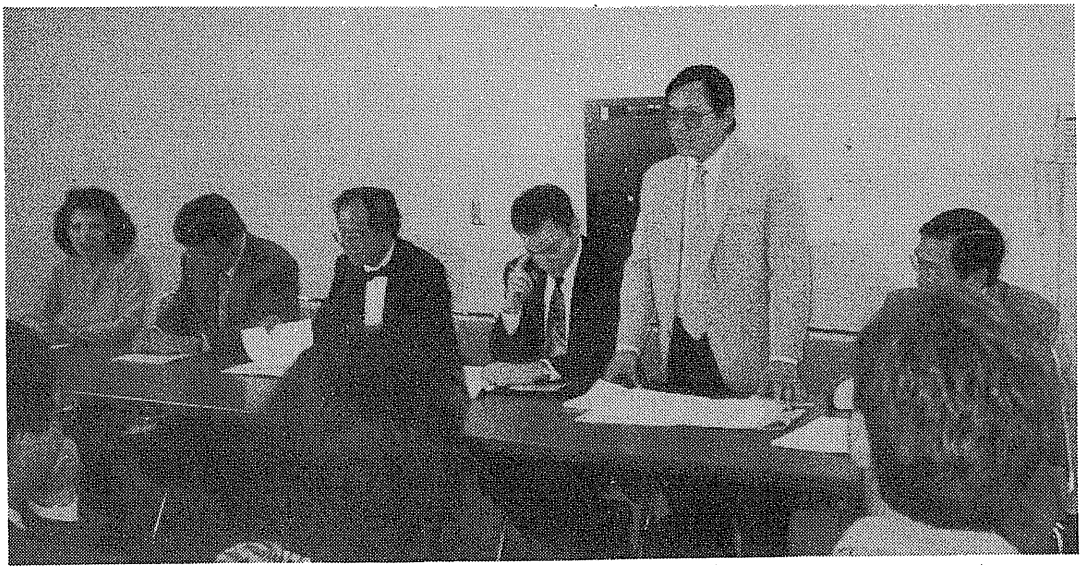

Nghiem Phu Phat (standing) is presenting his youth projects. From left: Truong Ai Phuong, Tran Chuc, Le Van Khoa, Louis G. Spisto and Le Dinh Dieu.

HUNTINGTON BEACH -- The Huntington Beach Library was the scene for the first "Project 20 (1975-1995) -- Vietnamese Americans Twenty Years After" press briefing.

To a room full of various representatives of the media here in Orange County, Project 20's Organizing Committee presented a group of speakers to introduce ideas and aspects involved in commemorating the twentieth anniversary of the Vietnamese refugees' arrival in the United States.

Truong Ai Phuong, Fund-Raising Coordinator of the "Project," introduced Yen N. Do, editor-in-chief and publisher of the Nguoi Viet Daily News, as administrator for the project.

She remarked that "Project 20," will be a series of activities, a "season of affirmation" between now and the actual anniversary date. It will celebrate the identity of the Vietnamese-Americans, their leadership, their lives here in freedom, and their gratitude to the United States.

In this series of events, Phuong said, the community is also working for their children, those who were born in Vietnam and those who were born here. They have grown up with the benefits of freedom, but "Project 20" will also remind them of their heritage.

LE VAN KHOA

Phuong introduced Le Van Khoa, a noted composer and musician.

He remarked that even though Vietnam has suffered from protracted wars, the Vietnamese have maintained their identity.

Rudyard Kipling wrote that "East is East and West is West and never the twain shall meet," but the Vietnamese say the East and the West are as far apart as the sun and the moon. He was speaking of the eclipse which was at its maximum (for this area), and he added that, "what happened today is a good symbol."

Le Van Khoa said the Vietnamese are now here, part of America, and "we are grateful that America received us when we had no place to go... our children grew up here"... and now it is time to contribute.

He said, "I was thrown into this country, but my motherland is still with me," not only as a sentimental thing, but as a real love.

He is composing a symphonic suite, "1-9-7-5." It begins in peacetime Vietnam, where love and prosperity flourished. Then war, bombing, migration, tempests, pirates, death. This rises into "life and hope for the human race and democracy in this world" to commemorate the 20 years in exile.

TRAN CHUC

Mr. Tran Chuc, a computer engineer who majored in the French language before going into computers, is also a vocalist, a musician and conductor of the Ngan Khoi chorus.

He said the chorus was formed in 1989 by old friends who sang together in Saigon before 1975.

They were aged 20 to 45 years. Ngan Khoi has performed in this area, and on Vietnamese TV, under the direction of Le Van Khoa. In 1990, the chorus performed in its first concert settings at Chapman College and Foothill College.

Chuc gave some history. There are problems to be overcome, because choral music is only 40 years old, for Vietnamese, who have no choral tradition as such. The harmonic system of Asian music is not like that of the West; choral and orchestral music for Vietnamese songs is hard to come by.

Choral singing was introduced by French missionaries, and the Western system of voice production is now used in choral singing. The problem there is that it interferes with correct pronunciation, and there is a reverse language barrier now affecting choruses: The younger Vietnamese singers do not know the language.

LE DINH DIEU

Le Dinh Dieu, president of the Vietnamese American Arts and Letters Association (VAALA), was the next speaker. He noted that VAALA was formed in 1991, has organized many art exhibits, and it is especially noted for its annual Spring show, where from 20 to 40 Vietnamese artists display their work every year. Next spring, the exhibit will be part of "Project 20."

At the same time, Dieu said, VAALA would organize two symposiums; one concerning Vietnamese literature, and another about Vietnamese journalism 1975-1995.

NGHIEM PHU PHAT

Nghiem Phu Phat, a pianist and performing arts organizer, is in charge of "Project 20"'s program for youth. Workshops and seminars for students will present different themes on being away from their native land for 20 years. Cultural traditions and musical workshops for young people will allow them to participate and to learn. Hundreds of thousands have grown up in America, and they need to know, from their roots, what and who they are and what they will be. For the future -- what they can do for the United States and for their Fatherland.

LOUIS G. SPISTO

The Pacific Symphony Orchestra, in which Louis G. Spisto is executive director, has worked for several months with Vietnamese musicians, and next year on April 26 and 27, will present the world premier of a work on peace, for the end of war and for the anniversary commemorations.

Orange County, he noted, has the largest Vietnamese population outside Vietnam. The community has an "appetite for music," he said, so celebration is an important milestone for the arts, and the rest of the country could take heed from the Vietnamese here. We are a richer place for the Vietnamese being here, he said.

CSUF JOURNALISM STUDENTS TOUR LITTLE SAIGON

WESTMINSTER -- Led by their instructor, Jeffrey Brody, 10 mass-media students from California State University Fullerton visited the Nguoi Viet Daily News and the gallery of the Vietnamese American Arts and Letters Association on Moran Street, Friday, May 13.

Brody, a former journalist who is well-known to the Vietnamese community in this area for his former work with The Orange County Register. He is now teaching journalism at CSUF and is adviser to The Titan, the student newspaper there.

"We are," he said, "on a fact-finding tour of the press in a fast-developing ethnic minority in the region. After our visit to Nguoi Viet and VAALA, we will also visit Little Saigon and its business center."

In his briefing, Do outlined the history and development of the Nguoi Viet Daily News, along with the development of Little Saigon, the"refugees' capital."

Le Dinh Dieu, president of VAALA, explained the creative and artistic activities of VAALA and its headquarters.

The students expressed admiration for the achievements of the Vietnamese community during the last 19 years, particularly in the press, which has adopted technology. For example, computers had to be adapted to print accents in Vietnamese language text. That was a beginning, and computers are used increasingly in entering, print-out, and layout of material for each issue.

This visit was a follow-up for a journalism workshop held in March of this year at CSUF. That program was co-sponsored by Nguoi Viet, VAALA and the Department of Communications, CSU Fullerton.

BOOK REVIEW

By NGUYEN DINH-HOA

NGUYEN HUY THIEP, *The General Retires and Other Stories*. **Greg Lockhart**, tr. Singapore. Oxford University Press. 1992. viii + 192 pages. $11.95.

THE GENERAL RETIRES, a collection of eight short stories by one of the most talented Vietnamese writers of the postwar preriod, reveals in forceful language the pitiful conditions of present-day Vietnam. The title story ("Tuong ve huu" in the original) first appeared in 1987 in three installments of Vn Ngh, the organ of the Writers Association in Hanoi. Because it made quite a sensation then, the government had the story scrutinized by cadres and military officers, and in 1990, as the "renovation agenda" was altered, the work began to disappear from bookstores -- perhaps after an French translation, Un Général à la retraite, was published by the Editions de l'Aube in Paris. The story shows the despair of an old general who, after serving in two wars of resistance, is alienated by the emptiness of the very society into which he retires as a forgotten piece of deadwood left in a remote rural corner of the country. For decades, Vietnamese writers had been instructed to polish the apple of reality, "to paint it red" so as to lull the public, through revolutionary romanticism, into the classic situation of four blind men (Vietnamese say blind fortune-tellers) pawing an elephant. In this powerful story the pachyderm appears in all its nakedness -- feet, trunk, tusks, tail, and all. Nguyen Huy Thiep observes real life with a cold and stern eye while using an optimistic, playful tone. Whether the septuagenarian retiree really existed does not matter. What happens to members of his family, including his son Thuan, the narrator, serves to paint several frightful aspects of daily life in socialist Vietnam. The family environment to which the general retires is not one of cleanliness and simplicity: his daughter-in-law, a pphysician, must raise German shepherd dogs (by feeding them with fetuses retrieved from her clinic) to supplement the family income, and his crazed wife wilts like a vegetable in total dependence behind the main house. Lai, an innocent girl, and her father Bong, who share the house and provide household chores, as well as people who take part in a wedding and a funeral featured in the story, all shed light on current life in Vietnam.

Nguyễn Huy Thiệp

No author has so deeply and so poignantly depicted all the bitterness and the pain of a military cadre of integrity who sacrifices everything for "the great cause," only to find in the twilight of his life a needy, backward society with remmants of feudalism, nonexistent economic activities, and a complete disregard for law or morals. What is great about this story, which was made in a movie in 1989, is that the author does not do the thinking for his readers but instead lets them think for themselves. Short bursts of dialogue, with abrupt and curt phrases, effectively and economically describe the interlocutors: Nguyen knows how to use "pauses" and "silences" in his composition. In a discussion about men and women, the general says, "Whichever man has a heart must endure shame: the bigger the heart, the bigger the shame." The translator, an Australian academic, has provided an insightful thirty-eight-page introduciton about the author and the genesis of his works.

Three stories in the collection,"The Water Nymph," "A Drop of Blood," and "Run River Run," carry a Christian theme that can be traced to the author's boyhood spent in the Tonkin midlands and highlands, plowing, splitting bamboo for basket

weavers, digging laterite, and guarding sugarcane fields. After his graduation from Teachers College, he spent time teaching school, painting, and writing despite an indecent life. In the wake of the Communist Party's decision to grant some measure of literary freedom in late 1986, the clamp down on literary productions in 1990, Nguyen's works and those of other "protest writers" were proscribed. "The Water Nymph" comes from the imagination of an old peasant who started a legend about "Mother Fish Spirit," who rescues people from drowning and, in her reincarnation as a nun and a schoolteacher, attracts the narrator'love. "A Drop of Blood" recounts the history of the Pham family, whose ancestor Ngoc-Lien, a successful farmer, wanted his progeny to pass the literary exams and become mandarins in order to fulfill the clan's dream -- in traditional Vietnam -- of "having learning, not just food" to earn the respect of their covillagers. In "Run River Run" the author goes back to the river crossing where, as a young boy, he was fascinated by the story of black buffaloes, only to find that the girl who had rescued him and many other people from drowning was herself drowned in that stretch of the river, with its famous ferry and its landmark kapok tree full of red flowers.

Cun, an ugly crippled beggar reared by an older beggar, is the main character in the charming story which bears his name; the spirit and hope of the deformed young man gain him the attention and then the love of a young woman, who gives him a son shortly before he dies in the mud. In each of the three remaining stories, "A Mother's Soul," "Salt of the Jungle," and "Lessons from the Country," amazement leads to amazement an even shock, as Nguyen takes the reader through unusual situations: two youngsters nearly meeting death in a streetcar accident, a monkey shot when Mr. Dieu goes a-hungting, Trieu's being gored by a water buffalo.

A few mistranslations have crept into the text (which, incidentally, emplys British usage and spelling, such as "layabouts," "tramcar," "colour," and "plough"). In "A Drop of Blood" the mortar used in bricklaying is a mixture of molasses (mat mia), not honey (mat ong), and limestone sand. The fruit whose pulp is used to give the red color to glutious rice offered in weddings and other special celebrations is an oblong squash, not a pumpkin.

CAO XUAN TU

LOVE SONG IN JUNE

Hairy, summer-wet
brown are glassed-eyed thieves.
Mooring, moored in the web --
love plays love back on me.
Clouds rinse in the tide's pit.
A wind stirs. The mopped algae feign
sea-sick, clambering on the ebb,
moon-bound. Across the bay
home looms on the promontory
where our sweat drips singly.
Our canary, clipped like a skinhead,
moons low at the shimmering sea.
Well, love, what's there to recoup?
Old feuds long packed to the cleaners --
One wing on the ground, one adrift:
The crazed bird may yet fly.

Lockhart errs when he asserts that in Vietnames usage "it is impolite to address people by only a family name, even with a title." On the contrary, it is very polite to do so.

Nguyen Huy Thiep's quiet narrative style, so overflowing with "cynical humannism," conveys well the plight of present-day Vietnam, whose premodern economy is being strongly affected by such external factors as avid consumerism and nervous lurchings toward a free market but whose writers and artists are twisting and turning in their demand to be totally untied.

HOANG THI DAO TIEP. *Vang trang le ban.* San Francisco, Mo Lang. 1992. 213 pages. $12.

"The Lonesome Moon" is a collection of short stories by the refugee writer Hoang Thi Dao Tiep, whose first novel, Dem khuya (On the Road Late at Night), has been widely acclaimed by readers all over the world. The fourteen stories depict the lives of Vietnamese refugees from all walks of life, now busy making a living and trying hard to adapt to the American environment.

"Vang trang le ban," the title stoy, is about Le, a brave schoolteacher whose fiancé has perished during their attempted escape from Vietnam, together with the wife and children of her maternal

uncle. Great with child, accompanied by her best friend Linh, and without her mother's knowledge, Le takes a trip from Saigon to the village where her lover used to visit her and is now buried. From the two friends' conversation on the bus, in a pedicab, on the ferryboat, and on a sampan, the reader learns about Le's family background and about the circumstances in which the unhappy young teacher met the navy lieutenant.

Soon after the collapse of the Saigon government in the spring of 1975, Le's father and oldest brother were sent to a reeducation camps, while she herself was assigned to teach in remote Mo-Cay. There she met Khanh, whose parents and siblings had fled the country and who had come down to Ben-Tre to plan an escape by boat. The two fell in love and spent several passional days together, but unfortunely they were caught before their boat could leave the island. Only in jail did Le find out that she was pregnant. In their attempt to break out of jail, Khanh was shot to death; so Le (her name means "Tears") had to bear the shame of being an unwed mother. Disowned by her mother, she found sympathy and love in her widowed uncle Nam, who had erected an altar for Khanh as well as for his wife and children. As Le put on her mourning clothes and performed the rites in front of the altar, neither she nor her friend could hide their tears when looking at "the lonesome moon" that night.

In "Goi Qua" (Sending Presents) the reader sympathizes with Tu Anh, who, like all refugees, denies herself and her pharmacist husband and children many things in order to buy medicine, fabrics, cosmetics, underwear, et cetera, to send home to her aunt. Still, the recipients of those "CARE packages" often complain that they do not receive the right stuff and that the communist authorities make them pay heavy taxes on those item that can be sold on the black market. "Dau giay tren tuyet" (Shoe Prints in the Snow) recounts the embarrassing predicament of a young man who catches himself wearing his shoes on the wrong feet the very night he takes his date to see a ballet in wintry Wisconsin. Litle Thuy-Huong, a schoolgirl whose father works as a pedicab driver, decides to break her piggy bank and use her savings to buy a piece of cake for an old iceman in the village market, only to find that he has died of exposure during the night. In "Chiec la cuoi cung" (The Leaf at the end of Autumn) Thanh and Chuong, two old friends from pre-1975 days, discover rather late, after their resettlement in the U.S., that the former's wife used to love the latter, an artist, and that Chuong himself loved Thanh's wife, all as a result of an accident in which their respective parents had died.

The element of surprise is again present in "Chung tich" (Evidence), the story of a couple reunited eight years after the events of 1975 separated them a scant four months following their marriage. My-Tien, after joining her husband Hien in California, still wears the two pairs of old panties that had saved her life in the course of two robberies back in Saigon. Nagged by his wife, the former teacher Thanh in "Thay Thanh Kiem Dop" moves to Los Angeles to look for a decent job; but his ambitious wife is not fully satisfied with his opportunities in a pizza parlor or in the dance band. That three other stories are about a schoolteacher should not astonish the reader, since the author was a high-school teacher herself.

Refugees in big cities who answer "Room to Share" ads often run into disturbing or comic situations, as in the case of Mui, a new arrival in San Jose, California, who is unable to find a quiet room, hospitable hosts, or a minimum of privacy in "Cai nghiep se phong." Hoang narrates this tale and the remaining stories in the collection in her unique style, which in turn excites her readers and saddens them by carrying them far into the fantastic yet realistic twofold world of displaced persons: people who have left their depressing ways of life in a impoverished country in search of new freedoms in a strange land. ■

JOURNAL OF VIETNAMESE STUDIES

Tạp chí này ra mỗi năm một số, dày 123 trang.
Nội dung gồm có: Văn học, lịch sử, phụ nữ, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, định cư, điểm sách, v.v...

THE EDITOR
G.P.O Box 2918DD - Melbourne 3001, Australia.
Điện thoại: 61 3 353 9294 - Fax: 61 3 354 7908

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

Đọc lá thư từ Việt Nam của người phụ nữ đau khổ

BÀ ĐOÀN VIẾT HOẠT BÁO ĐỘNG

VŨ ÁNH

Lá thư đến tòa soạn qua một bản fax, chữ đánh máy mờ nhạt, đề ngày 13 tháng Năm 1994 và ký tên bà Đoàn Viết Hoạt, nhũ danh Trần Thị Thức. Tôi đã gặp người phụ nữ này một lần, để chở bà vào Chí Hòa thăm nuôi chồng bà vào giữa năm 1991. Lúc đó, tôi đã rời bỏ chiếc xích lô kiếm ăn hàng ngày, nhưng một người bạn thân trong tù của tôi nhờ tôi việc này, nên tôi đã mượn chiếc xe của người bạn và làm lại công việc đã nuôi sống tôi sau thời kỳ khó khăn nhất, lúc từ trong trại cải tạo ra. Đó là người phụ nữ mà ngay khi gặp tôi đã hiểu ngay bà là người kiên trì, khôn khéo và đầy bản lãnh trong một cuộc tranh đấu cam go cho chồng. Bà là típ phụ nữ mới thoạt nhìn đầy vẻ lãnh đạm, nhưng chỉ nói chuyện một lần thấy quý mến. Riêng đối với ông Hoạt, tôi chưa được hân hạnh một lần gặp ông, kể cả những năm tháng rong ruổi của cuộc lưu đày.

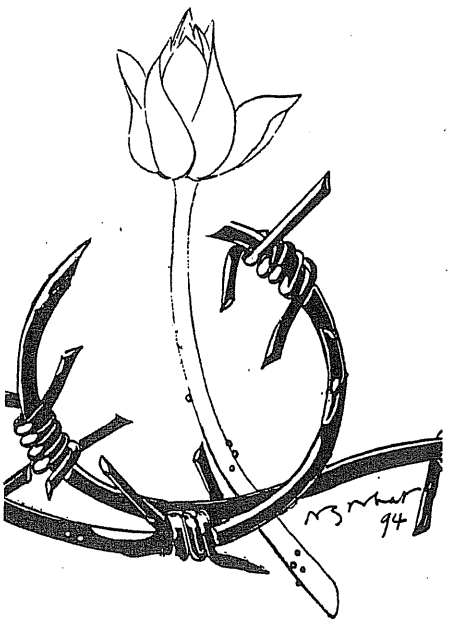

Nhưng kể từ sau khi ông bị bắt lại vào ngày 17 tháng Mười Một 1990 và sau khi tôi được xem một vài bài với thủ bút của ông trên tập tài liệu Diễn Đàn Tự Do, tôi hiểu, trọng và phục ông.

Thật ra nếu bây giờ tôi nói tôi trọng và phục ông thì cũng bằng thừa bởi cả thế giới đã hướng về ông như là hướng về một khuôn mặt lớn lao của mặt trận nhân quyền thế giới. Tôi nhắc lại một thoáng kỷ niệm đối với gia đình ông để cho lá thư của bà mà tôi mới nhận được là một lá thư, chứ không phải một lý đoán trước tòa.

Vào những năm tháng đó, dù nhà cầm quyền Cộng Sản có hô hoán lên về đổi mới, nhưng tập tài liệu Diễn Đàn Tự Do là một cái cớ rất tốt để, ít nhất, nhà cầm quyền Cộng Sản cũng khoác lên vai ông được cái án chung thân. Đối với bọn phán quan chỉ biết làm theo lệnh của chính quyền, án 15 năm của ông đã là nhẹ. Một người phải trả giá cho việc dạy học của mình với 12 năm cải tạo cũng đã đủ mòn mỏi rồi, bây giờ lại thêm phải đối phó với nguy cơ khác của cuộc đời tù tội, người ta sẽ hiểu sự can đảm của ông ở mức nào.

Bây giờ, tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt lại miệt mài qua các trại từ Nam Hà cho đến Thanh Cẩm; và từ Thanh Cẩm, chắc ông Hoạt còn phải bước qua các cổng khác của cuộc đời bị đầy ải. Đó là cái giá thứ hai sau bản án 15 năm của ông mà ông phải gánh trên vai. Và dĩ nhiên, không phải một mình ông vác gánh nặng của cuộc đời đó, mà vợ ông, bà Trần Thị Thức, cũng đã lại phải bước vào một quãng đường khác mệt mỏi hơn, đau khổ hơn của hai phần ba đoạn đời chờ đợi. Chúng ta hãy nghe, chứ đừng đọc, âm thanh đã vượt quá giới hạn của sự đau khổ, để viết một kháng thư với lời lẽ khô khốc và lịch sự với những người cầm quyền mà bà biết chắc rằng trái tim của họ nguội lạnh đối với những việc phải đạo.

"Trong thư này tôi xin gởi đến quý ngài những lời phản đối mạnh mẽ về vấn đề chồng tôi:

- Bộ Nội Vụ đã liên tục chuyển ông từ trại này sang trại khác (Hàm Tân, Xuân Phước, Ba Sao, Thanh Cẩm), ngày càng xa đến những nơi rừng thiêng nước độc và giam lẫn lộn với tù hình sự xã hội nguy hiểm.

- Ông Đoàn Viết Hoạt chưa từng bị tuyên án tù khổ sai, nên ông có quyền từ chối những việc lao động nặng (như đập đá). Thế nhưng tại sao ban quản trại lại cố chấp kỷ luật và biệt giam ông?

- Chồng tôi bị sạn thận rất nặng. Gia đình tôi cần theo dõi thường xuyên tình trạng sức khỏe của ông. Nhưng ông bị đưa đi liên tục, làm chúng tôi mất liên lạc và thậm chí khi đến nơi lại không được gặp mặt thì làm sao chúng tôi có thể kết luận được là ông vẫn còn an toàn về sức khoẻ?

Tiếp theo đó là những dẫn chứng của bà, về những điều khoản của Tuyên Ngôn Quốc Tế Về Nhân Quyền, để cho thấy việc bắt giữ giáo sư

Đoàn Viết Hoạt, việc kết án ông, và hình phạt mà ông phải gánh lần thứ hai trong đời chỉ vì ông suy nghĩ không giống như những người Công Sản suy nghĩ về đất nước, và nhất là những người Cộng Sản không thích lòng yêu nước của ông, vì họ nghĩ rằng ông là người có khả năng và còn lòng nhiệt thành để nói cho cả thế giới thấy rằng những người Cộng Sản không hề bao giờ yêu nước như họ nói, không hề bao giờ vì quyền lợi người nghèo như họ huênh hoang, cũng chẳng hề muốn đổi mới chính trị, thực hiện dân chủ, như họ thường đánh trống khua chiêng để cứu vãn sự sụp đổ về kinh tế. Tất cả chỉ là một trò chơi, một trò nói dối, bởi chưa làm gì mà đã bị khép tội lật đổ chính quyền, mới chỉ suy nghĩ khác đi một chút đã bị cái án 15 năm.

Ông Hoạt đã tự trói mình với tập tài liệu Diễn Đàn Tự Do để cho mọi người thấy hết cái nói dối của những người cầm quyền Cộng Sản hiện nay.

Thế còn tất cả những điều bà Hoạt nói về tình trạng ông Hoạt bị giam giữ hiện nay thì chắc hẳn trong thâm tâm, vị giáo sư đáng kính đó thừa hiểu, bằng kinh nghiệm và trái tim của ông, rằng nó sẽ phải như thế, không hề thay đổi so với thời gian 12 năm trước đây. Một trong những trò hành hạ, không những đối với chính bản thân người tù mà còn đối với cả gia đình người tù đó nữa, chính là: dùng tình cảm vợ chồng như một thứ vũ khí để tra tấn; chuyển trại liên tiếp như một hình thức làm rối loạn nếp sống của gia đình người tù, làm cho cả tù nhân lẫn thân nhân của họ phải sống trong những giây phút thảng thốt, phải sống triền miên trong cơn ác mộng không biết mẹ, cha, chồng ,vợ con cái sống hay chết trong tù lúc nào.

Phần cuối cùng của lá thư gởi cho những người cầm quyền Cộng Sản, bà Đoàn Viết Hoạt viết:

"...Đặc biệt, việc giam giữ mà không cho tiếp xúc với gia đình, nhất là đối với một người phụ nữ phải vượt qua cả ngàn cây số, mất nhiều thời giờ, chịu nhiều phí tổn. Hành động này theo tôi, chà đạp lên tình cảm con người. Sự lạnh lùng và nhẫn tâm như vậy hoàn toàn xúc phạm vào luân lý, đạo đức và tình cảm truyền thống của người Việt Nam. Giờ đây, tôi hoàn toàn không có được thông tin về chồng tôi. Bổn phận của người vợ quan tâm đến đời sống của chồng mình đã bị tước đoạt. Vậy kể từ giờ phút này, tôi hoàn toàn giao sinh mệnh của chồng tôi cho quý ngài. Nếu như chồng tôi có mệnh hệ nào thì quý ngài sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước dư luận trong và ngoài nước..."

Một kháng thư phải có lời lẽ như vậy, những lời lẽ cứng rắn, đanh thép của một người phải đương đầu, phải tranh đấu. Nhưng tôi tin chắc rằng, vào những lúc đêm về, sự thanh vắng và lặng lẽ sau khi bức thư được gởi ra Hànội, sẽ chỉ còn là những giọt lệ lăn trên gối và những hình ảnh của người chồng suốt một đời làm việc theo lẽ phải — suốt một đời nhận chịu những cay đắng của riêng mình cho ích lợi chung của con người, không hề hận thù nhưng cũng chẳng bao giờ nói khác đi tiếng nói của trái tim, của con người — tràn ngập trong lòng bà. Tình yêu và những chia sẻ bằng hy sinh cả tuổi thanh xuân của bà vì yêu chồng đã cho bà cái can đảm chống chọi trong tuyệt vọng và can đảm giữa một xã hội đầy gian trá và lừa lọc.

Lá thư của bà đến tay tôi muộn khi Ngày Của Mẹ ở Mỹ đã qua đi. Nhưng với tôi, buổi sáng ngày hôm nay, thứ Ba 16 tháng Năm 1994, ngày mà tôi nhận được bản sao lá thư của bà qua máy fax mới là **Ngày Của Mẹ**. Tôi muốn gởi về Việt Nam bài viết này cho bà và cho tất cả những người Mẹ còn đau khổ vì chồng, con còn bị giam cầm chỉ vì suy nghĩ khác với những gì mà những người cai trị suy nghĩ.■

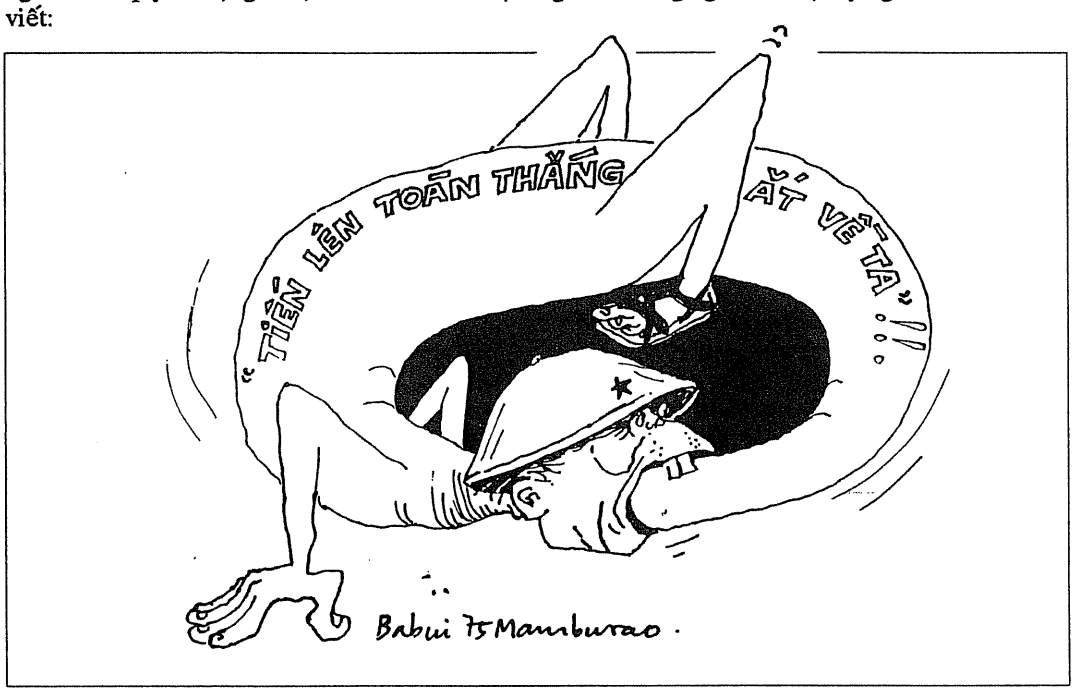

VÀI Ý KIẾN VỀ BÀI "PHÚC TRÌNH" CỦA ĐOÀN VIẾT HOẠT

TRẦN CHUNG NGỌC

Trong *Thế Kỷ 21* số 59, tháng Ba 1994, trang 12-14, có đăng bài "Bản Phúc Trình Tóm Lược Về Tình Trạng Nhân Quyền Tại Việt Nam" của Đoàn Viết Hoạt. Đây là lần thứ ba tôi đọc bản này, hai bản trước là bản trên diễn đàn điện tử Vietnet, và bản trên báo *Xây Dựng* số 54, ngày 10/2/1994, trang 8-12, xuất bản tại San Jose, Cali.

So sánh với những bài viết trước của Đoàn Viết Hoạt: "Lời Kêu Gọi Từ Nhà Tù Gửi Các Nhà Lãnh Đạo Đảng CSVN" (*Xây Dựng* số 45), và "Thư Việt Nam Gửi Ra Từ Trong Tù" (*Thế Kỷ 21*, số 56) tôi thấy văn phong khác hẳn, trình độ thấp kém rõ rệt về từ cũng như về ý, nên tôi xin được bày tỏ vài ý kiến về tính chất xác thực về xuất xứ cũng như về tác giả bản văn này. Trước khi đi vào vấn đề, tôi cần phải có một lời minh định: Tôi không có ý phản đối nội dung tranh đấu cho nhân quyền của bản văn. Tôi ủng hộ mục tiêu tranh đấu này, nhưng với lương tâm của một người có dính líu ít nhiều về tinh thần tôn trọng sự thật của khoa học, tôi cần tìm hiểu vấn đề rõ ràng. Có nhiều lý do để tôi viết bài phân tích này:

1. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt nguyên là Phụ Tá Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh.

2. GS Đoàn Viết Hoạt có bằng Tiến Sĩ Giáo Dục, đã viết rất nhiều bài khảo luận rất có giá trị, văn phong nghiêm chỉnh, từ và ý đều chính xác.

3. GS Đoàn Viết Hoạt trước đã chống chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm, và sau này là một chiến sĩ tiền phong trong vấn đề tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ Việt Nam.

4. GS Đoàn Viết Hoạt là đồng nghiệp của tôi ở Đại Học Vạn Hạnh trước đây.

5. Theo sự nhận xét của tôi, bản phúc trình không thể hợp với trình độ của GS Đoàn Viết Hoạt.

-Trước hết là từ ngữ "Phúc Trình." Một câu hỏi được đặt ra là: tù nhân Đoàn Viết Hoạt phúc trình cho ai? Theo tôi hiểu, phúc trình có nghĩa là xem xét, nghiên cứu một vấn đề nào đó rồi trình lên cấp trên. Trong trường hợp tù nhân Đoàn Viết Hoạt, một bản văn viết lén, nhận định về tình trạng nhân quyền ở Việt Nam, không thể gọi là bản phúc trình.

-Bản phúc trình mở đầu bằng câu: "Bản phúc trình này được soạn thảo trong một hoàn cảnh giam giữ khắc nghiệt..."

Soạn thảo hàm ý có đầy đủ thời gian, tài liệu, dữ kiện và phương tiện.

Lại nữa, bản phúc trình viết: "Những ý kiến tóm lược này đều dựa trên những dữ kiện có thực mà tác giả đã trực tiếp tìm hiểu..."

Ở trong nhà tù của CSVN mà tù nhân Đoàn Viết Hoạt có đủ phương tiện trực tiếp tìm hiểu, thâu thập dữ kiện về vấn đề vi phạm nhân quyền ở Việt Nam trên mọi địa hạt như trong bản văn, vậy là tự do nghiên cứu chứ đâu có phải ngồi tù ở trại nổi tiếng là tồi tệ, khắc nghiệt nhất là trại Xuân Phước.

Tiếp đến, "Một cuộc bầu cử như thế chưa hề có ở Việt Nam để nhân dân được tự do chọn giữa đường lối Cộng sản và đường lối không Cộng sản."

Đây đâu có phải là tự do? Vì nhân dân chỉ được quyền chọn giữa Đỏ và Đen, ngoài ra không được chọn bất cứ cái gì khác. Mà thế nào là đường lối Cộng sản? Nếu đúng là đường lối CS như chúng ta thường hiểu thì GS Hoạt đâu có cơ hội ngồi viết hết bài này sang bài khác?

Rồi đến, "... đồng thời vi phạm tập quán luật pháp văn minh của thế giới."

Cái gì là tập quán luật pháp? Tập quán là thói quen, thường đi chung với phong tục trong từ ngữ phong tục tập quán. Tiến Sĩ ĐVH mà không hiểu thế nào là tập quán hay sao? Và luật pháp văn minh của thế giới là luật pháp nào? Có thể là một mẫu mực luật pháp chung cho tất cả mọi quốc gia trên thế giới hay không? Luật của nước nào chẳng để bảo vệ chính quyền và phong tục tập quán của nước đó. Viết một cách mơ hồ như vậy thì người đọc sẽ hiểu ra sao, vì muốn giải thích thế nào cũng được.

Và, "... do đó cả cơ quan điều tra lẫn viện kiểm sát đều có quyền sử dụng các ngôn từ thô bạo dành cho những người bị buộc tội như "tên, bọn, bọn chúng..."

Không kể đến cụm từ "ngôn từ thô bạo" không được chỉnh vì thô bạo hàm ý có dùng sức trong đó, nhưng đọc câu trên chúng ta hiểu sao? Như vậy là các "ngôn từ thô bạo" như tên, bọn, bọn chúng... là để dành cho những người bị buộc tội hay phạm tội? và nếu là kẻ bị buộc tội hay phạm tội đi chăng nữa, thì cả cơ quan điều tra lẫn viện kiểm sát đều có quyền dùng những ngôn từ thô bạo này? Nhưng tôi nhớ, trong phiên tòa xử Đoàn Viết Hoạt ngày 8 và 9 tháng Bẩy 1993 tại Saigon, GS ĐVH đã bày tỏ sự bất bình về bản cáo trạng đã dùng những từ ngữ thiếu văn hóa (không phải là thô bạo) như tên, bọn, bọn chúng... GS Hoạt nói: "Trong luật pháp của một nước văn hiến như Việt Nam không thể có những từ ngữ hạ cấp như vậy." (*Xây Dựng*, số 49, trang 18), nghĩa là trong bất cứ trường hợp nào, không ai có quyền gọi người khác bằng những danh từ hạ cấp. Thật là rõ ràng về mức độ hiểu biết của GS Hoạt, hoàn toàn trái ngược với tinh thần câu

trong bản phúc trình.

Trong bản phúc trình có những chỗ tác giả cẩn thận chua thêm tiếng Mỹ như: phản hồi (*feedback*), chế độ dân chủ hoàn toàn (Dân chủ tham gia - *representative democracy*). Điều này có cần thiết không? Độc giả Việt Nam không đủ trình độ để hiểu thế nào là phản hồi hay dân chủ hay sao? Chưa kể đến nghĩa của *feedback* không phải là phản hồi, vì phản hồi chỉ có nghĩa là quay trở lại, thí dụ như sự phản hồi của ánh sáng; còn *feedback* có nghĩa là được dùng lại, thí dụ như một tín hiệu điện tử được phát ra nhưng được dùng trở lại làm căn bản tạo ra một tín hiệu khác, vì vậy cho nên được dịch là "hồi dưỡng" nghĩa là cái trước quay trở về để nuôi cái sau, làm chất liệu để tạo ra cái sau. Vả chăng từ "dân chủ" đã nói lên ý nghĩa của nó, dân chủ nào không là dân chủ toàn dân và dân chủ tham gia? Chỉ có điều nó có được thực sự thi hành hay không mà thôi.

Bản phúc trình còn viết: "Thủ tiêu tội danh chính trị trong luật pháp...", "Lên danh sách các vấn đề vi phạm..."

Thủ tiêu bằng cách nào? Đang đêm mang dây kẽm gai đến buộc cổ tội danh chính trị trong luật pháp, đeo hòn đá nặng rồi mang ra giữa sông thủ tiêu như Ngô Đình Nhu thủ tiêu Nguyễn Bảo Toàn? Lên danh sách? Put on the list? Tôi không thể tưởng tượng được một giáo sư cỡ Đoàn Viết Hoạt lại có thể dùng nhiều từ ngữ lẫn cẫn như vậy.

Và, trong phần kết luận, tâm nguyện của tác giả là: "Xây dựng một nước Việt Nam Phồn Vinh và Tiến Bộ, sớm được chung hưởng nền văn minh của toàn thể nhân loại."

Nền văn minh nào là nền văn minh của toàn thể nhân loại? Tây phương có nền văn minh của Tây phương, Á Đông có nền văn minh của Á Đông. GS Đoàn Viết Hoạt là một Phật tử, có lòng yêu nước cao độ, là một bậc trí thức có căn bản, chắc chắn phải hiểu không làm gì có chuyện thế giới đại đồng, không làm gì có chuyện một nền văn minh của toàn thể nhân loại, vì thang giá trị mỗi nơi mỗi khác, dân tộc tính mỗi nơi mỗi khác v.v...

Sau cùng, trong một bản văn mà nội dung là tranh đấu cho nhân quyền và để phổ biến cho các cơ quan quốc tế, một người cỡ GS Hoạt, không thể đưa vào những câu thiếu tính cách chuyên nghiệp như: "vừa đá bóng vừa thổi còi", "có cây (vàng) mới chống (án) được", và "làm kiểng."

Ngoài ra, khi so sánh ba bản văn trên ba nơi: Soc. Culture. Vietnamese (SCV) hay Vietnet, *Xây Dựng* (XD), và *Thế Kỷ 21* (TK) tôi thấy có nhiều chỗ khác nhau, thí dụ như:

- SCV: ... vi phạm các điều này (như trình bày TRƯỚC đây)
- XD: ..... (như trình bày SAU đây)
- TK: ..... (như trình bày DƯỚI đây)
- SCV: ... sử dụng các ngôn từ thô bạo DÀNH CHO CÁC KẺ PHẠM TỘI như tên, bọn, bọn chúng...
- XD: ..... ĐỐI VỚI CÁC BỊ CAN.....
- TK: ..... DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI.....
- SCV: ... việc thực thi còn phải được KIỂM chứng bằng thực tế
- XD: ..... BIỆN chứng.....
- TK: ..... THỰC chứng.....
- SCV: ... chính quyền can thiệp vào hầu hết mọi công việc của tôn giáo, ngay cả những việc thuần túy TÔN GIÁO như tấn phong linh mục, NẾU CHÍNH QUYỀN KHÔNG CHẤP THUẬN CŨNG KHÔNG TỔ CHỨC ĐƯỢC.
- XD: ..... Ngay cả những việc thuần túy như tấn phong linh mục CŨNG PHẢI ĐƯỢC CHÍNH QUYỀN CHẤP THUẬN.
- TK:..... chính quyền DÀNH QUYỀN can thiệp vào hầu hết mọi SINH HOẠT TÔN GIÁO, ngay cả những CÔNG việc THUỘC thuần túy tôn giáo..... nếu chính quyền không chấp NHẬN cũng không tổ chức được.
- SCV: Thủ tiêu NỘI DUNG chính trị trong luật pháp.
- XD & TK: Thủ tiêu TỘI DANH.....

Tôi thật tình không hiểu bản nào là bản của Đoàn Viết Hoạt vì theo đúng lẽ, một bản văn quan trọng như vậy, lại do một người có tên tuổi, nổi tiếng như GS Đoàn Viết Hoạt viết, thì các báo chí phải tôn trọng người viết và đăng nguyên văn chứ không thể sửa đổi là lời lẫn ý, nơi đây đăng một đường, nơi kia đăng một nẻo.

Trên đây là vài ý kiến của tôi về bản phúc trình của Đoàn Viết Hoạt. Qua sự phân tích ở trên, tôi không thể tin là bản đó do chính tay Đoàn Viết Hoạt viết. Dù thân nhân GS Hoạt, vì một lý do nào đó, có xác định đó chính là bài của Đoàn Viết Hoạt tôi cũng không tin, vì nó không thể nào phù hợp với trình độ hiểu biết của GS Hoạt và lô-gíc thông thường. Hiện nay, GS Đoàn Viết Hoạt bị đẩy ra ngoài Bắc. Không biết có phải anh đang lãnh hậu quả của một việc không phải chính anh làm? Hay là anh đang bị lọt vào trong âm mưu dập tắt một ngôi sao sáng của một lực lượng nào đó, dùng chiêu bài nhân quyền để mượn dao giết người. Hay là anh tin tưởng rằng nhờ bài đó được phổ biến khắp thế giới mà Cộng sản không dám làm gì anh và phải thả anh. Dù ở trong trường hợp nào đi chăng nữa thì văn trong bản phúc trình cũng đã kéo anh xuống bùn. Đó chính là điều tôi không muốn xảy ra cho một người như Đoàn Viết Hoạt. ■

Đã phát hành khắp nơi

■ CỐ HƯƠNG

Tập truyện Hà Thúc Sinh
Tủ Quỳnh ấn hành tháng Tư 1994.

■ HOÀ BÌNH VÀ TÔI

Thi tập Hà Thúc Sinh.
Hoa Thịnh Đốn Việt Báo ấn hành tháng Tư 1994.

Hai tác phẩm cần đọc và nên đọc trong năm thứ 19 xa quê hương!

NGHĨ VỀ PHÙNG GIA LỘC

LÊ ĐẠI LÃNG

Phùng Gia Lộc được chú ý sau ký sự CÁI ĐÊM HÔM ẤY... ĐÊM GÌ? (CĐHAĐG) viết cuối năm 1987. Cái *Ký* làm giựt mình cả nước, không phải vì đã tuân thủ hay bất chấp những nguyên tắc văn chương, mà bởi *Cái đêm hôm ấy... đêm gì?* đã biến những nghị quyết của Đảng thành phó bản của chính sách thực dân và phong kiến vào thập niên 30 và 40 đối với đời sống nông thôn Việt. Người ta lạnh ngắt tưởng đang thấy chị Dậu của "Tắt Đèn", anh Pha trong "Bước Đường Cùng"... Người đọc lạnh, bóng ma cái rét Ất Dậu trở ngược mấy mươi năm.

Vì thế, CĐHAĐG trở thành một hiện tượng bởi ký sự đó dám phanh phui sự thật trần trụi, và nói giùm những chuyện thật mà cả nước im ỉm muốn nghe. Phùng Gia Lộc đáp ứng được nhu cầu người đọc, không phải bằng văn tài của ông, mà bằng hùng tâm và đởm lược của một nhà văn, nhà báo, và nhà giáo. Điều không phải ai cũng làm được tên đất nước trong một giai đoạn lịch sử.

CĐHAĐG ghi lại biến cố xảy ra trong một gia đình tác giả, ngay trên quê hương ông: xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, vào cái đêm (26 tháng Mười Một 1983) đội dân quân xông vào nhà ông thu lúa thiếu. Những kẻ sống trong ngôi nhà xơ xác ấy, vợ và ba con, người mẹ già sắp qua đời của tác giả, đã cất củm năm tháng để dành 99 cân lúa chờ ngày làm ma chay bà cụ. Thế nhưng đội dân quân đã xông vào cướp đi theo chỉ thị của đồng chí bí thư tỉnh ủy: *Mất mùa màng, lợi ích thứ ba của người lao động phải hy sinh cho lợi ích nhà nước.*

Cái xuất sắc của CĐHAĐG không chỉ ở nội dung mà ở những tình tiết sống động. Khung nền cho câu chuyện là những câu ngắn, thật ngắn, nhưng dựng được rất thành công một bầu không khí lạnh lẽo nơi thôn nghèo: "Ngoài cổng gió ào ào. Tiếng chó sủa ổng oảng ở đầu ngõ. Có tiếng ai hỏi mua rau cải nhà tôi." Đoạn văn trên thật ngắn trên không thừa không thiếu, gió ào ào, chó sủa ổng oảng, tiếng ai hỏi mua rau cải, ba âm thanh của trời, vật, người chụm vào nhau cho ta thấy cái cảm tưởng co thắt túm rụm, vừa dựng vừa xác định một nơi chốn buồn bã. Nhưng cái cảnh sau đây trong vỏn vẹn 10 chữ mới thật sự gai lạnh: "*Hoa cầm đèn ra vườn, soi cho vợ tôi hái.*" Hiện ra trước mắt một khối đêm đen quất đen quánh, ánh lửa lập lòe từ ngọn đèn dầu trên tay người đàn bà, và dáng lum khum chập choạng của người đàn bà kia đang hái rau (cải). Rồi cảm cả những cơn gió buốt da buốt thịt, lạnh hơn nữa khi họ vừa ở trong bếp ấm đi ra vườn. Mười chữ gợi hình, không tả gợi, lại hắt được một chút tình trong ấy, dựng nên tình cảnh, một tình cảnh khô khốc, đậm mầu tối, và nổi bật trên những mẫu đối thoại trần trụi, cục mịch như đời sống:

Ngồi ở bếp tôi hỏi vợ:

"Nhà mình còn thiếu của hợp tác xã bao nhiêu thóc nữa em?"

Cô ấy không trả lời tôi mà nói rất vô lễ:

"Có biết thế này, đái tòe tòe vào chứ tội gì lôi về..."

Câu trả lời của người vợ đủ nói lên cuộc sống lăn chai đổ sạn của người đàn bà. Người ta có thể nghe những câu như thế từ người đàn ông, hoặc ở những đời sống trên hè. Nam giới không giữ độc quyền đặc tính thô bạo trong ngôn ngữ của phái mạnh, đặc tính ấy truyền đi, chia đều, bởi vai trò của phụ nữ đã đổi. Họ xông vào đời sống, và nếu vẻ nhu mì của họ đã chết thì người đàn ông phải xấu hổ bởi sự bó tay của mình. Ở đây, "Cái đêm hôm ấy... đêm gì" cho người ta thấy đời sống của giai cấp tiên phong nhưng khốn nạn nhất không thông qua những hình dung từ chỉ tính chất, tôn ti nề nếp bị lật ngược không qua những nhóm từ chỉ định mà bằng những câu thoại ngắn. Xã hội Việt Nam lạnh lẽo trong câu nói của đám dân quân trả lời một người già sắp xuống lỗ: "*Chúng tôi không hỏi cụ,* **nghe chưa**?" **Nghe chưa** giết chết luân lý, đảo ngược giá trị xã hội, văn hóa Việt bị đè dưới học thuyết tụng ca quyền bình đẳng. Đời sống như mảng đất bị lưỡi cày xắn xuống, lật ngược lên, qua hình ảnh người mẹ: "Mẹ tôi chống gậy lại vái dài: "*Can các anh. Cắn rơm cắn cỏ, tôi lạy các anh!*" Cái ngã của người mẹ do đâu:

Vì họ đá vấp gậy, lại yếu như con căng cắc lột, bà cụ ngã chỏng quèo như chiếc ghế đổ.

"Ối Đảng ôi là Đảng ôi! Ối chính phủ ôi... Trông xuống mà coi!"

Cường hào mà Đảng nhân danh nhân dân đánh đuổi, hiện nguyên hình nguyên tính mấy chục năm sau, năm 1983.

Nếu bài ký chấm dứt ở đây, tính xung đột sẽ lên cao hơn. Nhưng có lẽ vì Phùng Gia Lộc viết ký, nên không cắt sự thật bằng một điểm dứt thật mạnh, nhiều kịch tính, tạo bất ngờ để gây cảm giác hụt cho độc giả. Ông chấm dứt bài ký bằng tấm lòng đôn hậu của ông, và cũng vì thế làm giảm phần nào sự mâu thuẫn gay gắt.

Theo Bế Kiến Quốc trong *Văn Nghệ* số 10, 1992, thì bài ký đã khiến "*gia đình Lộc ở quê gặp bao rắc rối.*" Bế Kiến Quốc kể vài chi tiết khi Phùng Gia Lộc viết *Cái đêm hôm ấy... đêm gì?* cũng trong số báo trên như sau: "Trước khi in *Cái đêm hôm ấy đêm gì?* chúng tôi hỏi lại Phùng Gia Lộc một lần nữa: có nên ký tên bằng một bút danh nào khác không? Lộc bảo: "Ký bằng tên gì thì viết thư thế họ cũng nhận ra tôi viết. Hơn nữa, nếu ký bút danh, tính chân thật của bài viết sẽ giảm đi." Lê Xuân Kỳ (*Văn Nghệ* số 5 tháng Mười Một 1993) cũng có nhận xét tương tự: "Anh có hai truyện ngắn *Con bò thải* và *Được vật báu* cũng hay, đều là chuyện ở quê nhà anh cả. Là truyện nên chẳng ai để ý xét nét gì."

Sự nghiệp văn chương của tác giả họ Phùng gửi trong những bài ký nên dù ông viết truyện ngắn, nhưng trong tuyển tập "Con gái ông giám đốc" do nhà Thanh Hóa xuất bản năm 1989, gồm hai bài ký và sáu truyện ngắn, thì giữa ký và truyện ngắn của ông không có ranh giới. Sự phân biệt chỉ có tính ước lệ, quan trọng hơn — như Lê Xuân Kỳ cho biết — thì chữ "truyện ngắn" chỉ để tránh rắc rối và "chẳng ai để ý xét nét gì." Họ có làm khó dễ thì vin vào cái cớ "hư cấu" trong truyện ngắn. Giá trị văn chương của Phùng Gia Lộc, như thế, không chỉ ở "tiêu chuẩn văn chương" mà còn ở sự dũng cảm của tác giả khi tự ý phân loại "ký" hay "truyện."

Sự khác nhau chủ yếu giữa ký và truyện của Phùng Gia Lộc thì cái trước có địa danh, cái sau không có. Ngoài ra đều là những ghi nhận đau xót về cuộc sống nông dân, sự ngu muội và tham lam của lãnh đạo cấp xã, cấp huyện sau ngày đất nước thống nhất. Tiếng khóc của ông là tiếng khóc từ gốc rễ đời sống, lẻ loi nhưng truyền động những lương tâm còn sót.

Đọc Phùng Gia Lộc, vì thế, không để tìm cái độc sáng của văn chương. Ngôn ngữ của ông là ngôn ngữ cuộc sống, gần với đời đến mức có lúc mạch văn của ông lổn ngổn, không trôi chảy, nhiều đoạn thừa thãi. Như trong ký *Chìm thuyền trên cạn* (trong tuyển tập *Con gái ông giám đốc*), ông đưa hình ảnh sông Hương vào mạch truyện hết sức thình lình để nói về viên bí thư huyện ủy tham ô Lưu Xuân Hương. Tôi đoán là ông muốn nối mạch truyện nhưng nối ở chỗ không cần thiết. Ông lại bất chấp trật tự thời gian ở những chỗ cần, chẳng hạn cũng trong bài ký trên, khi nói Lưu Xuân Hương bị bắt rồi: "Còng số 8 ngoắc tay anh giải về công an huyện. Cả xã Xuân Vinh hò reo nhẩy cẫng. Dân Thọ Xuân dựng lông chân, bàn ra tán vào. Những ngày ấy, bí thư huyện ủy đi lại, ra vào 'như đứng đống lửa, như ngồi đống than'" Anh nhàn tâm sao được." Đoạn văn khiến người đọc hẫng, tự hỏi: Đã bị còng số 8 dắt đi rồi còn đi vào đi ra là làm sao? Và nếu có đi vào là đi ra được thì dứt khoát là không yên tâm được rồi.

Hầu hết những truyện ông không có những nút thắt ngay từ đầu nên người đọc dễ đoán ra phần kết. Trong truyện ngắn *Con gái ông giám đốc*, tác giả tả cô gái, (con ông giám đốc) đẹp đẽ và được nhiều người dòm ngó, liền sau đấy bất ngang tả cuộc đời anh cu Côi nghèo mạt rệp, khiến ngay trang đầu, người đọc dễ đoán là thế nào cu Côi cũng "có gì" với cô con gái.

Nếu để ý thời điểm sáng tác, người ta cũng sẽ thấy là cốt truyện những truyện ông viết trước thời kỳ đổi mới khác. Ông cũng đả kích phê bình cái sai, cũng tham quan ô lại, nhưng chung cuộc thì các quan có "sửa sai", "về cơ bản là tốt" sau khi được giáo dục phê bình, như trong truyện *Cò Sót trở về làng, Con bò thải*, và *Chổ rỉ* (tuyển tập đã dẫn). Không riêng gì Phùng Gia Lộc mà hầu như nhiều tác giả ở Việt Nam đều phải lách như thế. Đó là điều ai cũng hiểu nguyên nhân.

Cái truyện nhiều chất "truyện" hơn "chuyện" là truyện ngắn cuối cùng của ông: *Nén nhang cho người đã khuất* (*Văn Học & Dư Luận*, tháng Năm 1992), viết về một người thợ chạm hoạt động cho Việt Minh bị bắt vào dinh quan tổng đốc. Truyện có hai nút thắt bất ngờ là quan tổng đốc gài anh thợ chạm vào bẫy nhưng thất bại, và nút thắt bất ngờ thứ hai là cho đến gần cuối truyện, tác giả mới cho biết anh là thợ chạm hoạt động... cộng sản thiệt! Nhưng Phùng Gia Lộc vẫn lấn cấn ở đoạn kết, lẽ ra nên bỏ hẳn khúc cuối khi nhân vật xưng tôi thình lình hiện vào. Có lẽ truyện sẽ hay hơn nếu dứt ở chỗ anh thợ chạm, sau ngày cách mạng thành công, lên làm bí thư huyện ủy, rồi lại bị bỏ tù trong thời cải cách ruộng đất đến nỗi phải lấy mảnh chai rạch bụng, trối: "Ruột gan tao sạch sẽ tươi thắm nhường này, sao chúng nó dám phao vu kết tội tao là đen tối, phản động chống phá cách mạng."

Nhưng nỗi ám ảnh lớn nhất trong tác phẩm Phùng Gia Lộc là những bữa ăn. Thực ra tác giả ở Việt Nam, nói chung, thường nói đến miếng ăn, lập đi lập lại đến lấn át đi cái phần mà ta gọi là "tư tưởng." Trong truyện "Bạn tôi nổi giận", Phùng quân nhắc đến năm lần ăn, những truyện còn lại trong tuyển này cũng thế, miếng ăn cái uống choáng nhiều chỗ. Đấy chắc là cái phần gai góc nhất trong cuộc sống ở một xã hội chưa giải quyết xong cơm áo.■

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

CỬU ĐẦU TINH ĐÁNH MỘC TINH
(Sức đánh bằng 100 triệu mê-ga-tôn)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Các nhà thiên văn học trên thế giới đang chờ đợi một biến cố kinh khủng xẩy ra vào tháng bẩy tới đây trong Thái Dương Hệ. Lịch sử nhân loại chưa từng chứng kiến việc này bao giờ: một ngôi sao chổi lớn đâm thẳng vào một hành tinh.

Ngôi sao chổi này có tên là Shoemaker-Levy 9. No1 sẽ lao thẳng vào Jupiter, một hành tinh trong Thái Dương hệ, chúng ta dịch theo Tàu gọi là Mộc Tinh. Đây là một vụ oanh tạc trong không gian, có sức mạnh lên tới 100 triệu mê-ga-tôn, tức là gấp 10.000 lần sức nổ của toàn bộ các vũ khí hạt nhân hiện có trên trái đất. họp lại.

Vụ nổ sẽ xảy ra vào ngày 16 tháng bẩy năm 1994, tính theo giờ Mỹ, vào đúng 2:30pm (giờ Đông bộ).

Nhìn qua hệ mặt trời

Trước hết chúng ta hãy nhìn xem Mộc Tinh nằm ở đâu. Hệ mặt trời của chúng ta, cho đến nay chỉ biết chắc là có chín hành tinh quay xung quanh. Mỗi hành tinh quay thành một quỹ đạo gần tròn hay bầu dục hay hơi méo, ở giữa là mặt trời.

Như vậy tính từ vòng quay (orbit) gần mặt trời nhất trở ra, chín hành tinh đó là:

1/ Mercury (Thủy Tinh), cách mặt trời trung bình 57,9 triệu cây số, khối lượng nhỏ chỉ bằng 0,056 khối lượng trái đất, nếu khối lượng trái đất tính bằng một.

2/ Venus (Kim Tinh), cách mặt trời trung bình 108 triệu cây số, khối lượng gần bằng địa cầu: 0,815.

3/ Trái Đất (Địa Cầu), cách mặt trời trung bình 149,6 triệu cây số, khối lượng một.

4/ Mars (Hỏa Tinh), cách mặt trời trung bình 227,9 triệu cây số, khối lượng bằng 0,1074.

5/ Jupiter (Mộc Tinh), cách mặt trời trung bình 778,3 triệu cây số, khối lượng 317,89.

6/ Saturn (Thổ Tinh), cách mặt trời trung bình 1 tỷ 427 triệu cây số, khối lượng 317,89.

7/ Neptune (Hải Vương Tinh), cách mặt trời trung bình 4 tỷ 500 triệu cây số, khối lượng là 17,15.

8/ Uranus (Thiên Vương Tinh), cách mặt trời trung bình 2 tỷ 875 triệu cây số, khối lượng 14,54.

9/ Pluto (Diêm Vương Tinh), cách mặt trời trung bình 5 tỷ 900 triệu cây số, khối lượng 0,0022 nếu trái đất bằng 1.

Trên đây chúng tôi ghi khoảng cách là trung bình bởi vì quỹ đạo các hành tinh méo, cho nên có lúc xa có lúc gần mặt trời hơn. Và đây cũng chỉ nói đến "lũ con" chính của bà Thái Dương, chưa kể đến các vệ tinh (satellites), thí dụ trái đất có một vệ tinh là mặt trăng, hỏa tinh có hai vệ tinh và mộc tinh có... 16 vệ tinh. Cũng chưa kể những người khách phương xa lâu lâu đến thăm ngôi nhà Thái Dương hệ một lần; đó là những ngôi sao chổi. Nếu tính cho thật đầy đủ thì phải kể cả đến một quỹ đạo ở giữa Hỏa tinh và Thổ tinh, ở đây là một khoảng cách rộng, nhưng không có hành tinh nào, mà chỉ có một vành đai gồm nhiều cục đá gọi là "tiểu hành tinh", có thể là do một hành tinh trước đây, vào thời kỳ khai thiên lập địa, đã nổ và biến thành một chuỗi những "đá vụn" chạy vòng tròn theo quỹ đạo quanh mặt trời.

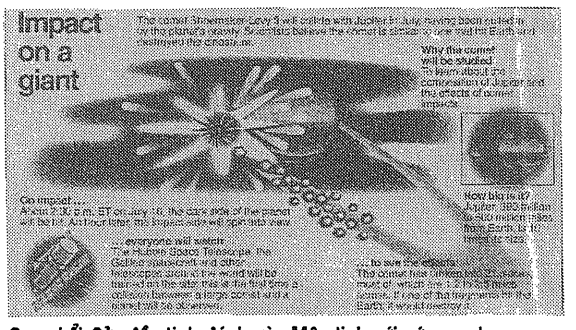

Sao chổi Cửu đầu tinh đánh vào Mộc tinh với sức mạnh 100 triệu mê-ga-tôn.

Nhưng chúng ta đang chú ý đến Jupiter (Mộc tinh). Theo bảng liệt kê nói trên, mộc tinh là hành tinh khổng lồ, lớn nhất trong Thái Dương hệ, vì nó lớn gấp gần 318 lần địa cầu. Và nếu cộng khối lượng các hành tinh khác lại thì cũng chưa bằng khối lượng của mộc tinh.

Mộc tinh là gì? Đó là một khối hơi khổng lồ, gồm nhiều thứ khí, nhưng nhiều nhất là khinh khí, ở gần lõi có thể là khinh khí lỏng, và trong lõi là một thứ kim khí lạ: khinh khí đặc (metallic hydrogen). Đường kính của nó là 142.769 cây số, trong khi đường kính của trái đất chỉ có 12.756 cây số.

Nếu trái đất quay xung quanh mặt trời phải mất 1 năm, gồm 365 ngày mới được một vòng, thì mộc tinh quay một vòng quanh mặt trời phải mất gần 12 năm (tính theo năm địa cầu). Nhưng về ngày thì lại khác. Vì là một khối hơi lỏng, nên mộc tinh tự nó xoay tròn rất nhanh, chưa bằng nửa ngày của trái đất, nó đã xoay tròn được

một lần rồi.

Sao chổi tóc dài

Chúng ta hãy nói đến những vị khách từ phương xa lâu lâu đến thăm Thái Dương hệ một lần. Đó là sao chổi (comet), và từ nguyên của nó gốc Hy Lạp Komé có nghĩa là tóc dài. Chúng ta đều biết sao chổi có một cái đuôi dài.

Đầu sao chổi là một cục, nhỏ thôi, được các nhà thiên văn đặt tên là những "cục băng tuyết nhơ bẩn" (dirty snow balls), một khối gồm có khinh khí lỏng đóng thành băng, bụi bặm (vật chất nhỏ ly ty) và các phân tử hiếm có, đã họp lại thành từ vũ trụ xa, bên ngoài không gian của Thái Dương hệ. Những cái đầu đó kéo theo một đám hơi mỏng, nói dễ hiểu như một vệt khói, nhưng thật ra hơi này còn loãng hơn không khí ta thở. Sở dĩ ta trông thấy nó dễ dàng ban đêm trên nền trời là vì đám hơi này bị ánh sáng mặt trời chiếu vào, hiện ra như một lưỡi gươm dài sáng loáng, reo rắc hãi hùng cho nhân loại từ ngàn xưa.

Cái đầu của sao chổi không lớn. Lõi cứng của nó chỉ có khoảng 10 cây số đường kính, còn khối hơi (coma) bọc quanh cái đầu này vào khoảng 10.000 đến 100.000 cây số đường kính, nhưng cái đuôi của nó dài lê thê, có thể từ chục triệu đến hơn 100 triệu cây số. Khi có sao chổi, mắt thường của chúng ta chỉ nhìn thấy cái đuôi mà không nhìn thấy cái đầu.

Chúng ta có nhiều sao chổi đến thăm mỗi năm, theo chu kỳ khác nhau, bởi vì đó là những thiên thể có những quỹ đạo (orbit) rất lớn, lớn gấp cả trăm cả ngàn lần Thái Dương hệ. Vì thế có những sao chổi 200 năm hay 300 năm mới quay đến Thái Dương hệ một lần. Dĩ nhiên có những sao chổi ngắn hạn, cứ độ 70 hay 80 năm lại trở lại với chúng ta.

Cũng phải nói thêm rằng trong thiên văn, sao chổi không phải là hiện tượng lạ. Có hàng ngàn hàng vạn sao chổi, lớn nhỏ khác nhau. Mỗi năm Thái Dương hệ cũng có đến hơn 1000 sao chổi đến chơi, nhưng vì chúng quá nhỏ hay ở xa nên trừ kính thiên văn, không ai nhìn thấy hay để ý.

Có một ngôi sao chổi quen thuộc với chúng ta. Đó là sao chổi Halley, cứ 76 năm lại đến một lần. Sao chổi này không lớn lắm, điều không may là tuyến đường bay thường lệ của nó lại gần quỹ đạo trái đất, cho nên trong lịch sử nhân loại, khi đến gần địa cầu vào đúng một nhịp quỹ đạo, nó hiện thành một lưỡi gươm vắt ngang trời. Mới đây nó đã đến vào năm 1986, nhưng dịp này nó chạy ở bên kia vòng quỹ đạo trái đất, nên mắt thường chú ý lắm mới chỉ thấy một vệt sáng ngắn trên bầu trời.

Tại sao sao chổi hay đến thăm Thái Dương hệ? Đó là vì sức hút của toàn bộ các hành tinh vệ tinh, nhất là mặt trời, vì đây là khối lượng lớn nhất. Thành ra mỗi lần sao chổi đi vào Thái Dương hệ, nó đến gần mặt trời - có những sao chổi bị hút luôn vào mặt trời nếu quá sát, nhưng phần lớn quỹ đạo của nó không nhằm đúng mặt trời, nên bị hấp lực của mặt trời bẻ ngoặt lại, lượn nửa vòng, rồi lại bị văng ra ngoài Thái Dương hệ, chạy ra xa... hết đà, và sau hết lại bị sức hút của Thái Dương Hệ kéo lại, cứ thế xoay chuyển hoài hoài.

Thế nhưng có những sao chổi không bị mặt trời hút, mà lại bị một hành tinh lớn trong Thái Dương hệ làm nó ngoặt trở lại. Đó là trường hợp sao chổi Shoemaker-Levy 9 bị mộc tinh (Jupiter) bắt. Có lẽ trong cuộc viếng thăm đầu tiên đầu tiên vào Thái Dương Hệ, anh chàng du khách Shoemaker-Levy 9 tình cờ đi sát gần người đẹp khổng lồ Jupiter, nên bị khối lượng lớn này thu hút luôn, mà không nhường cho bà Thái Dương nữa. Vì thế Shoemaker-Levy 9 có quỹ đạo ngắn hạn và cứ về thăm người đẹp rất thường kỳ. Chúng ta hãy nhìn xem hình thù anh chàng Shoemaker-Levy 9 này như thế nào.

Đa đầu tinh hay chuỗi ngọc

Tại sao lại gọi anh ta là Shoemaker-Levy 9? Đó là vì ngày 25 tháng Ba 1993, nhà nữ thiên văn học Mỹ là Carolyn Shoemaker, làm việc tại thiên

văn đài Palomar (California) đã chụp hình được nó, và cùng chồng là ông Eugene Shoemaker, một nhà bác học chuyên về nghiên cứu địa chất hành tinh, thêm một nhà thiên văn tài tử là David Levy, nghiên cứu và đo lường quỹ đạo của sao chổi. Số 9 tức là sao chổi lạ có chín đầu mà họ đã phát hiện được trong sự nghiệp quan sát bầu trời của họ.

Sao chổi Shoemaker-Levy 9 có quỹ đạo lượn vòng rất sát quanh Mộc tinh. Vì Mộc tinh di chuyển chậm quanh mặt trời nên mỗi lần anh chàng này đến thăm đều bị dính luôn. Từ hơn một năm nay, các nhà thiên văn trên thế giới theo dõi sao chổi này vì họ đã tính được rằng lần này, nó đâm thẳng vào Mộc tinh.

Lúc đầu còn ở xa, các bức hình chụp được cho thấy một sự lạ. Shoemaker-Levy 9 có chín đầu lận, chạy dài nối đuôi nhau như một chuỗi ngọc trai trên nền trời. Chúng ta tạm gọi anh chàng này là "Cửu đầu tinh", mặc dầu mấy tháng gần đây khi chụp hình được rõ hơn, người ta còn thấy có ba đầu nhỏ và có cả chục đầu li ti, tất cả 21 miếng, nằm trong chuỗi ngọc sao chổi này. Và cố nhiên đa đầu tinh này kéo theo một cái đuôi dài ngoằng.

Mỗi đầu này lớn bao nhiêu? Không kể các mảnh nhỏ, đầu lớn nhất đo được 2,5 miles đường kính (gần 4 cây số bề ngang) và đầu nhỏ nhất cũng vào khoảng 1,2 miles (gần 3 cây số). Chỉ cần một đầu nó đập thẳng vào trái đất, địa cầu này của chúng ta cũng tan tành.

Nên nhớ địa cầu của chúng ta trong gần 4 tỷ năm lịch sử cũng đã từng bị sao chổi đánh nhiều lần rồi và đến nay còn để lại dấu vết. Theo một số nhà khoa học rất có thể từ cả ngàn triệu năm trước, khi các sao chổi lớn nhỏ rớt vào địa cầu, chúng đã đem theo các phân tử hữu cơ tức là mầm sống của sinh vật. Nhưng điều mỉa mai là nó cũng có thể phá hủy và tận diệt các sinh vật. Các nhà bác học nghi rằng 65 triệu năm trước đây, khi các loài khủng long đột nhiên bị hủy diệt, đó là vì một ngôi sao chổi lớn đã đánh trúng địa cầu.

Tại sao Shoemaker-Levy chín lại có nhiều đầu như vậy?

Tất cả những viễn vọng kính lớn trên thế giới đều chiếu vào sao chổi này và cả viễn vọng kính Hubble trên quỹ đạo cũng đã nhiều lần chụp hình nó.

Theo kết quả những con tính chính xác nhất do các máy computer thực hiện, được công bố vào tháng Ba 94 vừa qua, người ta đã biết sao chổi này đã bay sát bầu khí quyển của Mộc tinh vào ngày 7-7-92 vì thế đầu của nó bị bể thành nhiều mảnh như hiện nay ta thấy.

Tốc độ đạn đa đầu: 216.000 cây số/giờ

Cửu đầu tinh sẽ gây tai họa như thế nào cho Mộc tinh?

Tất cả khối đa đầu đó sẽ lao vào Mộc tinh với tốc độ ghê gớm là 37 miles một giây đồng hồ, tức là bằng với một chiếc xe chạy nhanh 216.000 cây số một giờ. Năng lượng va chạm ghê gớm đó bằng 100 triệu mê-ga-tôn thuốc nổ TNT. Nên nhớ một mê-ga-tôn tức là một triệu tấn thuốc nổ cực mạnh.

Nếu một sức mạnh như vậy đánh vào địa cầu thì cũng giống như ta cầm một cục băng tuyết lớn ném vào cái chậu tắm của con chim, chỉ lớn bằng lòng bàn tay. Nhưng mộc tinh quá lớn, nên năng lượng đó cũng giống như ta cầm cục băng tuyết ném xuống một cái ao... nghĩa là không hề hấn gì cho Mộc tinh cả. Cùng lắm nó chỉ gây một lỗ hổng lớn trên bề mặt khí quyển của Mộc tinh, thấy rõ trong năm ngày (địa cầu) liền, rồi sau đó bầu khí quyển lại lấp đầy, nghĩa là nước ao lại khỏa lấp chỗ trống, không có gì khác.

Ảnh hưởng gì đến trái đất? Không có ảnh hưởng gì cả, vì Mộc tinh lúc nào cũng ở xa địa cầu từ 390 triệu đến 600 triệu miles. Và cũng vì xa như vậy, mắt thường không nhìn thấy cuộc oanh tạc vũ trụ này. Thông thường ban đêm, ta nhìn thấy Mộc tinh như một ngôi sao sáng, không lấp lánh trên bầu trời.

Hơn nữa, ta luôn luôn nhìn thấy một nửa mặt của Mộc tinh, cũng như chỉ nhìn thấy nửa mặt của Hằng Nga, nghĩa là mặt quay về hướng chúng ta nhìn.

Các nhà thiên văn đã tính được chính xác rằng Cửu đầu tinh Shoemaker-Levy 9 chỉ đánh vào mép của mặt phía bên kia của mộc tinh. Cũng may mép đó nằm sát nút mặt mà chúng ta nhìn thấy. Vì mộc tinh quay tròn khá nhanh, nên chỉ một tiếng đồng hồ sau lúc 2 giờ 30 chiều (giờ miền Đông của Mỹ) của ngày 16-7-94, chỗ bị đánh trúng đó sẽ lộ ra cho loài người chúng ta nhìn thấy.

Cố nhiên với một biến cố tầm cỡ như vậy, người ta còn được nhìn thấy (và chụp hình) những hậu quả của vụ nổ. Hơi khí, mảnh vụn, bắn ra và vọt lên cao. Đây chính là lúc các nhà thiên văn hồi hộp chờ đợi.

Đây chỉ là biến cố mà chỉ có những viễn vọng kính nhìn thấy và chẳng có ảnh hưởng gì đến trái đất chúng ta. Nhưng các nhà thiên văn hồi hộp chờ làm chi vậy?

Trước hết họ muốn tìm hiểu thêm về Mộc tinh. Họ sẽ đo các làn sóng chấn động trong không gian để tìm hiểu mật độ khí quyển của Mộc tinh và xem có thật hành tinh khổng lồ này có lõi cứng ở bên trong hay không.

Họ sẽ đo quang phổ (spectroscopy) của vụ nổ để biết thêm về gốc gác các chất hơi tạo thành bầu khí quyển Mộc tinh, nhất là để nghiên cứu xem vụ va chạm dữ dội này có tạo ra thêm những phân tử (molecules) mới hay không. Tất cả các bức xạ của vụ này được ghi hình trong quang phổ bức xạ điện từ, bắt đầu từ các tia cực tím, qua ánh sáng thấy được, cho đến các tia hồng ngoại và bức xạ radio.

Họ sẽ đo ánh sáng của vụ nổ phản chiếu lên các vệ tinh của Mộc tinh, để đo khoảng cách bằng ánh sáng và nhất là để biết có một vụ nổ hay nhiều vụ nổ liên tiếp nhau.

Họ sẽ nghiên cứu đường bay của các mảnh bụi vung ra để xem nó tương tác như thế nào với từ trường của Mộc tinh. Họ muốn biết nó bám lấy các đường từ của từ trường, hay tạo ra thành một vòng đai bụi như một vòng hạt xoàn bọc quanh Mộc tinh.

Sau hết điều đáng chú ý nhất: khoa học ngày nay đã có đủ khả năng quan sát các biến cố xảy ra trong Thái Dương hệ, để xem ngôi nhà nhỏ của chúng ta thay đổi như thế nào. Khả năng đó cũng có thể cho chúng ta thấy tương lai của nhân loại sẽ thay đổi như thế nào.■

GÓP Ý VỀ NGHỊCH LÝ THỜI GIAN

NGUYỄN KẾT

Là một độc giả mới, tôi đọc *Thế Kỷ 21* số 60 và lưu ý ngay đến tên Nguyễn Viết Khánh vì bài "Nghịch Lý Thời Gian" của ông. Tôi có cảm tưởng ông không được đào luyện về vật lý lý thuyết nhưng vẫn hăng say vui vẻ tiến vào vùng đất mới đầy hoa thơm cỏ lạ nhưng cũng lắm cạm bẫy của nó. Tôi thấy nên đưa ra một vài nhận xét góp ý với ông.

1- Có sự không chính xác và rõ ràng trong cách ông giải thích và sử dụng các khái niệm vật lý. Thay vì nói "một hạt có thể có mặt ở nhiều nơi cùng một lúc", "cùng lúc có mặt ở muôn triệu vị trí khác nhau" (tr. 60, cột 1 và 2) người ta sẽ nói nó không có vị trí xác định, có thể ở đây mà cũng có thể ở kia, hoặc vị trí là một đại lượng bất định, không là đặc tính của hệ thống hay đối tượng đó - đã là *hạt* thì làm sao vừa ở chỗ này vừa ở chỗ kia được?

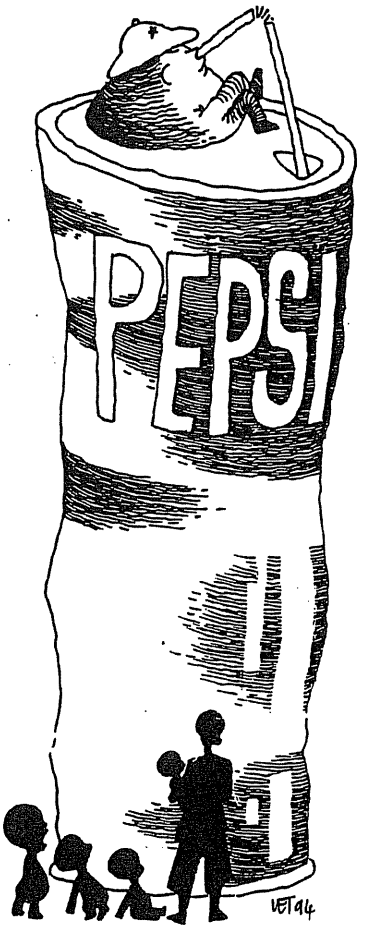

Khái niệm xác suất như được sử dụng trong câu vừa trích sẵn dù không chỉnh nhưng cũng vẫn có hơi hướng của lối thuyên giải (*interpretation*) tiêu chuẩn - nó hoàn toàn không thể áp dụng cho thuyên giải "đa thế giới" mà ông đặt tên là "thuyết vũ trụ chồng chất" và cũng đã giải thích không thông: "thuyết muôn triệu vũ trụ chồng chất lên nhau... nghĩa là đa vũ trụ song song" (tr. 59, cột 3) là thế nào? song song mà có nghĩa là chồng chất (*superposition*) được sao?

Tương tự, "nhận định" rằng các thành tựu khoa học "bắt đầu bằng những lý thuyết mơ hồ" (tr. 60, cột 3) là điều tôi cũng lấy làm lạ. Không như trong cách nói thông thường, khoa học sử dụng từ "lý thuyết" với một ý nghĩa xác định, một hệ thống chặt chẽ về mặt lý luận của các ý tưởng giúp giải thích và tiên đoán các sự kiện thực nghiệm. Theo đó, một phát biểu như "chúng ta không biết sự đi ngược thời gian là có hay không, nhưng có nhiều sự kiện lý thuyết cho thấy nó hình thành như thế nào" phải được hiểu là điều kỳ lạ đó có một căn bản lý luận -- ở đây là lý luận toán học -- cụ thể, vững chãi và đáng tin. Thế nên chỉ có những đề nghị, giả thuyết, phát biểu mơ hồ; ghép "lý thuyết" với "mơ hồ" trong trường hợp này không mấy khác với chuyện ghép "lông" với "rùa", "sừng" với "thỏ."

2- "Đi ngược thời gian" trong vật lý, vì thế, cũng không là chuyện đùa chơi, kiểu lý thuyết gia vật lý ngồi tưởng tượng ra một chuyện quái dị, để rồi tự làm khổ mình bằng cách nghiêm trang gọi đó nghịch lý và tranh luận về những điều không thể có đó, như cảm tưởng mà người đọc dễ có khi đọc bài viết. Điều tác giả không nói, và một phần vì thế mà người đọc dễ có cảm tưởng ông chỉ nói đùa từ đầu đến cuối, là chuyện đi ngược với thời gian rất có thể đang xảy ra, nhưng chỉ với các thành phần cực tiểu cuả thế giới vật chất khi chúng di chuyển với vận tốc thật lớn. Lý do, theo một vài đáp số cho các phương trình trường Einstein, là vì trong liên thể thời-không bốn chiều có những cấu trúc trong đó thời gian và không gian không còn là những đại lượng xác định, những ống hay lỗ giun nối liền hai điểm thời-không hoàn toàn cách biệt nhau; vì thời gian và không gian "không có" trong những lỗ giun đó nên khi rơi, lọt vào chúng, một hệ thống

vật lý có thể sẽ "phản lão hoàn đồng", hay trở nên "già đi" khi trồi lên mặt thời-không - nó đã quay ngược về quá khứ hoặc đi tất về tương lai, điều hoàn toàn đối nghịch với "sự thật" mà trực giác cho chúng ta biết: thời gian có tính bất khả hồi (*irreversible*), rằng tương lai thì chưa định hình, tùy thuộc vào sự khuôn nắn của chúng ta trong hiện tại, còn quá khứ thì cố định, bị khóa chặt, không thể sửa đổi gì được.

3- Thuyết, hay đúng hơn thuyên giải, thường được gọi là "đa thế giới" không mới mà cũng không do David Deutsch và Michael Lockwood đưa ra như ông Khánh nói (tr. 59, cột 3.) Hai tác giả này đã nói rất rõ trong bài được ông Khánh nhắc đến, rằng thuyên giải này được Hugh Everett III đưa ra (trong luận án tiến sĩ của mình) ngay từ năm 1957 và đối với phần lớn các nhà vật lý thì nó vẫn là *controversial.* Thế mà đọc ông Khánh, người ta có cảm tưởng nó là một biến cố lý thuyết mới mẻ! Thuyết này có một số ưu điểm, nhưng không đủ tính thuyết phục, nhất là khi lập luận về ưu điểm thực nghiệm của nó, do Deutsch (một trong hai nhà vật lý "còn trẻ và mới nhất của thế giới" của tác giả) đưa ra vài năm trước đây, được thấy là không đủ "hạ" các thuyên giải khác.

Lý luận của Deutsch và Lockwood - rằng không thể có trường hợp đi ngược thời gian kiểu tôi trở về quá khứ để triệt bỏ các điều kiện thuận lợi để tôi được sinh ra, hay để giết ông Hồ và ông Diệm để Việt Nam thoát cảnh núi xương sông máu trong nửa thế kỷ - cũng có thể xếp vào loại ưu điểm "không đáng kể" nói trên của thuyết đa thế giới. Mặc dù nội dung toán-lý "cụ thể" nằm sau lý luận này là điều khiến người trong nghề quan tâm, nhưng rất có thể đây cũng là một hình thức giật gấu vá vai nữa của tân vật lý. Các khám phá mới mẻ và ít nhiều không tương hợp với các quan niệm hiện có (trong đó có thuyết đa thế giới) về hỗn loạn (*chaos*), phi-luyến tính (*non-linearity*), tự phối trí (*self-organisation*)... làm không ít người nghĩ rằng thời gian rất có thể có đặc tính bất khả hồi như trực giác và nhiệt động lực học cho biết. Theo đó, căn bản của vấn đề, nguyên nhân của các khó khăn toán học và của những điều huyền bí, ngược ngạo tồn tại trong căn bản khái niệm của tân vật lý rất có thể nằm ở sự sử dụng khái niệm thời gian như thể khi nó được Newton sử dụng ba trăm năm trước: quá khứ, hiện tại, tương lai giống hệt nhau trong các phương trình chuyển động cơ bản, nghĩa là đặc tính bất khả hồi của thời gian vẫn chưa được xem như một yếu tố nội tại của sự chuyển động. (1)

Chính vì nhận thức như thế nên một số chuyên gia đang nỗ lực làm công việc biến vật lý tuyến tính hiện nay thành vật lý phi-tuyến tính. Tôi tin rằng họ thất bại hay thành công thì vật lý thế kỷ 21 cũng bắt đầu từ xuất phát điểm này chứ không dựa nhiều lắm vào một thuyên giải như thuyết đa thế giới -- một thuyên giải vừa là sự khẳng định trong hình thái mới hay sự "tái sinh" của những nhận thức triết học tiền-thế kỷ 20 như tiền định, nhất nguyên (duy vật), giản lược (*reductionistic*)... vừa có nhược điểm toán học, nhiều điều kỳ dị, không hơn gì các lý thuyết khác ở số tiên đoán thực nghiệm nhưng lại "đem đến quá nhiều hệ luận siêu hình học phiền phức". (2)

Đưa ra một nhận xét góp ý như trên, tôi chỉ có mỗi một mục đích là chứng tỏ sự quan tâm đến và đồng tình với cố gắng phổ thông hóa khoa học mà không có ý gì khác. Khoa học chẳng những có mặt trong đời sống vật chất (kể cả những nơi không có tiện nghi khoa học) mà còn ở vị thế ban phát giá trị, có ảnh hưởng sâu sắc đến cung cách tư duy của con người, và sự tìm hiểu và giới thiệu các thành tựu và hiểu biết khoa học do đó từ lâu đã không còn là chuyện hiếu kỳ thuần túy, mà trở thành điều cần thiết, phải làm. Nhưng điều này không dễ, đặc biệt vì hiện tượng đa nguyên trong khoa học, đáng lưu ý là trong chính sự nghiên cứu các thành phần thô sơ đơn giản nhất của thực tại. Tôi muốn nói đến những lý thuyết/trường phái vật lý khác biệt và đôi khi hoàn toàn trái ngược nhau nhưng lại giống hệt ở tiên đoán thực nghiệm: cùng một sự kiện thực nghiệm nhưng tùy thuộc vào trường phái mà nó phải được giải thích thế này hay thế kia, chẳng hạn một sự kiện bình thường (*regularity*) trong thuyên giải tiêu chuẩn và thuyên giải đa thế giới nhưng trong một thuyên giải khác lại là bằng chứng của vận tốc siêu ánh sáng. (3) Người làm nhiệm vụ thông tin trung thực hiển nhiên phải biết rõ và nói rõ để tránh cho độc giả một kiến thức đầu ngô mình sở, để họ không đồng hóa thẩm quyền khoa học với các quan điểm bên lề và, tệ hại nhất, những quan điểm ngụy khoa học nhằm phục vụ cho một mục tiêu nào đó, điều phải nói là có khá nhiều trong lượng văn học khoa học phổ thông hiện nay, nhất là ở Mỹ.■

(1) Trong thuyên giải tiêu chuẩn của vật lý lượng tử, đặc tính bất khả hồi của thời gian được tính đến, nhưng chỉ khi đối tượng tương tác với máy đo (khi một phép đo được thực hiện). Điều này bị phê phán là gượng ép, mang tính siêu hình học chứ không có căn bản vật lý học.

(2) Đây là một số trong những phê phán mà tôi thu thập cho và giải thích trong một bài thuyết trình về thuyết đa thế giới, thực hiện khi bước vào năm cuối của cao học vật lý. Nhận định trong ngoặc là phỏng theo người hướng dẫn luận án cho Everett, một lý thuyết gia ngoại hạng, giáo sư John. A. Wheeler. Wheeler thoạt đầu dường như cũng bị thuyết của học trò mình hấp dẫn nhưng về sau ông đã phát triển một thuyên giải vật lý hoàn toàn đối nghịch, gần với quan điểm của Niels Bohr và phảng phất hơi hướng Duy thức luận Phật giáo.

(3) Sự đối lập, kình chống giữa các trường phái khác biệt nhau đã làm thuyên giải của các trường phái này trở nên tinh vi hơn và góp phần không nhỏ cho sự tiến bộ chung của vật lý học. Đây là bài học nhận thức quan trọng nhất mà khoa học dạy chúng ta.

LÝ THUYẾT TỔ CHỨC

NGUYỄN HOÀI VÂN

Hai nguyên tắc

Trong một bài viết về "lý thuyết kết hợp", chúng tôi đã trình bày ba yếu tố quan trọng của sự kết hợp, đó là:

- quyền lợi chung
- đe dọa chung
- và lý tưởng chung.

Tùy trường hợp mà yếu tố này, hay yếu tố khác, được vận dụng nhiều hơn trong mỗi hình thức kết hợp.

Tổ chức là một khoa học rất rộng lớn, trong phạm vi bài này, xin chỉ bàn đến hai nguyên tắc cần được chú ý tới trong đa số các công việc tổ chức, đó là:

- nhỏ tới lớn
- và từ công tác nào tổ chức đó.

Xin nhấn mạnh là bài này chỉ đề cập đến những tổ chức đấu tranh chính trị, chứ không bàn đến các tổ chức sinh hoạt cộng đồng của người Việt hải ngoại, dù cho những tổ chức ấy thường có mầu sắc chính trị. Sẵn dịp, chúng tôi cũng cảm thấy cần bày tỏ sự quý trọng đối với những tổ chức sinh hoạt cộng đồng, vì những tổ chức này có khả năng giúp cho người Việt vẫn tiếp tục là người Việt, dù sinh sống ở Hải Ngoại.

Từ nhỏ tới lớn

Đa số các tổ chức đều phải đi từ nhỏ tới lớn. Nhỏ nhất là cái mầm mống tổ chức nằm trong đầu óc của một người. Rồi đến sự tổ chức đời sống của chính người ấy, để học hỏi, tự đào luyện, và dấn thân hoạt động. Lớn hơn chút nữa là tổ chức với một nhóm bạn hữu rất nhỏ, vài người, cho đến khoảng mười người. Ta gọi đó là "nhóm khởi đầu." Khi nhóm khởi đầu có được một số nhân sự và khả năng nào đó, thì có thể bắt đầu thực hiện những công tác cụ thể.

Nguyên tắc "từ nhỏ tới lớn" thật là đương nhiên, nhưng chúng ta vẫn thường nhận thấy chung quanh mình những nỗ lực đi ngược lại với nguyên tắc ấy. Thí dụ, ngay từ bước đầu mà đã hô hào kết hợp "toàn thể quốc dân", quy tụ "đại khối dân tộc", hay khiêm tốn hơn một chút, đòi gom góp cả cộng đồng Việt Nam hải ngoại trong một tổ chức, là trái với nguyên tắc "từ nhỏ tới lớn", và sẽ khó thành công.

Thành quả công tác

Bây giờ ta thử suy nghĩ xem đâu là động cơ để có một tổ chức có thể phát triển "từ nhỏ tới lớn"?

Động cơ đó là: thành quả của những công tác mà tổ chức này gặt hái được. Khi nhóm khởi đầu làm được một việc gì đó trong nước, và việc làm ấy đã mang lại một số thành quả cụ thể, thì tổ chức này có cơ hội để bắt đầu phát triển "từ nhỏ tới lớn." Thành quả của công việc kia có thể được giấu kín, nhưng với ít nhiều chứng cớ của việc mình làm thành viên của nhóm khởi đầu sẽ kín đáo thâu nạp thêm người mới, bằng hình thức vận động cá nhân.

Ở giai đoạn này, cần phải tránh vận động quần chúng, mà chỉ móc nối với từng cá nhân, tùy theo khả năng mà cá nhân ấy có thể đóng góp được cho công tác mà mình dự trù thực hiện. Thí dụ: móc nối kết nạp ông A vì ông ta có thể ủng hộ tài chánh (điều tối quan trọng), móc nối kết nạp anh B vì anh ta có khả năng chuyên môn nào đó, cần thiết cho công tác sắp được thực hiện v.v...

Điều quan trọng là móc nối cá nhân, chứ không vận động quần chúng. Móc nối cá nhân là móc nối một cá nhân cụ thể, có tên tuổi, địa chỉ cụ thể, và bằng phương tiện cá nhân chứ không phải bằng báo chí, truyền thanh, truyền hình, mít tinh, hội thảo v.v...

Công tác nào tổ chức đó

Thành quả của công tác là động cơ để tổ chức phát triển từ nhỏ tới lớn. Vậy công tác chính là điểm tựa của tổ chức. Vì thế xin nhấn mạnh đến nguyên tắc thứ hai được nêu lên trong bài này, là: công tác nào, tổ chức đó.

Tổ chức phải được quan niệm cho công tác, tức là để làm những công tác cụ thể. Công tác cụ thể là công tác được thực hiện vào một ngày giờ cụ thể (ngày giờ đó ghi rõ ràng trong lịch Tam Tông Miếu, chứ không phải "một ngày nào đó"), bởi những nhân sự cụ thể (có tên, tuổi, địa chỉ, vợ lớn, vợ nhỏ, đàng hoàng...), tại một địa điểm cụ thể. Thí dụ: "đạp đổ bạo quyền" không phải là một công tác cụ thể, vì không biết ngày giờ nào đạp đổ, nhân sự nào đạp đổ (tên gì, bao nhiêu tuổi?), và đạp đổ ở tỉnh nào, quận nào, xóm nào? Ngược lại, bợp tai đá đít một tên quan chức cường hào ác bá chính xác, ở một quận, một làng rõ rệt, vào một ngày giờ rõ rệt, là một công tác cụ thể.

Vậy, phải định cho thật rõ công tác, rồi mới quan niệm tổ chức. Ví như người muốn mở một cơ sở buôn bán, phải định rõ mình muốn buôn cái gì, bán cái gì, rồi mới kêu gọi hùn vốn, mướn nhân công, và tổ chức tất cả những chuyện đó cho phù hợp với việc làm ăn mà

mình dự trù. Ít thấy các nhà kinh doanh cùng tổ chức với nhau thành một tổ hợp, để rồi nhìn nhau tự hỏi "chúng ta phải làm gì?"

Điều này cũng có vẻ cơ bản, nhưng chúng ta vẫn thấy không ít trường hợp thiên hạ kêu gọi nhau kết hợp lại thành tổ chức, để... không biết làm gì cụ thể, và rồi rốt cuộc cũng lại kết thúc bằng tuyên ngôn, tuyên cáo, kiến nghị, kháng thư, hay lời kêu gọi... kết hợp!

Kêu gọi "ngồi lại với nhau để tìm phương kế cứu nước, cứu dân", là trái lại với nguyên tắc "công tác nào, tổ chức nấy", và sẽ khó gặt hái được những thành quả cụ thể. Ngồi lại với nhau mà không có công việc cụ thể, để qua những công việc cụ thể ấy, có thể thành công cùng chia sẻ (quyền lợi chung), hiểm nguy cùng gánh chịu (đe dọa chung), và cùng hy sinh cho một lý tưởng chung, thì sự "ngồi lại" đó sẽ không thể kéo dài được. Ngồi lại với nhau để cùng tự hỏi xem "phải làm gì" sẽ chỉ đưa đến cãi vã, mỗi người một ý, rồi sanh ra tự ái, hờn giận, thậm chí oán ghét nhau, và như thế, sẽ dễ đưa đến chia rẽ, chứ khó mà đưa được đến kết hợp, và càng không thể đưa đến tổ chức chặt chẽ, điều kiện cốt yếu để thành công trong giai đoạn cách mạng.

Lãnh đạo lãnh đạo công tác

Nhiều người sẽ cho nguyên tắc "công tác nào, tổ chức nấy" là "tổ chức lệ thuộc công tác", trong khi, theo họ, tổ chức phải lãnh đạo công tác. Thật ra, nên quan niệm một cách giản dị là: lãnh đạo lãnh đạo công tác. Nghĩa là: lãnh đạo định công tác, và làm công việc tổ chức để thực hiện cho bằng được công tác ấy. Tùy theo thành quả gặt hái được, và tùy theo tình hình biến chuyển, mà lãnh đạo định ra những công tác mới, và điều chỉnh tổ chức cho phù hợp với những nhu cầu mới.

Có người thích lý luận sẽ lại cãi tiếp và lãnh đạo cũng là một hình thức tổ chức! Trong trường hợp đó, xin đề nghị cách nhìn như sau: trong mô hình tổ chức, có một phần tương đối ít thay đổi, đó là cơ cấu lãnh đạo, lãnh đạo công tác, và một phần có thể thay đổi nhiều hơn, tùy nhu cầu công tác, đó là cơ cấu hành động. Cãi nữa thì xin chịu thua!

Kết hợp quần chúng

Chúng tôi đã trình bày ở trên là khi tổ chức chưa đạt được những thành quả công tác đầy đủ, thì chỉ nên kết nạp cá nhân, chứ không nên ồn ào kêu gọi quần chúng.

Chỉ khi nào cơ cấu lãnh đạo thấy mình đã đủ trình độ tổ chức, đủ cán bộ để lãnh đạo quần chúng, và công việc mình làm đã đủ thành quả để thu hút quần chúng, thì mới có thể nghĩ đến việc kêu gọi quần chúng tham gia đấu tranh.Ở giai đoạn nầy, câu hỏi cốt yếu là: quần chúng nào? Thật vậy, quần chúng nói chung không bao giờ đấu tranh cả, vì quần chúng nói chung chỉ là một khái niệm trừu tượng, tức không có thật.

Quần chúng thật là một quần chúng nhất định, có những đặc tính nhất định. Quần chúng phải có một đội ngũ nhân sự sẵn sàng đấu tranh. Vận động quần chúng ấy, là vận động đội ngũ nhân sự sẵn sàng đấu tranh ở trong quần chúng này, để từ đó lôi kéo toàn thể quần chúng này vào cuộc đấu tranh. Trả lời câu hỏi "quần chúng nào?" là tìm xem đâu là những khâu yếu trong những quần chúng hiện diện, và trong những khâu yếu ấy, khâu nào, tức quần chúng nào, nằm trong tầm vận động của tổ chức mình?

Chúng ta thường nghe những lời kêu gọi nhằm vào đối tượng là "quần chúng nói chung", nghe rất xôm tụ, nhưng chẳng có bao nhiêu người hưởng ứng. Muốn bán một mặt hàng, phải định cho rõ những ai sẽ là khách hàng của mình, đàn ông, hay đàn bà, già hay trẻ, nghề nghiệp loại nào, lợi tức cỡ bao nhiêu v.v... Từ đó, mới định ra cách trình bày món hàng, hệ thống phân phối (sẽ bán cho những cửa tiệm loại nào?), và nhất là kế hoạch quảng cáo. Thương gia còn biết thế, kẻ sĩ thường tự cho mình là "hơn" (?) thương gia (dân hữu tứ sĩ vi chi tiên), thế mà không nghĩ được như vậy hay sao?

Tóm lại

Bạn hãy tự tổ chức trong đầu bạn, để trau giồi kiến thức, bản lãnh, tìm ra những việc sẽ phải làm, đó là khởi điểm của tổ chức. Rồi cùng vài thân hữu chí tình, bạn đi đến một "nhóm khởi đầu." Với "nhóm khởi đầu" này bạn có thể thực hiện một số công tác bạn đã toan tính. Đương nhiên là những việc ấy phải được làm trong nước. Công tác nào là tùy nhận định của bạn, nhận định chiến lược, và nhận định chiến thuật.

Khi vừa gặt hái được chút thành quả, bạn khai thác triệt để những thành quả ấy, đồng thời đưa vào đó để kết nạp thêm nhân sự. Tổ chức của bạn lớn dần, cho đến khi thành quả đạt được đủ quan trọng, cán bộ đủ đông, mức độ tổ chức đủ chặt chẽ, thì bạn mới có thể nghĩ đến vận dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, từ báo chí, đến truyền thanh, truyền hình, rải truyền đơn v.v..., để vận động quần chúng, với một ý nghĩa chính xác về cái quần chúng đặc biệt mà bạn muốn ưu tiên vận động tham gia vào công cuộc đấu tranh được tổ chức của ban lãnh đạo, trong khi bạn vẫn luôn nghĩ đến việc tranh thủ sự đồng tình của đại đa số nhân dân.

Xin bạn thứ lỗi cho tôi vì đã trình bày một vấn đề mà nhiều người cho là trọng đại, dưới một hình thức có vẻ dễ dàng. Bản tính của tôi, vừa ngu, vừa nhát, lại vừa lười biếng thượng hạng, nên vạn bất đắc dĩ có phải làm việc thì cũng chỉ thích chọn những việc dễ làm...

Lần sau, tôi sẽ xin bàn thêm với bạn về những "việc dễ làm."■

TRƯỜNG CA HÀN MẠC TỬ HÀNH TRÌNH CỦA NGƯỜI NGHỆ SĨ VỀ CÁI ĐẸP

ĐOÀN XUÂN KIÊN

Trường ca Hàn Mạc Tử (TCHMT) là tác phẩm mới của Phạm Duy vừa ra mắt quần chúng vào những ngày cuối năm 93. Về hình thức thì đây là một tổ hợp những bài thơ Hàn Mạc Tử do Phạm Duy phổ nhạc. Nhưng người nghe có thể hình dung được chủ đích của tác giả tổ khúc này không phải chỉ là phổ nhạc một số bài thơ lẻ của một nhà thơ; TCHMT có thể xem là một bản diễn giải bằng nhạc những hành trình nghệ thuật của tâm hồn Hàn Mạc tử (HMT).

Hành trình nghệ thuật từ Trường Ca Hàn Mạc Tử

Trường ca Hàn Mạc Tử được bố cục làm ba phần mang tựa đề như sau: 1) Tình quê; 2) Trăng sao; 3) Ave Maria. Mỗi phần gồm có ba phân khúc nhạc được hình thành là từ phổ một bài thơ HMT, hoặc phổ từ tập hợp một số trích đoạn thơ, có khi lại chỉ là phổ nhạc một trích đoạn trong một bài thơ thôi.

Phần I - Tình Quê, gồm ba phân khúc: Tình quê, Đây Thôn Vĩ Giạ, Đà Lạt Trăng Mờ. Đấy là những phân khúc nhạc phổ từ ba bài thơ HMT làm từ những ngày còn trẻ. (Bài Tình Quê đã in trong tập thơ Gái Quê - 1936). Nhạc mở đầu bằng những âm thanh ngân nga trong nhịp điệu êm ả nhưng rất lãng mạn. Chất nhạc đã được kỹ thuật hòa âm làm bật lên tính cách đặc trưng của nhạc chiều (sérénade) quen thuộc trong nhạc cổ điển Tây phương.

Phân khúc hai là nhạc phổ toàn bài thơ Đây Thôn Vĩ Giạ. Nhạc mở đầu gợi tả một không gian u tịch, vắng lặng như những buổi hoàng hôn nơi đồng quê

những thuở thanh bình: tiếng côn trùng kêu vắng, hoàng hôn uốn lượn xa vắng như tiếng phi lao rì rào trong gió, như tiếng gió thì thầm lúc chiều tà. Nhạc và hòa âm trong phân khúc đã chuyển sang nét u uẩn, gợi tả những cảm giác bâng khuâng man mác mà ta vẫn gặp trong những ngâm khúc của văn học cổ điển.

Từ nét buồn u ẩn mênh mang trong phân khúc hai, nhạc chuyển sang phân khúc ba với tựa đề Đà Lạt Trăng Mờ. Phần nhạc dạo tạo ngay cảm tưởng về một sự thiêng liêng huyền nhiệm của không gian qua cảm nhận của nhà thơ. Nhạc đề của phân khúc là nỗi đắm say trong tiếng gọi ảo huyền của cái Đẹp mà nhà thơ đã cảm thán rằng "phút thiêng liêng đã khởi đầu."

Phần II - Trăng Sao, gồm ba phân khúc: Trăng Sao rớt rụng, Hồn là ai, và Trút linh hồn. Mở đầu phân khúc một (Trăng Sao rớt rụng) là đoạn tán thán về sự mầu nhiệm của ánh trăng. Tính cách của âm nhạc là tính cánh thánh ca, nhưng đối tượng của lời tán thán không là hình tượng siêu nhiên mà chỉ là ánh trăng. Nhà thơ bị trăng mê hoặc và tấm dấm hồn mình trong ánh trăng. Đấy là khởi điểm của những xúc cảm thơ trong Thơ Điên - Đau Thương, tập thơ HMT làm từ khi phát bệnh phong. Hành âm của phân khúc lần lượt đi qua bốn biến điệu: vầng trăng — chơi với trăng — trăng tự tử — rượt trăng. Có lẽ đây là lần đầu tâm trạng khúc mắc của HMT được thể hiện một cách cụ thể qua hình tượng gợi tả của âm nhạc. Nhạc vờn múa như trong cơn say trong một kết cấu đẹp: hình tượng âm nhạc tăng cường độ xúc cảm dần qua từng biến điệu, cho đến cuối biến điệu thứ tư. Nhạc đi những bước ma quái làm nổi bật xúc cảm của người nghệ sĩ trước nỗi cô đơn vì cảm nhận vẻ Đẹp mê hồn mà nhân gian không thể hiểu được.

Phân khúc hai - Hồn là ai - mở đầu bằng tiếng sáo Mèo rền ma quái để rồi sẽ đeo đẳng mãi suốt phân khúc. Người nghệ sĩ vừa thoát hồn để dẫn hồn mình đi suốt một đêm qua những biến điệu đầy kịch tính: "Lúc thì cười như điên sặc sụa cả mùi trăng, lúc thì cùng ngả nghiêng lăn lộn giữa muôn hình, lúc thì đìm nhau xuống một vũng trăng êm, lúc thì lặng yên trăng thổn thức, lúc thì bay lên cho tới một hành tinh..." (1)

Phân khúc ba - Trút linh hồn - có thể xem như một thoái trào của đợt sóng hình tượng âm nhạc trong phần II. Ba biến điệu nối tiếp nhau nặng nề như cảnh tha ma mộ địa lẫn khuất tiếng sáo

VÕ DOÃN NHẪN

ẢO VỌNG

** Tặng Trương Toàn, anh Quảng*

Kẻ đứng bên kia bờ ảo vọng
Nhìn theo cơn lốc xoáy dòng đời
Thuyền ai bốc lửa tim ai bỏng
Tuyết đổ, hoa hoan lạc rã rời.

Đã trót không làm hoa hiện hữu
Đừng buồn hoa nở dưới mưa giông
Mơ người từ độ hoa đương nụ
E ấp vườn xuân ngập nắng hồng.

Đốt đuốc giữa trưa tìm hiệu hữu
Đêm về khắc khoải với hư vô
Liêu trai yểu điệu quỳ dâng rượu
Mã lạng Vu Sơn chợp giấc hồ.

Đập vỡ thời gian tìm vĩnh cửu
Ôm chầm hiện tại thoắt phù du
Quên đi huyền sử mười năm cũ
Chẳng có ai người khóc Tố Như.

Tỉnh giấc vàng kê say giấc bướm
Quỳnh hoa nở trắng giữa đêm đen
Chung trà để nguội hương không đượm
Hứng giọt sương khuya rụng ướt thềm.

Trở lại trần giao tìm một thuở
Nguồn Đào, Lưu Nguyễn nhớ sông Tương,
Kỷ niệm quê xưa toàn vụn vỡ
Người ôm mặt khóc giữa vô thường.

Mèo nghẹn ngào như tiếng cú đêm khuya. Hình tượng âm nhạc cũng dàn trải như khoảng trống mênh mông của không gian tịch lặng. Nhạc đi êm nhẹ mà sao vương vấn nỗi thê lương. Lời thì thầm của nhà thơ là lời bộc bạch về tâm tình ông dành cho cuộc đời thân mến. Ba trích đoạn thơ ghép lại thể hiện khá rõ tâm sự HMT trong giai đoạn sáng tác tập Thơ Điên - Đau Thương.

Phần ba - Ave Maria - cũng gồm ba phân khúc: Lạy Bà là đấng tinh truyền thánh vẹn, Hỡi sứ thần thiên chúa Gabriel, và Phượng Trì, Phượng Trì.

Phân khúc là một lời xưng tụng đấng tinh truyền thánh vẹn.

Nhạc bắt đầu bằng đoạn hợp xướng nghiêm trang, thánh thiện. Toát ra toàn thể phân khúc là vẻ đẹp thuần khiết của hình tượng người nữ trong nghệ thuật muôn đời.

Sau phần tán tụng vẻ Đẹp tinh tuyền thánh thiện, phân khúc hai chuyển sang lời cảm thán về hình tượng thiên thần bằng một biến điệu khác: Kỹ thuật nội tỉnh như trong kinh cầu nguyện. Tiếng hát vẳng nhẹ như lời thì thầm của người con khi ngỏ lời yêu thương với Mẹ, như người nghệ sĩ ngây ngất trước vẻ đẹp mong manh như gió, như sương huyền diệu, "bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu."

Phân khúc ba - Phượng Trì, Phượng Trì - láy trở lại hành âm của phân khúc một để viên mãn một chu trình. Bốn câu thơ đã ngân vang âm hưởng của lời tán tụng vẻ Đẹp thánh thiện của nàng thơ. Hình tượng âm nhạc toát ra tính cách trữ tình, rất người mà vẫn trong suốt như vẻ đẹp thiên thần.

Trường ca HMT đã thể hiện tài tình những diễn biến tâm tình của nhà thơ quá cố: từ chất thơ trong sáng buổi đầu, nhà thơ đã trải qua những cơn đau đớn quằn quại trước khi quay về yên nghỉ trong vẻ Đẹp mầu nhiệm thanh khiết của Phượng Trì là hiện thân của vẻ Đẹp nữ tinh truyền thánh vẹn. Đấy là hành trình thơ HMT, mà cũng là hành âm của trường ca HMT của Phạm Duy.

Hành trình thú đau thương của người nghệ sĩ

Trong lời dẫn giải về tác phẩm TCHMT, Phạm Duy cho biết rằng ông đã từng làm quen với thơ HMT từ thuở còn đi học. Ông cảm được những nếp gấp tâm tình của nhà thơ này khi nêu ra những chủ đề chính trong thơ HMT: tình yêu, tình dục, sự đau khổ, sự đau thương, sự điên dại, cái chết, Đạo, Thượng Đế, Thiên Chúa (2). Bảng liệt kê vừa kể thật ra chưa nói đủ hết mối đồng cảm sâu sắc của ông đối với nhà thơ quá cố. Phải nghe chính tác phẩm mới có thể nhận ra được rằng TCHMT là bản vẽ sâu sắc bản đồ tâm hồn thơ HMT.

Bố cục của TCHMT thể hiện khá rõ về những biến chuyển trong tâm sự thơ HMT từ tập thơ đầu (Gái Quê) đến giai đoạn Thơ Điên - Đau Thương, và cuối cùng là thời kỳ sáng tác Xuân Như Ý trở về sau. Ba giai đoạn chính trong hành trình sáng tạo thơ HMT với những nội dung khác nhau, phản chiếu tâm hồn người thơ một cách sinh động và độc đáo. Có thể phác lại nét chính của con đường thơ HMT được phác họa qua trường ca của Phạm Duy như sau: 1) thời thanh xuân lãng mạn đẹp người (Tình Quê) — 2) thời điên loạn, đau đớn vì thể nghiệm nỗi đau thương của thân phận (Trăng Sao) — 3) thời tìm lại được yên ổn tâm hồn trong thế giới của cái Đẹp vĩnh hằng (Ave Maria). Cứ thế, nhạc

để phát triển từng đợt ba phân khúc như những lớp sóng xô cao thấp khác nhau.

Con đường thơ của HMT thể hiện khá sinh động tâm hồn người nghệ sĩ giữa đời. Con tim yêu thương bao la của người nghệ sĩ rung lên những nhịp điệu tình ca muôn vẻ của thơ tình. Không biết có ai phân tích hết những dáng vẻ của tình yêu trong thơ HMT hay chưa, nhưng Phạm Duy đã thể hiện khá đẹp những nét lớn của tình yêu trong thơ HMT: sự dâng hiến trọn tình, sự e ấp trộn lẫn với nỗi rạo rực, nỗi đắm say trước vẻ Đẹp hiện thân của tình yêu. Có thể nhận ra những dáng vẻ tình yêu đó trong thơ HMT khi thưởng thức phần một TCHMT. Con tim yêu thương của người nghệ sĩ phả vào cuộc đời xã hội bằng những mối tình người tặng cho những người yêu dấu chung quanh. Tình yêu ấy đọng lại trong TCHMT là tình yêu ông dành cho đất nước quê hương là nơi bóng hình những người ông thương mến, là tình yêu ông dâng tặng vẻ Đẹp nguyên trinh qua hình tượng Phượng Trì/sứ thần Gabriel/Đức Bà.

Thế nhưng người nghệ sĩ có trái tim vô số mà anh ta không chỉ dành tặng cho những người yêu dấu trong đời. Trong đáy sâu thẳm của con tim, người nghệ sĩ luôn cảm thấy có một lời thì thầm vượt lên khỏi bình diện nhân gian. Ở đây cần nhắc lại một bài viết của HMT thường vẫn bị các nhà nghiên cứu bỏ quên khi muốn tìm hiểu về tâm sự thơ ông. Trong bài viết về "Quan niệm thơ", HMT cho thơ là "tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sống ngàn kiếp vô thỉ, vô chung, với những hạnh phúc bất tuyệt." Nói cách khác, thi sĩ đã sống cô độc đời mình giữa cuộc thế lao xao, và làm thơ là để tìm người tri kỷ. Làm thơ là một "sự ham muốn vô biên của những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt" (3). Người nghệ sĩ thoáng nghe ra những tiếng nói mầu nhiệm vượt lên khỏi chiều kích trần thế. Sự nhạy cảm tột cùng dẫn đưa con đường sáng tạo của người nghệ sĩ qua những cơn loạn lạc với thú đau thương. Đó có thể là nỗi ngậm ngùi về những hoang phế quạnh hiu của những thành quách cũ (Vũ Đình Liên, Chế Lan Viên, Vũ Hoàng Chương), đó cũng có thể là những lời độc thoại triền miên của người tình trẻ bên đời hiu quạnh (Trịnh Công Sơn), của người tình già nghe tiếng gọi nghìn thu (Phạm Duy)...

Thế thì tại sao không có một HMT điên mê trong nỗi đau đớn của thân phận vui buồn của nhân gian mà ông tự cho mình là một đại biểu? (Ý nghĩa của trường thơ Loạn mà HMT và các bạn ông dựng lên dường như chưa được tìm hiểu, nhưng chúng tôi cho rằng sự nổi loạn của thế hệ nhà thơ trẻ Qui Nhơn lúc bấy giờ là dấu chỉ của một khao khát về một sự quân bình mới). Nỗi đau về phận người khổ nhục có khiến thơ ông đẫm máu lệ, vang vang nỗi đau hận pha lẫn với hoan lạc trong tình yêu thánh hóa. Thơ điên của HMT phản ánh nỗi bi phẫn về phận người khốn khó, mà sự đau khổ của đời này thì muôn hình vạn trạng, người nghệ sĩ đau nỗi đau nhân thế và mang thập giá thay cho chúng ta, có phải đâu chỉ là người ca nhân làm mõ cho những mối tình đôi lứa như người đời vẫn nghĩ. Một nhân vật của Dostoievsky đã bảo rằng: cả trái đất, từ vỏ vào trong ruột, đều ướt đẫm nước mắt con người. Thế nên khi người nghệ sĩ hát về nỗi đau đớn của kiếp nhân sinh hoặc giả cảm nhận được tiếng hát nghìn thu nơi đầu non thì chẳng phải là lúc người nghệ sĩ đã xa cách đại quần chúng, trừ phi đại quần chúng muốn giam hãm nghệ sĩ như giam những tên tù trong vũng lầy nghệ thuật nô dịch. Gần đây khi nhận định về một số tác phẩm mới của Phạm Duy, có người nghĩa là ông đã dần tách khỏi vị trí của người nhạc sĩ của "đại chúng", hiểu theo nghĩ là ông không còn hát về những vui buồn của nhân thế gần gũi: hát về quê hương dân tộc, về những mối tình rất riêng tư trong không gian sống của những thị dân. Nếu nghĩ rằng Phạm Duy nay đang lui dần về sáng tác những tác phẩm để riêng cho ông bởi vì không có bóng dáng những hình ảnh quen thuộc trong các ca khúc bao lâu nay thì cũng xin lưu ý là đã từ những ngày xa xưa, khi còn trẻ Phạm Duy cũng đã từng có những bài hát mang chủ đề hướng nội. Người thanh niên ấy đã từng nghe ra tiếng gọi huyền nhiệm từ

MINH HÂN

TỰ NHỦ

Thế nào tôi cũng về miền núi,
Để đứng ngậm ngùi dưới mái xưa,
Dốc lên trường cũ còn hoa bướm?
Người có hao gầy với gió mưa?

Thế nào tôi cũng về miền núi,
Để thở đầy trời thông ngát hương.
Còn ai má đỏ qua hồ vắng?
Chuông có reo vang nóc giáo đường?

sâu thẳm của nội tâm. Tiếng đời nào phải chỉ có tiếng tình yêu mà còn có tiếng gọi của thinh không (Lữ Hành), cảm nhận về những biên giới cắt chia con người trong những không gian tâm tưởng khác nhau (Bên Cầu Biên Giới)...

Cho nên Phạm Duy vẫn chỉ là một thôi dù là Phạm Duy của "Tình ca", của "Cỏ Hồng" của "Pháp Thân", của "Ngục Ca", của "Bài hát nghìn thu" của thiền khúc "Trên đường về", hay của "Trăng sao rớt rụng." Có thế mới có thể có mối đồng cảm giữa hai người nghệ sĩ với những thân phận riêng tư rất khác nhau nhưng cũng rung những cung bậc tâm hồn trước những hoan lạc cùng những khổ nhục của kiếp người. Nghệ thuật, nói cho cùng, chỉ là những tiếng kêu bất bình của người nghệ sĩ trước những hệ lụy của cuộc đời. Đôi mắt người nghệ sĩ là đôi mắt nhìn sâu thẳm vào phận người. Một thời vàng son của đào nguyên đã vĩnh viễn xa rồi ư, đời ta chỉ còn là một chuỗi những ngày nơi trần gian khổ lụy (Văn Cao), hát như chưa biết buồn phiền chi dù đường về quê nhà đã xa, nơi thành cổ rêu mốc của đời ta vẫn đi về một cõi quạnh hiu và hai vầng nhật nguyệt trĩu hai vai (Trịnh Công Sơn).

TCHMT là tiếng hát của người nghệ sĩ về những ràng buộc của cuộc đời, là sự thăng hoa giữa những khổ đau và hạnh phúc của phận người thành âm nhạc và thơ. Ba phần của trường ca là ba dáng vẻ của cuộc đời được phả vào nghệ thuật, trong đó có tình yêu sôi nổi mà e ấp của một thời hoa niên lãng mạn, có những khổ nhục của một đời lận đận vì những dằn xóc khác nhau. Trước nỗi khổ mang chất bi kịch của đời người, người ta có thể phản ứng một cách khác nhau: có người an nhiên lặng lẽ đi về một cõi quạnh hiu và chấp nhận hạnh phúc trong niềm tuyệt vọng (Trịnh Công Sơn), có người không nguôi hoài tưởng một thiên thai không bao giờ trở lại (Văn Cao), có người lại dấn mình sống rất hiện sinh với chính những vinh nhục của đời và bật lên những tiếng tâm tình trước mọi cảnh huống. HMT và Phạm Duy đồng cảm với nhau ở điểm này. TCHMT là tác phẩm nghệ thuật thăng hoa những đau thương khổ nạn của đời người.

Hành trình nghệ thuật của HMT bắt đầu từ những hoa mộng thời trẻ hồn nhiên đến những đau khổ điên loạn vì những nhục nhằn, và khép lại với tình yêu thanh khiết trong thế giới vĩnh hằng trong suốt một vẻ Đẹp tinh tuyền. Nhạc Đề phát triển nhất quán với chủ ý HMT khi nhà thơ biểu tượng Maria bằng những tiếng gọi khác nhau: Đức Bà tinh truyền thánh vẹn, sứ thần thiên chúa Gabriel, Phượng Trì. Ngôn từ ở đây chỉ là những chiếc bè giả tạm để chuyên chở một cảm nhận về một thế giới vĩnh cửu của Mỹ thể. HMT về yên nghỉ trong tôn giáo hay nghệ thuật? Vô thức về người nghệ sĩ trong Phạm Duy đã nghiêng về xu hướng thứ hai khi ông đã không phổ nhạc bài Ave Maria theo cách nhìn của ông lúc ông phổ thơ Phạm Thiên Thư trước đây: vẻ đẹp quyến rũ trong thơ Phạm Thiên Thư là sự nguyên trinh thánh thiện, là vẻ đẹp trong thế giới nghệ thuật trong đó không gian và thời gian như không còn tuổi trong cõi tuyệt đối vô cùng. Phạm Duy đã chẳng nói là những bài ông phổ thơ Phạm Thiên Thư là những bài hát "thanh cao" nhất của thời đại đấy ư (4)? Hát lên tiếng hát xưng tụng một thiên thần là cách thế của người nghệ sĩ xưng tụng cái Đẹp. Mỹ thể là điểm đi tới và cũng là điểm quay về của Nghệ thuật.

Phạm Duy tâm sự rằng nguyên ủy của ý định sáng tác TCHMT là: ông muốn tiếp tục nói tới chuyện hóa giải nỗi oan khiên to lớn của cuộc đời Việt Nam sau nửa thế kỷ chiến tranh và hận thù bằng con đường đi vào Đạo để siêu hóa mọi sự (5). Hiểu như thế thì HMT cũng là một biểu tượng của thân phận VN, và những biến chuyển tâm tình của HMT là điển hình cho bi kịch trong đời người VN chúng ta trong một thời oan khổ dài dằng dặc. Âu cũng là một cao vọng đáng trọng của người nhạc sĩ già. Nỗi trăn trở của Phạm Duy về đất nước gần đây được tô đậm nét qua một trường ca gây nhiều xúc động (Bầy Chim Bỏ Xứ - 1990). Ta cũng bắt gặp trong một trang viết, ông cũng đã có lần trăn trở về thân phận nhục nhằn của người trí thức VN chứ chẳng phải không (6). Nhưng cứ như sự phát triển của chính nhạc đề của TCHMT thì ý nghĩa của tác phẩm đã tự nó có sức nặng của một tác phẩm nghệ thuật phản ánh rất đậm những cảm xúc về phận người biểu hiện qua thân phận

BÙI DUY THUYẾT

SINH DIỆT

Rồi sau bão táp cũng tan
Chiều không gian đó quyện tròn an nhiên.
Đàn trâu hoang bước vào thiền
Hóa sinh hữu dụng ngoan hiền ăn năn.
Rồi sau sen nở trong tâm
Người bừng khai ngột âm thầm đơn sơ.
Phút sơ giao phút mơ hồ
Sát na hoan lạc bến bờ vô minh.
Rồi sau đoạn kết cuộc tình
Cõi phù vân ấy cõi mình cô đơn
Vui trong hạnh ngộ cỏn con
Nước trong sinh diệt cội nguồn chân không.

một nghệ sĩ. Phạm Duy có nhớ không những lời ông viết về chính mình khi ông sáng tác TCMHT: "đối với tôi chỉ có ba điều quan trọng: tình yêu, sự đau khổ và cái chết (7)? (Tôi muốn thêm: hận thù, hạnh phúc và vĩnh cửu).

Một tác phẩm thơ phổ nhạc lớn trong sự nghiệp Phạm Duy

Trong kho tác phẩm đồ sộ của Phạm Duy, thơ phổ nhạc có một vai trò rất đáng kể. Phải nhận rằng nhạc của ông đã làm bất tử một số những bài thơ, và ngược lại thơ đã gợi hứng cho ông viết những giai điệu mượt mà quyến rũ nhiều thế hệ người nghe. TCHMT là công trình thơ phổ nhạc rất khác với những bài trước đây thường chỉ là những đoản khúc hoàn chỉnh riêng rẽ, dù có đặt chúng vào một tập hợp (như Đạo Ca, Ngục tù, Hoàng Cầm Ca). Một công trình dài hơi và dài ngày, nếu cứ tính từ khi lần đầu tiên bài "Tình Quê" xuất hiện như một phụ bản trong tập san Thế Kỷ Hai Mươi (1960) tại Sàigòn.

Ngoài Phạm Duy ra có Hải Linh và Viết Chung trước đây cũng phổ nhạc HMT, mỗi người một phong cách khác nhau. Nhưng cũng chỉ với Phạm Duy rất đáng chú ý vì tính cách đa dạng và thể hiện một phong cách đặc biệt. Trong TCHMT, có đủ các kỹ thuật phổ nhạc mà Phạm Duy thường vẫn sử dụng: lấp giai điệu vào lời thơ, biến thể các giai điệu để phát triển nhạc đề, và chuyển ý thơ thành điệu.

Kỹ thuật lấp giai điệu và thủ pháp quen thuộc thường thấy ở thơ phổ nhạc: Bài Chiều Đông phổ nguyên lời bài thơ Khoác Kín của Cung Trầm Tưởng là một thí dụ. Phải nói ngay là Phạm Duy rất hiếm khi phổ nguyên lời thơ của toàn bài, vì đòi hỏi của cấu trúc câu nhạc cũng có mà vì sự chọn lọc lời ca của ông cũng có. Vì vậy, bài thơ phổ nhạc của Phạm Duy thường phong phú về giai điệu và nhạc đề nhờ ở nghệ thuật gây ấn tượng qua những kết hợp kỹ thuật khác nhau. Bài thơ phổ gần như nguyên vẹn trong TCHMT là Đây thôn Vĩ Giạ (gồm có ba khổ thơ thất ngôn) thật ra cũng phải tôn trọng cấu trúc của bài hát mà kết cấu như sau: đoạn một của bài hát gồm khổ một và khổ hai — đoạn hai gồm khổ một và khổ ba. Sự lấy lại khổ thơ là một nghệ thuật gây ấn tượng bằng sự lấy lại nhạc đề của phân khúc này.

Kỹ thuật biến chế các giai điệu để phát triển rộng nhạc đề là thủ pháp đã được dùng trong khi phổ bài Tình Quê. Ông đã bố cục bài hát làm hai đoạn lớn có giai điệu không xa nhau lắm và nối chúng lại với nhau bằng bản lề rất khéo là hai câu thơ ngũ ngôn trong bài thơ nhưng đã phổ thành hai biến điệu khác nhau cho phù hợp với âm hành của câu nhạc. Sự tròng tréo các giai điệu trong hai đoạn có tác dụng nghệ thuật đặc sắc cho bài hát.

Kỹ thuật mà Phạm Duy thường sử dụng là kỹ thuật chuyển ý thơ thành giai điệu. Đây là một kỹ thuật đòi hỏi khả năng thưởng ngoạn văn học ngõ hầu có thể nắm bắt được ý của câu đoạn hay cả bài thơ để chuyển thành giai điệu. Phạm Duy đã sử dụng kỹ thuật này mà hoàn thành những tác phẩm bất hủ như Tiếng Sáo Thiên Thai, Vần Thơ Sầu Rụng, Hoa Rụng Ven Sông... trong TCHMT, phần phổ nhạc nhóm bài thơ về Trăng là phần rất công phu nhờ sự biến ảo của giai điệu theo nhịp điệu phù hợp với tâm trạng trong thơ. Phạm Duy đã tổ hợp các bài thơ khác nhau theo một thứ tự do ông thiết định để làm bật lên trạng thái tâm hồn của nhà thơ trong phân khúc này. Không có được khiếu thưởng ngoạn thi ca sâu sắc thì không thể có được những bản thơ phổ nhạc như thế. Cứ so sánh lối tiếp cận của Hải Linh và Phạm Duy khi phổ bài Ave Marie sẽ thấy ngay phong cách Phạm Duy: ông tước bỏ đoạn đầu của bài thơ mà Hải Linh đã dùng để phát triển nhạc đề cho bài hợp xướng Ave Marie giầu tính cách tôn giáo: "Như song lộc triều nguyên ơn phước cả..." Phong cách phổ nhạc ở đây đã phản ánh phong cách người nhạc sĩ.

Bao trùm lên các Kỹ thuật vừa kể là nghệ thuật gây ấn tượng qua sự nhấn mạnh nhạc đề. Đây là điểm đặc sắc của nghệ thuật sáng tác Phạm Duy. Bài "Đà Lạt Trăng Mờ" chẳng hạn, đã láy đi láy lại nhiều lần nhạc đề bài hát. Ta tìm thấy lại nghệ thuật ấy trong tất cả các phân khúc của TCHMT. Ấn tượng về câu nhạc được tô đậm trong trí người nghe là nhờ những sự nhấn mạnh nhạc đề như thế.

Điều kỳ diệu là những câu hát được tô đậm bằng sự láy lại đã không hề tạo ấn tượng nhàm chán. Làm sao nắm bắt được nhạc đề của bài thơ phổ nhạc, hoàn toàn thuộc về sự bén nhạy của tư duy nghệ thuật của Phạm Duy. Nếu những bài thơ hay là những bài thơ có "thần" thì những câu thơ phổ nhạc của Phạm Duy trong TCHMT cũng có "thần" của chúng, tạo nên khí vị nhất quán khi nghe riêng từng bài hay lúc nghe toàn thể chín phân khúc. Ma lực cuốn hút của những phân khúc thơ phổ nhạc TCHMT là ở những đợt sóng cảm xúc xô đẩy tới lui như những đợt sóng khác nhau dào dạt đuổi bắt không ngừng.

TCHMT là một dấu mốc đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của Phạm Duy. Nếu thơ phổ nhạc nói chung đã là một gạch nối đặc biệt giữa văn học và nghệ thuật âm nhạc thì TCHMT còn có ý nghĩa một phác họa chân dung của một nhà thơ bằng âm nhạc. Giá trị của tác phẩm như vậy là đa dạng. Hãy chỉ nhìn tác phẩm trong địa hạt âm nhạc thôi, TCHMT cũng là một công trình đồ sộ: giai điệu phong phú, hòa âm tân kỳ, giọng hát nhã luyện. Tác phẩm để lại dư vị ngất ngây và những bâng khuâng không dứt về thân phận người thi sĩ quá cố mà cũng là của mỗi chúng ta. Đạt được như thế không thể không có một khí lực âm nhạc dữ dội. ■

CHÚ THÍCH:

(1) Phạm Duy, "Về các bài thơ phổ nhạc - về TCHMT." Hợp Lưu 15 (2&3/94), tr. 161-170.
(2) Phạm Duy, bài đã dẫn, Hợp Lưu 1t, tr. 164-166.
(3) Hàn Mạc Tử, "Quan Niệm Thơ" in Chơi Giữa Mùa Trăng. An Tiêm xb, 1972, tr. 31-40.
(4) Phạm Duy, Hồi Ký 3. PDC xb, 1992, tr. 300.
(5) Phạm Duy, bài đã dẫn. Hợp Lưu 15, tr. 164.
(6) Phạm Duy, Hồi Ký 3, sđd. tr. 307.
(7) Phạm Duy, Hồi Ký 4, sđd. tr. 123.

TÌM HIỂU TỪ LÁY VÀ NÓI LÁY

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

Thân gửi các bạn sinh viên trong Tổng Hội Sinh Viên ở U.C.S.D., đã đề cập đến một vài lối nói đặc biệt của người mình nhân buổi nói chuyện ngày 18 tháng 2-94 tại Formal Lounge, Revelle.

Trong tạp chí *Nghiên cứu Á Châu* thuộc trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (*Études Asiatiques de L'École Francaise d'Extrême Orient*), tập 20 năm 1925, ông Nguyễn văn Tố, một học giả uyên bác, đã có một bài viết khá lý thú về lối "nói lối" của người Việt ở Hà Nội (*L'argot annamite de Hanoi*). "Nói lối", theo ý kiến của tác giả, gồm có hai lối tiêu biểu "nói lái" và "nói lóng": (người An-nam ở Hà Nội gọi "nói lối" là lối nói đặc biệt, tiêu biểu bằng: 1- những tiếng nói lái hay biệt ngữ đảo ngược; 2 - những tiếng nói lóng hay ngôn ngữ kín. (*Les Annamites du Tonkin désignent sous le nom de "nói lối" ou "argot" une manière spéciale de parler de parler, caractérisée par: 1- des "nói lái" ou "jargons d'inversion"; 2- des "nói lóng" ou "languages secrets"*.)

Nhưng trong "nói lối", không chỉ riêng cho người Bắc mà còn chung cho cả nước, ngoài hai cách tiêu biểu kể trên, tôi thiết nghĩ còn có một lối đặc biệt khác, ít được chú ý tới, nhưng cũng khá thông dụng, đó là lối "nói láy". "Nói láy" là cách nói như thế nào, tôi xin bàn sau, nhưng nói láy có lúc giống như "nói lái" cốt để bỡn cợt hoặc để biểu thị một ý nghĩa đặc biệt, lại có lúc nhằm dấu diếm điều mình nói giống như "nói lóng". Ngoài ra nói láy còn tiêu biểu cho phong cách nói của một số địa phương.

"Láy hay "nháy" có nghĩa là trại, là một từ đồng họ với "lái", "lấy". Vì vậy có thể nói: "láy", "nháy", "lấy" hay "lái" tay lái qua bên trái, bên phải... một chút"; người nghe đều hiểu theo cùng một ý nghĩa. Từ hoặc tiếng láy, hay tiếng nhấp nháy, như có người đã gọi, là từ được nói trại ra từ một từ khác. Theo nhiều nhà làm "mẹo" ngày trước, trong số có Trần Trọng Kim, thì từ láy chỉ là một loại từ đưa đẩy, làm cho thuận tai hoặc làm cho mạnh nghĩa của từ chính. Tự nó thì không có nghĩa. Ví dụ: vờ vịt. Vờ là từ chính, vịt là từ láy; vờ có nghĩa, vịt không có nghĩa trong từ kép này. Ngoài công dụng đưa đẩy, tiếng láy giúp để phân định dấu hỏi, ngã cho một số từ. Luật từ láy, tôi được học từ lúc còn trên ghế nhà trường, tóm tắt trong câu sau đây mà các thầy dạy Việt văn thường nhắc nhở: "**Hỏi** (con dao có) **Sắc Không**; (anh) **Huyền Ngã Nặng**". Luật ấy có nghĩa là, nếu từ láy không có dấu hoặc có dấu sắc thì từ chính đằng trước có dấu hỏi, còn những từ láy có dấu huyền hay dấu nặng thì từ chính có dấu ngã. Ví dụ: từ láy của nghĩ (suy nghĩ) là ngợi, và như vậy nghĩ có dấu ngã; từ láy của nghỉ (xả hơi) là ngơi thì nghỉ trong trường hợp này có dấu hỏi. Một tỉ dụ khác: mở mang và mỡ màng. Mở đi với mang có dấu hỏi, mỡ đi với màng có dấu ngã. Luật từ láy, có tính con nít đối với các vị ở Bắc, lại rất quan trọng cho chúng tôi ở miền Nam, phần lớn rất dốt về hỏi và ngã.

Nhiều nhà làm ngữ pháp sau Trần Trọng Kim, nghĩa là gần gũi với chúng ta hơn, như Linh mục Lê văn Lý không còn phân biệt ra từ láy nữa mà gọi đó là những tiếp vĩ ngữ: "Việt ngữ có một số khá nhiều tiếp vĩ ngữ. Những tiếp vĩ ngữ phối hợp với tử âm hệ khởi đầu của từ ngữ chính mang ý nghĩa, và làm thành yếu tố thứ hai của từ ngữ kép. Yếu tố thứ hai này thường không diễn tả một ý nghĩa gì, mà chỉ nhấn mạnh thêm ý nghĩa của yếu tố thứ nhất:

buồn không, thì nghĩa không mạnh bằng *buồn bã*

dư- - - - - - - - - - - - dư dật"

Đó là mấy câu trích trong Sơ Thảo Ngữ-Pháp Việt-Nam của Lê văn Lý - Dân Chúa phát hành, trang 35, 36.

Ý kiến của linh mục Lê văn Lý có hai điểm đáng chú ý: - Ông gọi từ láy là tiếp vĩ ngữ. Ý kiến có phần mới mẻ, nhưng theo thiển ý, tôi nghĩ nên xét lại. "Tiếp vĩ ngữ" dịch từ từ "*suffixe*" của Pháp hay "*suffix*" của Anh,... Tiếp vĩ ngữ là một từ tố được tiếp thêm vào một từ khác để tạo ra một từ mới, có nghĩa khác và thường ở vào một loại từ khác. Ví dụ: từ tố "*ment*" hoặc "*ly*" là những tiếp vĩ ngữ trong tiếng Pháp và tiếng Anh, được ghép vào sau phần lớn các tính từ để làm ra các trợ động từ. "*Sage*" (= khôn...) là tính từ, cộng với "*ment*" thành ra "*sagement*" (một cách khôn ngoan), một trợ từ, có nghĩa khác với "*sage*". "*Slow*" (= chậm...) là tính từ cộng với "*ly*" thành ra "*slowly*", trợ từ có nghĩa là một cách chậm chạp, khác với "*slow*" nghĩa là chậm mà thôi. Tiếng Việt ta có thể có những tiếp vĩ ngữ, phần

nhiều là những từ gốc Hán Việt, dùng để tiếp thêm sau những ngữ khác để làm thành những ngữ mới. Ví dụ: từ "viên" có thể xem là tiếp vĩ ngữ vì có thể tiếp vào nhiều từ khác như để làm ra "chiêu đãi viên", tiếp vào "học" để tạo ra từ "học viên"... Nhưng không thể gọi từ "ngơi" đi theo "nghỉ" là một "tiếp vĩ ngữ", vì "ngơi" chỉ đặc biệt đi theo "nghỉ", thiếu tính phổ quát như "viên". Cũng có thể gọi "ngơi" là một tiếp vĩ ngữ, nhưng là gọi gượng ép. Vì lý do đó, thay vì gọi những từ như "ngơi" là tiếp vĩ ngữ, tôi xin tiếp tục gọi "ngơi" và những từ tương đương là từ láy hay kép láy.

Linh mục Lê văn Lý và các nhà làm mẹo ngày trước đồng ý với nhau về một điểm là tiếng láy hay "tiếp vĩ ngữ" thường tự nó không có nghĩa. Đây là một điểm xác đáng, nhưng cũng nên nhận thấy rằng điều này không phải là tuyệt đối. Có nhiều từ láy có nghĩa, hoặc ở trong chiều hướng có thể gán được một ý nghĩa, lại có thể dùng riêng biệt như một từ chính, không còn giữ tính cách phụ thuộc, tính cách "láy" nữa. Trong từ kép "hỏi han," "han" là từ láy, nhưng Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh không những đã ngắt "hỏi han" ra làm đôi, đặt "han" tương đương với "hỏi":

Hai em hỏi trước, han sau

mà còn dùng "han" như một từ chính:

Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe, chàng thoắt rụng rời xiết bao.
Vội han dì trú nơi nao,
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.

Thử tìm hiểu việc dùng từ láy như là một từ chính và cố gắng biểu thị những đặc tính của việc ấy là một trong những mục đích chính của chúng tôi trong bài này.

Có thể định nghĩa "nói láy" là dùng từ láy làm từ chính. Như chúng tôi có nói ở trên, việc dùng từ láy thay vì dùng từ chính có thể xem như tiêu biểu cho phong cách nói của một địa phương, dù những trường hợp này xảy ra không nhiều. Dùng từ láy làm từ chính làm cho người nghe phải ngạc nhiên, tưởng chừng như đó là một tiếng địa phương. Sau đây là một vài trường hợp thấy ở vùng Nghệ Tĩnh. Trong từ kép "chơi nhởi", chơi là từ chính và nhởi là từ láy. Nhởi, đứng riêng, không có nghĩa đối với phần đông chúng ta, nhưng người Nghệ Tĩnh, nhất là ở vùng quê, lại không dùng từ chơi mà lại dùng từ nhởi làm từ chính. Thay vì nói "qua đây chơi" chẳng hạn, họ lại nói "qua đây nhởi". Một từ láy khác là "ri" trong từ kép "rú ri". Người Nghệ Tĩnh nói "người ri" thay vì "người rừng", dùng từ "ri" như một tính từ độc lập. Từ "han" có thể coi như một thí dụ khác. Nguyễn Du gốc

VIÊN PHONG

NGHĨA TRANG

Ở một chốn không mắt người ngó thấy,
Không bước người khua động tháng năm buồn,
Dưới bầu trời mãi nhuộm sắc hoàng hôn,
Một nghĩa địa im nằm trong tịnh mịch.
Một nghĩa địa không tường vây, cổng cách,
Không người canh chứng kiến cảnh chia lìa,
Không lối đi và không cả mộ bia,
Buộc già, trẻ sắp hàng trong cõi chết.
Không hương khói trong những ngày lễ, Tết,
Không bó hoa bày tỏ nỗi thương hoài
Đem mầu tươi làm dịu vẻ bi ai.
Không, không cả; chỉ một mầu cỏ úa
Và, yêu lặng, như tượng hình Đau Khổ,
Mấy cây thông - chẳng biết thực hay hư
Đứng chôn chân trong một lớp sương mù.
Mộ không thấy, nhưng ẩn hình dưới cỏ,
Một huyệt thâm sâu, âm thầm đâu đó,
Chôn Ngày Qua với Một Bóng Người còn
Giữa cuộc đời vui dạo vẻ ngà son.
Không hương khói, không bóng người thăm viếng,
Nhưng nhiều đêm, giữa canh khuya im tiếng,
Trên huyệt đen lặng cúi một hồn đau
Khóc Yêu Thương Nhân Thế nỗi bi sầu.

nhiều là những từ gốc Hán Việt, dùng để tiếp thêm sau những ngữ khác để làm thành những ngữ mới. Ví dụ: từ "viên" có thể xem là tiếp vĩ ngữ vì có thể tiếp vào nhiều từ khác như để làm ra "chiêu đãi viên", tiếp vào "học" để tạo ra từ "học viên"... Nhưng không thể gọi từ "ngơi" đi theo "nghỉ" là một "tiếp vĩ ngữ", vì "ngơi" chỉ đặc biệt đi theo "nghỉ", thiếu tính phổ quát như "viên". Cũng có thể gọi "ngơi" là một tiếp vĩ ngữ, nhưng là gọi gượng ép. Vì lý do đó, thay vì gọi những từ như "ngơi" là tiếp vĩ ngữ, tôi xin tiếp tục gọi "ngơi" và những từ tương đương là từ láy hay kép láy.

Linh mục Lê văn Lý và các nhà làm mẹo ngày trước đồng ý với nhau về một điểm là tiếng láy hay "tiếp vĩ ngữ" thường tự nó không có nghĩa. Đây là một điểm xác đáng, nhưng cũng nên nhận thấy rằng điều này không phải là tuyệt đối. Có nhiều từ láy có nghĩa, hoặc ở trong chiều hướng có thể gán được một ý nghĩa, lại có thể dùng riêng biệt như một từ chính, không còn giữ tính cách phụ thuộc, tính cách "láy" nữa. Trong từ kép "hỏi han," "han" là từ láy, nhưng Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh không những đã ngắt "hỏi han" ra làm đôi, đặt "han" tương đương với "hỏi":

Hai em hỏi trước, han sau

mà còn dùng "han" như một từ chính:

Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe, chàng thoắt rụng rời xiết bao.
Vội han di trú nơi nao,
Đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.

Thử tìm hiểu việc dùng từ láy như là một từ chính và cố gắng biểu thị những đặc tính của việc ấy là một trong những mục đích chính của chúng tôi trong bài này.

Có thể định nghĩa "nói láy" là dùng từ láy làm từ chính. Như chúng tôi có nói ở trên, việc dùng từ láy thay vì dùng từ chính có thể xem như tiêu biểu cho phong cách nói của một địa phương, dù những trường hợp này xảy ra không nhiều. Dùng từ láy làm từ chính làm cho người nghe phải ngạc nhiên, tưởng chừng như đó là một tiếng địa phương. Sau đây là một vài trường hợp thấy ở vùng Nghệ Tĩnh. Trong từ kép "chơi nhởi", chơi là từ chính và nhởi là từ láy. Nhởi, đứng riêng, không có nghĩa đối với phần đông chúng ta, nhưng người Nghệ Tĩnh, nhất là ở vùng quê, lại không dùng từ chơi mà lại dùng từ nhởi làm từ chính. Thay vì nói "qua đây chơi" chẳng hạn, họ lại nói "qua đây nhởi". Một từ láy khác là "ri" trong từ kép "rú ri". Người Nghệ Tĩnh nói "người ri" thay vì "người rừng", dùng từ "ri" như một tính từ độc lập. Từ "han" có thể coi như một thí dụ khác. Nguyễn Du gốc

Vietnamese Culture Series, No. 1

LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY:

Some Articles by Nguyễn Đình-Hoà
Edited by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hường

Second Printing, Asia Books, Saratoga, California, 1991

EASY VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
SPEAK VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
READ VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
NHẤT THIÊN TỰ, THE BOOK OF ONE THOUSAND CHARACTERS (Asia/Books, 1989)
ESSENTIAL ENGLISH-VIETNAMESE DICTIONARY (Charles E. Tuttle, 1983, 1991)
VIETNAMESE LITERATURE: A BRIEF SURVEY (San Diego State U., 1994)

Inquiries about and orders for any one of the above publications can be addressed to:

ASIA BOOKS

720 Teresita Blvd., San Francisco, CA 94127, USA

Nghệ Tĩnh, quen với việc dùng từ láy "han" thay từ chính là "hỏi" nên đã viết:

Vội han di trú nơi đâu

Không quen với từ "han" nên nhiều bản văn Đoạn Trường Tân Thanh sao chép lại, hay in ở những nơi khác, đã sửa "han" thành "hỏi". (Xin xem lời chú của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim trong văn bản Kiều hiệu khảo do Xuân Thu xuất bản).

Một số từ láy được dùng làm từ chính thường gặp ở một số địa phương là "xí" (xấu), "rít" (rối), "khứa" (khách), "bớ" (bắt), "ngơi" (nghỉ), "cú" (cay), "ngô" (ngây), "rộ" (rầm), "ngang" (nghênh), "mết" (mê), "trăn" (trối), "gắt" (gay), "ngặt" (nghèo), "lối" (lớn)...

Không phải tất cả các từ láy đều có thể dùng như từ chính. Có thể nói: "Hắn đang ngơi (nghỉ) nhưng không thể nói được: "Hắn lùng lắm"; phải nói "Hắn lạ lắm"; Chỉ có một số ít từ láy có thể thay thế được từ chính, có lẽ vì chúng còn giữ lại được ý nghĩa. Ví dụ "ngặt nghèo" hay "gắt" trong "gay gắt".

Nhưng điều lý thú có thể nhận thấy trong việc dùng từ láy thay từ chính là từ láy lúc bấy giờ hàm súc một ý nghĩa mới. Hãy so sánh hai câu sau đây để phân biệt sự khác biệt trong ý nghĩa, tùy theo câu ấy dùng từ chính hay từ láy:

1- Mấy ông khách về chưa?

2- Mấy ông khứa về chưa?

Câu thứ nhất chỉ là một câu hỏi bình thường. Câu thứ hai là một câu hỏi ẩn ý coi thường mấy ông khách. Lúc còn ở Saigon tôi từng nghe mấy anh xích lô khác nhau: "Mày được 'khứa' nào chưa?" Khứa trong trường hợp này có nghĩa giống trong câu đã nêu trên: đạp xe thật là nhọc, đổi sức để lấy tiền, mấy ông khách chỉ là "khứa". Nhưng lúc "mấy ả mày ngài" hỏi nhau: "Mày đã có khứa nào chưa?", thì khứa gần như một tiếng lóng, tiếng kín, vì từ khách nghe ra quá lộ liễu, tố cáo nghề nghiệp của họ. Vả lại "yêu" nhau trong giây phút thì chỉ có thể là "khứa" mà thôi.

Từ láy có khi lại làm cho nghĩa thêm trang trọng. "Ăn" và "xơi" tuy đều chỉ việc bỏ đồ ăn vào miệng, nhai rồi nuốt, nhưng "xơi" nghe ra đài các hơn "ăn"; cũng như "đại tiện" đài các, dễ nghe hơn "ỉa", "tiểu tiện" trang nhã hơn "đái", "ngơi" kiểu cách hơn nghỉ. Nhưng cũng vì tính cách trang nhã ấy mà một vị quan đã bị trêu tức. Một ông đồ hàn vi đến thăm một người bạn làm quan hiển đạt. Lính hầu ngăn không cho vào, vì quan đang "ngơi". Ông bạn nghèo tức mình liền xổ ra một tràng tiếng "trang nhã"!: "Quan đang "giấc", đang "ngơi", đang "xơi", 'đại tiện", "tiểu tiện". Và hẳn chúng ta cũng còn nhớ đến mấy câu thơ của Nguyễn Khuyến, dùng từ láy để diễu một ông bạn cũng làm quan nhưng chỉ biết "ngơi":

Mới sang chừng ấy, ngơi chừng ấy,
Sang nữa thì ngơi biết mấy mươi.

Từ láy dùng thay từ chính làm thay đổi ý nghĩa câu văn đi rất nhiều. Tôi không đoan quyết trong từ kép "tôi tớ", tớ là từ láy của tôi, vì thấy từ "tôi" trong "tôi đòi" và "tớ" trong "đầy tớ". Nhưng nếu xem "tớ" là từ láy của tôi thì đây là một trường hợp khá tiêu biểu cho việc dùng từ láy thay từ chính. "Tôi" và "tớ" đều là tiếng xưng hô khiêm tốn để chỉ ngôi thứ nhất, khiêm tốn chẳng khác gì mấy chữ "*votre serviteur*" của Pháp hay "*faithfullly yours*" của Anh. Nhưng trong khi "tôi" vẫn giữ tính cách khiêm tốn của một kẻ ở cấp thấp thì "tớ", tiếng phụ thuộc trong từ kép "tôi tớ", mất đi tính cách khiêm tốn, lúc "tớ" từ hàng phụ thuộc, nhảy lên hàng độc lập. Xin so sánh ý nghĩa hai câu sau:

1- Tôi đọc sách suốt ngày.

2- Tớ đọc sách suốt ngày.

Câu thứ nhất là nói với một người mà mình phải giữ lễ; câu thứ hai nói với một người đồng lứa hoặc không phải giữ lễ. Từ "tớ" trong tôi tớ là một từ phổ quát từ Nam ra Bắc, như nói"tớ thầy", như "tớ" dùng để xưng hô, chỉ phổ biến ở Bắc, do đó biểu thị một phong cách nói của địa phương. "Tôi" và "tớ" là hai từ tương đương như nói ở trên, nhưng trong từ kép "tôi tớ", "tớ" đứng sau, "tôi" đứng trước. Dùng "tớ" thay cho "tôi" đứng trước, "tớ" diễn tả một ý nghĩa mới, khác với "tôi". "Tôi" vẫn giữ nguyên tính cách khiêm tốn, "tớ" làm "cách mạng", dành lấy địa vị của "tôi", nên không còn giữ tính khiêm tốn vốn dĩ!

Trở lại với một số từ láy nêu trên, chúng ta có thể nhận thấy sự thay đổi ý nghĩa khi dùng từ láy thay cho từ chính. Thường thường từ láy ngụ ý chê cười, châm biếm, mỉa mai... Xin minh chứng bằng một vài tỉ dụ:

Ngụ ý mỉa mai:

Phát biểu bình thường:

"Cô ấy xấu lắm."

Dùng từ láy:

"Cô ấy 'xí' lắm."

hay:

"Cô ấy xấu xí lắm."

"Đừng 'mết' làm tài tử." / " Đừng mê làm tài tử."

"Hãy bớt 'cú' vì mất tiền." / "Hãy bớt 'cay cú' vì mất tiền."

Một đặc tính của Việt ngữ, theo các nhà ngữ học, là cú nghĩa thay đổi tùy theo vị trí của các từ trong câu: "Không ăn cơm tối" khác với "Tối không ăn cơm". Nếu đồng ý với nhận định ấy thì cần nhận thấy trong các ngữ kép, đặc biệt trong ngữ kép láy có vị trí chính và vị trí phụ, dù hai từ đều có ý nghĩa giống nhau. Sự dùng từ phụ thay từ chính, nói cách khác là biến đổi địa vị của từ trong từ kép cũng làm thay đổi cú nghĩa, như chúng ta nhận thấy. Tiếng Việt thật phong phú và tế nhị.

Tôi hi vọng việc phân biệt ra vị trí chính và phụ trong ngữ kép láy không phải là một công việc chẻ tóc làm tư nhưng đã góp được một phần tí tí trong việc tìm hiểu tính cách tế nhị của Việt ngữ.■

San Diego, tháng Hai năm 1994.

TIẾNG GỌI NGƯỜI

KHUYẾT DANH THỊ NG.

Thoảng bên tai một tiếng chày Kình
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng
(Chu Mạnh Trinh)

Vị sư già khêu to ngọn đèn dầu, thắp một nén nhang cúi lạy tam bảo rồi từ tốn đi qua nhà đại bái và bước từng bước ngắn lên bậc thang của tam quan chùa. Vị sư chắp tay niệm Phật trước khi cầm chiếc chày đánh lên chiếc chuông đồng cổ kính. Đây là thời điểm tụng niệm cuối ngày. Những tiếng chuông thu không ngân vang sẽ báo cho những mục đồng, những nông phu và những lữ khách hãy trở về nhà. Đánh chuông lần thứ nhất, nhà sư lắng nghe, sao không nghe thấy tiếng chuông thân thuộc, tất cả đều im lắng. Hay tai ta đã không còn nghe được? Nhà sư đánh chuông lần thứ hai, lắng nghe chăm chú, không một âm thanh nào vang lên. Trong ánh sáng chạng vạng của buổi hoàng hôn, nhà sư lấy tay sờ lên cái chày gỗ rồi chiếc chuông lớn, tất cả đều còn đây. Nhà sư đọc thầm bài kệ. Lúc sau cầm chày đánh lại một lần nữa, lắng nghe, nhà sư chỉ nghe thấy tiếng động nhỏ giữa va chạm nhưng không hề thấy âm vang của tiếng chuông trong không gian. Nhà sư dùng hết sức lực liên tục đánh mạnh chày vào đại hồng chung nhưng vẫn không nghe một tiếng chuông.

Nhà sư kinh hãi. Việc gì đã xảy ra? Tai họa nào đã đến với cả chiếc đại hồng nhung này? Có ma quỷ nào? Tiếng chuông đã đi đâu? Nhìn ra ngoài, nhà sư thấy buổi chiều đang xuống nhanh, chỉ còn một vệt sáng nhỏ nơi cuối chân trời. Những ngọn tre xa đang lẫn dần vào bóng tối. Tất cả không gian như chìm vào một cõi chết, nhìn mông vào làng xóm im lìm, không một ánh lửa nhỏ.

Trở về trai phòng nhà sư nhớ lại: gần đây những ngày rằm mồng một người ta đi lễ chùa như thưa vắng thêm. Một cụ già nói

về những điều không hay thường xảy ra trong thôn xóm: nhiều gia đình tan vỡ, nhiều đứa trẻ chửi mắng cha mẹ, mùa màng thất bát, thiếu ăn sinh ra trộm cắp, cờ bạc, rượu chè. Trai giái hoang toàng với nhiều cảnh đồi phong bại tục... Đã vắng đi những gương mặt tươi vui, tiếng cười rộn rã. Đây đó nhà sư thấy những vùng bóng tối ẩn hiện trên những khuôn mặt u ám lo âu. Cướp bóc gia tăng, trời chưa tối nhà nào cũng cửa đóng then cài. Có những đêm khuya nhà sư nghe vang vọng tiếng kêu cứu thất thanh, tiếng rượt đuổi và la thét... Mới đây, một buổi sáng thức dậy nhà sư thấy một nhóm người đang bu quanh một xác người bị cắt cổ không xa cửa tam quan bao nhiêu. Trong khuôn viên chùa nhà sư nhận ra nhiều kẻ lạ mặt lởn vởn với vẻ lơ láo. Những trái ổi còn xanh, những trái lựu chưa chín, những trái mít còn nhỏ cũng bị hái trộm. Cả những luống rau lang, cũng bị cắt nhổ một cách tàn nhẫn. Ngay những vật phẩm trên bàn thờ Phật cũng có bàn tay vô hình nào đó lấy đi. Kinh hãi hơn hết, một hôm nhà sư thấy đôi chân đèn bằng đồng nơi nhà hậu cũng không còn nữa. Một cụ già tới gửi đứa cháu nhỏ nơi chùa vì thấy đồ đã bỏ đi, nói với nhà sư: cửa chùa bao giờ cũng mở rộng nhưng con bạch thầy rõ: ở làng bên bọn xấu đã khênh đi cả chuông, tượng Phật bán cho lò đúc, vậy xin thầy cẩn thận cho. Dân làng lần lượt tản mác, nhiều người khóc khi phải rời nơi chôn nhau cắt rốn, nào đâu phải họ mong ước kẻ tha phương cầu thực?

Một đêm thao thức, tiếng mõ như khô khan buồn bã trong ngôi cổ tự. Lần đầu tiên người dân

trong vùng nghe thấy tiếng mõ tụng kinh suốt đêm... Khi trời còn tờ mờ, nhà sư già ôm bình bát qua cửa tam quan, theo con đường nhỏ ra khỏi chùa. Khi vượt qua cây cầu đá để tới đường cái quan nhà sư dừng bước, quay nhìn mái ngói rêu phong của ngôi cổ tự, nhà sư cúi lạy về cửa tam bảo rồi trở gót đi theo hướng mặt trời mọc.

Từ đó ngôi cổ tự không còn ai hương khói, một ít dân cư còn lại trong thôn làng chẳng còn nghe thấy những tiếng chuông ngân vang, tiếng mõ thưa chậm. Những lối đi rêu phủ, cây cỏ úa héo hoang tàn, những mái nhà siêu đổ... Rồi dịch bệnh ào xuống, nghèo khó tăng mãi... Những kẻ còn lại trong làng thôn kéo nhau lết ra ngoài đường cái quan ăn xin những khách qua lại.

Ngày kia có một nhà tu ngang qua, nhìn đám người khổ ải không cầm lòng được, nhà tu nói:

"Ta biết từ đâu mà các ngươi khổ ải như thế..."

Một cụ già thều thào:

"Ngài hãy cứu chúng tôi... mất mùa, dịch bệnh..."

Tiếng nói không ra hơi, những ngất quãng mệt nhọc, nhà tu lấy hết chút lương thực ít ỏi trong hành lý chia cho những người có mặt. Cụ già nói:

"Tiếng chuông cũng bỏ chúng tôi mà đi..."

"Chẳng phải tự nhiên mà nó bỏ đi đâu, mọi người đã sống buông thả, ăn ở với nhau như loài vật, không khí nhiễm độc, ô uế, tiếng chuông cũng phải trốn đi thì đủ biết như thế nào? Hãy nghe ta nói đây: hãy bảo nhau tỉnh lại, hãy dọn mình cho tinh sạch, mỗi kẻ hãy nỗ lực tự thân... Ta sẽ giúp rước tiếng chuông trở lại chùa. Nó trốn ở dưới gầm cầu kia chứ đâu..."

Mọi người mừng rỡ, kẻ nào việc ấy, nào phát quang cỏ dại, nào giúp nhau lợp mái nhà, chia sẻ nhau từng nắm thóc, củ khoai, sinh hoạt làm cho làng thôn như sống lại. Một ngày dân làng ăn mặc tươm tất, chiêng trống nổi lên, dân làng theo chân nhà tu khiêng kiệu đi rước tiếng chuông. Khi đám rước trở về ngôi cổ tự nhà tu bước lên gác tam quan lấy nước thơm rửa chày, rửa chuông rồi đọc lớn bài kệ. Dân làng im lặng lắng nghe như tiếng nói từ một cõi linh thiêng nào. Rồi nghiêm trang kính cẩn nhà tu cầm chiếc chày lên đánh nhẹ vào đại hồng nhung cổ kính. Tiếng chuông ngân vang mỗi lúc nghe như một trầm ấm hơn. Chẳng ai bảo ai dân làng cùng sụp lạy. Những tiếng chuông, âm vang của nó như bao trùm vũ trụ. Nhà tu nói với vị trưởng lão:

"Hãy sống lương thiện, tương thân và nỗ lực. Tiếng chuông chỉ ở với người lành. Tiếng chuông dù có đánh bên tai kẻ ác nó cũng không nghe thấy. Hãy nhớ lấy điều ấy...

"Này các con của ta, ta đọc câu truyện này của Bồ Tiên Sinh từ mấy thập kỷ trước nay viết lại cho các con. Sau này, một khi khiêng kiệu rước tiếng chuông trở về nơi cổ tự thì các con hãy nhớ ghi lại cho hậu thế được biết tiếng chuông nặng nhẹ chừng nào?" ■

Saigon tháng Chín 1992

LÊ N. KHÁI

VỚI EM TA ĐÃ NÓI

Một bức thư đi, một bức về
đã trăm, ngàn bức, vẫn còn mê!
chỉ là hai chữ Thương và Nhớ
không tự điển nào đủ giấy ghi

Thương Nhớ chẳng ai cần Định Nghĩa
một cơn buồn bã đủ lao đao!
mà buồn lạ nhỉ, sao buồn chứ?
ngay lúc giận hờn cũng nhớ nhau!

Chuyện Nước, chuyện Nhà, không nói được
(nói gì? Tất cả đã tan hoang!)
thư tình cứ viết dài tâm sự
bởi chuyện Tình Yêu Vạn Thuở Còn!

Hỡi ơi chí lớn trong thiên hạ
gom lại không đầy mắt mỹ nhân!
Phạm Thái ngày xưa làm lịch sử
vẫn từng lãng mạn có ai khinh?

Em ơi! Ta viết thư tình đẹp
nhận lại hồi âm chút dịu dàng
em đã trăm lần như một lúc
chưa hề để mất nét xinh, ngoan!

Xin cảm ơn em còn chút đó
là trời là đất ước mơ thôi!
với em ta nói: *Ta quỳ xuống*
để những Bài Thơ Sáng Nghĩa Đời...

Đọc Hà Nội trong mắt tôi(1) của PHẠM XUÂN ĐÀI

CON NGƯỜI YÊU CÁI THIỆN VÀ CÁI ĐẸP NHÌN VỀ QUÊ HƯƠNG KHỔ ĐAU

TRẦN HỒNG CHÂU

Phạm Xuân Đài là một con người trầm lặng, khiêm cung, ăn nói nhỏ nhẹ. Hình như toàn sức sống của ông đều dồn vào nội tâm trầm lặng của một mẫu người hoạt động, không phải chỉ có cái vỏ ngoài của hoạt động, mà là để thể hiện thực sự. Khiêm cung của con người ý thức được ranh giới giữa biết và không biết, giữa có thể và không có thể. Dấu ấn của một kinh nghiệm trí thức, một nếp sống văn hóa vững vàng...

Chung quanh chén trà xanh quê hương chúng tôi đã lan man nói về đủ chuyện. Về Đại Học Văn Khoa và Sư Phạm Saigon, khi ông bắt đầu viết lách và tôi còn ở trên bục giảng. Về đất Quảng, "*ngũ phụng tề phi*", nơi chôn nhau của ông (ông thuộc giòng dõi vị túc nho Phạm Phú Thứ), nơi tôi đã có một tiếc nuối khôn nguôi là chưa được ngồi trầm ngâm dưới chân những cổ tháp Mỹ Sơn ở một vùng thung lũng địa linh của quá khứ. Về những năm mất tự do của ông, ngày ngày lao động nhọc nhằn bên bờ "*sông Mã gầm lên khúc độc hành*", để sau này có kinh nghiệm máu xương về một hội chứng tinh thần kết hợp bằng dối trá, lừa lọc và vô trách nhiệm.

Tác phẩm Hà Nội trong mắt tôi mà Phạm Xuân Đài cho ra mắt hôm nay là một tập tùy bút đề cập tới nhiều vấn đề, theo dòng cảm hứng chủ quan của người viết. Từ ngôi chùa Việt Nam đến một buổi đại nhạc hội nắng tơ vàng hài hòa bên sườn đồi vùng San Jose. Từ cuộc gặp gỡ tưởng tượng với bác sĩ Zhivago đến quan niệm phúc đức

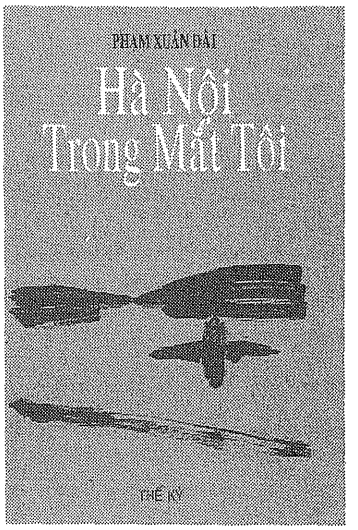

trong môi trường xã hội Việt Nam. Từ chuyện tầm phào nơi quán cà phê Saigon đến cô gái thành La Mã gặp trong buổi họp bạn quốc tế tại một tiểu bang Hoa Kỳ...

Điều mà tôi nhận thấy khá rõ nét trong tác phẩm là niềm yêu đời thắm thiết, gắn bó với một tư duy hết sức tích cực, dù ở hoàn cảnh nào. Hình như Phạm Xuân Đài khẽ nói với chúng ta rằng: Đâu có phải chỉ "mối sầu vạn kỷ", và nỗi "chán chường, phi lý" triền miên, mới là chất liệu nghệ thuật!

Người tù tơi tả quắt queo và đói lạnh, đứng bên sông Mã, nhận thấy những đổi thay, những chuyển dịch âm thầm sang mùa xuân, biểu hiện bằng màu sắc đậm nhạt của hoa búp sắp trổ, của nét xuân sơn dần dần ló dạng... Rồi tự nhủ: Miễn là đừng chết, miễn là qua được mùa đông! *(Nét Xuân Sơn)*

Trong chuyến ra đi do Liên Hiệp Quốc bảo trợ, mặc dầu những lời bàn ra tán vào, đầy tính toán về chính trị và kinh tế, từ mọi phía, ông vẫn vui vẻ suy nghĩ một cách tích cực, hồn nhiên: Trong cuộc ra khơi này biết đâu lại không thấy mộng ngày mai. Tại sao lại không nhìn thấy trong công việc của LHQ một hành động cứu khổ cứu nạn. Đó là điều thiện và hãy vui khi điều thiện được thực hiện (*Từ giã Việt Nam*). Đồng thời viễn tượng hơn một triệu người Việt hải ngoại, với những thành tựu vẻ vang về kinh doanh và học vấn, chắc phải là một vốn quý của dân tộc, vì tập đoàn người Việt sống xa quê hương cũng vẫn là một trong những... con voi (*Những ngọn đồi*), nằm quanh núi Tổ (*Truyện trong quán cà phê*).

Nhìn Hà Nội, "cố đô hoa lệ" những ngày xa xưa, Hà Nội, cái nôi của văn hóa Việt Nam, hôm nay trở thành hiện thân của lầm than và tủi nhục, ông vô cùng đau xót, nhưng vẫn tin rằng sức sống thật của Hà Nội là một khối bền vững, luôn luôn nó vẫn là nó toát lên cái vượng khí ngàn năm (*Hà Nội trong mắt tôi*). Nghĩa là Hà Nội vẫn chứa đựng một tiềm năng phục hồi vô biên, để rũ sạch hết rơm rác lịch sử, hầu tìm lại chân dung và bản chất cố hữu của nó.

Trong thế giới đảo điên ít nhiều vô luân và phi luân này tác giả không ngại nói đến quan niệm phước đức, đến cái thiện tỏa ra từ mùi hương, tiếng chuông của ngôi chùa làng Việt Nam, đến cái thiện xua đuổi, toàn thắng cái ác, trong mỗi bước

đường hành hương đầy chông gai của thầy trò Tam Tạng.

Tất cả đều có hậu, tất cả đều hài hòa, bình dị, có đức, có thiện, có trước có sau, những cái gì có vẻ "không nghệ thuật lắm" theo một quan niệm nghệ thuật nào đó, nhưng vẫn là nghệ thuật muôn đời, nếu ta chân thành cảm nhận, chân thành diễn tả nó như tiếng nói đích thực của tâm hồn. Ở trường hợp Phạm Xuân Đài, tôi nghĩ là con người tác giả, cũng như những gì ông viết ra chỉ là một.

Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện... Như một dòng suối trong, tình cảm đó róc rách chảy giữa những hàng chữ, len lỏi vào khe kẽ tâm hồn, cho ta cảm giác mát rượi một buổi sớm mùa xuân có mây và gió hiền hòa. Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó. Nó giúp ông lặng lẽ, kiên trì sáng tác và tồn tại được, sau những năm dài ngục tù, kiềm tỏa, khi mà một số bạn văn khác, đồng cảnh, cho đến nay vẫn chưa tìm lại được phong độ xưa.

Có cần nhắc lại là cái tư duy tích cực đó cũng là một thành tố cơ bản, nét đặc thù, của tâm hồn Việt? Việt Nam nữa là cái trầm lắng, hướng nội, rất "thiền", mà ta thấy ở nơi con người tác giả cũng như trong nhiều đoạn của Hà Nội trong mắt tôi. Việt Nam nữa ở nơi tình yêu thiên nhiên, hòa đồng với thiên nhiên hơn là đối kháng, đúng theo truyền thống tư tưởng Đông Phương. Thiên nhiên... non sông, đất nước... rặng núi mùa xuân, vùng Thang quận, mới toanh như vừa lột xác, gây chấn động trong tâm hồn, làm mất mình dẫm lệ vui. Con đường Nam Giao thẳng mà không bằng, như lời thi sĩ. Sông Hồng mùa nước lớn, nhìn từ trên cao, đỏ như son trên nền xanh lơ, tự biến thành một khai tấu khúc cho bản nhạc Hà Nội sắp tới.

Cũng Việt Nam nữa là nỗi khắc khoải, âu lo, khi nhìn vào hiện tại bi thương của dân tộc, rồi phóng tầm mắt về một viễn ảnh tương lai. Tìm hiểu nguyên do của một phá sản vật chất và tinh thần đang diễn biến trên quê hương (*Hội chứng tinh thần. Gặp gỡ B.S Zhivago. Về cái điên trong vở kịch Kiều Loan...*). Trở về với những giá trị truyền thống từ lâu vẫn là điểm tựa của giống nòi (*Chùa là cái thiện của làng. Giải oan. Mấy suy nghĩ về Tây Du Ký. Quan niệm phước đức...*).

Chắc hẳn chúng ta không quá lời khi coi Phạm Xuân Đài như một nhà văn mang nhiều dân tộc tính. Vì, như đã thấy trong tác phẩm của ông, luôn luôn âm ỷ cháy ngọn lửa yêu thương đất nước và con người Việt Nam, những cái gì nhất định phải là nguồn cảm chính cho người làm văn nghệ hôm nay, trong một bầu trời đầy giông bão.

Một trong những bài tôi yêu nhất ở tập tùy bút là bài *Hà Nội trong mắt tôi*.

Từng sống thắm thiết với băm sáu phố phường tôi không khỏi nhỏ lệ, trong ngày tái ngộ, khi thấy "cố nhân", sau những năm tháng truân chuyên, còn mang đầy thương tích trên thể xác và trong tâm hồn.

Tôi không đợi chờ gì nhiều ở "chàng trai xứ Quảng" xa xôi, chưa từng biết gì về Hà Nội. Nhưng tôi đã lầm. Hình như Hà Nội chỉ sẵn sàng tâm sự với người đồng điệu, dù chưa hề gặp mặt. Phạm Xuân Đài là một trong số ít nhà văn may mắn đó. Như biết bao người say mê văn nghệ và truyền thống quê hương, ông từng mơ về Hà Nội, hướng về Hà Nội một thuở nào, Hà Nội biểu tượng sống động của trái tim và khối óc Việt Nam. Hà Nội đã nằm sâu trong tiềm thức ông như một quê hương tâm tưởng, cho nên khi "về quê", ông thấy không có gì là ngỡ ngàng, xa lạ.

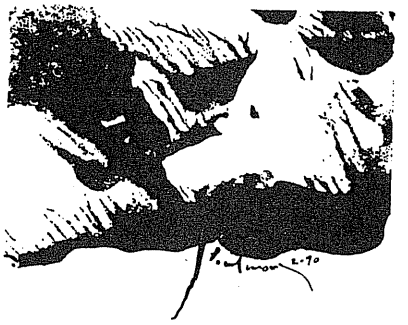

CAO XUÂN TỨ

MƯA

hàng hàng xanh chảy nhựa
đàn kiến bò lê máng xối
rồng ngơi thoi thóp dưới giếng chùa
bầy sao đêm cọ kỳ nhức nhối
lộp độp ngói nhà
ngọn may núp bên tường đá
mi trốn đâu hỡi cơn giông đồng lõa

dế hát trong lu không thở ra
đôi tình nhân gát cặp giò phờ khói
con sâu lột da trần như nhộng
chú mối buồn nhai trang Kinh
cụ Khổng ngáp dài
nhớ mưa

26-1-1994

TRẦN TRUNG TÁ

TIẾNG THỞ DÀI

Mới Tết ra mà đã hết Xuân!
tháng Tư Dương Lịch nắng phân vân...
hoa đào rụng hết, xe thôi quét
trời nổi gió nhiều như sắp Đông!

Ngày tháng qua mau khiến giật mình
thở dài mà cũng gợn âm thanh
tưởng chi không biết ngày mai nhỉ
tất cả rồi quên, cả chuyện tình!

Không tưởng! Đừng mơ! Nói dịu dàng
cho lòng với ý hợp rồi tan
nắng đang tâm sự cùng hoa cỏ
ta với mình sao lại ngỡ ngàng?

Hết Xuân thì Hạ, lẽ đương nhiên
lạ nhỉ khi không cũng oán phiền
bấm đốt tay ngồi suy nghĩ mãi
phận người, ước nguyện, cái nào riêng?

Ông đã ghé thăm, ngồi lâu im lặng bên Hồ Gươm, đền Ngọc Sơn, Hồ Tây, Văn Miếu... Mặc dầu "*nước còn cau mặt với tang thương*", không một nơi nào làm ông thất vọng, và ông thực sự cảm thông với linh hồn quá khứ, với tiếng gọi non sông. Rồi ông đi tìm, thưởng thức chả cá Lã Vọng, xôi lúa, bánh gai, bánh khúc... của đồng nội quê hương, để cảm thấy và nói lên cái lớn lao, cùng tính chất văn hóa cao độ, của những món ăn thanh đạm đó. Bia Văn Miếu và vị bùi ngậy của xôi lúa nhấm nháp bên cửa ô Hà Nội... Những thực phẩm trần gian, dưới trời Việt, từng làm nên máu thịt và tâm hồn chúng ta!

Nhưng Hà Nội còn biết bao nhiêu chuyện tiêu cực. Sau mùa binh lửa, trong cảnh tang thương đau đớn của hôm nay, Phạm Xuân Đài xót xa nhận định rằng cảnh trí và di tích lịch sử còn giữ lại được vài nét đạn thanh, nhưng con người Hà Nội chính cống, tinh thần của Hà Nội xưa, cái thanh lịch hào hoa của Hà Nội vàng son, ông từng mơ ước, thì không còn nữa. "*Bách niên thế sự bất thăng bi*!"

Qua những nhận xét tinh tế, thoát ra từ lòng yêu chốn kinh kỳ, ngàn năm văn vật, mà Chiếu thiên đô của Lý Thái Tổ không ngớt lời ca tụng thế đất và vượng khí, Phạm Xuân Đài đã nắm bắt được linh hồn thầm kín của Hà Nội, mặc dầu thời gian thăm viếng, lần đầu và duy nhất, của ông chỉ vừa đúng một tháng. Một tháng ấy có thể nói là bằng nhiều tháng sinh sống bên bờ Hồ Gươm của một quan sát viên bình thường: Người ta có thể nghĩ rằng giác quan và cảm nhận sâu sắc của văn nghệ sĩ quả là có trọng lượng!

Phạm Xuân Đài, bản tính khiêm nhường, trầm tĩnh, vẫn tự nhận mình chưa phải là nhà văn, chỉ mới khởi sự viết, do sở thích và đam mê viết thôi, nhưng rõ ràng là qua tác phẩm đầu tay, chúng ta đã thấy ở nơi ông những điều kiện cần thiết và đức tính của một nhà văn đích thực.

Đây là một tâm hồn mẫn cảm, với một cái nhìn tinh tế, độc đáo, luôn luôn cố gắng mô tả sự vật, rồi tìm hiểu ý nghĩa thâm sâu, biểu tượng của sự vật. Hiện tượng và bản thể đan xen nhịp nhàng trong một lý giải bao quát, không muốn bỏ sót một yếu tố nào, dù biết rằng lý giải nào cũng chỉ là tương đối.

Một vài ví dụ. Cái dáng vẻ hài hòa, sâu lắng của đất Thuận Hóa, toát ra từ dòng sông, ngọn đồi, từ khóe mắt người phụ nữ đến "son đậm bên thành" của lớp lớp cung điệu xưa cũ. Cái phân biệt tế vi, bấp bênh, giữa tình bạn và tình yêu, khi tác giả bắt gặp một tâm hồn đẹp trong cặp mắt xanh của người gái "thành phố bất diệt", trong ngày tương ngộ của mối duyên ngàn dặm. Cái "không bột mà gột nên hồ" của người sáng tạo là kết tinh những phút "lai rai", vơ vẩn, trong quán cà phê có cô hàng xinh đẹp và các bạn gái, điển hình người phụ nữ Saigon, yêu đời, đảm đang và can trường, trong những ngày đen tối nhất của đô thành miền Nam...

Thêm vào những gì kể trên là kinh nghiệm sống rèn luyện trong khổ đau, và những cảm nghĩ chân thành của một trí thức, được đào tạo qua những môn học Triết và Văn, thường xuyên bắt con người suy tư, lý luận và đặt lại mọi vấn đề. Và, sau cùng, lời văn màu sắc, trong sáng, bàng bạc suốt chiều dài tác phẩm, như một tấm áo mịn màng, thon thả, bao trùm một thân thể đẹp vì lành mạnh, cân đối...

Tôi nghĩ là, được trang bị bằng cái vốn quý đó, Phạm Xuân Đài sẽ đi xa, và, sau *Hà Nội trong mắt tôi*, chắc ông sẽ còn nhiều mùa gặt hái tốt đẹp hơn nữa.■

(1) Thế Kỷ xuất bản, California 1994

MỘT NGƯỜI BẠN CŨ

HOÀNG KHỞI PHONG

Đường dài, trời đã về chiều. Mãi không có bạn mới
CAO BÁ QUÁT

Tuổi thiếu nhi người ta dễ kết bạn. Tuổi đó người ta chỉ có ăn, học và chơi, nên ngoài những người bạn trong trường, trong lớp, còn có bạn chơi trong lối xóm. Bạn của thời niên thiếu đã không giữ được nhau thì thôi, còn đã chơi được với nhau thì đôi khi mãi mãi, suốt đời, thậm chí còn thân hơn ruột thịt. Nhưng thông thường bạn trong giai đoạn này hay có tính chất nhất thời, tình bạn sẽ vô hình chung chấm dứt khi không còn chung lớp, chung trường hay chung xóm. Những người bạn này khi đã lớn tuổi người ta chỉ giữ được đôi nét mơ hồ về nhân dáng, nhưng ghi sâu trong lòng là những kỷ niệm của một trận banh, một lần trốn nhà đi tắm sông hay là những trận đánh lộn chỉ vì khi còn nhỏ người ta ít ngôn ngữ mà hay ỉ vào sức mạnh.

Năm tôi học lớp nhì cha tôi ra Cẩm Phả làm giám thị cho mỏ than của ông bác họ tôi làm chủ. Cả đời cha tôi có bao giờ làm việc gì ngoài việc trông nom ruộng nương đồng áng cho ông tôi. Cha tôi có bao giờ biết chấm công cho ai? Có bao giờ biết đến cái xe goòng như thế nào? Nhưng biết làm sao được. Ông không thể để cho anh em chúng tôi thất học, nên gặp gì làm nấy. Cha tôi cũng đã từng ở vùng kháng chiến trở về, bởi vì những người kháng chiến cũng chẳng bao giờ tin những người con quan như cha tôi.

Tôi theo cha tôi ra Cẩm Phả và học ở trường tiểu học, cách xa nhà trọ của hai cha con tôi chừng hơn hai cây số. Lúc đó đã vào giữa niên học. Trước đó tôi học trường nam tiểu học Hải Dương. Suốt hai năm liền tôi chỉ nhớ được tên hai người bạn là Trần Đình Thành và Lý Văn Thanh. Sở dĩ tôi nhớ được hai danh tính này là vì khi học Sử Ký đến lúc Trần Thủ Độ hãm hại tôn thất nhà Lý cả lớp cứ nói là cụ tổ thằng Thành giết cụ tổ thằng Thanh. Tôi cũng chẳng có chút hối tiếc những người bạn ở trường tiểu học Hải Dương này. Đến ngày phải theo cha tôi đi Cẩm Phả, anh tôi vào trường xin quyển thông tin bạ cho tôi.

Tôi cũng không nghĩ tới việc đến trường lần cuối cùng, nói đôi câu từ giã với các bạn cùng lớp. Tôi còn mấy người bạn ở cùng phố, nhưng đó là bạn đánh đáo đánh bi. Thằng Long nhà sát nách nhà tôi, chỉ được biết tôi sẽ theo cha tôi đi xa, khi nó thấy tôi đeo cái túi quần áo cùng với anh tôi đi ra bến xe hàng.

Người bạn đầu tiên của tôi nơi trường mới có tên là Trần Văn Mô, Mô có ve ở mắt nên được cả lớp gọi là Mô ve, thời đó tuy học tiểu học chúng tôi cũng đã phải học chữ Pháp nên cả lớp hiểu chữ mauvais là xấu xí. Mô ve của lớp tôi trái lại không xấu xí chút nào, nếu không muốn nói là khá đẹp trai. Có điều Mô học không được khá lắm, sắp lên lớp nhất mà có mấy bài toán giả thử, động tử hay là mấy phép tính quy tắc tam suất, cho vay lãi, cách tính diện tích và chu vi vòng tròn, diện tích những hình lục lăng, bát giác là không bao giờ Mô làm được. Mô thân với tôi ngay vì tôi lạ nước lạ cái, nên không bao giờ che bài của mình không cho bạn coi. Mô con nhà giầu, năm học lớp nhì tôi đã thấy anh đi giầy tây đi học. Mỗi sáng vào lớp cặp anh phồng lên bởi vì chiếc bánh tây kẹp chả. Trong túi áo sơ mi trắng tinh của anh lúc nào cũng thấy lấp ló tờ giấy năm đồng mầu xanh, giờ ra chơi nào cũng thấy anh ăn quà ở nhà ông tùy phái gác trường.

Thầy giáo lớp nhì của tôi tên là Lâm, ông rất hiền nên cuối năm chỉ có hai người phải học đúp, vì trong năm bị bệnh nghỉ cả tháng trời. Lên lớp nhất chúng tôi học thầy Phái.

Thầy Phái nổi tiếng là dậy giỏi và dữ đòn, thầy còn kiêm luôn chức hiệu trưởng. Năm đó lại là năm thi nên thầy theo dõi việc học của chúng tôi ráo riết. Mỗi niên học mới thầy chỉ cần hai tuần lễ đầu là biết ngay được

sức học của tất cả mọi học sinh trong lớp. Hễ học dốt là thầy gọi lên đọc bài, làm toán trên bảng hoài, mà mỗi lần như thế thì cầm bằng vài roi vào đít. Thầy có một cái roi mây thật to, ít khi dùng đến, bởi vì thầy hay cầm cái thước bảng bằng gỗ lim, dài cả thước tây và rộng chừng hai phân. Thông thường mỗi khi bị đòn học trò phải nằm xấp trên ghế. Riêng con gái, hay bị thầy đánh thước kẻ vào tay, hoặc phạt đứng úp mặt vào bảng đen.

Trong vòng hai tuần lễ đầu Mô không bị đòn lần nào vì tôi cho Mô chép những con toán làm tại lớp, tôi bị đòn nhiều hơn Mô vì tôi lười không học thuộc những bài cách trí, đức dục. Có một lần tôi để quên sách vẽ ở nhà, khi thầy giáo gọi điểm tôi hô điểm dối, khi phải mang vở vẽ lên trình cho thầy Mô dúi vào tay tôi quyển của Mô. Đến khi thầy phát giác ra cả hai đều bị đòn. Tôi bị thầy Phái đánh năm roi mây cật lực và mắng tôi là thằng lừa thầy phản bạn. Mô bị đánh ba roi nhẹ vì tội đồng lõa. Kể từ sau lần bị đòn ấy tôi và Mô thân nhau hơn. Mỗi sáng trước khi vào lớp Mô thường chia cho tôi nửa cái bánh tây trong cặp của anh.

Cuối năm đó chúng tôi đi thi tiểu học ở Hồng Gai, Mô trượt vỏ chuối. Anh không bao giờ đến trường sau kỳ thi, thành thử tôi có muốn chia tay với anh khi gia đình tôi quyết định vào Nam cũng không có dịp. Tôi nhớ năm ấy là năm 1954, hiệp định Genève đã ra đời, gia đình tôi quyết định vào Nam. Tôi được rộng cẳng một thời gian. Tôi đi chơi với hai anh em người bạn cũng lớp là Nguyễn đức Thìn và Nguyễn đức Phúc tại nhà hai anh ở bến tầu. Mãi lúc đó tôi mới biết là nhà Thìn, Phúc là những chủ thuyền đinh buôn bán hàng hóa dọc theo mấy tỉnh ven biển. Riêng cha của Mô, tôi không biết sinh sống bằng nghề gì, chỉ biết rằng nhà của cha Mô là một ngôi nhà ngói khá lớn, cũng gần nhà Thìn, Phúc. Tôi gặp Mô lần cuối, cũng là để chia tay kẻ Bắc người Nam.

Nào ngờ hơn mười năm sau tôi gặp lại người bạn này trong một trường hợp khá trớ trêu. Khi gặp lại nhau chúng tôi đã là hai kẻ thù. Ít nhất là do hai bộ quần áo chúng tôi mặc trên người. Tôi mặc quân phục của miền Nam, còn Mô, anh mặc một bộ quân phục cũ của chúng tôi đã nhuộm thành mầu nâu. Đằng sau lưng áo của Mô có hai chữ TB sơn trắng và trên ngực áo anh có một hàng số nhỏ. Đó là số tù của Mô. Hàng số này cho những người như tôi biết là anh bị QLVNCH bắt, bị bắt ở vùng I, trại giam nguyên thủy là trại Đà Nẵng và anh là người tù thứ 745 của trại này.

Năm đó là năm Mậu Thân 68, tôi đổi ra Phú Quốc phục vụ tại trại tù binh. Tôi là Sĩ Quan Trưởng Khối Điều Hành kiêm luôn Trưởng Ban Giám Thị. Công việc của tôi là tiếp nhận, quản trị, phân loại và giam giữ tù binh bị bắt ở khắp bốn vùng chiến thuật gởi về. Trong mỗi cuộc nhận tù binh mới, tôi có bổn phận soát lại các hồ sơ tù binh và phân loại họ để đưa đi giam giữ tùy theo thành phần. Đột nhiên tiếng người hạ sĩ quan điều hành vang lên bên tai tôi:

"Hạ Sĩ Trần văn Mô, số tù 1-1-1-0745."

Tự nhiên tôi giật thót cả người. Tôi đang kiểm soát hồ sơ của một tù binh sĩ quan, linh tính của tôi cho tôi biết một điều bất thường sắp tới. Tôi vội bỏ đám hồ sơ chờ tôi quyết định trên bàn và bước ra cửa văn phòng. Hơn trăm người tù ngồi dưới trời nắng gắt. Tôi như hoa mắt trước những khuôn mặt đầy thù hận nhưng cố giấu đi, chỉ thấy những nét im lìm. Tôi cố tin rằng có thể chỉ là trùng tên, tôi nhìn kỹ khuôn mặt, tôi nhìn vào khóe mắt người tù. Quả nhiên vết ve mắt tuy không rõ như thời niên thiếu, nhưng dứt khoát người tù này mắt ve. Tôi cố hy vọng người ta có thể trùng tên. Tên Mô thì cả nước Việt cũng có tới hàng chục ngàn người, cũng phải có cả trăm người vừa tên Mô vừa ve mắt.

Tôi giằng lấy hồ sơ tù binh trong tay người hạ sĩ quan điều hành của tôi. Không còn chối cãi được tên cha là Trần văn M, mẹ là Lê thị L, nơi sinh quán là Cẩm Phả Bến. Tôi lặng lẽ trả hồ sơ lại cho người hạ sĩ quan điều hành. Nhận là bạn cũ bây giờ không có lợi cả cho tôi lẫn cho Mô. Tôi thì chẳng sao, bởi vì ngoài hai chức vụ vừa kể tôi cũng là Sĩ Quan An Ninh đơn vị. Chẳng lẽ tôi cứ người để ý... chính tôi. Nhưng với Mô thì khác. Biết Mô là bạn tôi, những người tù binh đồng đội với Mô có thể cho anh một chiếc đũa xuyên qua màng tai, nếu như tôi không khéo trong khi nhận lại bạn cũ.

Trong đời tôi chưa bao giờ tôi làm việc nhiều như dịp Mậu Thân này. Để tránh những trận đánh giải thoát các tù binh, hiện đang giam giữ trong các trại tù đất liền, chỉ trong vòng hai tháng, tù binh của trại tôi từ một ngàn năm trăm người đã tăng lên đến hơn mười một ngàn người. Công binh làm trại tới đâu, nhận tù mới tới đó. Quân số giam giữ và canh gác cũng tăng từ ba đại đội lên đến ba tiểu đoàn. Thôi thì cả ngàn việc không tên, nào là gạo, thuốc, quần áo cho tù binh. Súng ống, máy truyền tin, doanh trại cho các đơn vị tân lập. Có hôm tôi làm việc hai mươi giờ, còn mười bốn, mười lăm giờ là thường trực. Khi Trại Giam tương đối đã ổn định, tôi mới nhớ tới người bạn thuở thiếu thời.

Lần tái ngộ này tôi cũng cố tránh cho bạn những ngỡ ngàng đau sót. Cũng như tôi, Mô nhận ra tôi ngay trong buổi đầu khi tôi vô cớ ngưng việc thẩm vấn các tù binh sĩ quan để đọc hồ sơ của Mô. Cũng như tôi, anh đủ khôn ngoan để không nhìn bạn cũ trong hoàn cảnh không thuận lợi đó, anh tin rằng sớm muộn tôi cũng sẽ gọi anh lên.

Cả tháng trời sau, tôi nhờ một người lính đi mua cho tôi kim chỉ, thuốc nhức đầu, đau bụng. Tôi dặn anh lính tìm cho tôi kỳ được vài hộp dầu nóng hiệu con hổ là những thứ dầu trị bách bệnh cho những người miền Bắc, tôi cũng mua cho Mô một bộ dây đàn mặc dù tôi không biết Mô có chơi đàn hay không. Tôi cũng xuống kho lấy cho Mô thêm quần áo, một cái chăn cùng bàn chải đánh răng và khăn mặt là những thứ trại giam sẽ phát cho tù binh theo từng đợt. Khi đã sửa soạn đâu vào đấy tôi cho mời Mô lên gặp riêng tôi vào một buổi chiều, giống như cách người ta gọi tù binh lên, lấy thêm những lời khai cần thiết để bổ túc vào hồ sơ cá nhân tù binh.

Người hạ sĩ quan giám thị dẫn Mô vào văn phòng tôi xong rồi lặng lẽ ra ngoài khép cửa lại. Tôi

chỉ cái ghế trống mời Mô ngồi. Mô lặng lẽ ngồi xuống, thái độ như có vẻ chịu đựng, không thoải mái. Chính tôi cũng vậy. Làm sao có thể thoải mái khi gặp lại bạn cũ trong hoàn cảnh éo le như thế này?

Tôi hỏi Mô một câu hỏi dò dẫm trong khi cặp mắt tôi chiếu thẳng vào người đối diện:

"Tôi trông anh có vẻ quen. Anh sinh đẻ và lớn lên ở Cẩm Phả?"

"Thưa trung úy, vâng." Khi trả lời tôi Mô nhìn ra ngoài cửa sổ, hoặc nhìn lên những tranh ảnh, hay những biểu đồ ở trên tường.

Tôi hỏi tiếp: "Anh thi tiểu học năm nào?"

"Năm 1954."

"Chắc anh Mô học thầy Lâm lớp nhì và thầy Phái lớp nhất phải không?"

Mãi tới lúc đó Mô mới nhìn thẳng vào mặt tôi. Anh ngần ngừ một chút rồi hỏi lại:

"Trung uý có ở Cẩm Phả?"

Tôi muốn giơ tay ôm lấy người bạn cũ, nhưng hình như bộ quần áo của cả hai chúng tôi ngăn trở điều này. Tôi chìa tay ra bắt tay Mô, xiết chặt tay người bạn thuở thiếu thời. Tôi nói với Mô bằng giọng của những người bạn cũ chứ không phải bằng giọng của một sĩ quan coi tù với một tù binh:

"Tôi không nghĩ là Mô quên tôi. Nhưng tôi là Hiển, bạn cùng lớp và cùng bàn với anh. Anh có nhận được ra tôi không, Mô?"

"Có, tôi nhận được Trung úy ngay từ hôm đầu tiên, khi Trung úy đọc hồ sơ của tôi. Thật ra tôi chỉ tin chắc khi thấy bảng tên của Trung uý trên ngực áo. Vậy mà chúng ta đã xa nhau mười bốn năm rồi."

Giọng Mô nhẹ như người nói thầm. Tôi vỗ vai anh thân ái và nói với Mô là hãy gọi tôi bằng tên, bằng anh, bằng cái gì cũng được, mày tao như hồi còn nhỏ cũng chẳng sao, vì đây là văn phòng của tôi, mỗi khi tôi tiếp anh sẽ không có một người nào có mặt, không một ai quấy nhiễu. Tôi nói với Mô là cho dù bây giờ tôi và Mô trong hoàn cảnh đối nghịch, tôi vẫn làm bổn phận của tôi, nhưng không một ai có thể cấm cản được tôi, không cho tôi nhận lại bạn cũ. Cả tôi và Mô không ai được chọn vị trí cho chính mình, gia đình của chúng tôi đã chọn cho chúng tôi khi chúng tôi còn nhỏ.

Lại nữa chúng tôi sống ở phần đất nào, tất phải phục vụ cho phần đất ấy. Cũng may chúng tôi đã không gặp nhau ở ngoài mặt trận. Ở nơi đó người ta gặp nhau trong tầm một viên đạn, người ta cũng không kịp suy nghĩ gì khi người ta bóp cò nhắm về phía trước, ở đấy, sau khi người ta bóp cò và nếu còn sống sót trở về, mấy ai quay lại nhìn vào chỗ những người nằm xuống. Cho dù những người nằm xuống là đồng đội mình, chứ đừng có nói tới là quân thù nghịch.

Mô có vẻ như hờ hững với những điều tôi nói. Anh ngồi bẻ bão mấy ngón tay, vẻ mặt chịu đựng. Tôi nhắc lại thời thơ ấu, năm roi đòn của tôi và ba roi đòn của anh. Tôi nói với Mô là thầy Phái hiện còn sống. Con gái của thầy là cô Tần năm nay cũng vào học sư phạm, là học trò của ông anh tôi. Thầy của chúng tôi bây giờ vẫn chưa về hưu, ông làm thanh tra tiểu học ngoài Quảng Ngãi. Tôi hỏi thăm Mô về thầy Lâm, thầy dậy lớp nhì của tôi. Tôi nói với Mô về thầy Phiên dậy

NGUYỄN TẤN HƯNG

TÌM LẠI CHÚT DƯ HƯƠNG

Trong một thoáng ta về thăm quê cũ
Mái trường xưa giờ điểm nét rêu phong
Ta đứng đó bên hàng me ủ rũ
Đợi em qua nghiêng nón che, e ấp má hồng

Ta sẽ theo em về xóm Tổng Liên Đoàn Lao Công
Nơi có đầu con trâu quen thuộc của nhà nông
Và khẽ đếm một hai ba bốn cho chân em cóng
Lỡ trợt té ta có dịp xung phong tay bế tay bồng

Rồi từ đó ta về thăm Ông Văn, Chợ Gạo
Lên Trung Lương, qua cồn Phụng làng ông Đạo Dừa
Chùa Vĩnh Tràng, mộ Hùynh Đức những buổi trưa
Tay trong tay nâng niu đóa hoa tình vừa hé nhụy

Một chiều hành quân tàu bỏ neo tạm nghỉ
Chợt hay tin thuyền tình đã đổi bến sang sông
Bởi vì đâu, ôi, vỡ tan tành giấc mộng
Để nghìn năm vương vấn mãi trong lòng

Lại một thoáng ta về thăm quê cũ
Mái trường xưa giờ còn đó hay không?
Để ta tiếp tục đứng bên hàng me ủ rũ
Tìm lại chút dư hương phảng phất một bóng hồng!

NHẤT TUẤN

SAO KHÔNG TRẢ LỜI

(để trả lời một câu hỏi...)

Rừng bốc cháy có xe cứu hỏa
Dẹp lửa tàn... họ đã làm xong
Lòng ta bão rực lửa lòng
Hỏi: Nhờ ai giúp?
Sao... không trả lời!

Vẫn của nhau nụ cười trong mắt
Hương tóc ai ngây ngất hồn ta
Tỳ bà nức nở chiều mưa
Bao ân tình thủa xa xưa vẫn còn
Để cuối đời mình thương mình nhớ
Lửa lòng theo bão tố rực lên...

Xin cho biển lặng gió êm
Nguyện cầu người ấy bình yên suốt đời
Còn quỳ lạy Chúa trên trời
Lửa lòng dập tắt giúp người con thương...

(Truyện Chúng Mình)

em gái tôi học lớp năm. Thầy Phiên khi dậy học không mặc âu phục như những thầy khác, thầy mặc áo the thâm, đi giầy Gia Định. Thầy có để ria và mỗi khi tròn mồm lại để đọc chữ O tròn như quả trứng gà thì chúng tôi lại ồ lên là chữ Ô chứ không phải là chữ O.

Tôi cho Mô biết thầy Phiên đã chết được vài năm, khi còn sống thầy không khổ như thầy Lâm hiện ở ngoài Bắc như Mô đã nói với tôi. Mô cũng cho tôi biết những người bạn cùng lớp ở lại ngoài Bắc ai còn ai mất. Thật tình có nhiều tên tôi đã quên đi, có nhiều tên tôi phải cố vận dụng trí óc mình để chỉ có thể bắt gặp những cái bóng rất lờ mờ của quá khứ.

Lớp tôi năm mươi học sinh, di cư vào Nam chỉ có bẩy người. Ngoài tôi ra còn hai anh em Thìn và Phúc. Thìn cùng thụ huấn sĩ quan một khóa với tôi. Chu Quang Trung đã xong cử nhân luật, đã lập gia đình và có một con gái đầu lòng. Ngô Quang Nghiêm và Trần Tuấn Phong đang học thuốc năm chót. Lưu, em ruột của Phong cũng đang học thuốc. Ông Chủ dây thép, cha của Phong và Lưu đã mất mấy năm nay. Riêng chị Thúy, chị ruột của Ngô Quang Nghiêm, hiện đang làm ăn ở Lào. Người sau cùng trong lớp tôi di cư vào Nam là chị Trần Thị Hoa, bạn khá thân của chị Thúy, di cư vào Nam năm 1955, lấy chồng năm 1956, 57 gì đó. Nói chung, bẩy người đi Nam không một ai đến nỗi cơ hàn, nhưng cuộc sống đã ném chúng tôi về nhiều phương hướng khác nhau. Chúng tôi vẫn còn là những người bạn cũ, cho dù có khi năm, mười, thậm chí có khi hai mươi năm không gặp lại. Nhưng khi gặp nhau ai cũng tay bắt mặt mừng. Cũng như tôi và Mô giờ đây đâu có ai chờ đợi một buổi gặp gỡ như thế này.

Mô cho tôi biết về những người còn lại. Tất nhiên chỉ những người nào mà Mô biết là còn ở lại Cẩm Phả cho tới ngày Mô phải đi nghĩa vụ. Nói chung đời sống ở ngoài đó vất vả và bất ổn hơn những người đã đi vào Nam. Ngoại trừ một số nhỏ như Hồng, người bạn ngồi bàn dưới với tôi và Mô, có ông bố đi kháng chiến từ đời nảo đời nao, bây giờ về làm lớn nên Hồng được hưởng đôi điều thoải mái. Đại đa số anh em còn lại tan ra ngay từ một hai năm đầu. Mô nói với tôi cho đến một hôm anh phát giác ra là đã ba tháng liền anh không gặp lại một người bạn cũ. Từ đó anh để ý và năm thì mười họa Mô mới gặp một người. Có điều mặt người nào người ấy đều câm nín, mặt người nào người nấy đều u buồn. Tuổi của chúng tôi sàn sàn niên thiếu sao mà đời cho chúng tôi những cái tát phũ phàng.

Mô cho tôi biết anh em ở ngoài đó đi nghĩa vụ nhiều lắm. Không đi thì bố mẹ bị làm tình làm tội đủ điều, còn bản thân thì nhục không thể nào chịu nổi khi mà đi đến đâu cũng bị người ta coi như là bị bệnh hủi. Ở ngoài Bắc người ta không bắt lính như ở trong Nam, nhưng khắt khe hơn nhiều. Trước khi phải vào Nam, Mô nghe biết trong lớp tôi đã có vài người chết. Có người chết vì bị bom Mỹ oanh tạc khu mỏ than kỹ nghệ, có người chết trên đường mòn Trường Sơn, có người chết trong trận tổng tấn công Mậu Thân. Người đó chẳng phải ai xa lạ với tôi vì khi mãn niên học chúng tôi diễn kịch Nguyễn Trãi, Phi Khanh. Vân đóng vai Nguyễn Trãi, còn tôi là Nguyễn Phi Khanh. Tôi vẫn nhớ hoài cảnh ải Nam Quan, tôi cắm cúi đi theo mấy tên quân Minh, quay lại xua tay đuổi Nguyễn Trãi là Vân quay về giữ nước. Vân quỳ trên sân khấu, lông mày vẽ như một lưỡi mác, mặt thư sinh dưới chiếc khăn tráng sĩ quấn trên đầu. Vân đi làm chi cho xa vậy để chết ở cửa thành nội Huế. Huế đâu có phải là Thăng Long. Ở Huế làm gì có trung và hiếu chỉ có bom và đạn. Vân và Mô cùng một đợt nghĩa vụ, khởi đi từ ngoài Bắc cùng một thời gian, cùng tấn công vào Huế. Tôi mong rằng Phúc là Biệt Động Quân đang ở ngoài Trung, tôi mong rằng Phúc không phải là người đã bắn trúng đầu Vân cho dù hồi nhỏ Phúc có đóng vai một tên quân Tầu và bị quân của Nguyễn Trãi tức Vân đá vào đít. Hồi nhỏ đã có lần sau

khi tập kịch tôi và Vân đánh nhau chỉ vì tôi cứ đòi làm Nguyễn Phi Khanh và gọi Vân bằng Nguyễn Trãi.

Chúng tôi nói chuyện cũ khá lâu, Mô đứng dậy đòi về vì đã đến giờ cơm chiều. Tôi đưa cho Mô gói quà tôi đã gói kỹ trong ngăn kéo. Mô hỏi tôi trong đó có những gì. Tôi cho Mô biết ngoài những món đồ cần thiết cho những người tù tôi có gửi cho Mô một số tiền 2.000 đồng, nghĩa là cỡ một phần tư lương tháng của tôi. Mô nhận tất cả, nhưng anh từ chối khoản tiền, anh nói nội quy cấm . Vả lại có tiền cũng chẳng biết mua gì. Anh cũng chẳng cần gì bởi vì cái cần thiết nhất là mạng sống thì anh đã giữ được, giữ được trọn vẹn không thiếu một cọng tóc.

Anh còn cho tôi biết ở tù nhưng anh thực sự no lòng hơn những ngày chuyển quân trên dẫy Trường Sơn. Anh hoàn toàn yên tâm chờ một ngày nào đó chiến tranh tàn, và người ta sẽ phải trao đổi tù binh, anh sẽ về nhà chứ không phải biến mất trên cõi đời này như Vân.

Tôi cho Mô biết tôi không phục vụ ở đây mãi mãi, tôi chỉ phải ở nơi đây một thời hạn là một năm xong sẽ đổi về đất liền, tôi chỉ còn ở đây nhiều lắm là tám tháng nữa. Tôi cho Mô biết là tôi sẽ còn đưa tiền cho Mô nữa vì hiện giờ tôi chỉ có thế. Tôi muốn đề phòng cho Mô trong những trường hợp bất ngờ Mô có thể xoay trở được. Nói thế nào Mô cũng không nghe, sau cùng tôi phải nói với Mô là tôi nợ anh nhiều lắm. Những nửa cái bánh tây mỗi buổi sáng đi học, nhất là về mùa đông ngoài Bắc nó mới ấm lòng làm sao, tôi nợ Mô những món đồ chơi mà Mô luôn san sẻ cho tôi khi còn thơ ấu, tôi nợ Mô cả trận đòn thầy Phái đã đánh Mô do lỗi của tôi. Đã có lúc tôi phải nói với Mô là tiền chỉ có nghĩa thực sự nếu người ta sử dụng nó đúng chỗ, nhất là trong hoàn cảnh như thế này.

Mãi tới lúc đó Mô mới cho tôi biết là trong gần hai tháng nay đã có lúc anh ghét tôi vì nhiều điều mà trong đó sự may mắn của tôi khi được theo gia đình vào Nam là một. Lại nữa, kể từ khi tôi đã đích thân đọc hồ sơ của Mô thì anh nghĩ tôi phải sớm gặp anh

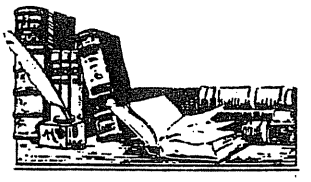

HUY TƯỞNG

CON ĐƯỜNG

Này em,
Ta đắt nhau về
Vang vang dưới núi
Chiều tê lạnh rồi
Con ong
Cái kiến
Qua đồi
Và trăng xanh nữa
Im lời nước mây
Bước chầm chập dưới hàng cây
Đừng rung em nhé
Sợ ngày rụng theo!
Bóng ta
Rớt dưới chân đèo
Em ơi, có thấy ít nhiều hoang vu?!
Thôi
Nằm ngủ dưới rừng thu
Mai
ta thức dậy
Thân mù mịt sương
Mai
ta bỏ quên phố phường
Dìu nhau đi suốt con đường hư không!...

SAIGON 07.92

CẢNH TƯỢNG

Chiều ùa chuông tan vỡ
Những hàng cây yên lặng xám
Và bầy đá nâu
Và lẻ loi tấu khúc buồn...
... Không nói
Người đàn ông về lặng lẽ mái hiên
Mưa suốt hồn ly biệt!...

SAIGON 07.92

hơn nữa. Anh cũng không quên những roi đòn thời thơ ấu mà chúng tôi cùng chịu chung với nhau, mấy cái bánh tây kẹp chả chỉ là những điều nhỏ trong thời thơ ấu của hai chúng tôi. Mô đâu có biết trong gần hai tháng qua tôi ngợp trong công việc, nhưng không bao giờ tôi quên người bạn thiếu thời của tôi. Tôi dặn Mô trước khi ra về là nếu cần, cứ xin gặp giám thị bất cứ lúc nào để có thể tới gặp tôi. Tất nhiên là phải kín đáo. Những người đồng chí của Mô đâu thể nào tin được có những tình bạn vô vị lợi, được tồn tại sau khi người ta đã mất hút nhau trong đời sống cả chục năm trời đằng đẵng. Trước khi quay đi Mô còn nói với tôi là hơn mười năm nay anh không có một tình bạn đúng nghĩa.

Từ hôm gặp lại người bạn cũ tôi hay suy nghĩ về đời người. Mỗi buổi chiều tôi hay đi tắm ở ngoài bãi biển, lặng nhìn hoàng hôn khuất dần nơi những ngọn sóng xa xa. Tôi tránh không vào khu giam có Mô ở trong đó, tôi dặn người giám thị khu giam này vài điều cần thiết về liên hệ giữa tôi và Mô. Mỗi khi trong trại giam có điều lộn xộn tôi lại lo sợ hão huyền cho Mô. Tôi đã đề nghị với Mô là xin ra chiêu hồi, tôi sẽ đích thân bảo lãnh cho anh, nhưng Mô từ chối vì anh cho là ra ngoài thì không sớm thì muộn cũng lại phải dấn mình vào một phe nào đó. Đối với Mô chiến tranh chấm dứt sớm hơn nhiều người khác một thời gian, tuy anh bị câu thúc thân thể, nhưng nhờ vậy anh được an ổn không phải bất chợt một ngày nào đó phải đối diện với cái chết. Vả lại anh còn bố mẹ, anh em ở ngoài Bắc, mọi cử chỉ của anh không bao giờ chỉ ảnh hưởng đến một mình anh mà thôi.

Từ đó thỉnh thoảng tôi lại kiếm cớ để gặp Mô một lần. Điều làm tôi đau lòng là chúng tôi cứ phải giấu cái tình bạn thời thơ ấu của chúng tôi như những kẻ cắp. Nhiều khi tôi ăn nhậu với mấy người lính của tôi, tôi chợt nhớ tới Mô mà không làm sao có thể mang anh ra ngồi uống với tôi vài ly rượu cho tình đời ấm được một chút nơi cõi lòng hoang lạnh của Mô. Đôi khi từ trong văn phòng nhìn ra thấy anh lặng lẽ làm tạp dịch nơi vòng đai doanh trại, tôi chỉ muốn khoác vai anh thân ái như ngày nào chúng tôi đi trong sân trường Cẩm Phả, nơi có những cây bàng còn non, mà đã cho rất nhiều quả nên vì thế mà chẳng một ai được ăn vì những cái quả đó không bao giờ kịp chín đã bị trẻ con leo lên hái một cách dễ dàng. Cha Mô mua cho anh tất cả những dụng cụ học trò, toàn là thứ đắt tiền. Cái compas của anh mạ kền sáng loáng, trong khi cả lớp còn viết bút thường chấm vào lọ mực thì Mô đã có một cái bút máy hiệu Parker. Anh đeo đồng hồ tay thỉnh thoảng lại vén tay áo lên xem giờ. Anh đi làm chi cho xa, quá xa những mỏ than xám xịt ở Cẩm Phả để đến nỗi bây giờ anh đang lóng ngóng đắp đường nơi hải đảo này sau mỗi cơn mưa. Có lần tình cờ đi kiểm soát buổi sáng tôi thấy Mô phải gánh phân đi đốt.

Suốt buổi sáng đó, tôi như một người nào khác, tôi nhớ tới Trần Tuấn Phong, tôi nhớ tới Trần Văn Cử, Ngô Quang Nghiêm, Chu Quang Trung. Tôi nhớ tới những nét mặt lờ mờ của Vân, Hoằng, hay của một người nào đó, cái đầu cứ lơ mơ với những bụi sim rải rác trên đồi mà mỗi sáng Chủ Nhật tôi và Mô hay đi bắn chim lang thang nơi mấy dẫy núi gần nhà tôi. Tôi nhớ tới Vân, tới Cử, tới Hoằng. Không biết những con người đó bây giờ ai còn ai mất. Chắc cũng có người đã lập gia đình vì ngay năm chúng tôi thi đậu tiểu học đã có một anh mười bẩy tuổi, lớn nhất lớp tôi vừa đậu xong nhà cưới cho cô vợ để có con nối dõi tông đường. Anh đó tôi đã quên tên nhưng nhớ anh là con một. Nếu năm 1954 đó anh có con thì chưa biết chừng chiến tranh này kéo dài thêm ba năm nữa tôi có thể gặp lại người con thay vì người bố.

Năm 1969 tôi mãn hạn phục vụ ở Phú Quốc, cầm lệnh thuyên chuyển trong tay tôi tần ngần không biết làm thế nào thông báo cho Mô biết chúng tôi sắp vĩnh biệt từ đây. Trong vài tháng qua tôi đã dấm dúi cho Mô trước sau cũng được gần một tháng lương tôi. Mỗi lần nhận tiền anh đều nói anh không cần vì tiền cũ vẫn còn, nhưng tôi cứ ép. Bởi vì tôi biết có ngày hôm nay, có ngày chúng tôi sẽ không còn được ở gần nhau, cho dù là để chiếu cố ngầm cho nhau. Tôi phải chia tay với Mô bằng cách Mô giả đi khai bệnh, được nằm lại tại bệnh xá, chính ở đây tôi uống với anh vài ly bia, ăn với nhau một bữa cơm đầu tiên và cũng là bữa cuối cùng kể từ khi chúng tôi gặp lại.

Mô hình như đã sửa soạn sẵn cho ngày chia tay này. Anh bình tĩnh ăn uống, nói với tôi những câu thăm hỏi cha mẹ, cũng như các anh chị tôi. Lần này anh không từ chối những món quà tôi mang lại. Nào có gì nhiều, hai bánh thuốc lào, một cây thuốc lá, cũng lại khăn mặt, xà phòng, kim chỉ, quần đùi, may ô... Lần này Mô cho tôi một món quà do anh tự tay làm lấy: Một bộ quân cờ cho cha tôi và một cái khăn mùi soa cho tôi. Tôi khựng lại nhìn Mô không hiểu anh có đàn bà quá không? Chúng tôi ôm nhau lần đầu và cũng là lần cuối. Tôi cảm thấy thân thể Mô run lên trong tay tôi.

Về tới nhà tôi mở cái khăn ra và tôi hiểu được cho tới suốt đời Mô và tôi là những người bạn đúng nghĩa của tình bạn. Trên nền vải trắng tinh là một hình thêu ngôi trường cũ của chúng tôi. Với bảng tên trường nằm ngang nơi cổng: Trường Tiểu Học Cẩm Phả Mỏ. Một dẫy bàng, một ngôi nhà dài chứa bốn phòng học đầy đủ cả cửa ra vào và cửa sổ cho mỗi lớp học. Trên tấm khăn này tôi nhìn mãi chẳng thấy hận thù, chỉ thấy những chua xót đã làm cho tuổi trẻ của tôi và Mô bị kiệt đi. Cái khăn đó tôi giữ mãi trong người và chỉ đánh mất nó khi đơn vị tôi bị đánh tan trên đường triệt thoái từ Quy Nhơn vào Nha Trang lúc cuối mùa trận chiến. Mô hơn tôi hai tuổi, không biết giờ này anh đang ở đâu và làm gì? Dù ở đâu chăng nữa tôi cũng mong anh gặp nhiều may mắn trên cõi đời càng lúc càng hiếm lòng tử tế này.

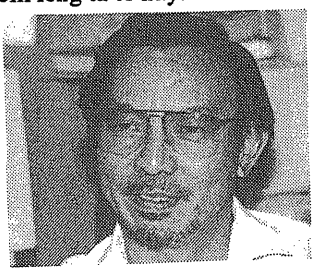

Nhà văn Hoàng Khởi Phong

VIỆT NAM THẾ KỶ 20: NHỮNG CHỌN LỰA VÀ HẬU QUẢ

PHẠM XUÂN ĐÀI ghi

Quang cảnh cuộc Hội luận. Tham dự: Đỗ Ngọc Yến, Phạm Phú Minh, Nguyễn Xuân Hoàng, Nghiêm Phú Phát, Lê Đình Điểu, Vũ Ánh, Trần Văn Kha, Nguyễn Mạnh, Đào Trung Đạo, Tống Nhiệm, Phạm Gia Hòa, Trần Đại Lộc, Đỗ Việt Anh và Đinh Quang Anh Thái.

Vào lúc 3 giờ chiều ngày thứ Bẩy 21 tháng Năm 1994 cuộc hội luận diễn ra tại tòa soạn của báo Thế Kỷ 21. Cuộc hội luận chỉ tập họp một số giới hạn các thân hữu — 14 người, kể cả người trình bày và điều hợp đề tài là ông Đỗ Ngọc Yến, nhưng đề tài của cuộc hội luận lại không nhỏ chút nào: "Việt Nam Thế Kỷ 20" — một đề tài có thể gọi là mênh mông.

Trong một tiếng rưỡi đồng hồ, ông Đỗ Ngọc Yến đã trình bày một cách hấp dẫn các nét lớn của lịch sử dân tộc Việt Nam trong thế kỷ 20, và một vài đặc điểm của các biến cố lớn trên toàn thế giới:

- Dân số bùng nổ.
- Con người làm chủ thiên nhiên và ngoại cảnh; nạn đói; dịch bệnh, thiên tai giảm bớt; tuổi thọ kéo dài, mức sống nói chung được nâng cao.
- Sự hưởng thụ đời sống được phổ biến đến rộng rãi quần chúng chứ không còn trong tay một thiểu số.
- Tổ chức đời sống được hợp lý hóa; quốc gia là đơn vị căn bản; các quốc gia bình đẳng với nhau hơn.

Tóm lại, thế kỷ 20 là một thế kỷ biến chuyển nhanh chóng, văn hóa Âu Tây thống trị thế giới và khoa học kỹ thuật phổ biến cùng khắp.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam, ta thấy có hai cuộc chuyển tiếp lớn. Từ khi Ngô Quyền giành được quyền tự chủ cho đất nước, Việt Nam được độc lập nhưng phải liên tục ở trong cái thế thoát ra khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa, đó là bước chuyển tiếp thứ nhất. Đến cuối thế kỷ 19, khi xã hội Việt Nam tham vọng đi từ nền văn minh nông nghiệp sang văn minh khoa học kỹ thuật là bước chuyển tiếp thứ hai. Thế kỷ 20, đặt trong bối cảnh dài lâu của lịch sử, chính là một trung đoạn của sự chuyển tiếp này.

Như vậy lịch sử Việt Nam có các mốc chính của thế kỷ 20 như sau: năm 1905 với phong trào Đông Du; năm 1945: năm chấm dứt thời kỳ Pháp thuộc; năm 1975: người Việt Nam di dân ra khắp thế giới.

Năm 1905 đã chứng kiến một sự lựa chọn quan trọng của người Việt Nam: quyết định làm các cuộc vận động theo lối mới sau cái chết của

Phan Đình Phùng, cũng là cái chết của phong trào Cần Vương. Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục là ý muốn học hỏi kỹ thuật và tư tưởng mới, và tìm những thế lực mới cho công cuộc giải phóng đất nước, không những ra khỏi sự lệ thuộc người Pháp mà còn ra khỏi cái nặng nề tăm tối của một nền quân chủ nặng ảnh hưởng Trung Hoa. Hai khuôn mặt nổi bật trong thời kỳ này là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh. Thời điểm 20 năm sau cái mốc 1905 đã có những biến chuyển biến, chấm dứt sự hoạt động của hai cụ Phan (Phan Bội Châu bị bắt năm 1925 và Phan Chu Trinh mất năm 1926) và chuẩn bị cho sự ra đời của hai đảng chính trị có đường lối đối lập nhau là Việt Nam Quốc Dân Đảng (1927) và Đảng Cộng Sản (1930).

Năm 1945 là một cái mốc lớn khi Việt Nam tuyên bố độc lập, đó là năm giữa của thập kỷ 40, một thập kỷ đầy những chọn lựa khó khăn cho Việt Nam. Đây là lần đầu tiên Việt Nam phải đối diện với quốc tế trong các lựa chọn của mình: áp lực của người Nhật, mạng lưới quốc tế của Cộng Sản, giải pháp Bảo Đại vào năm 1948. Sau sự tan vỡ của một chính phủ liên hiệp các phe quốc cộng được thành lập năm 1945, Trung Cộng và Liên Xô công nhận chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cuối năm 1949, Mỹ công nhận chính phủ Bảo Đại đầu năm 1950, chiến tranh lạnh đã chính thức có mặt trên đất Việt Nam. Hiệp định Genève ký năm 1954 cho thấy là chuyện Việt Nam đã được hoàn toàn do quốc tế quyết định, nằm trong bối cảnh chiến tranh lạnh trên thế giới.

Năm 1975, khi phe Cộng Sản toàn thắng tại Việt Nam, cuộc chiến tranh lạnh quốc tế coi như chấm dứt tại đây. Người Việt Nam không đồng tình với chủ nghĩa Cộng Sản ra đi khắp thế giới, và cái khí hậu chiến tranh lạnh giữa người Việt Nam với nhau (ở trong nước và ngoài nước) coi như vẫn tồn tại mặc dù cuộc chiến tranh lạnh thế giới coi như chấm dứt từ năm 1989. Người Việt bỏ nước ra đi mang theo văn hóa, tiếng nói và cả lịch sử của mình, tạo ra một nước Việt Nam nối dài, tạo nên một lớp người Việt đặc biệt. Chúng ta phải đối diện với một lựa chọn mới. Phải suy nghĩ một giải pháp cho Việt Nam, phải làm gì để lấp bớt khoảng cách giữa thế hệ thứ nhất với thế hệ thứ hai và các thế hệ nối tiếp?

Trong phần thảo luận, các ý kiến xoay quanh vấn đề tình hình Việt Nam hiện tại. Ông Trần Văn Kha cho rằng người Việt Nam không có sự chọn lựa, mà chỉ là phản ứng lại những gì bên ngoài đem đến cho mình. Tình hình Á Châu hiện đang có dấu hiệu sôi động với ý đồ của Trung Quốc muốn bành trướng xuống phía Nam và dấu hiệu của Mỹ muốn có mặt trở lại về quân sự ở vùng này. Mỹ và chính quyền Việt Nam hiện tại đang xích gần nhau hơn, thái độ của chúng ta sẽ thế nào?

Ông Tống Nhiệm, một trong những người chủ trương tạp chí Người Dân và hoạt động cứu trợ xã hội, muốn diễn giả cho biết "người Việt Nam tại hải ngoại đang suy nghĩ ra sao?" Ông Yến cho rằng hiện có bốn "trung tâm suy nghĩ" của người Việt hải ngoại là Âu Châu (Pháp, Đức là chính), Hoa Kỳ (Cali, Washington, Texas), Úc và Nhật Bản, trong đó trung tâm Âu Châu được xem như trí thức nhất, và Nhật Bản, tuy số người Việt không đông những suy nghĩ ở đây cụ thể và đưa đến các tác dụng thực tế vào Việt Nam. Một trong những ưu tư chính của tất cả các trung tâm là truyền lại cho thế hệ trẻ sự đánh giá quá khứ đúng đắn để nhận thấy rõ trách nhiệm đối với Việt Nam và có tác động đến Việt Nam. Đó là con đường của thế kỷ 20 đang kết thúc để bước vào thế kỷ 21.■

tìm mua:

HOMELAND MIRRORED IN YOUR EYES

NHÌN NHAU CHỢT THẤY RA SÔNG NÚI

Du Tử Lê

• Qua bản dịch Anh Ngữ công phu của hai dịch giả:

PHẠM TRỌNG LỆ & LÊ TRỌNG HUẤN

• tuyên ngôn của những người không cần kiếp sau

• riêng biệt ly quá đỗi

• khỏa thân, đinh cường và niềm bí mật, gió

• nhan sắc người duy nhất một ngôi thôi

• biển, gương, seattle

• sao nửa đời đèo dốc vẫn vây quanh v.v...

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

HOÀNG KHỞI PHONG và LÊ TAM CA

Trong tháng này, sách nhận được tuy không nhiều, nhưng hầu như các bộ môn đều góp mặt, kể cả sách ít có thuộc bộ môn hội họa. Cái gì hiếm thì được ưu tiên, do đó trước hết chúng tôi giới thiệu quyển sách viết về hội họa này:

Nghệ Thuật Tạo Hình Dân Gian Việt Nam, biên khảo của **Huỳnh Hữu Ủy**. Sách dầy 300 trang, Hồng Lĩnh xuất bản và phát hành, giá $18.00. Địa chỉ liên lạc: 9601 Bolsa Ave, Westminster, CA 92683. ĐT (714) 531-7223.

Ngay trong lời đề tựa, họa sĩ lão thành Thái Tuấn cho biết trong thời gian ông còn trẻ, hăng hái hoạt động trên lãnh vực hội họa, có đôi lần nghiên cứu những tranh cổ dân gian, ông phải tham khảo một quyển sách của người Pháp. Kể từ đó tới nay, dễ chừng nửa thế kỷ đã trôi qua, đây là một trong những quyển sách biên khảo về những người nghệ sĩ dân gian Việt Nam công phu nhất, không chỉ đơn thuần trong lãnh vực hội họa, mà còn trong điêu khắc và kiến trúc các đền đài, miếu mạo, những pho tượng, những phù điêu nơi các đình chùa, những bức tranh mộc bản, những hình vẽ trên các đồ sứ...

Trên hai trăm trang tài liệu, cộng với những phụ bản mầu của các nghệ sĩ vô danh cách chúng ta nhiều thế kỷ, cho chúng ta biết Huỳnh Hữu Ủy đã để khá nhiều tâm huyết vào trong quyển sách này. Nhưng cái quan trọng nhất là ông đã dầy công nghiên cứu, viết những bài khảo luận sâu sắc, giúp cho những người chưa hề bước chân vào lãnh vực này không bỡ ngỡ.

Tưởng cũng nên nhắc qua chúng ta có hàng trăm họa sĩ, nhưng chúng ta chỉ có vài người nghiên cứu về hội họa mà Huỳnh Hữu Ủy là một trong những người này. Đây là một quyển sách cần cho mọi tủ sách gia đình.

Những Bí Ẩn Đằng Sau Các Cuộc Thánh Chiến Tại Việt Nam, biên khảo của **Lữ Giang**. Sách dầy 500 trang chia làm năm chương không đều. Tác giả tự xuất bản, giá $20.00, địa chỉ liên lạc: P.O Box 4244, Garden Grove, CA 92642.

Tác giả Lữ Giang dẫn người đọc đi suốt quyển sách của ông bằng một câu thành ngữ La Tinh ghi trong Lời Tựa: "Fiat justitia et ruant caeli," mà ông tạm dịch là: " Phải tuân hành công lý cho dù tầng trời có sụp đổ."

Đây là một quyển sách biên khảo công phu nhưng chắc chắn sẽ gây tranh cãi sôi nổi, dù tác giả đã rào đón rất khéo léo là "khó tránh khỏi một số sơ sót," và "phê bình một đôi khi cũng chưa thoát tính chủ quan."

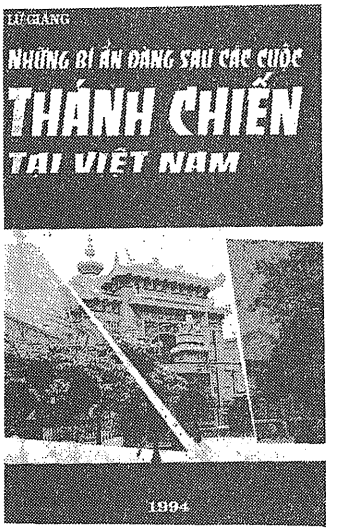

Nếu đã đọc "Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi" của Đỗ Mậu, có lẽ cũng nên đọc "Những Bí Ẩn..." của Lữ Giang. Cả hai cuốn cung cấp cho chúng ta khá nhiều tài liệu liên quan đến những vấn đề tôn giáo ở trong nước cũng như ở ngoài nước, đặc biệt trong lịch sử cận đại và hiện đại của đất nước chúng ta.

Sơ Lược Về Thể Lục Bát, biên khảo của **Phạm Văn Hải**. Sách do tác giả tự xuất bản dầy 100 trang, không đề giá bán và cũng không có địa chỉ liên lạc.

Quyển sách được mở ra bằng hai câu thơ, tất nhiên là lục bát:

"Mẹ ơi! mẹ ngủ cho ngon!
Để con ghi lại những lời mẹ ru!"

Hỏi tác giả tại sao sách dạy làm thơ lục bát mà ngay câu mở đầu đã thất vận, tiến sĩ ngữ học Phạm Văn Hải cho hay đó là một sự cố ý, "ai đọc mà thấy tức, đó là đã hiểu và thích thơ lục bát!"

Quyển sách được viết như là một lời báo hiếu khi bà mẹ tác giả vĩnh viễn đi khỏi cõi đời. Nói về thi ca, đặc biệt là thể thơ lục bát chúng ta có thể viết hàng ngàn trang, cũng vì lý do đó mà tên quyển sách là "sơ lược".

Những câu ca dao, những bài hát ví, hát đối trong những ngày hội xa xưa cũng không là những câu sáu tám. Đây là thể thơ mà ta có thể

nói không ngoa là đã ươm tâm hồn cho người Việt chúng ta. Tuy chỉ là một quyển sách mỏng, sơ lược nhưng cũng tạm đủ cho các con em của chúng ta, trưởng thành ở đất Mỹ, không đến nỗi bỡ ngỡ khi bắt gặp những câu thơ này.

Phạm-Văn-Hải

Sơ-lược

về Thể Lục-bát

Falls Church, Virginia
1994

Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi, thơ của **Du Tử Lê**, do tủ sách văn học Nhân Chứng xuất bản. Sách dầy 144 trang, giá $10.00. Địa chỉ liên lạc: 706 La Vergn way, Santa Ana, CA 92703.

Đây là tập thơ mới nhất của Du Tử Lê gồm hai phần chính: phần đầu là Anh ngữ, ''Homeland mirrored in your eyes'' — đúng ra đây là bản dịch thơ của Du Tử Lê sang Anh ngữ do Phạm Trọng Lệ và Lê Trọng Huấn thực hiện. Phần hai là phần Việt ngữ gồm những bài thơ mới nhất. Phần lớn những bài thơ này là các kỷ niệm của Du Tử Lê với các bằng hữu của ông. Ngoài ra có một phần phụ lục là những bài thơ được phổ nhạc bởi các nhạc sĩ thân hữu, cùng những phụ bản hội họa của Đinh Cường, Khánh Trường. Cũng trong phần này có hai bài viết đặc biệt của Mai Thảo và Bùi Bảo Trúc về thơ Du Tử Lê.

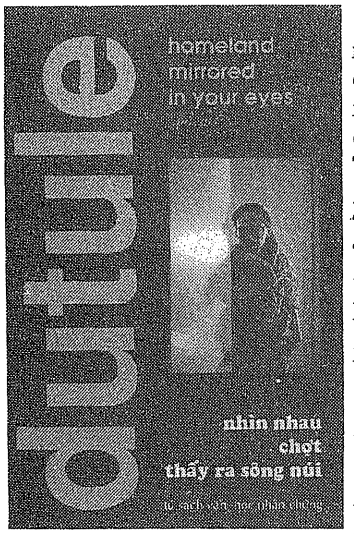

Hòa Bình Và Tôi, thơ của **Hà Thúc Sinh**. Đây là một tập thơ mỏng của Hà Thúc Sinh, có lẽ dùng để tặng bằng hữu chứ không để bán. Tập thơ dầy 32 trang, không đề giá bán, cũng như địa chỉ liên lạc.

Tuy là tập thơ mỏng nhưng ông cũng viết cho nó một cái tựa cẩn thận, và trong cái tựa này chúng ta biết tập thơ chỉ là cái cớ để ông soi gương lại đời mình trong những ngày đã qua, cũng như trong những ngày sắp tới. Thấp thoáng trong tập thơ này chúng ta bắt gặp hình ảnh của một nhà thơ khác là Nguyễn Bắc Sơn. Cả hai là những bằng hữu trong thời chiến, giờ đây là thời bình, giờ đây là không gian xa cách của cả một đại dương. Xưa trong nước là Nguyễn Bắc Sơn với ''Chiến Tranh Việt Nam và Tôi'' và nay là Hà Thúc Sinh, ngoài nước với ''Hòa Bình và Tôi''. Đã đọc ''Dạo Núi Mình Ta,'' và ''Thơ Viết Giữa Đường'' thì cũng nên kiếm một quyển ''Hòa Bình và Tôi'' cho nó đủ chất thơ Hà Thúc Sinh.

Cố Hương, tập truyện của **Hà Thúc Sinh**, do Tú Quỳnh xuất bản 1994, sách dầy ngót 200 trang, đề giá $12.00. Địa chỉ liên lạc nhà sách Tú Quỳnh.

Đây là tập truyện gồm chín truyện ngắn viết về những mảnh đời Việt Nam trong đất tạm dung. Có thể nhận định ngay đây là một ''Ông HO'' khác, trong toàn bộ sáng tác của Hà Thúc Sinh (''Ông HO'' là tựa một tập truyện của nhà văn họ Hà ra năm 1993). Hà Thúc Sinh là một trong những cây viết rất khỏe, kể từ khi đặt chân lên bến bờ tự do vào năm 1984, ông ngồi xuống viết hối hả và ''Đại Học Máu'' hoàn tất không đầy một năm sau (1985). Kể từ đó tới nay, trong vòng không đầy mười năm ông cho ra đời thêm sáu tác phẩm, đủ thể loại, thơ, truyện ngắn, truyện dài, truyện dịch, ký.

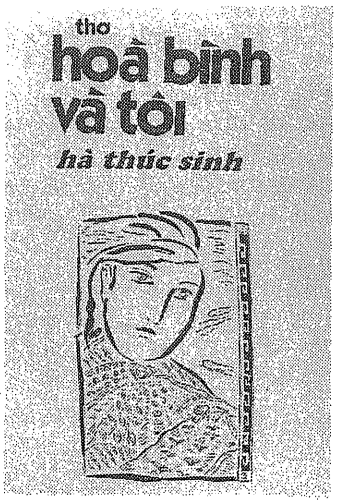

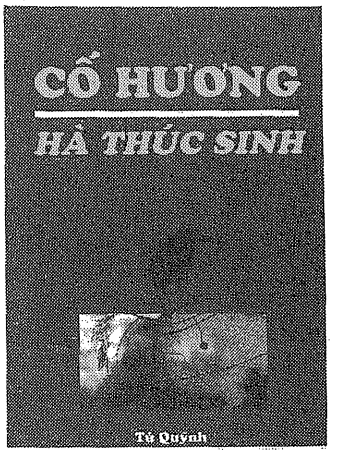

Ông chứng tỏ khả năng đa dạng và phong phú trong mọi loại sáng tác. Đó là chưa kể tới nhạc. Chúng ta sẽ có dịp đọc ông thường hơn bởi vì hiện nay ông không còn viết báo mà chuyên tâm sáng tác văn học.

Dấu Chân Xưa: tập truyện của **Nguyễn Ngọc Ngạn**, Làng Văn xuất bản và phát hành vào đầu năm 1994. Sách dầy 180 trang, giá $10.00. Liên lạc: PO. Box 218 Station ''U'', Toronto M8Z5P1, Canada.

Đây là tác phẩm mới nhất, gồm một số truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn. Đối với

văn học hải ngoại, Nguyễn Ngọc Ngạn là một hiện tượng. Ông khởi sự cầm bút sau năm 1975, sau một thời gian đi tù cải tạo, và sau một chuyến đi kinh hoàng nhất cho một đời người. Chuyến đi đã để lại trong lòng ông những dấu ấn không bao giờ phai, và do đó ông là một trong những ngòi bút sắc bén chống lại chế độ Cộng Sản trong nước.

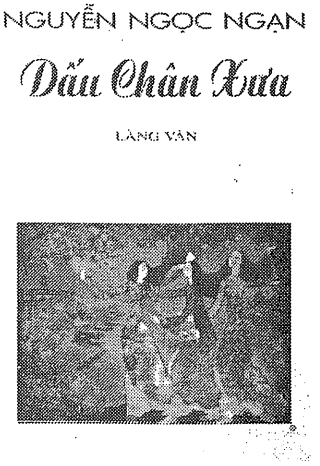

Trong truyện của ông, bất kể đó là truyện dài hay truyện ngắn, độc giả đều bất gặp những con người Cộng Sản không có hình dạng của một con người. Truyện dài "Nước Đục" cho độc giả thấy ông không chỉ chống Cộng Sản, ông còn chống cả những con người giả hình trong cộng đồng tị nạn chúng ta. Ông là một tác giả có sức sáng tác mạnh. Một điểm đặc biệt nữa là cuốn sách đầu tiên trong đời viết văn của ông lại là một cuốn viết bằng tiếng Anh. Thời gian gần đây ông còn hoạt động trong lãnh vực trình diễn, ông là một trong những người điều khiển chương trình chính của trung tâm băng nhạc "Thúy Nga".

*

Trong tháng qua, TK 21 nhận được báo do các đồng nghiệp gửi tặng. Xin ghi nhận ở đây và xin cám ơn quý đồng nghiệp.

- *Diễn Đàn*, số 29, BP 50, 92340 Bourg-la-Reine, France.
- *Người Dân*, số 43, PO Box 2674, Costa Mesa CA 92628.
- *Cánh Én*, số 29, Lotharstr 2, 90431 Nurnberg, Germany.
- *Sinh Hoạt Cộng Đồng*, số 4/94, Carlos-Grethe Weg 2, 7000 Stuttgart 1, Germany.
- *Văn Học*, số 95, PO Box 1359 Garden Grove CA 92642-1359.
- *Thế Giới Ngày Nay* (Wichita), số 120, 410 W 21st St., Wichita KS 67203.
- *Dân Chúa* (Âu Châu), số 137, Pfizerstr 5 D-70182 Stuttgart 107, Germany.
- *Việt Luận*, các số từ 850 đến 866. PO Box 99 Bankstown NSW 2200 Autralia.
- *Dân Việt*, các số từ 21 đến 30. PO Box 368 Cabramatta NSW 2166 Australia.
- *Ngày Nay*, các số từ 287 đến 297, 3121 San Jacinto, Houston TX 77004.
- *Hiệp Nhất*, số 15, PO Box 6521 Santa Ana CA 92706.

SÁCH MỚI

1. **NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI**: Đức Đạt Lai Lạt Ma (Hồi Ký) Hồng Hà dịch gồm nhiều hình ảnh	13MK
2. **ĐỜI NGHỆ SĨ**: Nguyễn Hiến Lê (Sách mới in)	9MK
3. **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI**: Hoành Linh Đỗ Mậu (tái bản lần 9 thêm 15% bổ chính - đóng bìa cứng)	32MK
4. **HỒ CHÍ MINH NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG**: Hồ Sĩ Khuê (tái bản - bìa cứng)	22MK
5. **TUẦN TỬ** (Sách mới): Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích	18MK
6. **MÂY BÃO**: Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (tái bản)	12MK
7. **VIẾT**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
8. **ĐỐI THOẠI**: Võ Phiến (Sách mới)	8MK
9. **TRUYỆN MIỀN NAM Tập II**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
10. **KÝ, BÚT - KỊCH MIỀN NAM**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
11. **KÝ THÁC**: Truyện Bình Nguyên Lộc (tái bản)	7MK
12. **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA**: Truyện Bình Nguyên Lộc (tái bản)	8MK
13. **KINH DỊCH**: Nguyễn Hiến Lê (tái bản)	20MK
14. **TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY**: Đạt Lai Lạt Ma (tái bản)	14MK

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách dưới 10MK, thêm 2MK cho sách trên 10MK. Riêng quyển số (3) thêm 5MK và số (4) thêm 3MK. Mua tại một số nhà sách ở Mỹ hoặc trực tiếp nhà xuất bản.

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel:(714) 527-5761

TÙ CA VÀ QUÊ HƯƠNG CA

Có thể nhiều người cho rằng cái tên ấy chưa thể hiện đúng và đầy đủ buổi sinh hoạt, nhưng chắc không ai trong số hơn 500 người tham dự không đồng ý với ý nghĩa, nội dung phong phú và sự thành công của buổi chiều ngày 30-4-1994 tại hội quán Đêm Mầu Hồng.

Phần lớn những ca khúc do các anh em cựu tù nhân đã sáng tác trong các trại cải tạo của Cộng Sản và từng được đem ra trình diễn ở các cuộc tập họp riêng trong phòng, trong đội hay một đôi khi vào những ngày nghỉ lễ Tết. Các sinh hoạt như thế thường được anh em chia nhau ra canh gác báo động khi có cán bộ đến gần, tuy vậy không ít trường hợp đã dẫn cả người trình bày cũng như người tham dự đến những ngày dài bị cùm kẹp ở nhà kỷ luật.

Trình bày lại những sáng tác ấy bây giờ, mọi người muốn nêu rõ ý chí bất khuất trong hoàn cảnh gian khó và đồng thời tưởng niệm những người bạn đã mất trong ngục tù cũng như những người bỏ mình cho cuộc đấu tranh chính nghĩa hay trên đường đi tìm tự do.

Đêm trình tấu Tây Ban Cầm

Ngoài những bài hát viết trong tù và ca ngợi quê hương được chính các tác giả, bạn bè hay nghệ sĩ thân hữu trình diễn, tiết mục gây được xúc động đáng kể trong buổi này là hoạt cảnh "Đi thăm bố."

Dưới hình thức "đọc truyện sân khấu", câu chuyện do cựu tù nhân cải tạo Chu Tất Tiến viết lại theo một sự việc bi thảm có thật, đã được chị Kim Đức — cựu nữ sinh Gia Long -- và em bé Phạm Thanh Vân diễn tả. Chúng tôi ghi nhận nhiều khán giả đã nhỏ lệ, trong số ấy hẳn có người đã sống lại những hình ảnh của những năm tháng đau thương bi đát nhất sau ngày Cộng Sản thống trị trên toàn đất nước.

Buổi sinh hoạt do Nhóm Thân Hữu H.O. và Chương trình phát thanh "Anh Vẫn Sống" của đài Little Saigon Radio phối hợp tổ chức mà ba cá nhân phụ trách là Bích Huyền, Chu Tất Tiến và Nguyên Huy.

HỘI TÂY BAN CẦM TRÌNH TẤU

Hội những người chơi Tây Ban Cầm đã có buổi họp mặt và trình tấu tại hội quán Thùy Dương tại quận Cam, vào tối thứ Bẩy, 7 tháng Năm 1994. Đoạn trích sau đây trong mục "Sổ Tay" của nhật báo *Người Việt* ngày 9 tháng Năm 1994 cho thấy tính cách sinh hoạt của Hội:

"Ở nước Mỹ này những hội đoàn của người Việt Nam không có hội nào giống hội những tay chơi... Tây Ban Cầm. Hội thành lập dễ chừng đã mấy năm nay, cũng đã trình tấu trước công chúng nhiều lần, còn sinh hoạt với nhau trong các khuôn khổ tại tư gia thì không biết bao nhiêu lần, thế nhưng cái đáng yêu nhất của hội này là các tay chơi... Tây Ban Cầm không một ai muốn làm hội trưởng.

Anh Nguyễn Thái Cường không mầu mè gì cả, giới thiệu anh Đỗ Đình Phương là... hội trưởng. Mãi tới lúc đó anh Đỗ Đình Phương mới biết rằng anh em ngầm tín nhiệm anh. Nói đến Tây Ban Cầm cổ điển thì ngay từ hồi trong nước Đỗ Đình Phương đã là một tên tuổi lớn...

Nhiều người thích không khí thân mật của buổi trình diễn, chẳng có ai giành giật micro, một mình Nguyễn Thái Cường trên bục tự biên, tự diễn. Cũng chẳng ai ca tụng ai là thiên tài, chỉ vài lời giới thiệu ngắn ngủi, và mỗi người đến với mọi người bằng tiếng đàn của mình, bằng phong cách trình diễn của mình.

Chỉ cần trông vào phong thái ngồi nghe của thính giả là đủ biết. Quán không có một ghế trống, nhưng không hề có những tiếng động khác trong khi các tay đàn đang trình diễn. Cả trăm con người chú mục vào một người. Chẳng

cần đèn mầu, chẳng cần quần áo là lượt, chẳng cần khoa trương ngôn ngữ, ai ai cũng né cái micro, ngoại trừ phần trình diễn của mình..."

Đỗ Bằng Lăng sau buổi trình tấu tại Quận Cam

ĐỖ BẰNG LĂNG TRÌNH TẤU DƯƠNG CẦM

Tối Chủ Nhật 8 tháng Năm 1994, có buổi trình diễn dương cầm của Đỗ Bằng Lăng tại nhà hát của thư viện Huntington Beach Library. Trước gần 300 khán giả, trong khung cảnh lịch sự ấm cúng rất văn hóa của rạp hát thư viện, Bằng Lăng đã lần lượt độc tấu các tác phẩm: *Biến tấu theo một nhạc đề của Handel Tập 24, Si giáng* của Johannes Brahms (*Variations on a Theme by Handel Op.24, in B-flat*); *Cầm Tấu Khúc Tập 109, Mi trưởng* của Lugwig van Beethoven (Sonata Op.109 in E) và *Cầm Tấu Khúc Tập 35, Si Giáng Thứ* (*Sonata Op.35, in B-flat Minor*) của Frédéric Chopin.

Ngón đàn tài hoa và khổ luyện của Bằng Lăng trong các tác phẩm rất khó của âm nhạc cổ điển Tây phương đã tức khắc chinh phục người nghe.

Trong bộ áo dài màu tím nhạt và tóc xõa ngang vai, Bằng Lăng vừa có phong cách rất nghệ sĩ của một người miệt mài với âm nhạc từ thuở nhỏ tại các trung tâm âm nhạc quan trọng của phương Tây, vừa mang vẻ hồn nhiên dễ thương rất truyền thống của một thiếu nữ Việt Nam. Tiếng đàn của cô, mềm mại du dương hoặc cuồn cuộn như gió táp mưa sa, diễn đạt những tình cảm và tư tưởng âm nhạc vào loại khó nhất của các bậc thầy trong nền âm nhạc cổ điển Tây phương, là kết quả của hơn hai mươi năm miệt mài học tập với một tâm hồn say mê âm nhạc, một đôi tay linh diệu và một đôi tai thính nhạc vào bậc nhất. Nhìn cô đàn trong một cung cách đắm đuối xuất thần, tạo nên các chuỗi âm thanh uốn lượn hoặc một rừng nốt nhạc ào ạt xô giạt, khán giả dù ở trình độ thẩm âm thường thường bậc trung cũng bị lôi cuốn say mê. Nghệ thuật và tài năng chân chính có sức mạnh tự nhiên của nó, bất cứ ở đâu và đối với bất cứ ai.

Nhiều vị khán giả hôm ấy là các nhạc sĩ tên tuổi Việt và Mỹ như Nghiêm Phú Phi, Lê Văn Khoa, Trần Chúc, Cao Thanh Tùng, Louis G. Spisto... đã dành cho Bằng Lăng nhiều lời khen tặng và đánh giá cao.

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi cho rằng: "Bằng Lăng là một nhạc sĩ dương cầm có kỹ thuật cao và phần diễn tả cũng cao. Việt Nam ít người học và tập dương cầm được mức như Bằng Lăng. Nhiều người có năng khiếu nhưng thường bỏ nửa chừng. Một điều tiếc cho buổi trình diễn là cây đàn chưa đúng tiêu chuẩn nên không lột tả hết mực độ trình tấu."

Ông Louis G. Spisto, giám đốc điều hành Pacific Symphony Orchestra, sau buổi trình diễn đã tỏ ra rất xúc động: "Tuyệt vời. Khán giả cũng lý tưởng cho một buổi trình diễn solo như thế. Lần sau, cho chúng tôi biết trước, chúng tôi sẽ tìm được cây đàn xứng đáng với tài nghệ của nhạc sĩ."

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa: "Bằng Lăng đàn rất hay. Tôi và mọi người rất vui mừng trước một tài năng như thế. Nhưng có mấy điều tiếc cho buổi trình diễn này. Cây đàn quá nhỏ không đạt đủ tiêu chuẩn, làm giảm đi nhiều hiệu quả của trình tấu. Chiếc áo dài màu tím sáng, và mái tóc xõa hồn nhiên của người biểu diễn không hợp với không khí một buổi trình tấu nhạc cổ điển Tây phương vốn chuộng màu đen và phong cách trang trọng."

Tất cả mọi người sau buổi trình diễn đều bộc lộ niềm vui sướng cộng đồng Việt Nam có thêm một nhân tài tầm cỡ quốc tế.

Đỗ Bằng Lăng sinh ở Sàigòn năm 1966, được học dương cầm từ năm lên năm tuổi với giáo sư Nguyễn Cầu. Đến Montréal năm 1975, cô tiếp tục học nhạc tại nhạc viện Québec, với sự dìu dắt của các nhạc sĩ Heller và Madeleine Belanger. Cô được nhiều học bổng tu nghiệp ở các nước Âu châu và Bắc Mỹ, hướng dẫn bởi các nhạc sư danh tiếng như Nathalie Pépin (Canada), Monique Dehaussees (Paris), Nikolaeva (Nga), Sebok (Mỹ) Kammerling (Đức)... Cô đã tốt nghiệp cao học, và hiện đang được học bổng theo học bậc tiến sĩ môn dương cầm tại nhạc viện Montréal, Canada. Cô đã đoạt nhiều giải lớn, trong đó có giải Ưu hạng "Les Journées de la Musique Francaise," giải nhất "Stepping Stone International"... đã từng trình tấu ở nhiều nơi trên thế giới, và đây là lần đầu tiên cô xuất hiện tại quận Cam, California.■

TRIỂM LÃM 'THẾ HỆ MỚI'

HÀ TƯỜNG CÁT

"Thế Hệ Mới" là tên của cuộc triển lãm nghệ thuật hiện đại người Mỹ gốc Việt được tổ chức tại trường đại học Fullerton, California từ 10 tháng Tư đến 10 tháng Năm 1994, với trọng tâm thể hiện sự hội nhập của những người di dân vào xã hội và văn hóa Hoa Kỳ.

Trang Nguyễn và Farid Hassan là hai người phụ trách cuộc triển lãm, đã chọn lựa được 10 nghệ sĩ trẻ tiêu biểu và thích hợp nhất với nội dung chủ đề. Đó là Bùi Mẫn, Bùi Thái, Hoàng Tới, Lê Chi, Nguyễn V. Han, Nguyễn Thy, Nguyễn Việt, Darlene Nguyễn-Ely, Phan Đông và Ann Phong.

Ba mươi sáu tác phẩm nghệ thuật được trưng bày biểu hiện rõ nét của từng cá nhân trải qua những phấn đấu và thành công trong quá trình hội nhập vào xã hội mới. Người ta có thể nhận thấy ở đó dấu vết những kỷ niệm cũ nhưng trong nhiều trường hợp khác lại thuần túy là trăn trở của hiện tại hoặc viễn kiến không ám ảnh nào của quá khứ. Chính sự đa dạng đó là đặc điểm của phòng triển lãm "Thế Hệ Mới."

Về hình thức, phương tiện thể hiện nghệ thuật cũng gồm đủ mọi thể loại từ họa phẩm, nhiếp ảnh, điêu khắc, đến hình nổi trên giấy (sculptetching) và kỹ thuật hỗn hợp (mixed media). Tính cách phong phú cũng như trình độ vững vàng của nhóm nghệ sĩ này là điều mà mọi người đều phải nhìn nhận. Do đó cuộc triển lãm "Thế Hệ Mới" chính là chứng tỏ tất yếu khác trong nhiều mặt đáng tự hào về sự hình thành một cộng đồng lớn mạnh của người Việt tại hải ngoại vốn đã là một thực thể từ gần 20 năm nay.

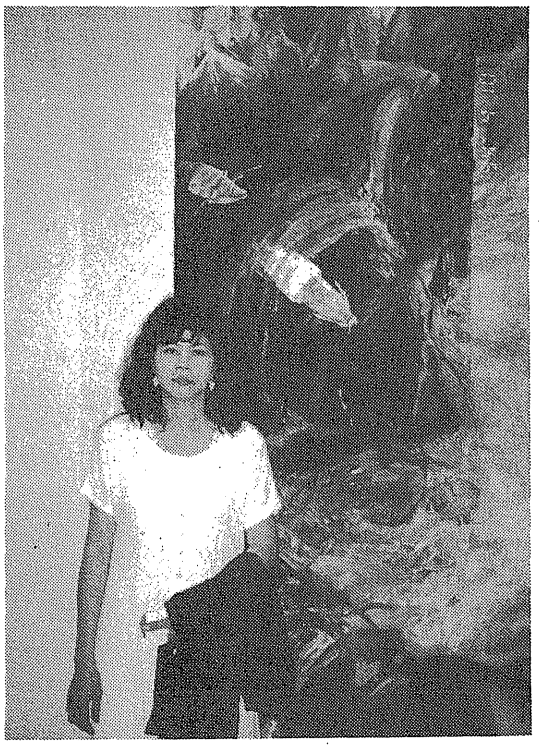

Ann Phong bên họa phẩm sơn dầu "Con Thuyền Trắng", ghi dấu một mảnh hoài niệm của người họa sĩ về quá trình gian khó tìm tự do, dù đó là những điều xảy ra khi cô còn nhỏ.

Được biết vào năm 1995, nhiều tổ chức người Việt tại Mỹ sẽ kỷ niệm 20 năm định cư tị nạn tại Mỹ; đặc biệt Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Vietnamese American Arts and Letters Association -- VAALA) dự trù tổ chức một chương trình triển lãm mỹ thuật quy mô, với sự tham dự của hàng chục hoạ sĩ Việt Nam tại hải ngoại. Từ bốn năm qua, Hội VAALA vẫn tổ chức các cuộc Triển Lãm Mùa Xuân, tại trụ sở của Hội ở thị xã Westminster. Năm 1995, Hội sẽ đưa cuộc triển lãm quy mô tới nhiều tiểu bang khác, để nghệ thuật tạo hình Việt Nam đến với đông đảo quần chúng thưởng ngoạn hơn.

Hy vọng trong các phòng tranh ở quận Cam cũng như San Jose, Houston, Washington DC, v.v...sẽ có sự góp mặt của nhóm hoạ sĩ trẻ "Thế Hệ Mới." ■

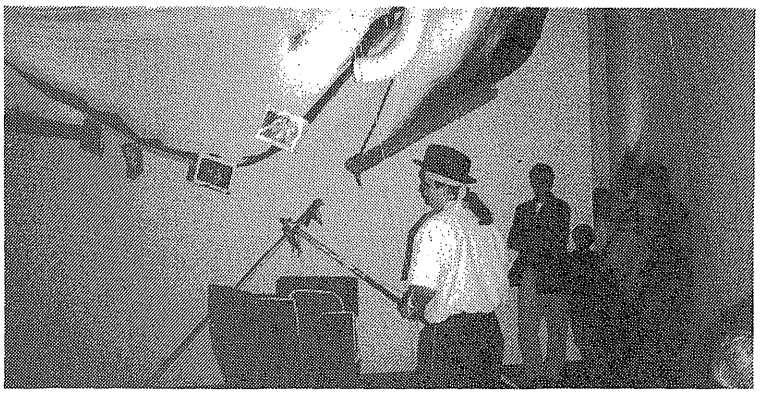

Man Bui biểu diễn dòng cảm hứng của anh qua sáng tác với kỹ thuật hỗn hợp, dùng nhiều chất liệu khác nhau để thể hiện cảm hứng và đề tài, tại phòng triển lãm "Thế Hệ Mới"

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT:** Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM:** Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

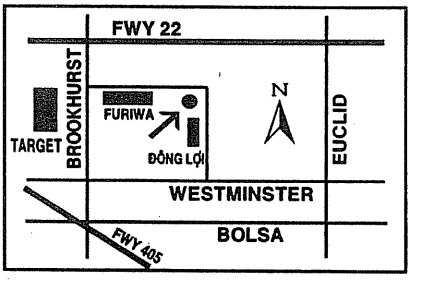

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

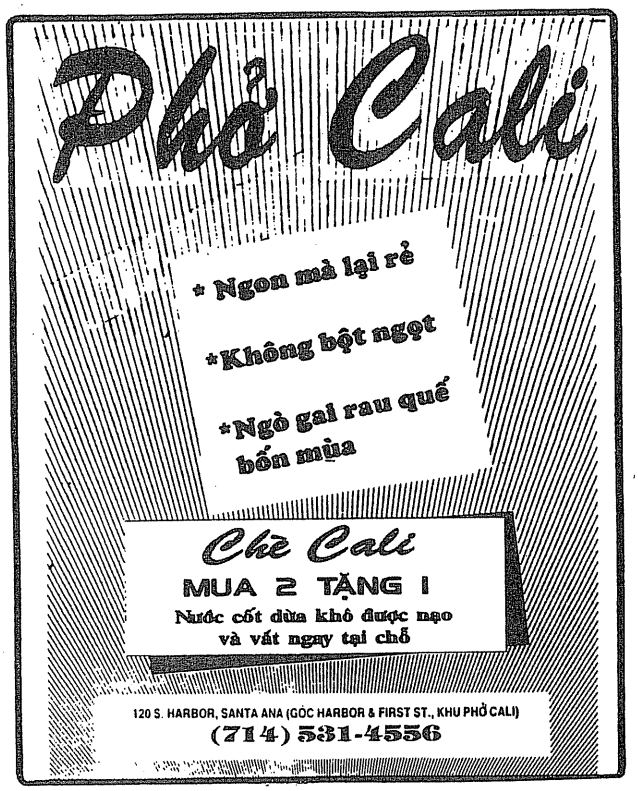

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chênh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bừng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

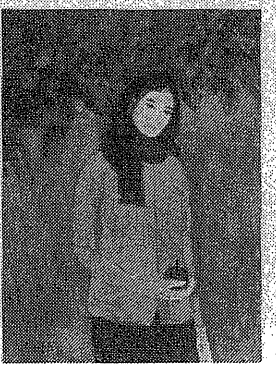

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

PROJECT 20
1976-1995

DỰ ÁN 20:
NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT
HAI MƯƠI NĂM SAU

Chuẩn bị
kỷ niệm 20 năm
sống xa
quê cha đất tổ

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

* Bánh mì thịt nguội
* Bánh mì bì
* Bánh mì chả lụa
* Bánh mì thịt nướng
* Bánh mì nem chua
* Bánh mì xíu mại
* Bánh mì gà rô-ti
* Bánh mì cá mòi

Chè Cali

MUA 2 TẶNG 1

Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ
(MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK
$19.00 + $7 CERT.
VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage sẵng dành cho Quý Vị nào muốn bớt tiền mà sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng nơi, đúng chỗ chứ dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT
(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- ** Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- ** Máy lạnh thổi không ra hơi*
- ** Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- ** Hệ thống lạnh bị xì*
- ** Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- ** Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE
$50.00
EVACUATE EXTRA

THANH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qui khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ăn cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA MasterCard DISCOVER ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."
Tựa của **Trần Hồng Châu**
■ *170 trang. Giá $10.00*

Nửa Đời Nhìn Lại

Truyện của **Tiêu Dao Bảo Cự** (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.

Tựa của **Đặng Tiến**. Bạt của **Hà Sĩ Phu**
■ *340 trang. Giá $14.00*

Thơ Bùi Giáng

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

Giá $8.00

Thư từ và ngân/lệnh phiếu (US$) xin đề THẾ KỶ, và gửi về PO BOX 2054-H39 Westminster CA 92684.
ĐT (714) 894-9021
FAX (714) 894-2752.

Giá: US $ 3.00